

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI
VIỆT NAM
VIETNAM MARITIME COMMERCIAL
JOINT STOCK BANK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No. **4100** /2025/CV-TGD5

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025
Hanoi, day month 04 year 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: *Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức / *Organization name*: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam/ Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank
 - Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: MSB
 - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang Thuong Ward, Dong Da district, Hanoi, Vietnam
 - Điện thoại/ *Telephone*: 024-37718989
 - Fax: 024-37718899

2. Nội dung công bố thông tin/ Content of Information disclosure:

Công bố Báo cáo thường niên 2024 /Information disclosure on Annual Report 2024

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/04/2025 tại đường dẫn <https://www.msb.com.vn/vi/nha-dau-tu.html> This information was published on the company's website on .../04/2025, as in the link <https://www.msb.com.vn/vi/nha-dau-tu.html>

Tài liệu đính kèm/
Attachment: 
Annual Report 2024

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Party authorized to disclose information



TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HOÀNG LINH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM
(MSB)**

GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

TIỀN BƯỚC TƯƠNG LAI



“2024 là năm của nhiều thử thách. Duy trì tăng trưởng trong điều kiện thị trường biến động là kết quả của quá trình MSB kiên định theo đuổi các giá trị bền vững, đồng thời cũng là sự vun đắp cho hành trình xây dựng, nối dài những giá trị đó cho khách hàng, cổ đông, đối tác, cán bộ nhân viên và cộng đồng. Dựa trên nền tảng vững chắc, chúng tôi tin tưởng rằng MSB sẽ tiếp tục phát huy vị thế và vai trò là bạn đồng hành tin cậy - đối tác uy tín - tổ chức hạnh phúc mang đến những lợi ích thiết thực, mở ra cơ hội tiến tới một tương lai tươi sáng và thịnh vượng hơn.”

- Ông Trần Anh Tuấn, Chủ tịch Hội đồng Quản trị MsSB -

MỤC LỤC

A. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

1	Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1
2	Thông điệp của Tổng Giám đốc	4

B. THÔNG TIN CHUNG VỀ MSB

1	Thông tin khái quát	7
2	Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, định hướng phát triển	8
3	Quá trình hình thành và phát triển	13
4	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	16
5	Thông tin về cổ đông và cổ phiếu MSB	21

C. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1	Bối cảnh kinh tế vĩ mô	25
2	Những sự kiện nổi bật của năm 2024	31
3	Hành trình vươn tới Top đầu các ngân hàng tư nhân	33
4	Báo cáo và đánh giá của Hội đồng Điều hành	41
5	Tình hình hoạt động của các mảng kinh doanh cốt lõi	55
6	Quản trị rủi ro để kiến tạo giá trị bền vững	81
7	Tổ chức và nhân sự	84
8	Hoạt động phát triển văn hóa	100
9	Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	105
10	Báo cáo tác động liên quan tới môi trường và xã hội MSB	119
11	Hoạt động xã hội	137
12	Hoạt động của công ty con	143

D. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2024

1	Môi trường kinh doanh – Cơ hội và thách thức	144
2	Chiến lược phát triển	145
3	Các mục tiêu tài chính	148

E. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

- | | | |
|---|---|-----|
| 1 | Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Ngân hàng | 150 |
| 2 | Đánh giá về hoạt động của Hội đồng Điều hành | 151 |
| 3 | Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị | 152 |

F. QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

- | | | |
|---|--|-----|
| 1 | Tổng quan về quản trị Ngân hàng | 154 |
| 2 | Hoạt động quan hệ nhà đầu tư | 154 |
| 3 | Giới thiệu Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Hội đồng Điều hành | 157 |
| 4 | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Hội đồng Điều hành và Ban Kiểm soát | 181 |

G. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG 184

H. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2024

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

HDQT	Hội đồng Quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
CAGR	Tỉ lệ tăng trưởng kép
CAR	Hệ số an toàn vốn
CASA	Tiền gửi không kì hạn
CCTG	Chứng chỉ tiền gửi
CIR	Tỷ lệ chi phí trên thu nhập
Core Banking	Ngân hàng lõi
DEG	Định chế tài chính phát triển thuộc Ngân hàng Tái thiết KFW của Đức
Digi-Lending	Vay vốn kĩ thuật số
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ECB	Ngân hàng Trung ương Châu Âu
ECM	Quản lý nội dung doanh nghiệp
ESG	Môi trường – Xã hội – Quản trị
ESMS	Hệ thống quản lý môi trường và xã hội
Fed	Cục dự trữ Liên bang Mỹ
FI	Ngân hàng Định chế Tài chính
FMO	Ngân hàng Phát triển doanh nghiệp Hà Lan
GTCG	Giấy tờ có giá
HĐDH	Hội đồng Điều hành
HOSE	Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
HNX	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
IAM	Quản lý danh tính và truy cập
IFC	Tổ chức tài chính quốc tế
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
Internet Banking	Ngân hàng điện tử
LC (Letter of Credit)	Hình thức thanh toán quốc tế tín dụng thư
LDR	Tỷ lệ cho vay trên huy động
Lowcode platform	Nền tảng phát triển mã nguồn thấp
Mobile Banking	Ngân hàng điện tử trên điện thoại
MTLT	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn

NIM	Biên lãi ròng
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NSNN	Ngân sách Nhà nước
NPL	Tỉ lệ nợ xấu
PTBV	Phát triển bền vững
QLDTNH	Quản lý dự trữ ngoại hối
ROAA	Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản bình quân (trong 12 tháng)
ROAE	Tỷ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (trong 12 tháng)
RPA	Tự động hóa quy trình bằng robot
Single API Platform	Nền tảng giao diện lập trình ứng dụng đơn
SME/SMEs	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
TCTD	Tổ chức tín dụng
TFC	Công ty CP Tài chính Dệt may
TKTT	Tài khoản thanh toán
TOI	Tổng thu nhập hoạt động
TTR (Telegraphic Transfer Reimbursement)	Chuyển tiền bằng điện có bồi hoàn
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSDC	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

A. THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC



Kính thưa Quý vị Cổ đông,

Năm 2024 khép lại với những dấu ấn nổi bật, không chỉ được phản ánh qua các chỉ số tài chính tăng trưởng tích cực mà còn ở những mục tiêu phi tài chính hướng tới môi trường – xã hội, phát triển bền vững. Những thành tựu này là minh chứng cho sự đúng đắn về chiến lược dài hạn của chúng tôi, đồng thời khẳng định cam kết cao của Ngân hàng trong việc hiện thực hóa các mục tiêu về môi trường – xã hội – quản trị doanh nghiệp. Với sự đồng hành của các cổ đông, khách hàng, đối tác, tiếp sức bởi nỗ lực không ngừng của toàn thể gần 7.000 cán bộ nhân viên MSB, chúng tôi tin tưởng sẽ tạo nên những bước tiến nổi bật trong hành trình kiến tạo một tương lai bền vững, phát triển ngân hàng trở thành một định chế tài chính hàng đầu trong khu vực.

Một trong những dấu ấn quan trọng của MSB trong năm 2024 là việc hoàn thành chuyển đổi hệ thống ngân hàng lõi từ BDS Silverlake sang T24 Transact – nền tảng ngân hàng lõi hiện đại hàng đầu, được thiết kế để hỗ trợ MSB trở thành ngân hàng số tiên phong tại Việt Nam. Đây là một trong những dự án công nghệ lớn và phức tạp nhất từ trước đến nay mà MSB quyết định đầu tư.

Song song đó, cùng với sự hỗ trợ từ các đơn vị tư vấn hàng đầu thế giới như McKinsey, BCG, MSB tiếp tục triển khai quyết liệt nhiều dự án chuyển đổi lớn như Nhà máy số, Magnet & Digital Marketing (tiếp thị số), chuyển đổi dữ liệu doanh nghiệp, quản trị rủi ro luồng phê duyệt thẳng... Các dự án sẽ tạo nền tảng vững chắc cho MSB trong việc cải thiện quy trình vận hành, giảm thiểu chi phí và mở ra cơ hội để phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính số hóa; từ đó gia tăng sự hài lòng và mở rộng tệp khách hàng, nâng cao hiệu quả kinh doanh đồng thời hiện thực hóa mục tiêu tài chính toàn diện mà chúng tôi đang theo đuổi.

MSB xác định phát triển bền vững là tôn chỉ hoạt động, luôn cân nhắc các ảnh hưởng mà hoạt động kinh doanh của ngân hàng tác động tới xã hội và môi trường. Ngân hàng đã triển khai các thông lệ phát triển bền vững bắt đầu từ việc tích hợp các tiêu chuẩn ESG (Môi trường, Xã hội, Quản trị) vào hoạt động ngân hàng. Bắt đầu bằng việc đưa quản trị rủi ro môi trường - xã hội vào quy trình phê duyệt tín dụng, luân chuyển nguồn vốn hỗ trợ chuyển đổi xanh từ thị trường quốc tế về Việt Nam, thiết lập tiêu chí phân loại “xanh” cho khách hàng/dự án, xây dựng năng lực đội ngũ cán bộ về phát triển bền vững và phát triển các sản phẩm tài chính xanh, MSB cam kết giảm thiểu

tác động tiêu cực đến môi trường và đóng góp vào mục tiêu của Chính phủ Việt Nam về việc đưa mức phát thải ròng carbon về 0 vào năm 2050.

Chúng tôi cũng đã triển khai các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, tập trung vào việc phát triển các sản phẩm tài chính phù hợp với nhu cầu của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. MSB luôn đặt lên hàng đầu các cam kết về trách nhiệm xã hội, bảo vệ quyền lợi của khách hàng, hiệu suất đầu tư của cổ đông và tối ưu hóa giá trị cùng đối tác.

Nhìn lại chặng đường 5 năm vừa qua, Ngân hàng đã đẩy mạnh số hóa, bám sát nguyên tắc quản trị tài chính chặt chẽ, luôn linh hoạt trong việc điều chỉnh các hoạt động kinh doanh và các biện pháp kiểm soát rủi ro hiệu quả; kết quả kinh doanh của MSB liên tục có những mức tăng trưởng đáng ghi nhận. Tổng tài sản của Ngân hàng đã cán mốc trên 320.000 tỷ đồng, tăng hơn 1,8 lần so với 2020, và gần 20% so với năm 2023, đưa mức tăng trưởng kép hàng năm chạm ngưỡng 16,02% với động lực chính đến từ tăng trưởng cho vay khách hàng. Tăng trưởng kép về cho vay khách hàng giai đoạn 2020-2024 ở mức 22,13%, mức tăng trưởng tổng tín dụng của năm 2024 đạt 18,25% cho riêng mảng ngân hàng, cao hơn mức trung bình ngành (khoảng hơn 15%). Tổng thu nhập hoạt động của MSB tăng trưởng đột phá giai đoạn 2020 – 2024 khi tổng thu nhập hoạt động (TOI) năm 2024 tăng gần 2 lần so với năm 2020. Tăng trưởng kép hàng năm cho cả giai đoạn 5 năm này đạt trên 18,62% với tỷ trọng thu nhập lãi thuần chiếm đa số, khoảng 70% trên tổng TOI. Cùng với đó, lợi nhuận trước thuế của MSB cũng có những bước tăng trưởng mạnh mẽ khi đạt gần 6.904 tỷ đồng, tăng hơn 18% so với năm 2023 và vượt mục tiêu Đại hội đồng cổ đông giao. Con số lợi nhuận này cũng tăng gấp hơn 2,73 lần so với 2020, đưa mức tăng trưởng kép hàng năm giai đoạn này lên trên mức 28,61%.

Năm qua, MSB cũng đạt được một cột mốc quan trọng khi tăng vốn điều lệ lên 26.000 tỷ đồng. Đây là bước tiến giúp Ngân hàng củng cố năng lực tài chính, mở rộng quy mô và nâng cao khả năng cạnh tranh. Việc tái đầu tư từ nguồn lợi nhuận không chỉ giúp Ngân hàng vững vàng đối mặt với những biến động của thị trường mà còn thể hiện sự tin tưởng của cổ đông vào tương lai tiềm năng của MSB.

Năm 2025 được dự đoán sẽ tiếp tục là một năm khó đoán định với nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Trên cơ sở cân đối điều kiện thị trường, năng lực nội tại, kế hoạch 2025 được Ngân hàng đưa ra tương đối tích cực so với mặt bằng chung thị trường. MSB tiếp tục tập trung vào các chiến lược trọng yếu nhằm duy trì đà phát triển bền vững và nâng cao vị thế cạnh tranh của Ngân hàng trong ngành tài chính. Chúng tôi sẽ đẩy mạnh các chương trình chuyển đổi số, hoàn thiện nền tảng công nghệ để nâng cao trải nghiệm khách hàng, gia tăng hiệu suất làm việc của cán bộ nhân viên, đồng thời triển khai các sản phẩm, dịch vụ tài chính sáng tạo, phù hợp với xu thế mới của thị trường.

MSB cũng sẽ tiếp tục củng cố công tác quản trị rủi ro, cân đối vốn và tài sản, đồng thời đảm bảo các thông lệ về ESG được áp dụng và triển khai rộng rãi trong tất cả các hoạt động ngân hàng. Các chương trình phát triển xanh, hỗ trợ cộng đồng và thúc đẩy các hoạt động tài chính bền vững sẽ là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển của chúng tôi trong những năm tiếp theo.

Với sự nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ nhân viên, sự ủng hộ của cổ đông và khách hàng, chúng tôi tin tưởng rằng MSB sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, mang đến những giá trị bền vững và đóng góp tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế, sự thịnh vượng của cộng đồng.

Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Đối tác và toàn thể Cán bộ nhân viên của MSB đã luôn đồng hành và tin tưởng vào sự phát triển của Ngân hàng. Sự ủng hộ và đóng góp của Quý vị chính là nguồn động lực lớn lao để MSB tiếp tục tiến bước, khẳng định vị thế và thực hiện cam kết phát triển bền vững trong mọi hoạt động.

Trân trọng,

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Trần Anh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

2. Thông điệp của Tổng Giám đốc



Kính thưa Quý Khách hàng, Đối tác và Cổ đông,

Năm 2024, dù nền kinh tế Việt Nam trải qua chuỗi những biến động khó đoán định cả về nội tại và bên ngoài, nhưng với tiềm lực vững vàng, MSB vẫn tìm thấy những cơ hội trong gian khó. Vượt lên chông gai, đối mặt với những diễn biến chưa từng có tiền lệ, Ngân hàng tiếp tục ghi dấu ấn một năm kinh doanh thành công, duy trì đà tăng trưởng tích cực và tạo nên nhiều điểm sáng trong bức tranh tổng thể hoạt động.

Về kết quả kinh doanh, kết thúc năm tài chính, tổng thu nhập hoạt động (TOI) hợp nhất đạt 14.218 tỷ đồng, tăng gần 16% so với cùng kỳ. Trong đó, thu nhập lãi thuần tăng hơn 11,5% so với năm trước, đạt trên 10.200 tỷ đồng. Thu nhập ngoài lãi/tổng thu nhập giữ tỷ trọng hiệu quả với tỷ lệ gần 28%, phân bổ chính cho hoạt động dịch vụ và kinh doanh ngoại hối. Điều này thể hiện rõ nét những nỗ lực của Ngân hàng trong việc điều chỉnh cơ cấu thu nhập theo chiều hướng bền vững hơn, giảm áp lực lên tín dụng, đồng thời thúc đẩy hơn nữa khả năng sinh lời trên những mảng hoạt động mà MSB có sẵn thế mạnh.

Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng có sự tăng trưởng tốt từ huy động khi tiền gửi của khách hàng tại thời điểm cuối năm đạt trên 154.600 tỷ đồng, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng trưởng này là kết quả của các dự án số hóa, chính sách linh hoạt trong phát triển sản phẩm. Bám sát chiến lược đa dạng hóa nguồn huy động đồng thời đảm bảo hiệu quả chi phí vốn song song quản trị rủi ro, ngân hàng có trên 50% nguồn vốn tiền gửi kỳ hạn đến từ khách hàng cá nhân, gần 70% tiền gửi không kỳ hạn đến từ cá nhân và SME – tệp khách hàng chiến lược của MSB và có tính “bền vững” cao. Từ cơ sở đó, MSB có được nền tảng tốt hơn để phát triển tín dụng. Dư nợ cho vay khách hàng đạt 176.493 tỷ đồng, riêng tăng trưởng tín dụng ngân hàng mẹ đạt 18,25%, cao hơn 20% so với mức trung bình 15,08% toàn ngành. Đây cũng là một trong những động lực nâng tổng tài sản của MSB lên mốc gần 320.148 tỷ đồng tại 31/12/2024, tăng xấp xỉ 20% so với cuối năm 2023.

Gắn với chiến lược ngân hàng thấu hiểu khách hàng, trên cơ sở tệp khách hàng không ngừng mở rộng, trong năm 2024, MSB đã duy trì tỷ lệ CASA ở mức 26,42%, cao thứ 4 trên thị trường ngân hàng. Đây là nền tảng góp phần giữ biên lãi ròng (NIM) của Ngân hàng ở mức hiệu quả - 3,57% khi lãi suất đầu vào tăng theo các nhịp biến động của thị trường quốc tế.

Kết thúc năm tài chính, MSB đạt hơn 6.904 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế lũy kế, tăng hơn 18% so với năm 2023, vượt kế hoạch đề ra ở mức 6.800 tỷ đồng đã cam kết với cổ đông. Số lượng khách hàng cán mốc 6,2 triệu.

Để duy trì sự tăng trưởng ổn định, quản trị rủi ro được xem là yếu tố then chốt. Ngân hàng tập trung củng cố sức mạnh bằng cân đối, gia tăng nền tảng vững chắc từ hoạt động cho vay khách hàng cá nhân, đồng thời rà soát chặt chẽ và ưu tiên cấp tín dụng cho những lĩnh vực có biến động thấp và các khoản vay có tài sản bảo đảm. Các chỉ số an toàn hoạt động được MSB tuân thủ chặt chẽ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Cụ thể, hệ số an toàn vốn (CAR) hợp nhất theo Basel II của MSB đạt mức 12,31%, cao hơn mức yêu cầu của Thông tư 41/2016/TT-NHNN tương ứng 8%, tỷ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR) là 72,24% tại 31/12/2024, tuân thủ mức trần 80% theo quy định của NHNN. Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn (MTLT) ở mức 28,27%. Trong môi trường tiềm ẩn nhiều rủi ro, MSB đã kiểm soát chặt chẽ nợ xấu, đưa tỷ lệ NPL riêng lẻ và hợp nhất giảm xuống mức lần lượt là 1,83% và 1,9%.

Kiên định với mục tiêu phát triển bền vững, gắn hoạt động kinh doanh với bảo vệ môi trường, trong năm 2024, MSB tiếp tục triển khai mục tiêu xây dựng ngân hàng xanh trên cơ sở chú trọng quản trị rủi ro, quản trị doanh nghiệp. Ngân hàng đã ban hành danh mục phân loại xanh nhằm hỗ trợ hoạt động cấp tín dụng, là căn cứ để định hướng các chương trình, sản phẩm tài chính xanh, từ đó, tăng tỷ trọng tài sản xanh trên bảng cân đối của Ngân hàng. Hoạt động này của MSB đồng thời thể hiện sự chung tay trong việc thúc đẩy thị trường tài chính xanh vận hành hiệu quả, song song đó là bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu, hướng tới mục tiêu giảm phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Từ hiệu quả hoạt động và sự đáp ứng vượt kì vọng người dùng trên nền tảng là sản phẩm – dịch vụ thuận ích, cùng chiến lược phát triển bền vững có tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị vào hoạt động kinh doanh, MSB đã được vinh danh bởi nhiều tổ chức uy tín trong và ngoài nước qua chuỗi giải thưởng như: "Ngân hàng thực thi ESG tốt nhất Việt Nam 2024" (Best Bank for ESG) do Tạp chí Euromoney bình chọn, lọt top 500 công ty lớn nhất xét trên tổng doanh thu theo xếp hạng Fortune Southeast Asia, "Top Value Banking Award" do Mastercard trao tặng, "TOP 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam" năm 2024 theo công bố từ Tạp chí Nhịp cầu đầu tư...

Có thể thấy rằng, những điểm sáng trong năm 2024 là kết quả của quá trình vun đắp nền tảng vững chắc, công cuộc đầu tư bài bản và được củng cố bằng sự sáng tạo, linh hoạt kết hợp với kinh nghiệm trong vận hành, triển khai. Giai đoạn khó khăn cũng chính là bài kiểm tra cho thấy sức chống chịu và khả năng ứng biến linh hoạt của MSB, từ đó đúc rút ra những bài học kinh nghiệm, tinh chỉnh sản phẩm – dịch vụ và quy trình để phù hợp và hiệu quả hơn. Tất cả những điều này tạo cơ sở quan trọng để MSB tiếp bước vào năm 2025 với niềm tin về một tương lai lạc quan và tươi sáng hơn, tiếp tục con đường kiến tạo giá trị và “vươn tầm” cùng khách hàng, cổ đông, đối tác và cộng đồng.

Dù còn nhiều biến động và thách thức phía trước, MSB vẫn đặt ra mục tiêu tích cực trong tăng trưởng kinh doanh dự kiến năm 2025, như tổng tài sản đạt 350.000 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2024; dư nợ tín dụng đạt 212.000 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2024; lợi nhuận trước thuế đạt 8.000 tỷ đồng, tăng 16% so với năm trước; tiếp tục kiểm soát nợ xấu dưới 3%. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng dự kiến tăng vốn điều lệ lên 31.200 tỷ đồng để phù hợp với sự tăng trưởng quy mô.

Bước sang năm 2025, MSB đã sẵn sàng bước sang một giai đoạn phát triển cao hơn cả về “chất” và “lượng”, thể hiện rõ nét sứ mệnh “vì một cuộc sống thuận ích hơn”, dựa trên những giá trị bền vững đã được kiến tạo bền bỉ qua nhiều năm. Với khát vọng đó, MSB sẽ tiếp tục tìm kiếm những động lực tăng trưởng mới, biến khó khăn thành cơ hội, tiên phong tạo ra những sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, mang đến sự thuận tiện và lợi ích hài hòa.

MSB hi vọng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ, đồng hành từ Quý khách hàng, đối tác và cổ đông. Kính chúc Quý vị sức khỏe, thành công và hạnh phúc!

Trân trọng!



Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

B. THÔNG TIN CHUNG VỀ MSB

1. Thông tin khái quát



- Tên giao dịch:
 - Tên tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM
 - Tên tiếng Anh: VIETNAM MARITIME COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
 - Tên giao dịch: MSB
 - Tên viết tắt: MSB
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200124891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2005 (chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055501 do Trọng tài kinh tế (nay là Sở Kế hoạch và Đầu tư) thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/3/1992); đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 13/01/2023.
- Vốn điều lệ: 26.000.000.000.000 đồng
Bằng chữ: Hai mươi sáu nghìn tỷ đồng.
Vốn điều lệ mới căn cứ trên Quyết định số 2238/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngày 08/10/2024 v/v sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

- Địa chỉ Hội sở chính: Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (024) 3771 8989
- Số fax: (024) 3771 8899
- Website: www.msb.com.vn
- Mã cổ phiếu: MSB
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ tài chính, tiền tệ, ngân hàng.
- Địa bàn kinh doanh: Tính đến 31/12/2024, MSB có 260 chi nhánh và phòng giao dịch trải dài trên 51 tỉnh/thành phố của cả nước. Các thị trường cốt lõi của Ngân hàng bao gồm Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh với tỷ trọng về tiền gửi và cho vay chiếm lần lượt là 49% - 58% với Hà Nội và 20% - 22% với Thành phố Hồ Chí Minh. Hà Nội là thị trường kinh doanh cốt lõi đem lại 67% tổng doanh thu của MSB.

2. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, định hướng phát triển

2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

Tầm nhìn:

Trở thành ngân hàng ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ

Sứ mệnh:

Vì một cuộc sống thuận ích hơn

Giá trị cốt lõi:

- **Trọng khách:** Người MSB đặt khách hàng làm trọng tâm trong mọi suy nghĩ và hành động.
- **Sáng tạo:** Người MSB liên tục cải tiến, cởi mở với sự thay đổi và thúc đẩy ý tưởng mới.
- **Trách nhiệm:** Người MSB cam kết làm đúng, làm đủ, làm đến cùng, vì mục tiêu chung.
- **Hiệu quả:** Người MSB chú trọng mục tiêu và quyết liệt tạo ra các giá trị.
- **Nhân văn:** Người MSB đề cao con người, nỗ lực xây dựng một môi

2.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn, các mục tiêu phát triển bền vững



Về bối cảnh kinh tế vĩ mô, trong năm 2024, tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức ổn định, nhưng áp lực lạm phát, chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước và xu hướng hội nhập tài chính quốc tế đang đặt ra những thách thức và cơ hội mới. Chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng diễn ra mạnh mẽ, thúc đẩy sự cạnh tranh giữa các ngân hàng truyền thống và các công ty fintech. Bên cạnh đó, yêu cầu về quản trị rủi ro, tuân thủ chuẩn mực quốc tế (Basel II, Basel III) và phát triển bền vững (ESG) ngày càng được chú trọng. Trong bối cảnh này, MSB cần một chiến lược linh hoạt, vừa tận dụng được cơ hội từ thị trường, công nghệ và nhu cầu tài chính đang gia tăng, vừa đảm bảo tăng trưởng an toàn, bền vững trong dài hạn.

Việc hoạch định chiến lược bao gồm các mục tiêu ngắn hạn, đồng thời có tầm nhìn trung và dài hạn, đảm bảo khả năng thích ứng với công nghệ, xu hướng và bối cảnh chung.

Với mục tiêu ngắn hạn

Ngân hàng tập trung củng cố nền tảng hoạt động, mở rộng thị phần và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Các ưu tiên bao gồm đẩy mạnh chuyển đổi số, tối ưu hóa danh mục sản phẩm và nâng cao

trải nghiệm khách hàng, đồng thời tăng cường quản trị rủi ro và nâng cao năng lực vận hành. Cụ thể như sau:

- Tăng trưởng quy mô khách hàng (ưu tiên khách hàng cá nhân và SME); thực hiện các chương trình ưu đãi hấp dẫn để thu hút khách hàng mới và các chương trình được cá nhân hóa nhằm gia tăng lợi ích từ khách hàng thân thiết.
- Phát triển thêm các tính năng ngân hàng số và tích hợp các nền tảng thanh toán, ví điện tử...
- Đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua ứng dụng AI và Big Data, cải thiện quy trình tín dụng và tăng cường bảo mật thông tin khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro.

Với mục tiêu trung hạn

MSB sẽ tập trung mở rộng hệ sinh thái tài chính, đẩy mạnh số hóa toàn diện và tối ưu hóa mô hình kinh doanh, hướng đến nâng cao lợi thế cạnh tranh. Cụ thể:

- Tăng trưởng lợi nhuận bền vững và mở rộng hệ sinh thái tài chính: Hợp tác với công ty fintech, bảo hiểm, chứng khoán để cung cấp các dịch vụ tích hợp (tài khoản đầu tư, bảo hiểm số, tiết kiệm linh hoạt).
- Phát triển nền tảng "Super App" – siêu ứng dụng cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng, giúp gắn kết khách hàng với các giải pháp loyalty đặc biệt.
- Ứng dụng các giải pháp mới trong giao dịch tài chính và thanh toán quốc tế.

Với mục tiêu dài hạn

MSB định hướng trở thành một trong những ngân hàng dẫn đầu tại Việt Nam và mở rộng ra thị trường quốc tế. Trọng tâm của chiến lược dài hạn là phát triển ngân hàng số thế hệ mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến và mở rộng hệ sinh thái tài chính theo tiêu chuẩn quốc tế. Đồng thời, “xanh hóa” ngân hàng tiếp tục được xác lập là mục tiêu mũi nhọn, áp dụng mạnh mẽ các tiêu chí các tiêu chí môi trường – xã hội vào quản trị. Đây cũng là cơ sở để nâng cao uy tín, năng lực tài chính cũng như mở rộng hợp tác chiến lược để khẳng định vị thế vững chắc trong khu vực và toàn cầu. Cụ thể:

- Phát triển ngân hàng số toàn diện, cung cấp sản phẩm, dịch vụ đa kênh, đa khu vực.
- Tăng cường kết nối với hệ thống thanh toán quốc tế và phát triển dịch vụ kiều hối cho khách hàng Việt Nam ở nước ngoài.
- Lan tỏa hình ảnh MSB ra thị trường quốc tế thông qua hợp tác với các đối tác chiến lược.

- 
- PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

11

Trong ngắn hạn

Ngân hàng đang từng bước hợp tác với các tổ chức kinh nghiệm quốc tế để:

- Gia tăng tỷ trọng nguồn vốn và tín dụng xanh trên bảng cân đối
- Hoàn thiện các công cụ quản lý rủi ro môi trường – xã hội
- Xây dựng chiến lược kinh doanh có tích hợp tiêu chí phát triển bền vững trung và dài hạn
- Nâng cao năng lực và nhận thức của toàn bộ cán bộ nhân viên về phát triển bền vững
- Tìm kiếm đối tác phù hợp, các nguồn lực hợp tác nhằm hỗ trợ Ngân hàng trong toàn bộ tiến trình chuyển đổi xanh và triển khai các ý tưởng, sáng kiến hướng tới phát triển bền vững

Về trung hạn

Ngân hàng có kế hoạch hướng tới:

- Nghiên cứu, triển khai, theo dõi sát sao các kết quả đạt được để điều chỉnh phù hợp các chiến lược kinh doanh trung và dài hạn phù hợp với xu thế phát triển bền vững của thị trường trong nước và quốc tế
- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm tín dụng xanh, tín dụng hướng tới phát triển bền vững để mở rộng danh mục sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng, nền kinh tế... trong lĩnh vực này
- Xây dựng nguồn lực và nền tảng nhằm tính toán rủi ro biến đổi khí hậu tác động đến hoạt động ngân hàng, trên cơ sở đó có các biện pháp thích ứng biến đổi khí hậu theo chuẩn quốc tế
- Hoàn thiện các công cụ, mô hình tổ chức chuyên môn hóa và năng lực nhằm phát hành các báo cáo theo chuẩn quốc tế trong công tác công bố thông tin, đặc biệt đối với các yếu tố môi trường, xã hội, biến đổi khí hậu...

Về dài hạn

Với định hướng là ngân hàng tiên phong trong hoạt động phát triển bền vững, MSB sẽ chủ động hướng tới các mục tiêu tham vọng, trong đó chú trọng các ý tưởng sau:

- Đưa các giải pháp toàn diện về tài chính hỗ trợ khách hàng dịch chuyển “xanh” và “bền vững”, hướng đến vị thế top đầu các ngân hàng cung cấp giải pháp này trên thị trường Việt Nam thông qua các sản phẩm mang quy mô ngoài thị trường Việt Nam
- Phổ cập dịch vụ ngân hàng theo định hướng tài chính toàn diện, thực thi các trách nhiệm xã hội mang tính dài hạn

- Hướng tới phát thải ròng carbon bằng 0 trong hoạt động nội bộ trước khi thực hiện mục tiêu này với danh mục nhà cung cấp và khách hàng tín dụng, theo đúng định hướng năm 2050 của Chính phủ Việt Nam

Quá trình này sẽ nâng cao hình ảnh MSB với vai trò ngân hàng tiên phong trong hoạt động phát triển bền vững. MSB sẽ nỗ lực thực thi sứ mệnh mà Ngân hàng đã cam kết đồng hành cùng Chính phủ trong kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu, đóng góp để gìn giữ một tương lai tươi sáng cho thế hệ tương lai, đảm bảo lợi ích với các bên liên quan dựa trên nguyên tắc Minh bạch - Công bằng - Nhân văn.

Về quản trị nội bộ, MSB chú trọng tạo lập cho cán bộ nhân viên môi trường làm việc lý tưởng, hướng đến lối sống xanh, giúp mỗi cá nhân kiến tạo và nâng tầm sự nghiệp, tạo lập cuộc sống hạnh phúc.

Tựu trung, MSB luôn giữ vững cam kết đối với cơ quan quản lý, khách hàng, đối tác, cán bộ nhân viên và nhà đầu tư, cụ thể:

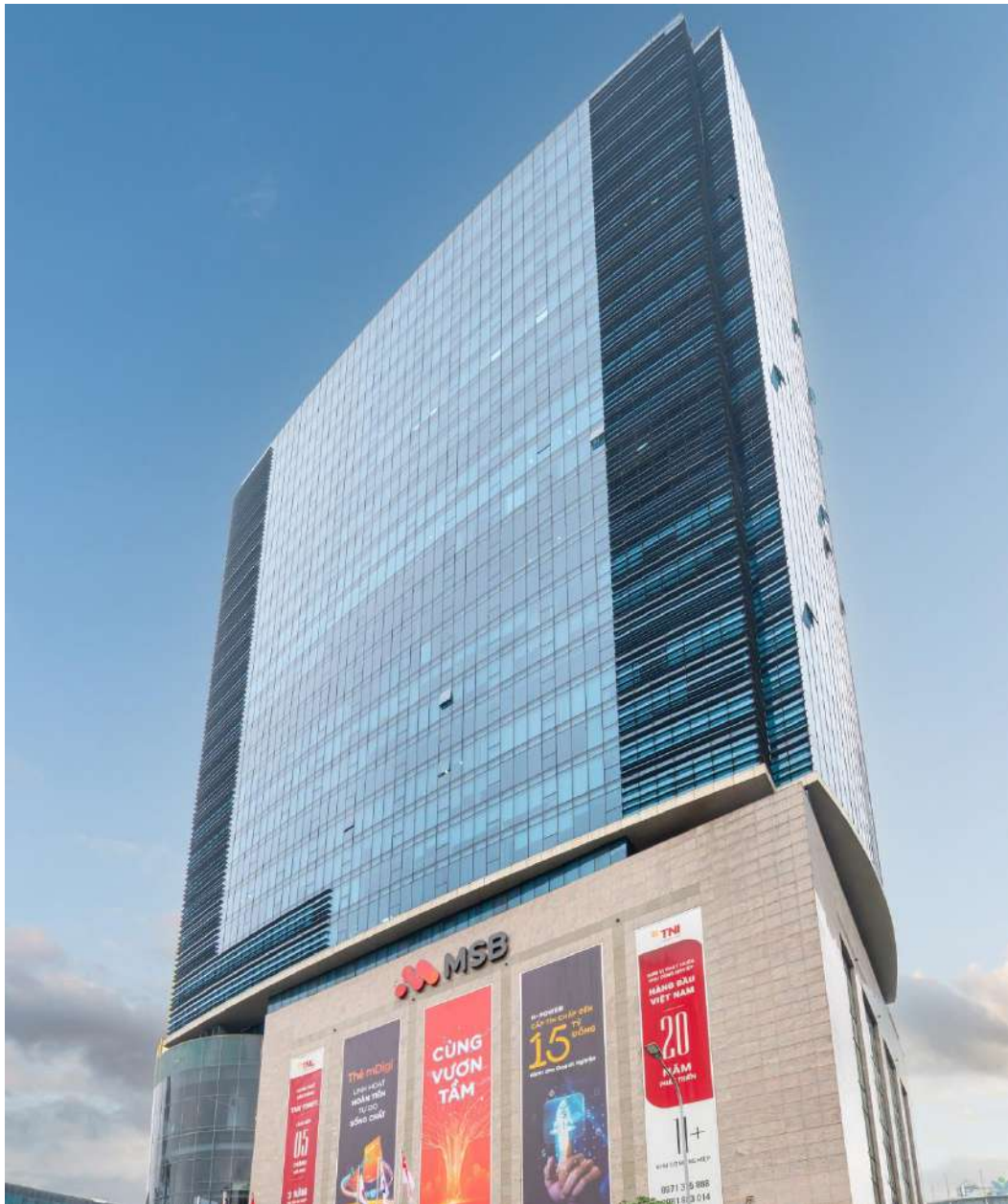


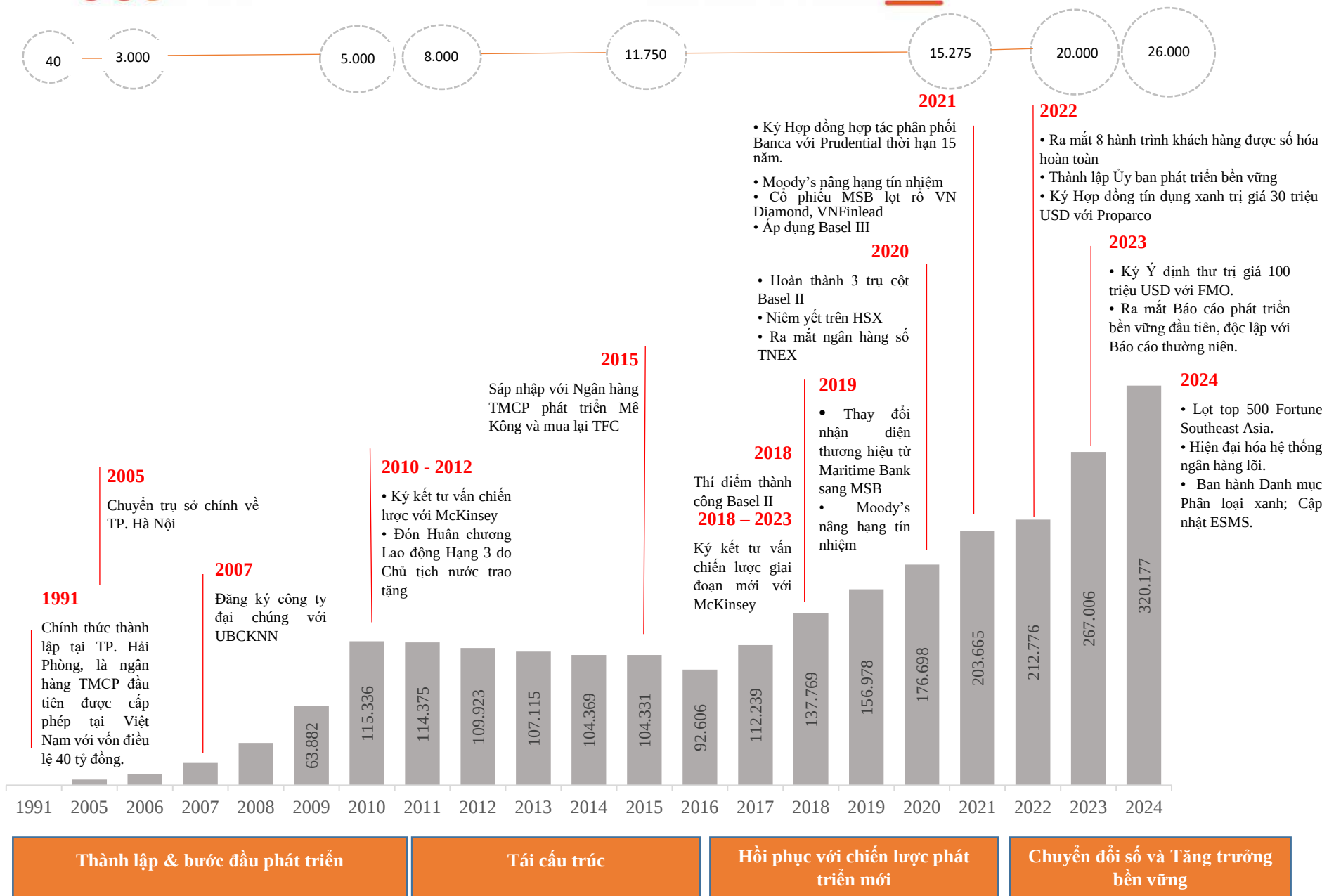
3. Quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) thành lập năm 1991 tại thành phố Hải Phòng. Là ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên tại Việt Nam, MSB tiên phong trong công tác hiện đại hóa, áp dụng công nghệ vào các dịch vụ và hoạt động ngân hàng. Trải qua gần 34 năm xây dựng và chuyển đổi, với quy mô vốn điều lệ 26.000 tỷ đồng cùng đội ngũ gần 6.700 cán bộ nhân viên trình độ cao, MSB đã phát triển, trở thành một trong những ngân hàng uy tín tại Việt Nam, là kênh

trung chuyên vốn hiệu quả và cung cấp toàn diện các giải pháp tài chính ngân hàng cho mọi đối tượng khách hàng trong nền kinh tế.

Từ năm 2022, để thích nghi với diễn biến của thị trường, MSB bước vào một giai đoạn phát triển mới ưu tiên số hóa và tăng trưởng bền vững. Chuyển đổi số được đánh giá là động lực tăng trưởng của Ngân hàng, kênh chính để thu hút và tăng tính kết nối bền lâu của khách hàng, tạo cơ sở tối ưu hóa chi phí. Bên cạnh đó, MSB cân nhắc tính hài hòa giữa tăng trưởng lợi nhuận và kiểm soát rủi ro, cân nhắc các yếu tố Môi trường – Xã hội để đảm bảo lợi ích của các bên liên quan.

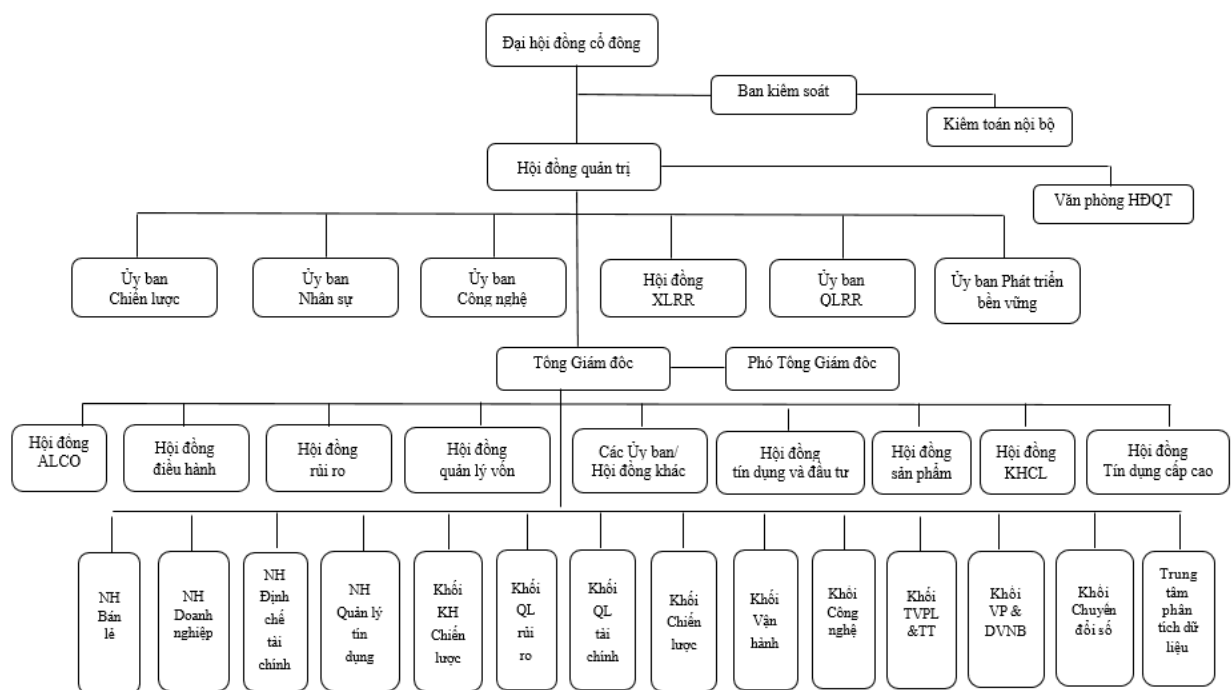




4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị của MSB

Mô hình quản trị của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc.



- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề quan trọng của MSB theo quy định của pháp luật và Điều lệ của MSB. ĐHCĐ hoạt động qua phiên họp thường niên, phiên họp bất thường và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

- **Hội đồng Quản trị (HĐQT)**

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị của MSB, có toàn quyền nhân danh MSB quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của MSB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

HĐQT thành lập các Ủy ban và đơn vị trực thuộc làm nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT trong việc quản trị ngân hàng, thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh; đảm bảo sự phát triển hiệu quả, an toàn và đúng mục tiêu đã đề ra. Các Ủy ban và đơn vị trực thuộc HĐQT MSB bao gồm: Ủy ban

Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Chiến lược, Ủy ban Công nghệ, Ủy ban Phát triển bền vững, Hội đồng Xử lý rủi ro và Văn phòng HĐQT.

HĐQT bổ nhiệm 01 (một) người phụ trách quản trị ngân hàng, kiêm nhiệm Thư ký Công ty để hỗ trợ công tác quản trị doanh nghiệp.

- **Ban kiểm soát (BKS)**

Ban Kiểm soát (BKS) thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ ngân hàng và Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. BKS có bộ phận giúp việc và bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của MSB, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

- **Tổng Giám đốc/Hội đồng Điều hành:**

Tổng Giám đốc (TGD) là người đại diện theo pháp luật của MSB, đồng thời cũng là người điều hành cao nhất của MSB, chịu trách nhiệm công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng. TGD chịu sự giám sát của HĐQT và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ phù hợp với Điều lệ của MSB và quy định của pháp luật.

Nhân sự giúp việc cho TGD bao gồm các Phó TGD, Chánh văn phòng TGD, các Giám đốc Khối/Ban và các Hội đồng chuyên môn. Các Hội đồng trực thuộc và làm nhiệm vụ tham mưu cho TGD bao gồm: Hội đồng Quản lý tài sản nợ - tài sản có (ALCO), Hội đồng Điều hành, Hội đồng Quản lý rủi ro, Hội đồng Quản lý vốn, Hội đồng Tín dụng và Đầu tư, Hội đồng Sản phẩm, Hội đồng Tín dụng cấp cao, Hội đồng Tín dụng Khách hàng chiến lược và các Hội đồng khác. Các đơn vị trực thuộc TGD gồm: Ngân hàng Bán lẻ, Ngân hàng Doanh nghiệp, Ngân hàng Định chế tài chính, Ngân hàng Quản lý tín dụng, Khối Khách hàng chiến lược, Khối Quản lý rủi ro, Khối Quản lý tài chính, Khối Chiến lược, Khối Vận hành, Khối Công nghệ, Khối Tư vấn pháp lý và tuân thủ, Khối Chuyển đổi số, Khối Văn Phòng & Dịch vụ nội bộ, Trung tâm phân tích dữ liệu nâng cao.

MSB bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán, quy định tại Điều 54 Luật Kế toán 2015 và đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

Cơ cấu tổ chức của MSB được thiết kế đảm bảo phân tách giữa hoạt động kinh doanh và hỗ trợ: Các Ngân hàng chuyên doanh tập trung vào hoạt động kinh doanh, phát triển, thúc đẩy khách hàng. Các đơn vị hỗ trợ đảm bảo vai trò chuyên môn hóa như vận hành, công nghệ, quản lý rủi ro.



Năm 2024 cũng ghi nhận sự thay đổi mô hình quản trị và tổ chức kinh doanh của MSB hướng đến phát triển bền vững. Thực hiện chủ trương tinh gọn cơ cấu, giảm các trung gian báo cáo để điều hành, hỗ trợ kinh doanh nhanh chóng, đồng thời tối ưu chi phí, lấy lợi ích của cổ đông và khách hàng làm mục tiêu ưu tiên, HĐQT MSB đã quyết định các hoạt động liên quan đến marketing, truyền thông và văn hóa của MSB được phối hợp thực hiện cùng các nguồn lực bên ngoài. MSB tập trung chuyên sâu vào các năng lực kinh doanh cốt lõi và trọng yếu của Ngân hàng, đồng thời tối ưu hóa chi phí cho các hoạt động marketing, truyền thông và văn hóa. Bên cạnh đó, mô hình quản trị của MSB vẫn đảm bảo tính hiệu quả trong việc gắn kết các mục tiêu phát triển bền vững với chiến lược phát triển chung của Ngân hàng. Cụ thể như sau:

- **Hội đồng Quản trị (HĐQT)**
 - Chỉ đạo chung về chiến lược kinh doanh kết hợp các tiêu chuẩn phát triển bền vững.
 - Phê duyệt mục tiêu và kế hoạch hành động phù hợp chiến lược và diễn biến thị trường trong ngắn, trung và dài hạn.
- **Ủy ban Phát triển bền vững:**
 - Ủy ban Phát triển bền vững có vai trò tham mưu cho HĐQT, TGD và Hội đồng Điều hành trong quá trình tích hợp các yếu tố bền vững (Môi trường - Xã hội - Quản trị) vào hoạt động của Ngân hàng, xây dựng một chiến lược tổng thể có cân nhắc các yếu tố phát triển bền vững, đảm bảo cam kết của Ngân hàng với đối tác và các bên liên quan, đồng thời trở thành đơn vị tiên phong trong hoạt động phát triển bền vững.

- Ủy ban Phát triển bền vững đưa ra định hướng chiến lược ngắn, trung và dài hạn cho MSB và đặt ra các kế hoạch hành động, đào tạo, truyền thông phù hợp.
- **Tổng Giám đốc và Hội đồng Điều hành:**
 - Xây dựng và trình HĐQT các kế hoạch hành động nhằm đạt được các mục tiêu về phát triển bền vững.
 - Đảm bảo triển khai, thực thi kế hoạch nhằm đạt được các mục tiêu Phát triển bền vững đã đề ra.
 - Giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của toàn hàng, đảm bảo duy trì vận hành hệ thống hoạt động thông suốt, bền vững, phục vụ tốt nhất cho khách hàng.
- **Các Khối và bộ phận chức năng:** Triển khai, hiện thực hóa các hành động nhằm hướng tới hoàn thành kế hoạch phát triển bền vững theo định hướng của TGD và Hội đồng Điều hành đặt ra.
- **Cán bộ nhân viên:** Thực hiện các công việc cụ thể hàng ngày liên quan đến các mục tiêu phát triển bền vững của Ngân hàng.

4.2. Công ty con: Công ty tài chính TNHH MTV TNEX (TNEX Finance)



Công ty Tài chính TNHH MTV TNEX (tiền thân là FCCOM) được thành lập với sứ mệnh mang tới giải pháp tài chính đáng tin cậy và thuận ích hơn cho khách hàng thông qua các sản phẩm dịch vụ có tính năng hiện đại, vượt trội. Dưới sự dẫn dắt của đội ngũ lãnh đạo dày dặn kinh nghiệm và tư vấn từ các chuyên gia hàng đầu thế giới, TNEX Finance xác định sứ mệnh của mình không chỉ đơn thuần là mang đến các sản phẩm tài chính tin cậy, nhanh chóng, mà còn là cầu nối chấp cánh cho những ước mơ và hy vọng của khách hàng về một tương lai bền vững và hưng thịnh.

- Địa chỉ: Tầng KT tòa nhà văn phòng Thăng Long - Thăng Long Tower, số 98, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 500.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng./.)
- Tỷ lệ sở hữu của MSB tại Công ty con: 100%.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - (1) Huy động vốn dưới các hình thức:
 - Nhận tiền gửi của tổ chức;
 - Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của tổ chức;

- Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

(2) Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

- Cấp tín dụng tiêu dùng, bao gồm: Cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng; phát hành thẻ tín dụng;
- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyên nhượng, các giấy tờ có giá khác.

(3) Các hoạt động khác:

- Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn hạn mức dự trữ bắt buộc;
- Mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Mở tài khoản tại ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối;
- Mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng;
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước, trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định;
- Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm;
- Cung ứng dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, đầu tư;
- Tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, các tổ chức và cá nhân để cấp tín dụng tiêu dùng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ;
- Gửi tiền, nhận tiền gửi của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Hệ thống mạng lưới các điểm giao dịch trên toàn quốc, bao gồm: 01 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, 01 văn phòng đại diện tại Phú Yên và 22 điểm giới thiệu dịch vụ tại 18 tỉnh/thành phố trong cả nước.

5. Thông tin về cổ đông và cổ phiếu MSB

5.1. Thông tin về cổ phiếu



Tại thời điểm 31/12/2024, MSB có vốn điều lệ 26.000 tỷ đồng, tương ứng với tổng số cổ phần phổ thông là 2,6 tỷ cổ phần, được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và giao dịch hoàn toàn trong nước, cụ thể:

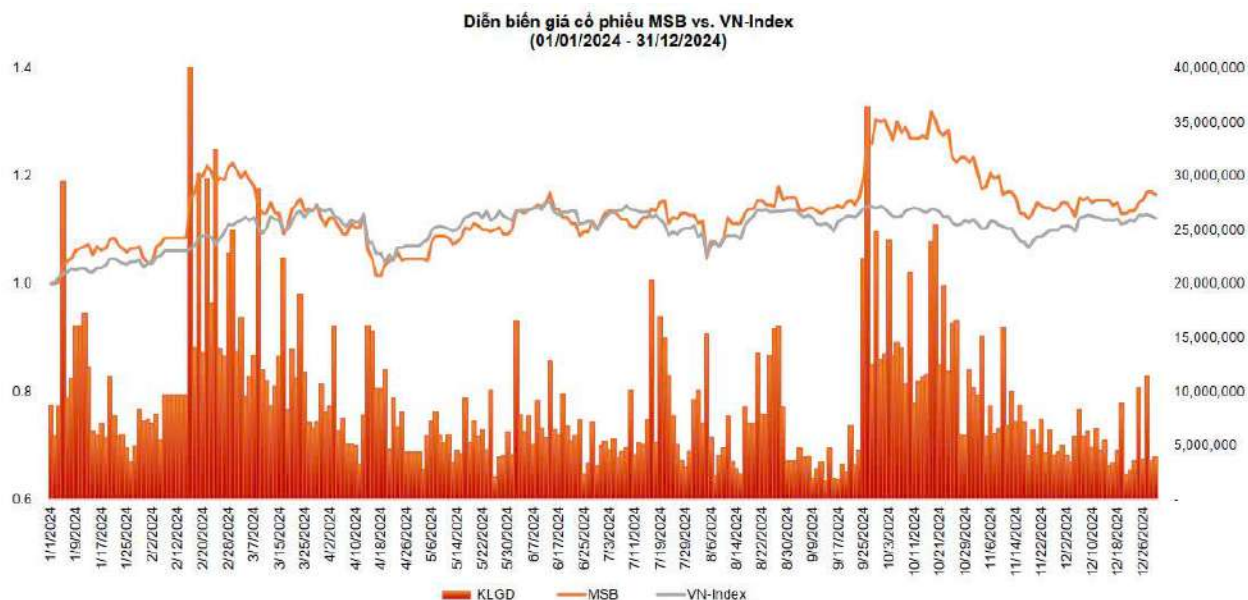
- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 2.600.000.000 cổ phiếu
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký: 2.600.000.000 cổ phiếu
- Tổng số lượng chứng khoán niêm yết: 2.600.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 2.560.192.032 cổ phiếu
- Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng^(*): 39.807.968 cổ phiếu

Vốn hóa của Ngân hàng tại 31/12/2024 đạt 30.290 tỷ đồng, tăng trưởng 16,5% so với kết thúc năm 2023. Giá cổ phiếu MSB đã tăng 16,5% từ mức 10.000 đồng/cổ phiếu lên mức 11.650 đồng/cổ phiếu theo mức giá điều chỉnh do phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 30% thực hiện trong năm 2024. Số lượng cổ phiếu giao dịch trung bình đạt 9.146.962 cổ phiếu/phiên giao dịch. So sánh với tăng trưởng của VN-Index, chỉ số đại diện tại Sở Giao dịch chứng khoán Hồ

¹ Theo quy định tại khoản 1, Điều 64, Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/1/2024, cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại tổ chức tín dụng là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ. Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng này bao gồm cả cổ phiếu ESOP phát hành năm 2022 và số cổ phiếu được các cổ đông cầm cố.

Chỉ Minh tăng từ mức 1.129,93 điểm tại 31/12/2023 lên 1.266,78 điểm tại 31/12/2024, tương ứng tăng trưởng 12,11% trong năm 2024, thấp hơn tăng trưởng của giá cổ phiếu MSB.

Biểu đồ giá cổ phiếu MSB biến động từ 31/12/2023 đến 31/12/2024, so sánh biến động với VN-Index:



5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tại thời điểm 31/12/2024, MSB có 42.605 cổ đông, tăng trưởng hơn 25% so với cuối năm 2023, mức vốn hóa của MSB cũng tăng trưởng 16,5% so với cuối năm trước. Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng như sau:

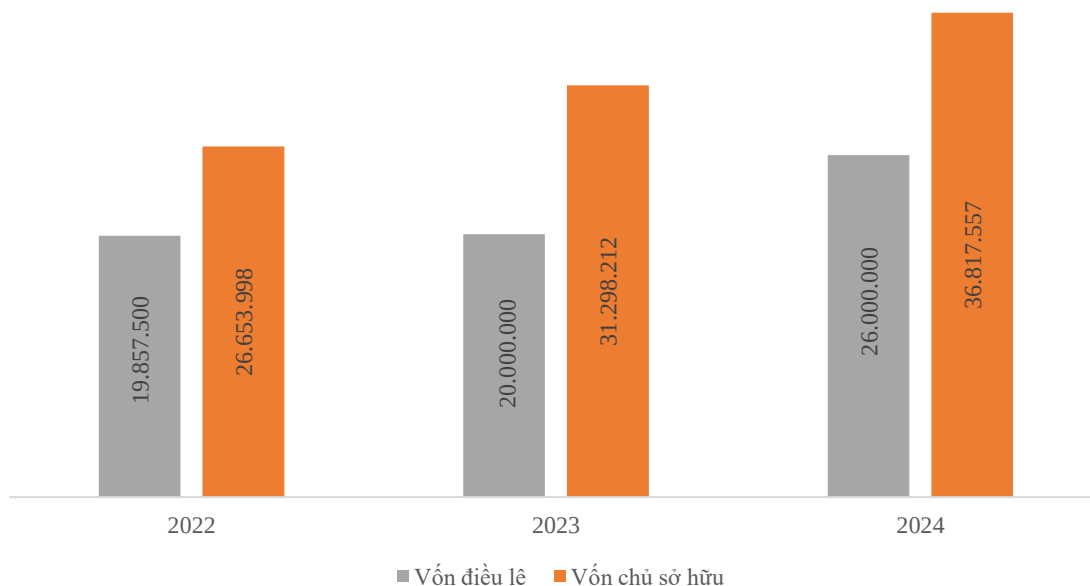
Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
Cổ đông trong nước, trong đó:	42.463	72,53
- Cá nhân	42.336	48,72
- Tổ chức	127	23,81
Cổ đông nước ngoài, trong đó:	142	27,47
- Cá nhân	108	3,34
- Tổ chức	34	24,13
Tổng	42.605	100

Trong đó, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT) là cổ đông lớn của Ngân hàng, sở hữu 157.254.977 cổ phiếu tương ứng 6,048% vốn điều lệ.

Ngân hàng có 6 cổ đông nhà nước với tổng số lượng sở hữu là 166.404.343 cổ phiếu tương ứng 6,4% vốn điều lệ.

Tổng số lượng sở hữu nước ngoài của MSB luôn đảm bảo dưới 30% theo quy định luật với tổ chức tín dụng. Tại thời điểm 31/12/2024, Ngân hàng có 142 cổ đông nước ngoài, trong đó có 108 cổ đông là cá nhân và 34 tổ chức nước ngoài, sở hữu 27,47% vốn điều lệ.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



Vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu của MSB theo Báo cáo tài chính kiểm toán 3 năm (ĐVT: triệu đồng)

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 (số 32/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 23/4/2024), Ngân hàng đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 20.000 tỷ đồng lên 26.000 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Các văn bản phê duyệt đều được công bố thông tin đầy đủ, cụ thể như sau:

- Ngày 05/06/2024, HĐQT MSB ban hành Nghị quyết số 12.01/2024/NQ-HĐQT về việc phê duyệt triển khai tăng vốn điều lệ năm 2024
- Ngày 25/06/2024, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) ban hành văn bản số 5229/NHNN-TTGSNNH về việc chấp thuận tăng vốn điều lệ của MSB thêm 6.000 tỷ đồng dưới hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
- Ngày 24/07/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành công văn số 4585/UBCK-QLCB về việc tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MSB
- Ngày 19/08/2024, MSB ra Thông báo số 1499/TB-SGDHCM về ngày đăng ký cuối cùng hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu là ngày 29/8/2024

- Ngày 12/09/2024, MSB đã lập Báo cáo số 8579/2024/CV-TGĐ5 về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và gửi UBCKNN
- Ngày 13/09/2024, UBCKNN ban hành văn bản số 5910/UBCK-QLCB về việc nhận tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MSB
- Ngày 01/10/2024, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) ban hành văn bản số 73/2020/GCNCP-VSDC-4, Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ 4 cho MSB với tổng số lượng chứng khoán đăng ký là 2,6 tỷ cổ phiếu
- Ngày 08/10/2024, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 571/QĐ-SGDHCM về việc thay đổi đăng ký niêm yết, theo đó, Sở chấp thuận cho MSB có tổng số lượng chứng khoán niêm yết là 2,6 tỷ cổ phiếu
- Ngày 08/10/2024, NHNN ban hành Quyết định số 2238/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của MSB. Theo đó, vốn điều lệ mới của MSB là 26.000 tỷ đồng

Việc tăng vốn cổ phần lên 26.000 tỷ đồng đã hoàn thiện trong tháng 10/2024 theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024. Toàn bộ số cổ phiếu phát hành mới theo tỷ lệ 30% (so với vốn điều lệ 20.000 tỷ cuối năm 2023) được đưa vào giao dịch ngay, không bị hạn chế chuyển nhượng (ngoại trừ với một số người nội bộ của Ngân hàng cần tuân thủ Luật Các tổ chức tín dụng trong nắm giữ cổ phiếu khi đương nhiệm).

MSB không có giao dịch liên quan cổ phiếu quỹ trong năm 2024, số lượng cổ phiếu quỹ của Ngân hàng là 0 cổ phiếu.

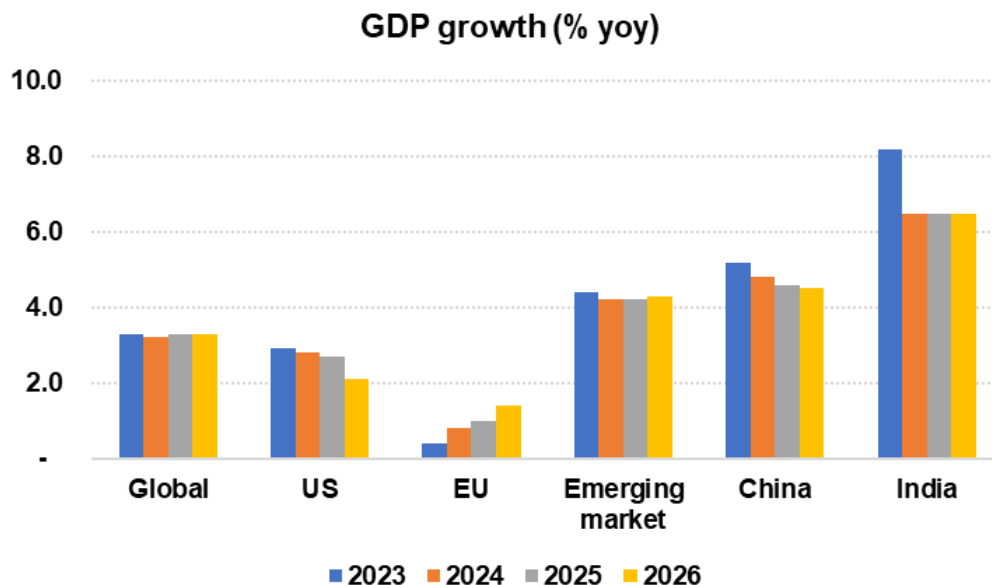
Với việc tăng vốn điều lệ trong năm 2024, MSB có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau (theo báo cáo tài chính kiểm toán tại 31/12/2024):

Đơn vị: triệu VND		Riêng lẻ		Hợp nhất	
		2024	2023	2024	2023
	VỐN CHỦ SỞ HỮU	36.891.341	31.365.617	36.817.557	31.298.212
1	Vốn của Tổ chức tín dụng	26.034.068	20.034.068	26.034.068	20.034.068
	<i>i. Vốn điều lệ</i>	26.000.000	20.000.000	26.000.000	20.000.000
	<i>ii. Vốn đầu tư XDCCB, mua sắm tài sản cố định</i>	608	608	608	608
	<i>iii. Thặng dư vốn cổ phần</i>	33.460	33.460	33.460	33.460
	<i>iv. Cổ phiếu quỹ</i>		-	-	-
	<i>v. Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-	-
2	Quỹ của Tổ chức tín dụng	3.285.169	2.587.378	3.288.026	2.589.959
3	Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế	7.572.104	8.744.171	7.495.463	8.674.185

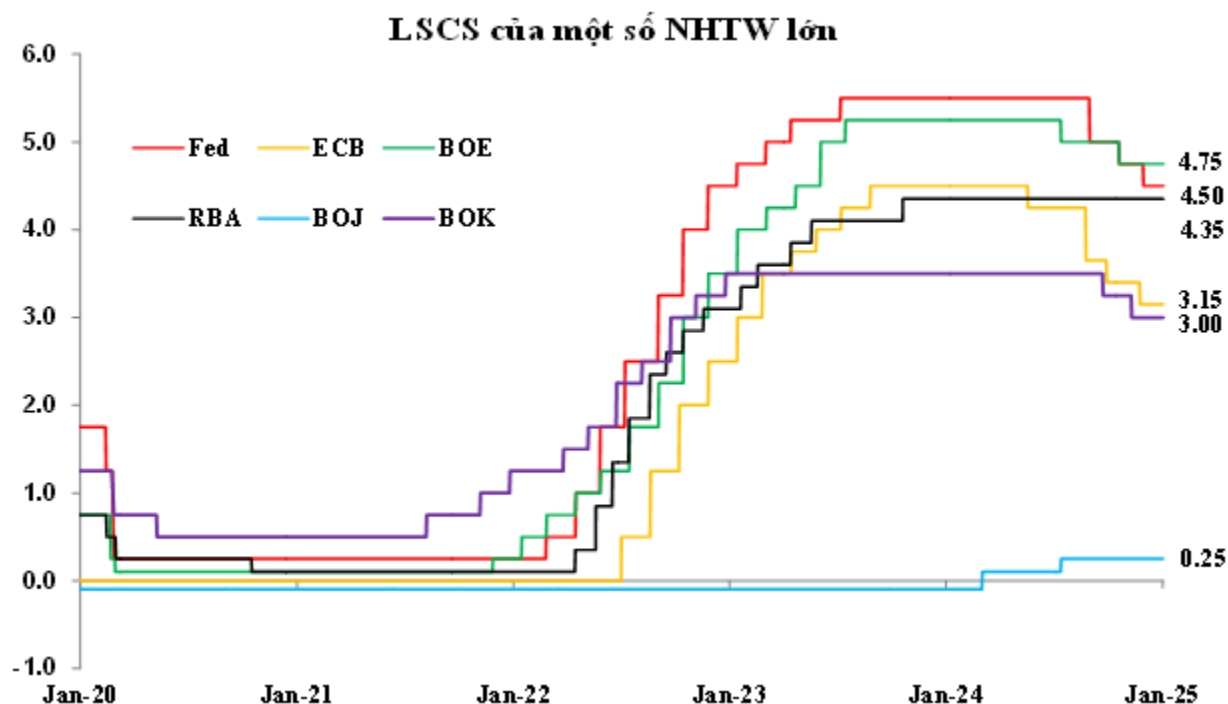
C. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Bối cảnh kinh tế vĩ mô

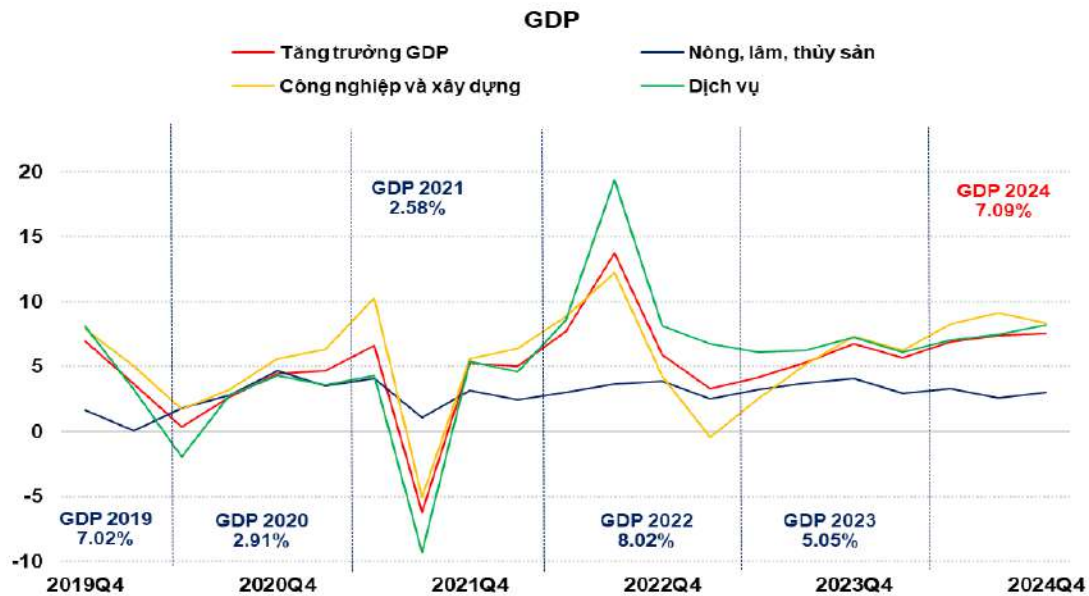
Năm 2024, mặc dù bất ổn chính trị và xung đột địa chính trị gia tăng, kinh tế toàn cầu vẫn tăng trưởng tương đối ổn định. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng toàn cầu dự kiến đạt 3,2%. Tuy nhiên, kinh tế phục hồi không đồng đều giữa các khu vực. Trong khi Mỹ ghi nhận tăng trưởng mạnh mẽ nhờ tiêu dùng hộ gia đình và chính sách tài khóa mở rộng thì nền kinh tế Châu Âu lại cho thấy sự hồi phục yếu hơn do tác động kéo dài từ cú sốc giá năng lượng và căng thẳng địa chính trị. Trung Quốc – nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới – ghi nhận mức tăng trưởng là 5%, tuy đạt mục tiêu mà Chính phủ Trung Quốc đề ra nhưng không thể phủ nhận các vấn đề tồn tại từ lĩnh vực bất động sản và cầu tiêu dùng yếu. Lạm phát toàn cầu dự kiến sẽ tiếp tục giảm, từ mức trung bình 6,7% vào năm 2023 xuống 5,8% vào năm 2024. Áp lực lạm phát suy yếu đã tạo điều kiện cho Ngân hàng Trung ương (NHTW) các nước hạ lãi suất và nới lỏng chính sách tiền tệ. Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã thực hiện 3 lần cắt giảm lãi suất trong năm 2024, đưa lãi suất điều hành xuống 4,25% - 4,5%; Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) cũng thực hiện 4 lần giảm lãi suất, đưa lãi suất tiền gửi về mức 3%.



Source: GEO IMF (As of Jan.2025)



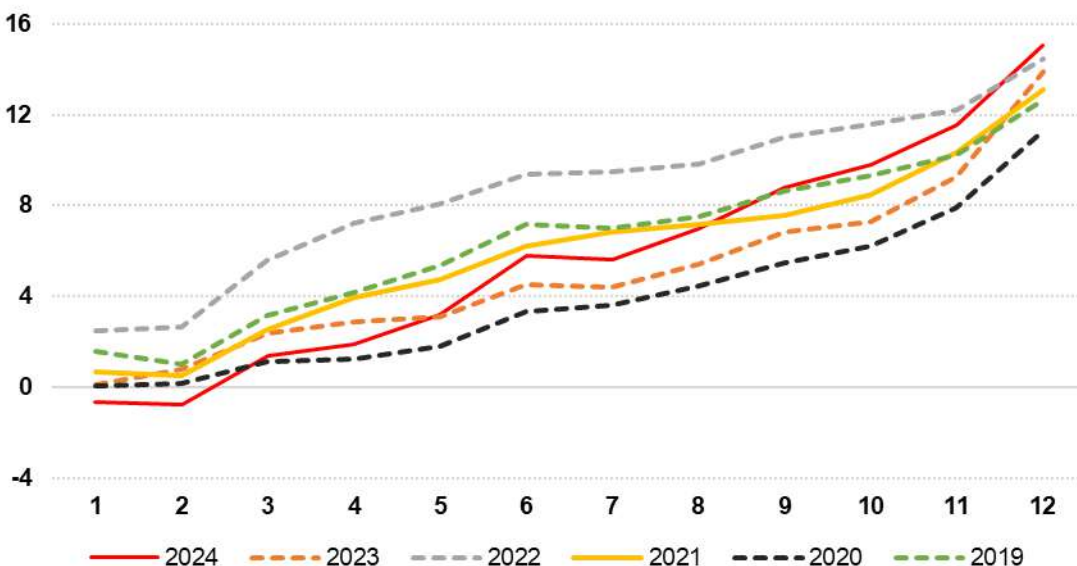
Đối mặt với bối cảnh kinh tế - chính trị biến động phức tạp, kinh tế Việt Nam đã có sự hồi phục bền bỉ với nhiều điểm sáng. Tăng trưởng GDP cả năm đạt trên 7,09% với sự ổn định của khu vực nông lâm thủy sản, sự hồi phục tích cực của khu vực sản xuất công nghiệp và xây dựng cùng sự chuyển mình của khu vực dịch vụ. Động lực xuất khẩu là bộ đỡ lớn của nền kinh tế với tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2024 đạt 786 tỷ USD, xuất siêu 24,7 tỷ USD. Thu hút FDI năm 2024 đạt 38,2 tỷ USD, giải ngân đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so cùng kỳ, cao nhất trong nhiều năm qua. Lạm phát được kiểm soát tốt, chỉ số CPI bình quân cả năm đứng ở mức 3,63%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 4% - 4,5% đầu năm. Tuy nhiên, những điểm nghẽn của nền kinh tế vẫn chưa thực sự được khơi thông hiệu quả, như chậm giải ngân đầu tư công và cầu tiêu dùng yếu. Giải ngân vốn đầu tư công đến 31/12/2024 mới đạt 70,3% kế hoạch, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 9% so cùng kỳ - thấp hơn so với giai đoạn trước Covid-19...



Thị trường bất động sản năm 2024 đã cho thấy dấu hiệu phục hồi, nhưng cũng đối mặt với nhiều vấn đề như giá đất tăng mạnh và sự mất cân đối cung cầu trầm trọng. Việc đồng loạt ban hành và có hiệu lực của 3 luật mới về đất đai, nhà ở và kinh doanh bất động sản (BDS) là một dấu mốc quan trọng trong việc cải cách và hoàn thiện hệ thống pháp luật về thị trường BDS Việt Nam, kỳ vọng sẽ trở thành động lực thúc đẩy thị trường.

Hoạt động của ngành ngân hàng trong năm 2024 gặp nhiều khó khăn do cầu trong nước còn yếu, thị trường bất động sản chưa hồi phục như kỳ vọng, nợ xấu có xu hướng gia tăng. Tuy nhiên, với sự linh hoạt trong áp dụng các chính sách vĩ mô, Ngân hàng Nhà nước liên tục có các điều chỉnh, định hướng nhằm hỗ trợ nguồn vốn tốt nhất cho nền kinh tế, kiểm soát tỷ giá trong bối cảnh nhiều ngoại tệ bị mất giá mạnh. Kết thúc năm 2024, tăng trưởng tín dụng của Việt Nam đạt trên 15% theo kế hoạch đề ra, đồng thời mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp phục hồi.

Tăng trưởng tín dụng gộp



Thông tin về xu thế phát triển bền vững của thế giới và ngành

Năm 2024, các sự kiện về xung đột địa chính trị, thiên tai, bão lũ... đòi hỏi những hành động, hợp tác của các quốc gia trong tiến trình đạt tới các mục tiêu PTBV vào năm 2030 và tiến tới phát thải ròng carbon bằng 0 vào năm 2050.

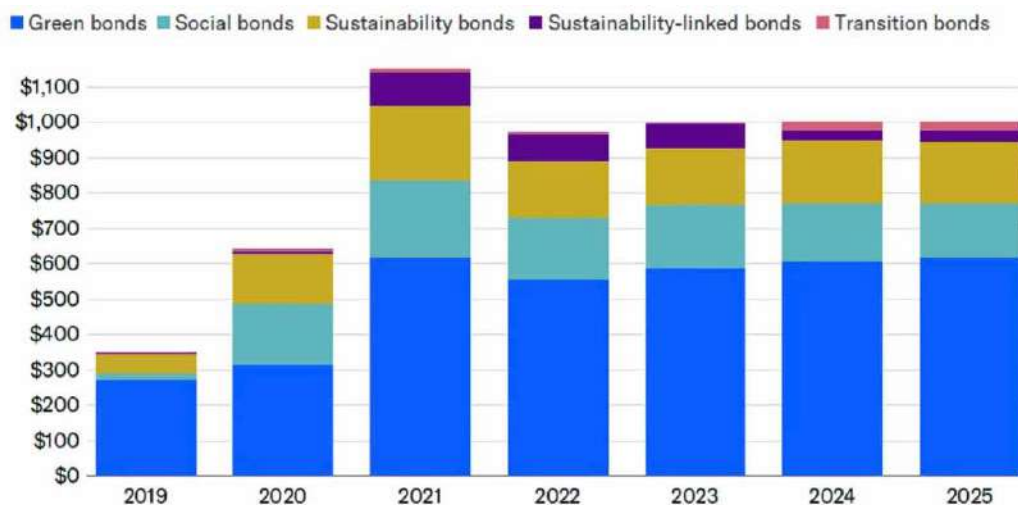
Trong bối cảnh thế giới đang nỗ lực triển khai các sáng kiến, cam kết nhằm đẩy nhanh các chiến lược tăng trưởng xanh toàn cầu, Việt Nam được Liên Hợp Quốc và các quốc gia đánh giá cao về nỗ lực thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (PTBV). Theo báo cáo của Liên Hợp quốc, Việt Nam được đánh giá là một điểm sáng, từ xếp hạng 88/149 nước năm 2016 đã tăng lên thứ 54/166 quốc gia được xếp hạng năm 2024. Về điểm số, năm 2024, chỉ số phát triển bền vững (SDI) của Việt Nam đạt 73,32 điểm, cao hơn mức trung bình toàn cầu. Điểm số và vị trí của Việt Nam có sự cải thiện so với xếp hạng được công bố năm 2023. Trong khu vực Đông và Nam Á, Việt Nam chỉ xếp sau Thái Lan. Liên Hợp Quốc đánh giá Việt Nam đạt được điểm số tốt nhất ở SDG1 (chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi), SDG4 (đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện), SDG11 (phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu), SDG12 (đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững) và SDG13 (ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai). Xét trong nhóm các quốc gia có mức thu nhập tương đương, Việt Nam có sự thể hiện tương đối ấn tượng. Việt Nam đã tích cực mở rộng quan hệ quốc tế, đóng vai trò là một thành viên tích cực và có trách nhiệm của Liên Hợp Quốc. Hàng loạt các hiệp định thương mại tự do, các thỏa thuận nâng cấp quan hệ ngoại giao với các đối tác chiến lược đã được ký kết. Chính phủ

và các địa phương đã tích cực ban hành nhiều chính sách để thu hút các nguồn lực và sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội, đối tác phát triển, khối doanh nghiệp để phối hợp với nguồn lực Ngân sách Nhà nước (NSNN) để thực hiện mục tiêu PTBV. Các Bộ, ngành và địa phương đã chủ động lồng ghép việc thực hiện mục tiêu PTBV vào các chương trình, dự án hiện có.



Tuy nhiên, Việt Nam cũng gặp những khó khăn trong giai đoạn khởi đầu cho tiến trình song hành cùng xu thế quốc tế này, cụ thể như: thiếu hụt nguồn lực tài chính, đặc biệt cho các vùng sâu xa, vùng khó khăn; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong khu vực công còn yếu, chưa thu hút được sự tham gia mạnh mẽ của doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và cộng đồng người dân trong việc huy động nguồn lực và trực tiếp thực hiện các mục tiêu PTBV; cơ chế chính sách hỗ trợ và khuyến khích đầu tư vào kinh tế xanh, chuyển đổi xanh chưa đủ mạnh và đầy đủ, đặc biệt với mục tiêu biến nguồn lực tư nhân trở thành nguồn tài chính thực hiện kế hoạch quốc gia về PTBV; hệ thống báo cáo, giám sát và đánh giá thực hiện các mục tiêu PTBV, mục tiêu chuyển đổi xanh chưa đồng bộ và hoàn thiện, việc thu thập cũng như xử lý dữ liệu còn chậm và cách xa với yêu cầu của quốc tế; nhận thức của doanh nghiệp và người dân còn khá mới mẻ... Để tiếp bước quá trình hướng tới mục tiêu PTBV trong tương lai, Việt Nam cần nhiều sự hỗ trợ từ quốc tế về nguồn vốn cũng như năng lực, kiến thức, công nghệ. Ngành ngân hàng được đề cao vai trò trong tiến trình này và là cầu nối chính trong luân chuyển nguồn vốn quốc tế theo các cam kết toàn cầu tập trung cho PTBV. Trên cơ sở đó, ngân hàng là cánh tay nối dài của Chính phủ Việt Nam tiên phong trong thực thi các sáng kiến chiến lược, chuẩn hóa về công tác báo cáo và cam kết mạnh mẽ về mục tiêu giảm phát thải, chuyển đổi xanh của quốc gia.

Với riêng mảng tài chính, những năm gần đây, tài chính bền vững đã trở thành chủ đề nóng trên toàn cầu, đặc biệt là trong bối cảnh các quốc gia nỗ lực thúc đẩy nền kinh tế xanh để ứng phó với biến đổi khí hậu.



The data for 2025 represents our full-year sustainable bond issuance forecast.
 Sources: Environmental Finance Data and Moody's Ratings

Tại Việt Nam, khái niệm ESG - khung đánh giá nhằm đo lường tính bền vững và trách nhiệm đối với môi trường, xã hội của doanh nghiệp không chỉ dừng lại ở một xu hướng mới mà đã trở thành mục tiêu phát triển dài hạn của nhiều ngành, đặc biệt là lĩnh vực ngân hàng. Theo đánh giá của Mạng lưới tài chính và ngân hàng bền vững toàn cầu (SBFN) tại báo cáo Tiến bộ toàn cầu năm 2024 (công bố 16/4/2024), Việt Nam được xếp thứ hạng cao trong nhóm thứ 2 các quốc gia có sự tiến bộ đáng kể trong việc xây dựng và thực thi các khuôn khổ về tài chính bền vững dựa trên 3 trụ cột về tín dụng xanh, thực hành ESG và quản lý rủi ro khí hậu.

Ngành ngân hàng với vai trò huyết mạch, là một trong những kênh dẫn vốn quan trọng để duy trì tăng trưởng và phát triển kinh tế. Thời gian qua, để thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, các giải pháp thúc đẩy tín dụng xanh, ngân hàng xanh đã được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) triển khai từng bước với lộ trình rất rõ ràng. NHNN đã định hướng hoạt động tín dụng xanh, ngân hàng xanh thông qua các chiến lược phát triển của ngành, đề án phát triển ngân hàng xanh Việt Nam, đề án tái cơ cấu hệ thống các tổ chức tín dụng, kế hoạch hành động vì sự phát triển bền vững...phù hợp với mục tiêu quốc gia về tăng trưởng xanh và các cam kết của Việt Nam tại các diễn đàn quốc tế.

Các tổ chức tín dụng đã chủ động xây dựng các kế hoạch nội bộ, hoàn thiện tiêu chí và quy trình để tăng cường đầu tư vào các dự án thân thiện với môi trường. Về kết quả đạt được, đến cuối năm 2024 đã có 50 tổ chức tín dụng tham gia cấp tín dụng xanh với tổng dư nợ gần 680.000 tỷ đồng,

chiếm 4,5% tổng dư nợ tín dụng toàn hệ thống. Tốc độ tăng trưởng tín dụng xanh bình quân đạt 22% mỗi năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của tín dụng kinh tế.

2. Những sự kiện nổi bật của năm 2024

1

Hoàn thành và vượt kế hoạch cam kết với cổ đông về tăng trưởng tổng tài sản, lợi nhuận trước thuế (tăng trưởng 2 chữ số), đồng thời ghi nhận các thành tựu trong công tác nâng cao chất lượng tài sản, củng cố quản trị rủi ro; trên cơ sở đó, thu hút sự quan tâm của giới đầu tư và gia tăng vốn hóa Ngân hàng với tỷ lệ trên 16%. Ngân hàng đã thanh lý hết hoàn toàn tài sản gắn nợ là tàu biển, giúp nâng tỷ trọng tài sản sinh lời/tổng tài sản lên gần 97% tại cuối năm 2024.

2

Tổng số lượng khách hàng của MSB tăng hơn 17%, từ 5,2 triệu khách hàng thời điểm cuối năm 2023 lên gần 6,2 triệu khách hàng tại 31/12/2024. Hoạt động chuyển đổi số tại Ngân hàng Bán lẻ ghi nhận nhiều kết quả tích cực khi hơn 90% khách hàng mới sử dụng dịch vụ trên kênh số

3

Chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking) từ BDS Silverlake sang T24 Transact hiện đại hàng đầu hiện nay. Đây là dự án công nghệ lớn nhất và phức tạp nhất từ trước tới nay mà MSB quyết định đầu tư, đóng vai trò cốt lõi trong chiến lược phát triển lấy số hóa làm động lực tăng trưởng chính.

4

Khởi động việc triển khai nền tảng ngân hàng tương tác, hướng tới hợp nhất các ứng dụng riêng lẻ vào một nền tảng duy nhất một cách toàn diện và hiệu quả. Sự chuyển đổi chiến lược này cho phép nền tảng kỹ thuật số của MSB cung cấp trải nghiệm ngân hàng số liền mạch, từ đó tăng cường sự tương tác của khách hàng, đơn giản hóa các gói sản phẩm, đẩy nhanh việc phát triển các tính năng mới và giảm thiểu chi phí phục vụ.

5

MSB đã ban hành danh mục phân loại xanh sử dụng nội bộ ngay từ đầu năm 2024. Danh mục này hỗ trợ các ngân hàng chuyên doanh có cơ sở để xây dựng sản phẩm tín dụng xanh, xác định khách hàng xanh, khoản vay xanh. Gói giải pháp tín dụng xanh trị giá 3.000 tỷ đồng cũng được ngân hàng triển khai thử nghiệm trong năm 2024.

6

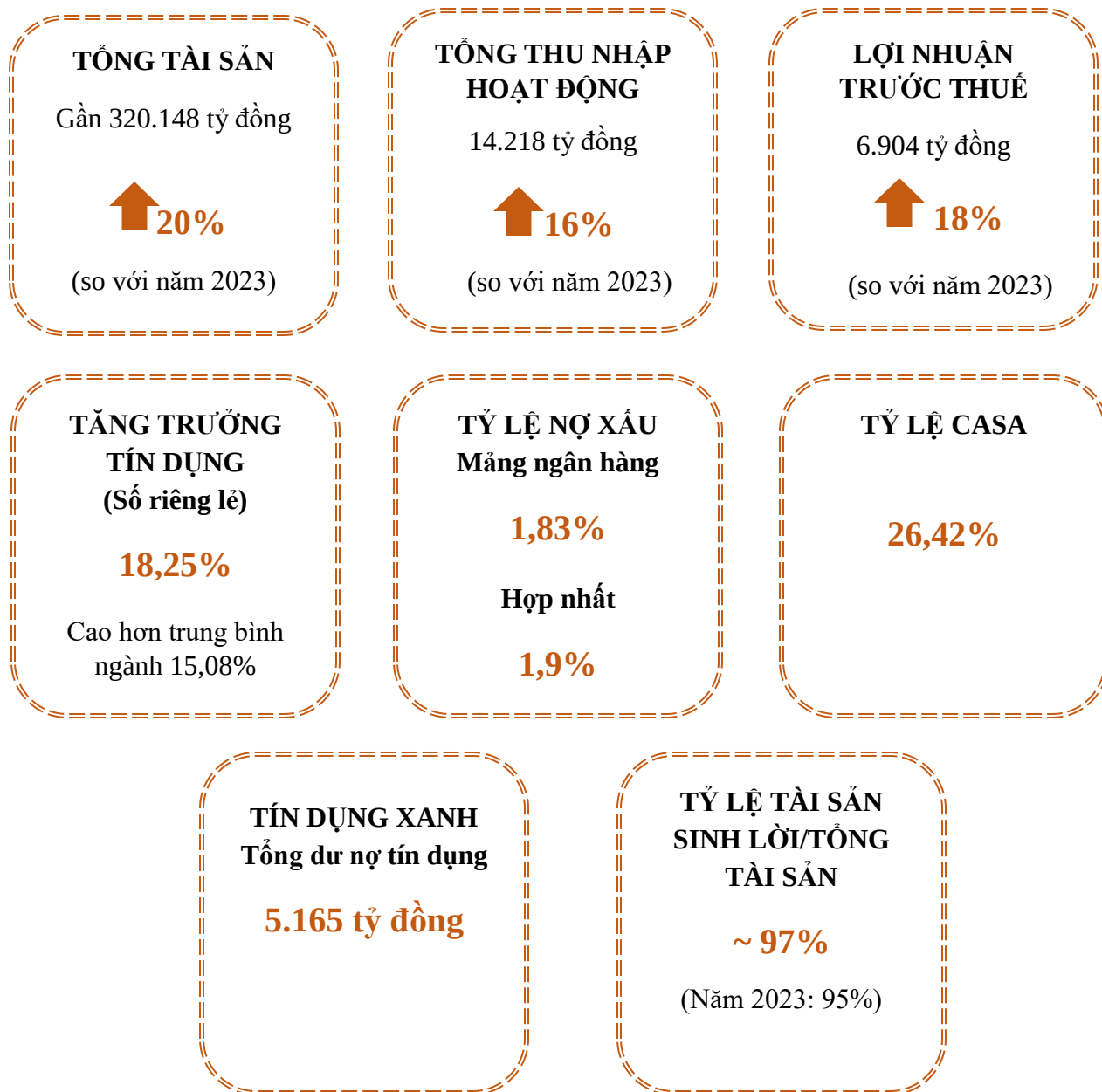
Tham gia Liên minh Ngân hàng xanh với sự giới thiệu của IFC, hướng tới thúc đẩy các giải pháp tài chính và dẫn dắt thông lệ tài chính xanh, chung tay mở ra các cơ hội kinh doanh mới, thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh của các nền kinh tế.

7

Vinh dự được xưng tên tại một chuỗi các giải thưởng uy tín, tiêu biểu như:

- “Ngân hàng thực thi ESG tốt nhất Việt Nam năm 2024” do Tạp chí Euromoney bình chọn
- “Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam” theo công bố của Anphabe
- “Top 10 doanh nghiệp niêm yết ngành tài chính có báo cáo thường niên tốt nhất” thuộc khuôn khổ Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2024 (VLCA) do Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Báo Đầu tư phối hợp tổ chức.
- “Top Value Banking Award” do Mastercard vinh danh, ghi nhận MSB là ngân hàng cung cấp giá trị tốt nhất thông qua các chương trình ưu đãi và dịch vụ vượt trội.
- Lọt top 500 công ty lớn nhất xét trên tổng doanh thu, theo công bố của bảng xếp hạng Fortune 500 khu vực Đông Nam Á. MSB nằm trong bảng xếp hạng với nhiều tổ chức tài chính tên tuổi từ 7 quốc gia Đông Nam Á, tiêu biểu như UOB (Singapore), Maybank (Malaysia), Bangkok Bank (Thái Lan) ...

Kết quả kinh doanh năm 2024 ghi nhận những tăng trưởng khả quan trong bối cảnh khó khăn và biến động lãi suất, tỷ giá của thị trường quốc tế và trong nước:

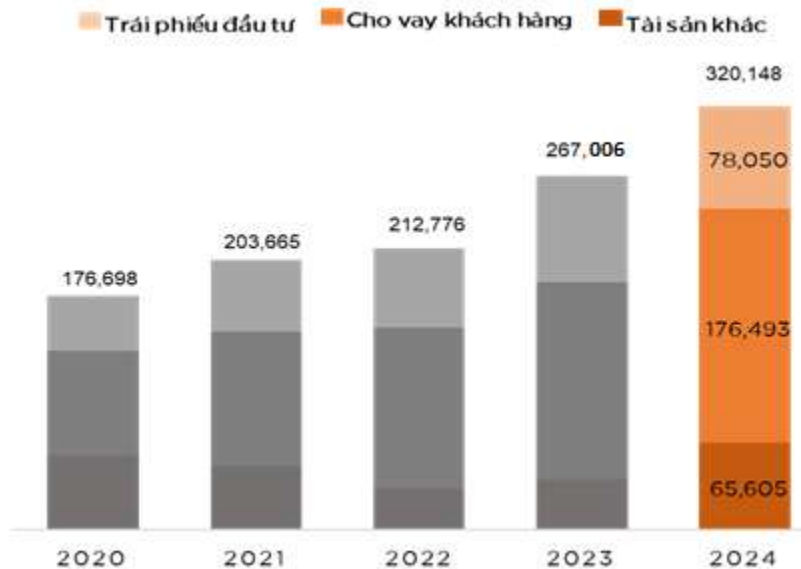


3. Hành trình vươn tới Top đầu các ngân hàng tư nhân

3.1. Tổng tài sản:

Tổng tài sản của MSB đạt hơn 320.148 tỷ đồng, tăng hơn 1,8 lần so với 2020 và gần 20% so với năm 2023, đưa mức tăng trưởng kép hàng năm chạm ngưỡng 16,02% với động lực chính đến từ tăng trưởng cho vay khách hàng. Mức tăng trưởng này cao hơn trung bình ngành ngân hàng, chủ

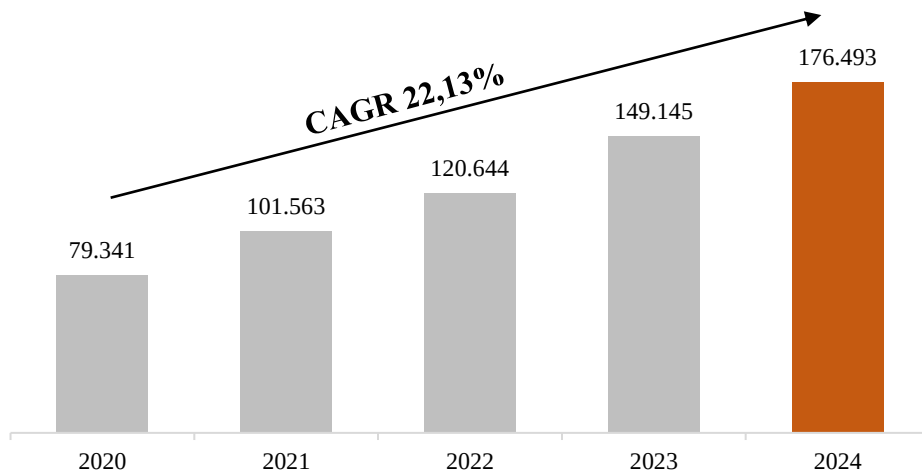
yếu đến từ hạn mức tín dụng – chỉ tiêu MSB được cấp bởi NHNN - trong nhóm dẫn đầu ngành. Mảng chứng khoán đầu tư cũng đạt mức tăng trưởng ấn tượng 73,11% so với năm 2023, danh mục này của ngân hàng chủ yếu là trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Tổ chức tín dụng.



Tổng tài sản MSB tại 31/12/2024 (ĐVT: tỷ đồng)

3.2. Cho vay khách hàng:

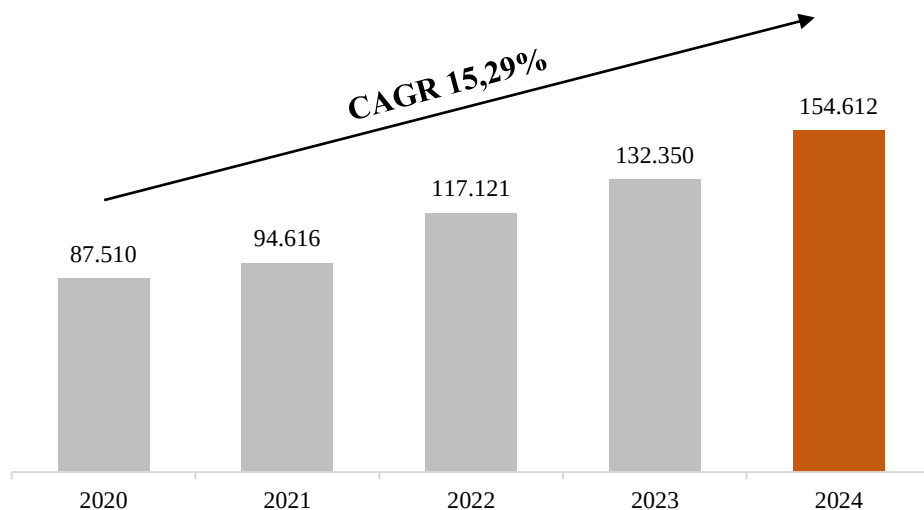
Năm 2024, Ngân hàng được cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng 18,25% và đã đạt ngưỡng này tại thời điểm 31/12/2024, cao hơn mức trung bình ngành (khoảng 15%). MSB luôn nằm trong danh sách các ngân hàng được cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng cao nhất nhờ điểm xếp hạng tổ chức tín dụng tốt trong hệ thống ngân hàng. Đáp ứng tốt các tiêu chí về an toàn vốn, khả năng thanh khoản, tệp khách hàng chất lượng, giải ngân đúng định hướng Chính phủ và luôn tuân thủ quy định, đồng hành cùng cơ quan quản lý trong các hoạt động điều hành thị trường, MSB ghi dấu tăng trưởng kép về cho vay khách hàng giai đoạn 2020-2024 ở mức 22,13%, phân bổ đều với các tệp khách hàng cá nhân, SME và doanh nghiệp lớn.



Tăng trưởng cho vay khách hàng tại 31/12/2024 (ĐVT: tỷ đồng)

3.3. Tiền gửi khách hàng:

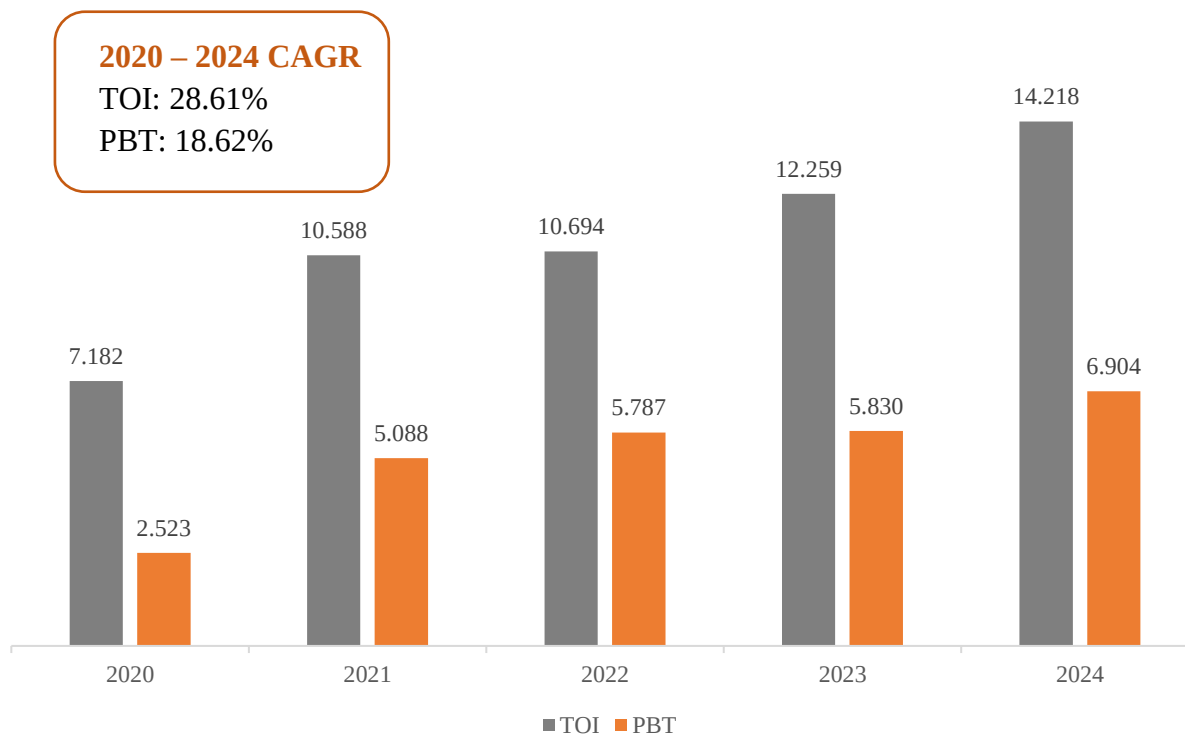
Tiền gửi khách hàng tăng trưởng gần 17% trong năm 2024, trong đó Ngân hàng ghi nhận gần 41.000 tỷ là tiền gửi không kỳ hạn tại thời điểm 31/12/2024. Các sản phẩm huy động và nền tảng ngân hàng điện tử của MSB có nhiều cải thiện, bắt nhịp xu hướng và nhu cầu của khách hàng. Với biến động của lãi suất trong cả năm 2024, Ngân hàng đã kiểm soát và vận hành hiệu quả các kênh huy động vốn, đảm bảo thanh khoản cùng các chỉ số an toàn tài chính tốt hơn yêu cầu từ cơ quan quản lý, đồng thời kiểm soát tốt chi phí huy động vốn, tối ưu biên lãi ròng (NIM).



Tăng trưởng tiền gửi khách hàng MSB năm 2024 (ĐVT: tỷ đồng)

3.4. Tổng thu nhập hoạt động:

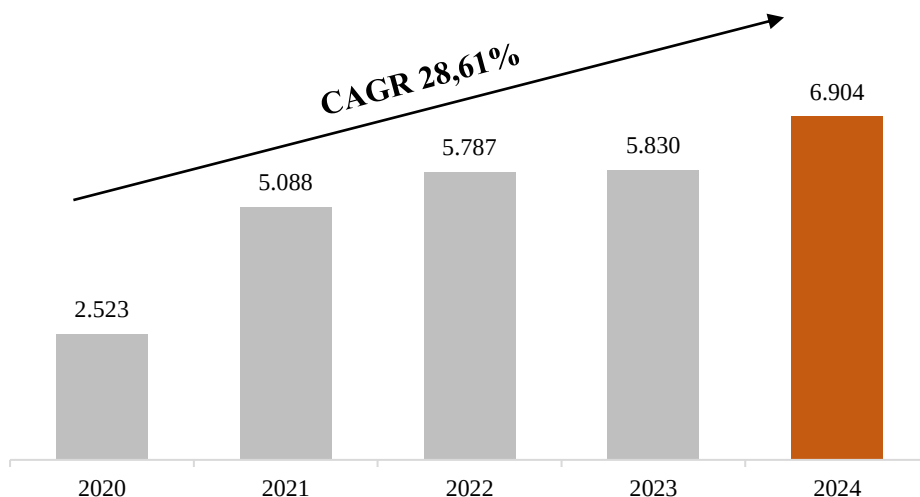
Tổng thu nhập hoạt động của MSB tăng trưởng đột phá giai đoạn 2020–2024 khi TOI năm 2024 tăng gần 2 lần so với năm 2020. Tăng trưởng kép hàng năm cho cả giai đoạn 5 năm này đạt trên 18,62% với tỷ trọng thu nhập lãi thuần chiếm đa số, khoảng 70% trên tổng TOI. Ngân hàng định hướng chiến lược tỷ trọng thu nhập ngoài lãi sẽ chiếm khoảng 30% tổng TOI với nguồn thu phí đa dạng từ các sản phẩm dịch vụ và phù hợp nhu cầu khách hàng.



Tăng trưởng TOI & Lợi nhuận trước thuế của MSB (ĐVT: tỷ đồng)

3.5. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp:

Lợi nhuận trước thuế của MSB đã có những bước nhảy vọt khi chỉ số này năm 2024 tăng 18,42% so với năm 2023 và gấp hơn 2,73 lần so với 2020, đưa mức tăng trưởng kép hàng năm giai đoạn này lên trên mức 28,61%. Với các dự án số hóa được đầu tư mạnh từ năm 2020, Ngân hàng đang từng bước ghi nhận thành quả thể hiện qua các chỉ số tài chính cải thiện tốt: Chi phí hoạt động được tối ưu, hiệu suất làm việc của cán bộ nhân viên tăng, các hệ thống công nghệ, nền tảng số thể hiện sự ưu việt và thu hút được khách hàng.... MSB được các nhà đầu tư, các đối tác quốc tế đánh giá cao khi có những tăng trưởng vượt trội hơn trung bình ngành. Những kết quả này là minh chứng cho chiến lược kinh doanh đúng đắn trong suốt giai đoạn mà thị trường trong nước và quốc tế trải qua nhiều biến động khó đoán.



3.6. Các thành tựu 5 năm nhờ chuyển đổi số và áp dụng chiến lược linh hoạt với biến động thị trường:

Trong 5 năm đầu tư vào công nghệ và đưa chuyển đổi số thành động lực tăng trưởng chính, MSB ghi nhận một số điểm sáng:

Duy trì đà tăng trưởng dương và đạt được kết quả kinh doanh khả quan, mức tăng trưởng lợi nhuận bình quân đạt trên 28%.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2024

6.904 tỷ đồng

Tăng 18,42% so với năm 2023

Vượt mục tiêu ĐHCĐ giao

Tổng tài sản tăng trưởng ổn định bình quân 15%/năm trong 5 năm vừa qua.

TỔNG TÀI SẢN 2024

320.148 tỷ đồng

Tăng gần 20% so với năm 2023

Quy mô khách hàng ngày càng lớn mạnh.

TỔNG SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG

6,2 triệu

Tăng 17% từ 5,2 triệu khách hàng thời điểm cuối năm 2023

Tính đến hết năm 2024, MSB đã thực hiện số hóa trọn vẹn 14 hành trình khách hàng và 45 hành trình thực hiện số hóa 1 phần. Với nội bộ, Ngân hàng số hóa trọn vẹn 117 quy trình và số hóa một phần 67 quy trình khác.

DOANH THU TỪ KÊNH SỐ

10% TOI

Năng lực quản trị rủi ro và mô hình tín dụng theo tiêu chuẩn hiện đại hàng đầu thị trường

QUẢN TRỊ RỦI RO

Basel II, Basel III

Tiến tới hoàn thiện Basel IV

MSB là một trong những ngân hàng tiên phong triển khai chuyển đổi số trên thị trường, định hướng trở thành ngân hàng có nền tảng số dẫn đầu với trải nghiệm dịch vụ khách hàng tốt nhất. MSB đã đầu tư mạnh vào công nghệ và chuyển đổi số, như phát triển ứng dụng ngân hàng số MSB mBank, cung cấp dịch vụ tài chính tiện lợi, cá nhân hóa cho khách hàng.

SỐ HÓA VÀ PHÂN TÍCH NÂNG CAO

Việc triển khai Internet banking và Mobile banking mới dành cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp giúp tiếp cận, cung cấp dịch vụ tài chính và chăm sóc khách hàng mọi lúc, mọi nơi thuận tiện và kịp thời.

Đẩy mạnh các giải pháp thanh toán không tiền mặt; nâng cấp các phương thức bảo mật, an toàn thông tin tiên tiến giúp kịp thời ngăn chặn các rủi ro an ninh thông tin cho người dùng, giảm thiểu các thiệt hại về tài chính, bảo vệ và tối ưu mức sinh lời tài sản của khách hàng.

ỨNG DỤNG AI VÀ BIG DATA

Để cải thiện dịch vụ & ra quyết định

MSB có mạng lưới bao phủ rộng khắp 51 tỉnh thành với 260 điểm giao dịch và 285 điểm ATM. Các chi nhánh đang dần chuyển mình từ dịch vụ truyền thống (giao dịch trực tiếp, in sao kê, gửi tiết kiệm...) sang các dịch vụ số hóa (sử dụng ứng dụng ngân hàng trực tuyến, giao dịch qua điện thoại di động, thanh toán qua QR Code...). Một số chi nhánh ngân hàng đã triển khai các công nghệ tiên tiến như giao dịch qua máy ATM hiện đại, kios bán hàng tự động, hay các "chi nhánh số" giúp người dùng giao dịch trực tuyến mà không cần đến quầy. Các dịch vụ như vay online, mở tài khoản ngân hàng từ xa, và các dịch vụ tài chính cá nhân tự động đang trở thành xu hướng phát triển chủ yếu của các chi nhánh ngân hàng. Quá trình chuyển đổi số toàn diện giúp MSB có mô hình kiểm soát chặt chẽ hơn các rủi ro hoạt động, tài chính, tín dụng ngay từ thời điểm thiết lập quan hệ với khách hàng, đồng thời tiết giảm chi phí để cải thiện lợi nhuận hoạt động.

MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH RỘNG KHẮP

GIA TĂNG MẠNH MỀ HÀM LƯỢNG SỐ HÓA



Bằng sự nỗ lực cùng phương hướng kinh doanh linh động, hiệu quả, kết hợp với sức mạnh từ chuyển đổi số, MSB đang từng bước chinh phục mục tiêu trở thành “Ngân hàng ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ”. Mục tiêu hướng đến năm 2028, vốn hóa của MSB đạt 12 tỷ USD với lợi nhuận đạt 1 tỷ USD.

3.7. Các chỉ tiêu hoạt động cốt lõi của Ngân hàng giai đoạn 2020 – 2024 (số hợp nhất được kiểm toán):

Quy mô (tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023	2024
Tổng tài sản	176.698	203.665	212.776	267.006	320.148
Cho vay khách hàng	79.341	101.563	120.644	149.145	176.493

Chứng khoán đầu tư	55.845	48.257	31.554	37.897	65.605
Tiền gửi khách hàng	87.510	94.616	117.121	132.350	154.612
CASA/Tổng tiền gửi (%)	29,29%	35,84%	31,16%	26,54%	26,42%
Vốn chủ sở hữu	16.875	22.038	26.654	31.298	36.818
Vốn điều lệ	11.750	15.275	19.858	20.000	26.000
Kết quả kinh doanh (tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023	2024
Thu nhập lãi thuần	4.822	6.216	8.322	9.189	10.243
Thu nhập ngoài lãi	2.361	4.372	2.371	3.070	3.975
Chi phí hoạt động	3.586	3.932	4.428	4.812	5.230
Chi phí dự phòng	1.073	1.568	479	1.617	2.084
Lợi nhuận trước thuế	2.523	5.088	5.787	5.830	6.904
Lợi nhuận sau thuế	2.011	4.035	4.616	4.644	5.519
Khả năng sinh lời (%)	2020	2021	2022	2023	2024
ROE	12,62%	19,82%	18,44%	15,56%	15,97%
ROA	1,21%	2,10%	2,31%	1,88%	1,85%
NIM	3,35%	3,63%	4,50%	3,98%	3,57%
Thu nhập phí/TOI	11,43%	27,14%	10,40%	13,03%	9,52%
Chi phí hoạt động/TOI (CIR)	49,17%	37,14%	41,39%	39,26%	36,75%
Hệ số an toàn vốn (%)	2020	2021	2022	2023	2024
CAR	10,16%	11,52%	12,31%	12,76%	12,31%
CAR cấp 1	11,06%	11,89%	12,68%	12,98%	12,81%
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	9,55%	10,82%	12,53%	11,72%	11,50%
Khả năng thanh khoản (%)	2020	2021	2022	2023	2024
Cho vay khách hàng/Tổng tài sản	44,90%	49,87%	56,70%	55,86%	55,13%
Tổng dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi khách hàng (LDR)	62,32%	65,02%	68,77%	67,55%	72,24%
Nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn - Mtl	26,20%	21,42%	23,57%	24,87%	28,27%
Chất lượng tài sản	2020	2021	2022	2023	2024
Tỷ lệ nợ xấu (NPL riêng lẻ)	1,62%	1,15%	1,21%	1,94%	1,83%

4. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng Điều hành

Năm 2024 – nỗ lực chung tay thích ứng trước biến động

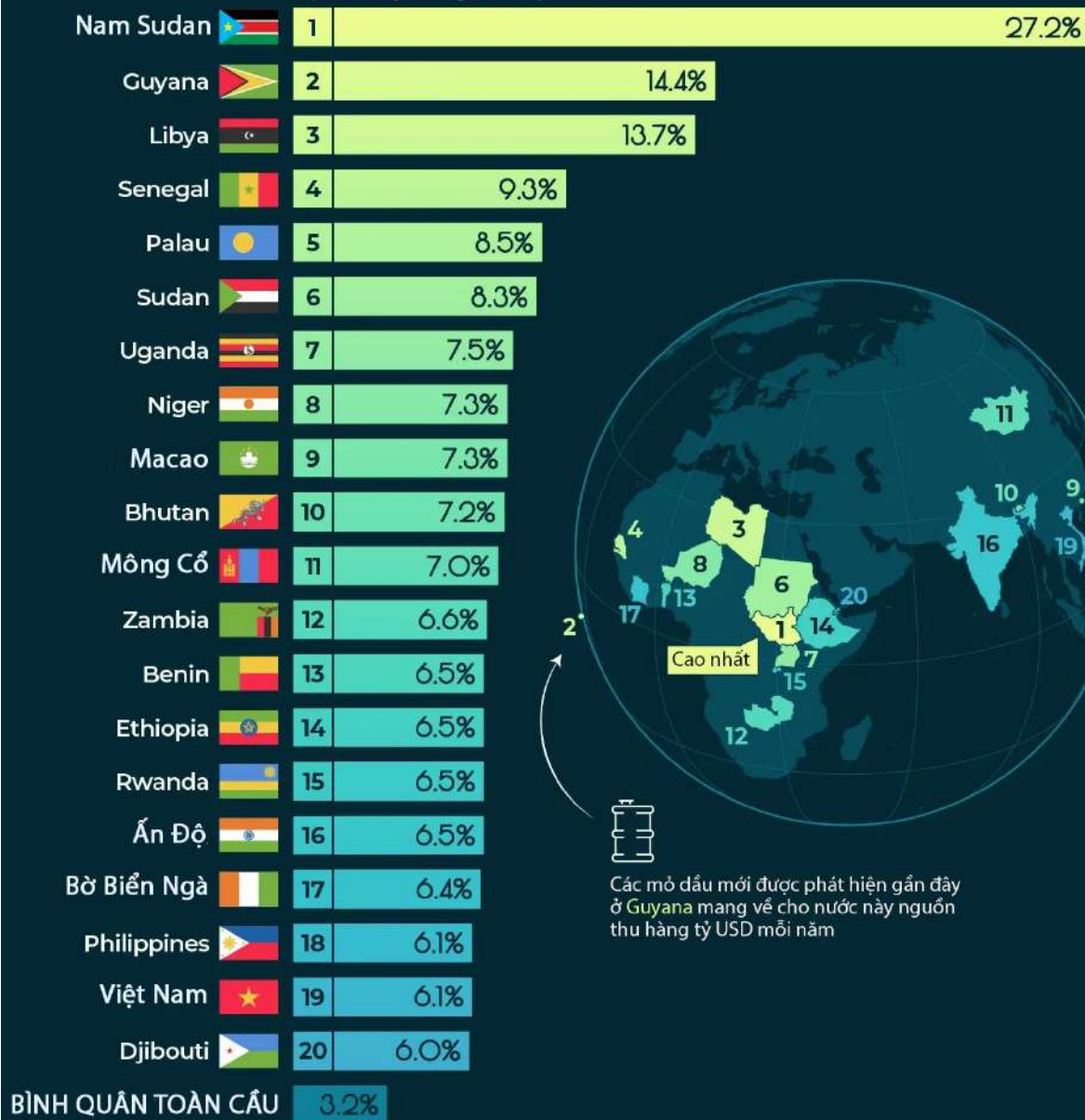
Năm 2024, kinh tế thế giới gần đạt mức trước đại dịch, với dự báo tăng trưởng GDP là 3,2% và chỉ số CPI ở mức 5,8%. Tuy nhiên, xung đột về chính trị, các ảnh hưởng trái chiều của chính sách kinh tế, tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu... là các yếu tố hạn chế tăng trưởng. Các nền kinh tế ở các nước phát triển, đặc biệt khu vực Asean, trong đó có Việt Nam, ngày càng thể hiện vị thế quan trọng trong guồng quay tăng trưởng toàn cầu.

Việt Nam tiếp tục duy trì được đà bứt phá của một nước đang phát triển nhờ vào những yếu tố như xuất khẩu ổn định, dòng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục tăng, nhiều biện pháp hỗ trợ tiêu dùng nội địa thể hiện hiệu quả, đặc biệt với một số ngành nghề như sản xuất, du lịch, các ngành liên quan khi Chính phủ thúc đẩy đầu tư công... Là ngành đóng vai trò quan trọng trong kinh tế đất nước, ngành ngân hàng đạt nhiều dấu mốc quan trọng, kiểm soát tốt lãi suất, tỷ giá, chính sách tiền tệ linh hoạt... Các ngân hàng tích cực phát triển sản phẩm – dịch vụ cung cấp cho khách hàng, phải kể đến là các sản phẩm số hóa, các lựa chọn công cụ thanh toán quốc tế hỗ trợ xuất khẩu, chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay thúc đẩy doanh nghiệp phục hồi, các sản phẩm tín dụng xanh/tín dụng có tiêu chí phát triển bền vững... Đồng thời, các ngân hàng đều tập trung đầu tư công cụ quản trị rủi ro nâng cao, số hóa định danh khách hàng... Tất cả các yếu tố này đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế trong năm 2024. Theo số liệu Ngân hàng Nhà nước, đến 31/12/2024, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 15,08%, cao hơn so mức 13,71% năm 2023. Đặc biệt, khung pháp lý cho thị trường tài chính đạt được những bước tiến quan trọng, thúc đẩy sự phát triển bền vững và an toàn của hệ thống tài chính Việt Nam.

Năm 2025, theo dự báo của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Việt Nam nằm trong nhóm 20 nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất. Các tổ chức kinh tế và Chính phủ Việt Nam dự báo tăng trưởng GDP dao động trong khoảng từ 6,7% đến 8%, nhờ vào sự đóng góp mạnh mẽ từ đầu tư và động lực ổn định trong thương mại và tiêu dùng. Kế hoạch đầu tư công của quốc gia ghi nhận ngân sách kỷ lục, tăng 17% so với năm 2024. NHNN đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 16%, tiếp tục giữ vai trò là kênh dẫn vốn quan trọng nhất cho nền kinh tế. Động lực tăng trưởng tín dụng năm 2025 được kỳ vọng đến từ việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, thị trường bất động sản trong nước phục hồi, tín dụng tiêu dùng được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt...

20 NỀN KINH TẾ TĂNG TRƯỞNG NHANH NHẤT NĂM 2025

Dự báo tăng trưởng GDP thực năm 2025



Trong bối cảnh vĩ mô có nhiều biến động khó định đoán, MSB luôn nỗ lực phát huy các thế mạnh, dựa vào kinh nghiệm quản trị và khả năng ứng phó nhanh nhạy, từ đó duy trì được sự ổn định và

phát triển bền vững, cung cấp các sản phẩm dịch vụ chất lượng, gia tăng tệp khách hàng, tìm kiếm cơ hội kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh như cam kết với cổ đông. MSB đã khép lại năm 2024 với những kết quả khả quan không chỉ thể hiện bằng các con số của chỉ tiêu tài chính mà cả những thành tựu mang tính chất lượng như quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động, tính thanh khoản, tinh gọn hoạt động, tối ưu chi phí và gia tăng năng lực cạnh tranh. Ngân hàng hướng tới quản trị thông suốt, tuân thủ không chỉ các quy định của cơ quan quản lý mà còn đáp ứng tốt các yêu cầu theo chuẩn quốc tế trong hoạt động. MSB cũng đã có một năm đẩy mạnh các hoạt động phát triển bền vững, mọi kế hoạch, chiến lược và sản phẩm kinh doanh đều được tích hợp với các yếu tố Môi trường - Xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

Mô hình kinh doanh của MSB

Với sứ mệnh “Vì một cuộc sống thuận ích hơn”, MSB đem đến những sản phẩm được thiết kế theo nhu cầu riêng biệt, cá nhân hóa theo năng lực tài chính và mục tiêu của mỗi khách hàng. Chúng tôi hướng tới những giá trị bền vững cho mọi tệp khách hàng, từ khách hàng doanh nghiệp lớn hay tầm trung đến khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ. MSB cũng hỗ trợ tận tâm khách hàng cá nhân và tiến tới tài chính toàn diện, phổ cập dịch vụ ngân hàng đến mọi tầng lớp cộng đồng, trở thành ngân hàng ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ.

MSB áp dụng mô hình kinh doanh theo ngành dọc: “ngân hàng trong ngân hàng” – “bank in bank”. Cấu trúc này được đối tác tư vấn quốc tế McKinsey xây dựng và tối ưu kể từ năm 2010. Mỗi ngân hàng chuyên doanh: Ngân hàng Bán lẻ, Ngân hàng Doanh nghiệp, Ngân hàng Định chế tài chính, Ngân hàng Quản lý tín dụng được quản lý như một ngân hàng độc lập. Mô hình này phát huy tính hiệu quả khi MSB áp dụng các chính sách sản phẩm, quy trình kinh doanh mới.

MSB xác định phân khúc khách hàng trọng tâm là các khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đây là hai phân khúc khách hàng có quy mô tín dụng lớn nhất, đạt mức tăng trưởng tín dụng tốt và ổn định trong giai đoạn vừa qua. Tại thời điểm cuối năm 2024, tổng tín dụng MSB cấp cho hai tệp khách hàng này chiếm gần 70% tổng cho vay khách hàng, tăng trưởng hơn 28% so với năm 2023. Đối với khách hàng là các doanh nghiệp lớn, MSB xác định ưu tiên thiết lập quan hệ tín dụng với các doanh nghiệp đầu ngành/lĩnh vực hoạt động. Hơn 30% tổng giá trị cho vay khách hàng là tỷ trọng cấp tín dụng của Ngân hàng cho tệp khách hàng này.

Trên thị trường liên ngân hàng, MSB được biết đến như một nhà tạo lập thị trường trong một số lĩnh vực như Trái phiếu Chính phủ, kinh doanh giấy tờ có giá, giao dịch sản phẩm phái sinh, nghiệp vụ giao dịch ngoại tệ...

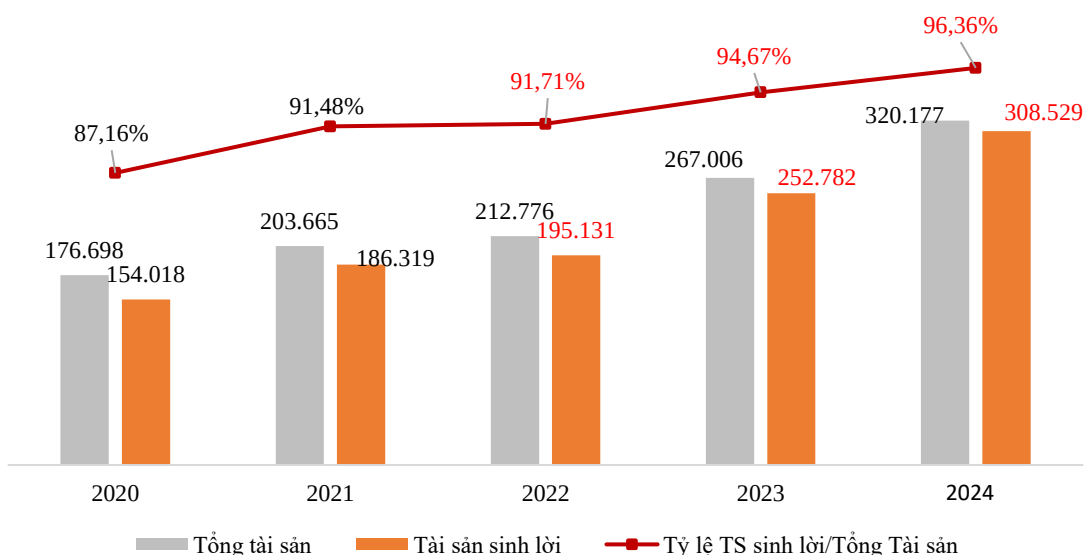
Các nghiệp vụ ngân hàng trên thị trường một và thị trường liên ngân hàng hỗ trợ nhau giúp MSB củng cố vị thế của một ngân hàng năng động, hoạt động hiệu quả, tăng trưởng tốt và mang lại giá trị bền vững cho các bên liên quan.

4.1. Quy mô hoạt động

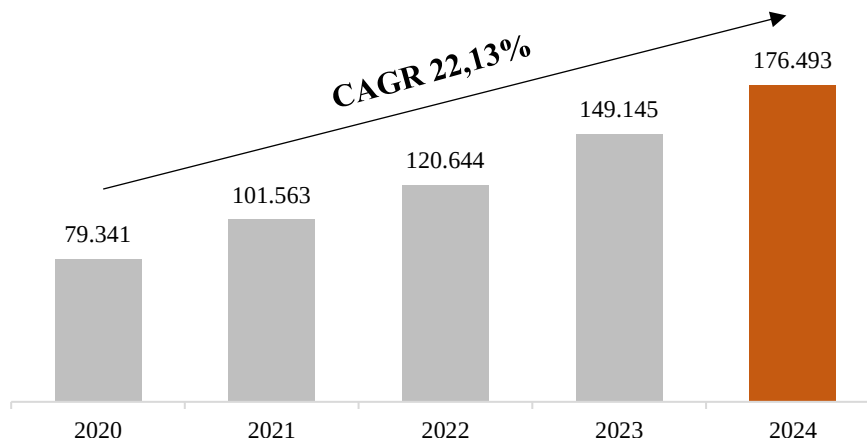
4.1.1. Tổng tài sản và tăng trưởng tín dụng

Tổng tài sản của MSB tại 31/12/2024 đạt 320.148 tỷ đồng, tăng 19,9% so với 2023. Động lực chính cho mức gia tăng này đến từ Cho vay khách hàng – chiếm hơn 55% tổng tài sản. Mảng đầu tư trái phiếu cũng đóng góp tích cực với tổng giá trị là 65.605 tỷ đồng, tăng 73,11% so với cùng kỳ. Trong đó, khoảng 65% danh mục này là Trái phiếu Chính phủ, gần 34% là trái phiếu tổ chức tín dụng và chỉ có hơn 1% là trái phiếu doanh nghiệp. Trong tổng số trái phiếu mà MSB nắm giữ, chỉ có hơn 900 tỷ đồng là trái phiếu doanh nghiệp, thấp hơn mức 1.525 tỷ tại cuối năm 2023 và tiếp tục theo xu hướng giảm trong thời gian tới.

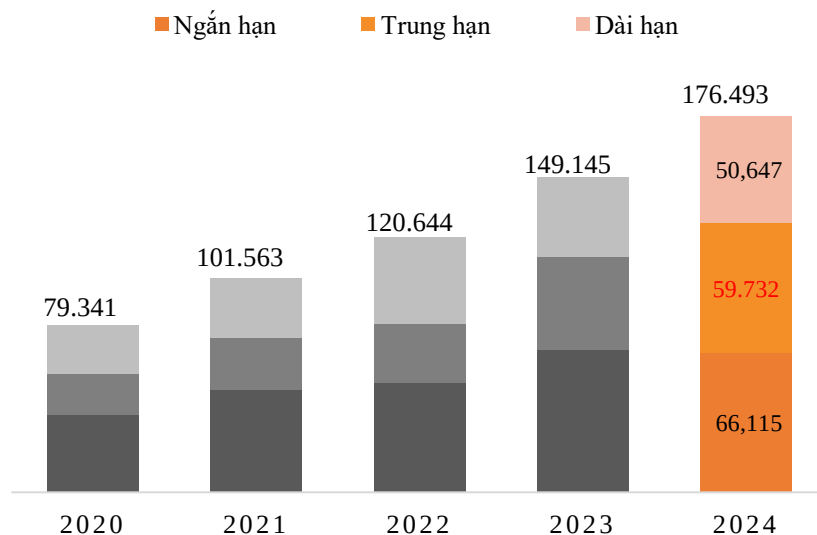
Tài sản sinh lời được cải thiện so với năm 2023 khi tăng gần 22,05%, đạt 97% năm 2024 cho thấy việc cải thiện trong hiệu quả sử dụng tài sản qua các năm. Ngân hàng đã thanh lý hết tài sản gắn nợ là tàu biển trong năm 2024 như đã cam kết, từ đó hỗ trợ cải thiện chất lượng tài sản của MSB, đưa số dư cuối kỳ với tài sản gắn nợ về khoảng 59 tỷ đồng, so với mức 1.115 tỷ của năm trước.



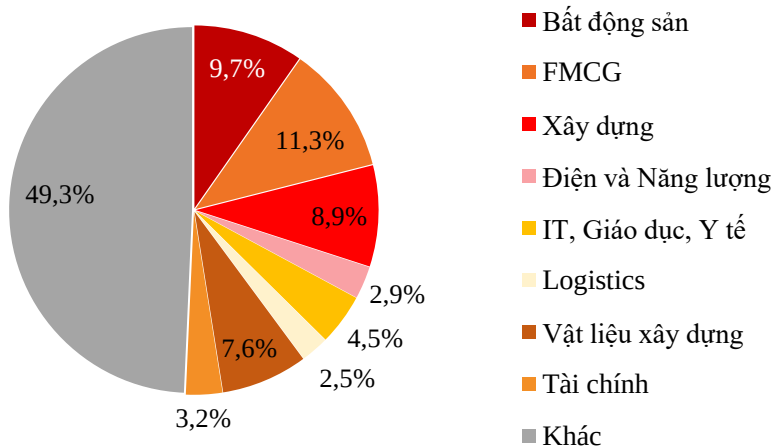
Năm 2024, MSB ghi nhận tỷ lệ tăng trưởng tín dụng đạt 18,25% (mảng ngân hàng), thuộc mức tăng trưởng cao so với toàn ngành với tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 176.493 tỷ đồng.



Tỷ trọng mảng khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng dần trong tổng dư nợ tín dụng, chiếm khoảng 70% tổng danh mục cho vay, theo đúng chiến lược mà MSB theo đuổi. Trong đó, dư nợ tín dụng cho khách hàng cá nhân chiếm gần 27% và khách hàng doanh nghiệp SME đạt gần 43%, tương ứng tăng trưởng năm lần lượt là 11,6% và 28,4%. Khách hàng doanh nghiệp lớn với tỷ trọng khoảng 30% tổng danh mục cho vay, đạt mức tăng trưởng hơn 16% cho năm 2024. 71,3% danh mục cho vay của MSB là các khoản vay ngắn và trung hạn, tùy theo khẩu vị rủi ro và biến động của thị trường, Ngân hàng có các chiến lược cho vay phù hợp với từng giai đoạn, tối ưu nguồn vốn huy động đồng thời đảm bảo tính thanh khoản, an toàn hoạt động.



Các khoản vay phân bổ đều theo các ngành kinh tế, chủ yếu tập trung vào các ngành sản xuất, công nghiệp nhẹ, tiêu dùng, kinh doanh bất động sản, xây dựng (bao gồm thầu xây dựng và kinh doanh vật liệu xây dựng). Với bối cảnh các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong các năm qua, rủi ro nợ xấu là vấn đề chung của cả thị trường trong quý 2-3/2024. Với khẩu vị rủi ro chặt chẽ, MSB đẩy mạnh việc cấp tín dụng cho các khoản vay có tài sản đảm bảo. Các khách hàng được Ngân hàng cấp tín dụng là khách hàng truyền thống, lịch sử quan hệ tín dụng tốt, áp dụng quy trình thẩm định chặt chẽ và ngân hàng triển khai nhiều công cụ quản trị rủi ro, giám sát sau giải ngân. Trong 3 năm gần đây, MSB đẩy mạnh tín dụng xanh, tín dụng mang yếu tố xã hội, tập trung cho các ngành giáo dục, y tế, công nghệ, hỗ trợ các mục tiêu phát triển bền vững, xã hội hóa dịch vụ ngân hàng, tài chính toàn diện. Tại thời điểm cuối năm 2024, tổng dư nợ cho lĩnh vực tín dụng xanh của MSB là 5.165 tỷ đồng, chiếm gần 3% tổng dư nợ của Ngân hàng. Tỷ trọng của danh mục tín dụng xanh tập trung vào một số lĩnh vực chủ chốt như năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, giao thông bền vững, tái chế - tái sử dụng các nguồn tài nguyên, quản lý nước bền vững tại khu vực đô thị và nông thôn và các lĩnh vực xanh khác. Đối với danh mục cho vay của Ngân hàng Bán lẻ, sản phẩm cho vay mua nhà chiếm khoảng 45% tổng tín dụng bán lẻ, tiếp theo là cho vay tiêu dùng và vay kinh doanh.



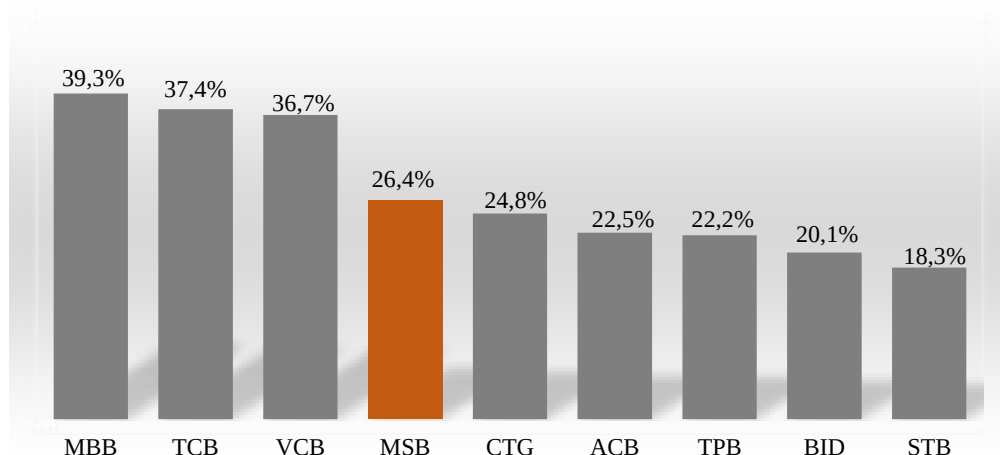
Danh mục cho vay MSB tại 31/12/2024 (ĐVT: %)

4.1.2 Nguồn vốn và tiền gửi khách hàng

MSB có nguồn vốn phân bổ đa dạng với mục tiêu tối ưu chi phí vốn. Tiền gửi khách hàng tăng trưởng 16,82% năm 2024, đạt mức tăng trưởng kép (CAGR) 15,29% trong 5 năm từ 2020-2024 với tổng giá trị tại 31/12/2024 là 154.612 tỷ đồng. Với các sản phẩm tiền gửi linh hoạt và danh mục khách hàng ổn định, MSB đã thử nghiệm các sản phẩm tiền gửi có yếu tố số hóa, thành công

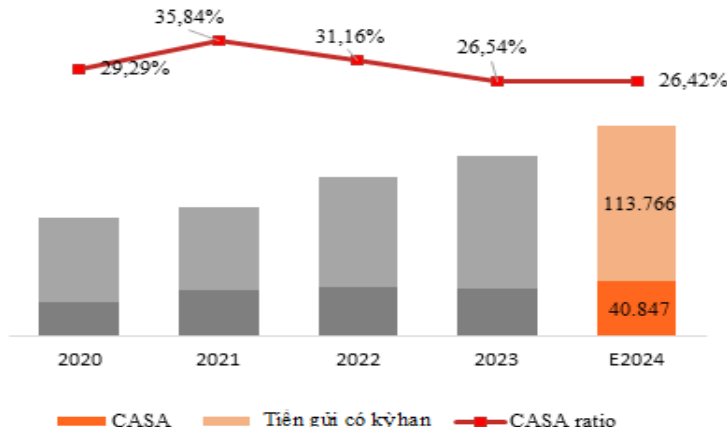
rút ngắn thời gian thực hiện giao dịch của khách hàng qua các nền tảng mobile và internet Banking, đảm bảo đa dạng hóa nguồn huy động.

Để đảm bảo khả năng huy động vốn hiệu quả, MSB luôn đa dạng hóa nguồn huy động, phát triển các sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường và duy trì mức lãi suất cạnh tranh, đồng thời chú trọng vào cơ cấu chi phí vốn trong bảng cân đối tài sản của ngân hàng.



Tỷ lệ CASA/Tổng tiền gửi của một số ngân hàng

Xét về yếu tố kỳ hạn, MSB nắm giữ gần 114.000 tỷ đồng dạng tiền gửi có kỳ hạn và gần 41.000 tỷ đồng tiền gửi không kỳ hạn, tăng trưởng 2 con số tương ứng 17% và 16,3%. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA)/Tổng tiền gửi năm 2024 đạt 26,42%, duy trì vị trí thứ 4 toàn ngành, hỗ trợ ngân hàng giảm chi phí huy động vốn. Sự phân bổ nguồn vốn tiền gửi không kỳ hạn giữa các tệp khách hàng cá nhân, doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) có sự chuyển biến tích cực theo đúng định hướng chiến lược của MSB. CASA của nhóm khách hàng SME và cá nhân chiếm hơn 68% tiền gửi CASA của toàn Ngân hàng.



Năm 2024, MSB đã tăng vốn thành công lên mức 26.000 tỷ đồng, thông qua phát hành cổ tức trả cổ phiếu với tỷ lệ 30%, đưa tổng vốn chủ sở hữu đạt hơn 36.818 tỷ đồng, tăng 17,64% so với năm 2023. Việc tăng vốn điều lệ thành công trong năm 2024 sẽ hỗ trợ cho MSB đạt được các mục tiêu trong hoạt động ngân hàng:

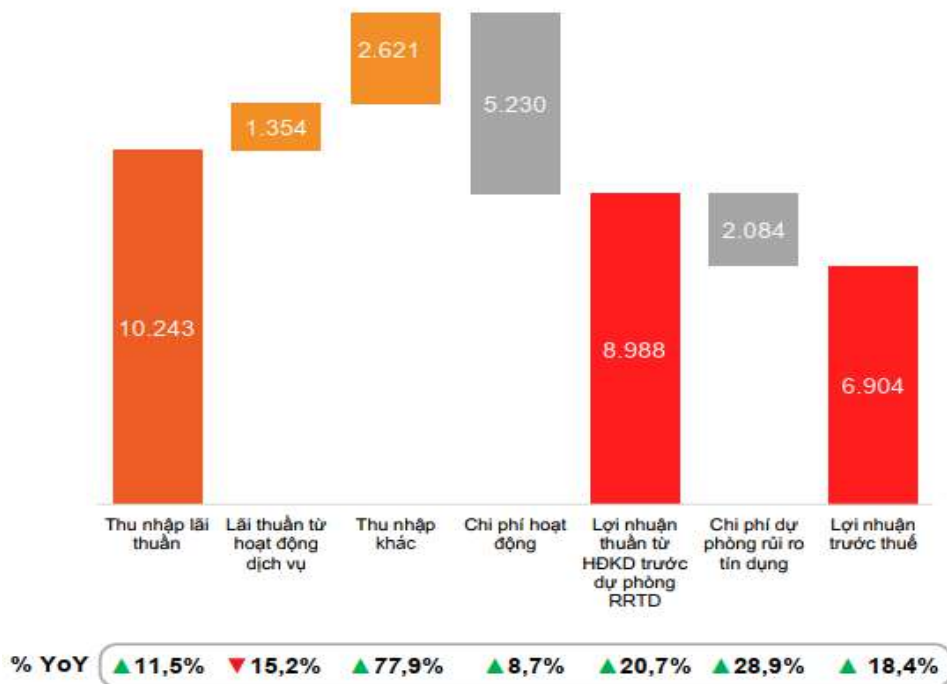
1. Nâng cao tính cạnh tranh theo quy mô và năng lực tài chính, đảm bảo tốt các tiêu chuẩn quản trị rủi ro theo chuẩn quốc tế. Mức vốn điều lệ cao hơn cũng giúp MSB cải thiện xếp hạng với các tổ chức xếp hạng tín nhiệm, các đối tác liên ngân hàng, khách hàng tổ chức và các cổ đông/nhà đầu tư nước ngoài...
2. Gia tăng nguồn vốn phục vụ kinh doanh – nghiệp vụ chính của MSB và các hạng mục cần đầu tư, nâng cấp như: các dự án công nghệ, đào tạo nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất, phục vụ chiến lược Phát triển bền vững/xây dựng Ngân hàng xanh... mà MSB đang theo đuổi.

4.2. Kết quả kinh doanh

4.2.1. Tổng thu nhập hoạt động:

Tổng thu nhập hoạt động của MSB năm 2024 đạt 14.218 tỷ đồng, tăng trưởng năm đạt gần 16%, trong đó thu nhập lãi thuần cả năm 2024 đạt hơn 10.243 tỷ đồng, thu nhập ngoài lãi đạt 3.975 tỷ

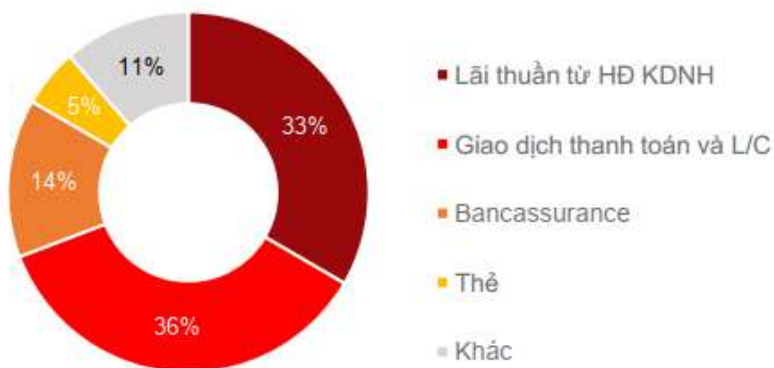
đồng với đóng góp từ hoạt động dịch vụ thu phí hơn 1.354 tỷ, kinh doanh ngoại hối có lãi thuần hơn 1.055 tỷ.



Nhờ vào tăng trưởng quy mô tín dụng trong năm, quản lý tốt nợ xấu và cơ cấu nguồn vốn chi phí thấp, nên mặc dù thực hiện nhiều đợt giảm lãi suất cho vay ưu đãi khách hàng theo định hướng của Chính phủ, ngân hàng vẫn đạt mức thu nhập lãi thuần tăng 11,5% so với năm 2023.

Về các nguồn thu ngoài lãi, mảng kinh doanh ngoại tệ vẫn là điểm sáng. Doanh thu từ kinh doanh ngoại tệ của MSB đến từ việc cung cấp dịch vụ chất lượng hàng đầu cho khách hàng doanh nghiệp

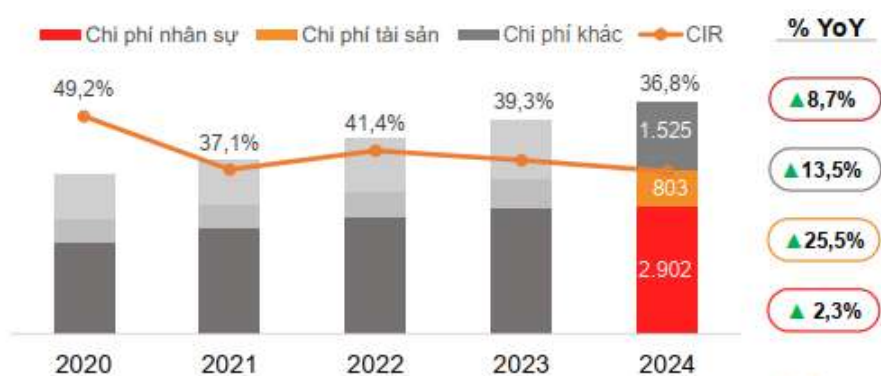
Cơ cấu thu nhập ngoài lãi năm 2024 (Tỷ đồng)



và cá nhân, dựa trên tỷ giá tốt và dự đoán diễn biến thị trường sát thực tiễn. Đây là mảng dịch vụ mà ngân hàng kỳ vọng sẽ có nhiều đột phá trong thời gian tới. Hoạt động thu phí dịch vụ có phần giảm sút so với năm 2023 chủ yếu là do nguồn thu từ hoạt động Bancassurance, liên quan đến biến động của chính sách và thị trường của hoạt động này trong năm 2024.

4.2.2. Chi phí hoạt động:

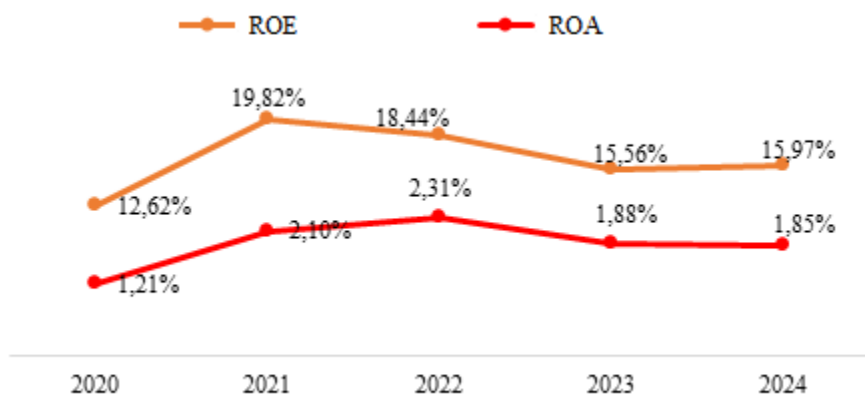
Năm 2024, Ngân hàng đã kiểm soát tốt chi phí hoạt động và tiết kiệm chi phí quản lý, với tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) là 36,75%, giảm so với mức gần 40% của năm trước. Các dự án số hóa, sáng kiến tối ưu hóa quy trình đã giúp giảm thiểu thời gian và chi phí vận hành, nâng cao hiệu quả công việc.



Trong tổng chi phí hoạt động, chi phí nhân sự chiếm hơn 55%, tăng khoảng 2,3% so với năm 2023 với số lượng cán bộ nhân viên của MSB tăng từ 6.308 người tại cuối năm 2023 lên 6.678 người tại 31/12/2024. Chi phí khác chiếm hơn 1.500 tỷ bao gồm các khoản chi phí quảng cáo, khuyến mãi, thuê chuyên gia, tư vấn... hỗ trợ hoạt động thường nhật của MSB. Khi các quy trình được số hóa nhiều hơn, các dự án số hóa được triển khai và hoạt động đầy đủ, Ngân hàng dự tính có thể hạ chỉ số CIR về mức 30%.

4.2.3. Lợi nhuận của Ngân hàng và khả năng sinh lời:

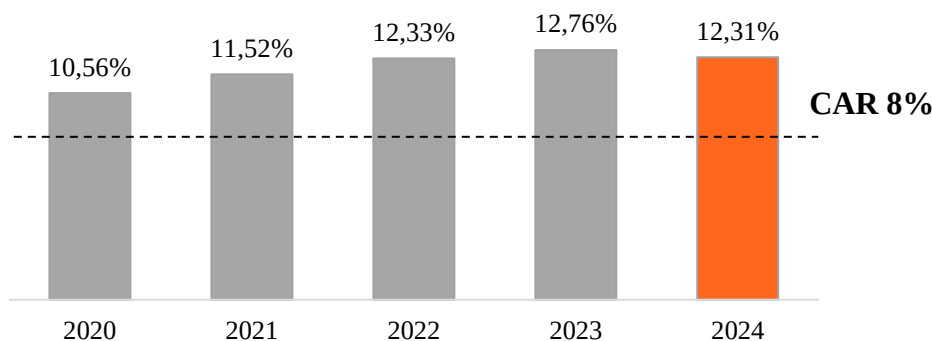
Lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng trong năm 2024 đạt 6.904 tỷ đồng, tăng trưởng 18,42% so với năm 2023, vượt mức kế hoạch 6.800 tỷ mà Đại hội đồng cổ đông năm 2024 đã thông qua. Sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế với Nhà nước, MSB ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 5.519 tỷ đồng và lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu đạt 2.123 VNĐ/cổ phiếu. Các chỉ số tỷ suất sinh lời 12 tháng: ROA và ROE lần lượt đạt 1,85% và 15,97% tại cuối năm 2024.



4.3. Quản trị rủi ro

4.3.1. Hệ số an toàn vốn

Năm 2024, MSB tiếp tục báo cáo các bên liên quan theo chuẩn của Basel II đồng thời cũng xây dựng các tiêu chuẩn cao cấp về quản trị rủi ro theo Basel III và Basel IV. Các công cụ quản trị rủi ro được MSB nâng cấp khi nhiều quy trình khách hàng, đặc biệt là dành cho khách hàng cá nhân và SME được số hóa.



Trong công tác quản lý hệ số an toàn vốn (CAR), trong những năm gần đây, các mô hình tính toán rủi ro tín dụng, tài sản có rủi ro được MSB chuẩn hóa và phân bổ từ khâu giao kế hoạch giải ngân với mỗi ngân hàng chuyên doanh. Các khách hàng lớn hoặc các nhóm khách hàng nhận giải ngân cũng được Ngân hàng đánh giá thường xuyên trong việc thực hiện các cam kết đưa ra, từ đó có các hành động phù hợp nhằm quản lý tài sản có rủi ro tín dụng hiệu quả, hỗ trợ công tác kiểm soát an toàn vốn, đảm bảo hệ số an toàn vốn luôn cao hơn mức trung bình ngành.

Kết thúc năm 2024 MSB có tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất tính theo Thông tư 41/2016/TTNHN đạt 12,31%, cao hơn mức 8% theo yêu cầu.

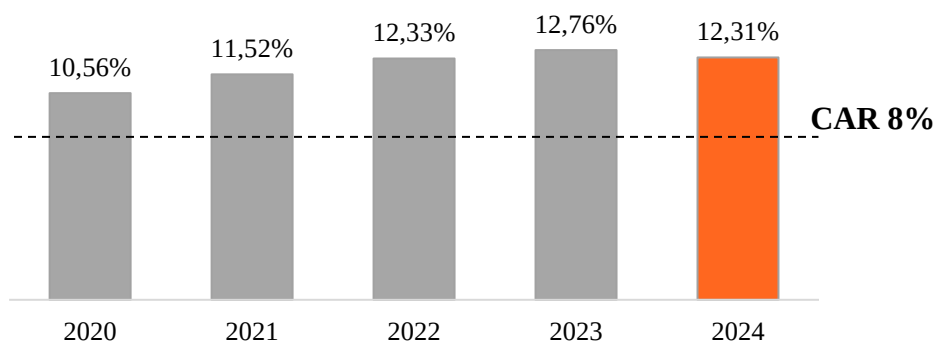
4.3.2. Khả năng thanh khoản

Với dư nợ cho vay trên 176.000 tỷ, chỉ số dư nợ cho vay/tổng tài sản của MSB khoảng 55,13%. Các chỉ số về thanh khoản như chỉ số tổng nợ/tổng huy động (LDR) và hệ số nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn (MTLT) lần lượt đạt 72,24 % và 28,27%, đảm bảo mức tốt so với yêu cầu của Cơ quan quản lý (mức yêu cầu lần lượt là 85% và 30%). Trong những năm gần đây, danh mục huy động vốn trung và dài hạn của MSB được hỗ trợ nhiều từ các khoản vay tổ chức tài chính nước ngoài như Proparco, Opec Fund, ngân hàng Standard Chartered... MSB hiện đang làm việc với một số đối tác để huy động nguồn vốn có tiêu chí phát triển bền vững cấp cho trung và dài hạn.

4.3.3. Chất lượng tài sản và tỷ lệ nợ xấu

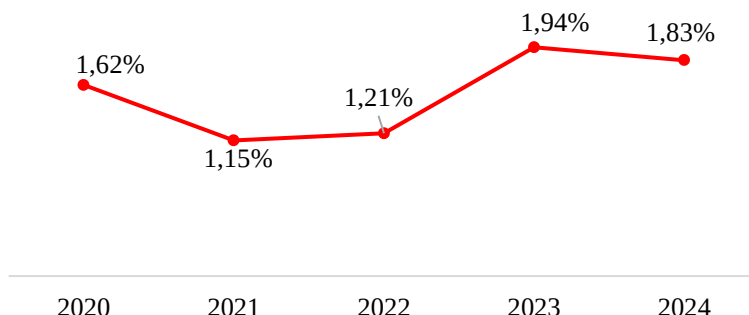
MSB là một trong những ngân hàng tiên phong ở Việt Nam áp dụng Basel II từ cuối năm 2014, và hiện cũng đang phát triển các công cụ để áp dụng Basel III, Basel IV trong công tác quản trị rủi ro. Tại thời điểm cuối năm 2024, chỉ số CAR hợp nhất tính theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN của Ngân hàng đạt mức 12,31%, cao hơn nhiều so với mức 8% theo yêu cầu.

Kể từ 2021 đến nay, MSB chi trả cổ tức bằng cổ phiếu phát hành mới cho cổ đông từ lợi nhuận để lại. Việc này hỗ trợ tăng quy mô cạnh tranh đồng thời củng cố các chỉ số an toàn vốn. Tỷ lệ vốn chủ sở hữu/tổng tài sản của MSB năm 2024 ở mức 11,5%.



MSB đã triển khai nhiều công cụ và biện pháp để hạn chế nợ xấu, thu hồi nợ và đẩy mạnh xử lý nợ tại tất cả các ngân hàng chuyên doanh theo từng đối tượng khách hàng. Ngân hàng triển khai rà soát liên tục danh mục khách hàng hiện hữu, nhận diện ra khách có rủi ro cao để có biện pháp xử lý sớm cho khách hàng, tăng cường công tác cảnh báo sớm, triển khai cơ cấu, tái cấu trúc và công tác thu hồi, xử lý nợ. Nợ xấu (NPL) của mảng ngân hàng tính theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN tại 31/12/2024 ở mức 1,83%, giảm so với mức 1,94% năm 2023; nợ xấu hợp nhất của MSB ở mức 1,9%, cho thấy tính hiệu quả trong công tác quản lý nợ xấu.

Tỷ lệ NPL mảng ngân hàng



Tại thời điểm 31/12/2024, dư nợ của các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định Thông tư 01/2020/TT-NHNN và Thông tư 02/2023/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung của NHNN có số dư lần lượt là 40 tỷ đồng và 2.074 tỷ đồng. Tỷ trọng các khoản nợ tái cơ cấu của MSB trên tổng danh mục cho vay khá thấp so với trung bình ngành ngân hàng.



Để đảm bảo việc quản trị rủi ro, MSB cũng như các ngân hàng khác đều phải gia tăng khoản mục trích lập dự phòng tín dụng. Dự phòng cho vay tại cuối năm 2024 ghi nhận 3.026 tỷ, tăng 28,07% so với năm 2023. Hệ số bao phủ nợ xấu của ngân hàng đạt mức 64,4% tại cuối năm 2024, cao hơn năm 2023 và đảm bảo tính tuân thủ do danh mục cho vay của MSB đa số là khoản vay có giá trị tài sản bảo đảm lớn so với giá trị khoản vay, thể hiện khẩu vị rủi ro chặt chẽ của ngân hàng.

Tổ chức xếp hạng tín nhiệm của Moody's cũng đã phát hành báo cáo xếp hạng cùng các thông cáo báo chí đánh giá hoạt động kinh doanh và đặc biệt là công tác quản trị rủi ro của MSB trong năm 2024. Theo báo cáo xếp hạng tín nhiệm cập nhật ngày 23/2/2024, MSB được Moody's nhận định có triển vọng ổn định và các thông số xếp hạng được giữ nguyên đến 31/12/2024 mặc dù thị trường có nhiều biến động.

Xếp hạng cập nhật ngày 23/2/2024 và giữ nguyên trong cả năm 2024	
Triển vọng	Ổn định
Xếp hạng rủi ro đối tác (Counterparty Risk Rating)	Ba3
Tiền gửi ngân hàng (Bank Deposits)	B1
Đánh giá tín dụng cơ sở (Baseline Credit Assessment)	b2
Đánh giá tín dụng cơ sở điều chỉnh (Adjusted Baseline Credit Assessment)	b2
Đánh giá rủi ro đối tác (Counterparty Risk Assessment)	Ba3(cr)
Xếp hạng nhà phát hành (Issuer Rating)	B1

5. Tình hình hoạt động của các mảng kinh doanh cốt lõi

5.1. Hoạt động kinh doanh phục vụ khách hàng cá nhân



Mảng kinh doanh phục vụ khách hàng cá nhân của MSB trong năm 2024 ghi nhận những kết quả tích cực và đạt nhiều dấu ấn quan trọng. Tổng quy mô của Ngân hàng Bán lẻ tăng trưởng 8%, trong đó, tiền gửi không kỳ hạn tăng 25% và tiền gửi có kỳ hạn tăng 5%. Tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn đạt 18% tổng huy động của mảng bán lẻ. Đây là con số đáng ghi nhận, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế không quá thuận lợi, cho thấy sự ổn định và tăng trưởng bền vững của hoạt động Ngân hàng Bán lẻ.

Doanh số giải ngân mảng bán lẻ tăng 76% so với cùng kỳ năm 2023. Đồng thời, trong năm 2024, MSB đã thực hiện liên kết với nhiều đơn vị phân phối bất động sản mới, cũng như ký kết hợp tác toàn diện với các đối tác nhằm đưa sản phẩm – dịch vụ đến nhiều khách hàng hơn (Các dự án

thuộc Vingroup: Vinhomes Ocean Park 1, 2, 3, Vinhomes Vũ Yên, Vinhomes Smart City, Vinhomes Móng Cái, Grand Park; dự án Phú Quý, Cara River Park, Topaz Elite, Lux City, Á Đông Xanh...).

Về tăng trưởng tệp khách hàng và số lượng tài khoản, số lượng tài khoản mở mới có sự cải thiện mạnh mẽ, với tỷ lệ hoạt động của tài khoản mở mới tăng 54% so với năm 2023. Đây là tín hiệu tích cực minh chứng cho sự tin tưởng của khách hàng đối với các dịch vụ ngân hàng của MSB.

Cũng trong năm 2024, hoạt động chuyển đổi số tại Ngân hàng Bán lẻ ghi nhận nhiều kết quả tích cực khi hơn 90% khách hàng mới sử dụng dịch vụ trên kênh số. Bên cạnh việc số hoá tạo tiện ích cho khách hàng, số hoá trong hoạt động vận hành và quản lý kênh bán cũng được đầu tư và triển khai đồng bộ với hơn 2.500 cán bộ bán hàng được cung cấp ứng dụng trên thiết bị phục vụ cho việc quản lý hoạt động bán hàng hàng ngày, từ đó, nâng cao hiệu suất của đội ngũ bán hàng và chất lượng dịch vụ tại Ngân hàng Bán lẻ.

Nhờ số hóa và tăng trưởng số lượng khách hàng, tài khoản, thu nhập ngoài lãi cũng ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể khi doanh thu từ kinh doanh ngoại tệ tăng 90% và thu phí từ các tài khoản số đẹp đạt mức tăng trên 100%.

Nhằm tiếp tục thúc đẩy phát triển bền vững trong những năm tiếp theo, mảng bán lẻ MSB không chỉ tập trung vào các yếu tố tăng trưởng tài chính mà còn chú trọng đến việc tích hợp các tiêu chí môi trường và xã hội trong chiến lược phát triển. Ngân hàng Bán lẻ cam kết thúc đẩy các hoạt động thân thiện với môi trường, hướng tới mục tiêu tài chính toàn diện, cụ thể như: hỗ trợ gia tăng sử dụng công nghệ xanh; hỗ trợ các khách hàng/hộ kinh doanh vay vốn cho các dự án hướng tới bảo vệ môi trường; mở rộng tệp khách hàng thông qua số hóa; đưa dịch vụ ngân hàng đến các vùng miền xa trung tâm; cung cấp dịch vụ được thiết kế riêng cho các đối tượng như sinh viên, bệnh nhân khám bệnh qua các hợp tác với các bệnh viện; đẩy mạnh chuyển đổi để giảm thiểu tác động từ các hoạt động ngân hàng lên môi trường tự nhiên... Cụ thể, năm 2024, Ngân hàng Bán lẻ đã chung tay cùng toàn Ngân hàng thúc đẩy triển khai dự án giảm thiểu giấy tờ (Paperless), nâng kết quả đạt được lên 72%, cao hơn 3% so với mục tiêu; quy trình nội bộ được số hóa hoàn toàn chiếm 36%. Đồng thời, Ngân hàng Bán lẻ cũng tập trung vào phát triển các dịch vụ tài chính hướng theo tiêu chí xã hội, tạo điều kiện cho các nhóm khách hàng dễ bị tổn thương, giúp nâng cao chất lượng sống và thúc đẩy phát triển cộng đồng bền vững (Chương trình hỗ trợ lãi suất cho các khách hàng gặp khó khăn bởi bão Yagi...).

5.1.1. Những sản phẩm - dịch vụ nổi bật của Ngân hàng Bán lẻ trong năm 2024

- **Hành trình “Sinh lời không ngừng” cùng tài khoản MSB**

Trong giai đoạn 2024 – 2025, MSB kiên định mục tiêu chinh phục 3 triệu khách hàng mới, trong đó sản phẩm tài khoản (CASA) là sản phẩm trọng tâm, kết nối giá trị với các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm, tín dụng, ngoại hối, đầu tư...



HÀNH TRÌNH SINH LỜI KHÔNG NGỪNG CÙNG TÀI KHOẢN MSB

Sử dụng **TÀI KHOẢN THANH TOÁN MSB** cùng **Tính năng Sinh lời** giúp khách hàng nâng tầm & hiện thực hoá mọi mục tiêu tài chính

- AN TOÀN TUYỆT ĐỐI**
 - Công nghệ bảo mật 3 lớp
 - Xác thực khuôn mặt siêu nhanh
 - Nhận biết tài khoản lừa đảo (coming soon)
- GIAO DỊCH THUẬN TIỆN**
 - Giao dịch **100% online** dễ dàng và nhanh chóng ngay trên MSB mBank
 - Tài khoản số đẹp - Định vị thương hiệu bản thân
 - Thanh toán 1 chạm với **APPLE PAY** bằng thẻ ghi nợ quốc tế
- GIA TĂNG GIÁ TRỊ**
 - Tính năng Sinh lời vượt trội ngay trên tài khoản thanh toán
 - Chỉ với **2 tuần** nắm giữ hưởng lợi suất hấp dẫn **3.5%/năm**
 - Lợi suất **gấp 7 lần** so với tiền gửi không kỳ hạn

Trải nghiệm ngay tại MSB mBank



Tài khoản thanh toán của MSB giúp khách hàng hiện thực hóa mục tiêu tài chính với 3 giá trị thiết thực:

- An toàn tuyệt đối: Công nghệ bảo mật 3 lớp, nhận diện khuôn mặt siêu nhanh, đáp ứng yêu cầu bảo mật và xác thực khách hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Giao dịch thuận tiện: Giao dịch 100% online dễ dàng và nhanh chóng, tài khoản số đẹp giúp định vị thương hiệu bản thân, thanh toán một chạm với Apple Pay bằng thẻ ghi nợ quốc tế.
- Gia tăng giá trị: Tính năng sinh lời vượt trội mỗi ngày trên tài khoản thanh toán với lợi suất gấp nhiều lần tiền gửi không kỳ hạn.

Nhờ việc tập trung triển khai quyết liệt các chiến dịch tài khoản mở mới theo các phân khúc khách hàng chiến lược, MSB đã thu hút được gần 1 triệu khách hàng cá nhân mới trong năm 2024. Thành tựu này đã tạo tiền đề cho MSB cán đích mục tiêu có 3 triệu khách hàng mới lũy kế trong năm 2025.

- **Sản phẩm mua bán ngoại tệ và chuyển tiền quốc tế cho khách hàng cá nhân**

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cộng đồng người Việt Nam học tập, sinh sống và làm việc tại nước ngoài không ngừng gia tăng, hiện ước tính đạt hơn 5,3 triệu người, tạo nhu cầu lớn trong giao dịch ngoại tệ và chuyển tiền quốc tế.

Với chiến lược đổi mới sáng tạo và tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm ngoại tệ và chuyển tiền quốc tế của MSB đã đạt được những kết quả vượt bậc. Doanh thu thuần trong mảng kinh doanh ngoại tệ năm 2024 tăng gấp 1,5 lần so với năm 2023, trong khi đó, giá trị giao dịch tăng gấp đôi. Đây là minh chứng rõ nét cho chất lượng dịch vụ của MSB. Với sự tận tâm của đội ngũ nhân viên nghiệp vụ, Ngân hàng đã thuyết phục và giữ chân khách hàng cũ, tạo dựng được sự tin tưởng của khách hàng mới, đưa vị thế MSB luôn trong danh sách lựa chọn hàng đầu của khách hàng khi có nhu cầu dịch vụ ngân hàng liên quan đến ngoại tệ. Kết quả trên không chỉ xuất phát từ năng lực quản trị hiệu quả mà còn từ sự cam kết mạnh mẽ trong việc mang đến các giải pháp tài chính toàn diện, thuận tiện và bảo mật cho khách hàng.

- **Dấu ấn về sản phẩm Thẻ trong năm 2024**

Trong năm 2024, MSB đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ tài chính, đồng thời chú trọng đến việc tạo ra giá trị lâu dài cho khách hàng và cộng đồng. Một trong những điểm nhấn quan trọng là sự ra mắt dòng thẻ Mastercard Family vào tháng 9/2024. Chiếc thẻ đồng hành cùng những “người dựng xây gia đình” vun đắp nền tảng cốt lõi và vững bền là sức khỏe, trí tuệ và tinh thần; từ đó, hiện thực hóa những ước mơ gia đình hạnh phúc và phát triển trong tương lai dựa trên tính năng hoàn tiền cao nhất 30% trong lĩnh vực giáo dục.

Ngoài ra, Ngân hàng cũng tiên phong trong việc tích hợp tính năng thanh toán một chạm Apple Pay cho cả thẻ Mastercard và Visa, đồng thời, phát triển luồng mở thẻ tín dụng online phê duyệt trước chỉ trong 3 phút, mang lại sự tiện lợi và tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng.



MSB không chỉ tập trung vào việc cải tiến công nghệ mà còn chú trọng đến việc nâng cấp các sản phẩm như thẻ tín dụng Signature và thẻ ghi nợ số. Sự kiện thẻ tín dụng cao cấp World Elite thuộc Top 5 lựa chọn “The Best Product Design” đã khẳng định sự sáng tạo và tinh tế trong thiết kế sản

phẩm của Ngân hàng. Bên cạnh đó, việc tích hợp thêm tính năng thanh toán một chạm cho Garmin Pay và Google Pay bên cạnh Samsung Pay đã hoàn thiện bộ 4 tính năng thanh toán TAP to PAY trên mọi thiết bị tới chủ thẻ MSB. Việc đạt mốc 10.000 thẻ phát hành trong tháng 11 đã thể hiện sự phát triển mạnh mẽ và cam kết mang lại tiện ích cho khách hàng.

Vào tháng 12, MSB tự hào nhận hai giải thưởng danh giá từ Mastercard "Top Value Banking Award 2024", "The Caring Product 2024" cho sản phẩm thẻ MSB Family. Những danh vị này ghi nhận nỗ lực không ngừng của Ngân hàng trong việc cung cấp các sản phẩm tài chính hiệu quả và có tác động tích cực đến cộng đồng.

- **Dấu ấn về triển khai sản phẩm bảo hiểm**

Nhất quán với chiến lược phát triển bền vững, đồng hành cùng khách hàng tiếp cận dễ dàng hơn với các giải pháp bảo vệ tài chính, trong 2024, Ngân hàng Bán lẻ đã linh hoạt thiết kế các gói giải pháp, triển khai các hành động mới để đảm bảo khung pháp lý theo quy định, đồng thời giúp khách hàng yên tâm với các quyết định của mình, được bảo vệ đúng nhu cầu và đúng khả năng tài chính. Hàng loạt các hành động được thiết kế và triển khai thành công như: Thực hiện ghi âm tư vấn sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, triển khai bàn quầy giao dịch bảo hiểm tại 100 chi nhánh, đảm bảo số lượng nhân viên tư vấn bảo hiểm có chứng chỉ đại lý bảo hiểm, ra mắt giải pháp tín dụng dành cho người đi vay Pru-An Tâm Bảo Tín (Credit Life), kiểm soát chặt chẽ các hành vi ép khách hàng mua bảo hiểm...

Bên cạnh đó, Ngân hàng Bán lẻ cũng tăng cường kiểm tra chất lượng tư vấn của các nhân viên, tập trung nghiên cứu các giải pháp tư vấn theo định hướng "Tư vấn dựa trên nhu cầu khách hàng" (Needs based selling) để hướng tới phát triển banca vững mạnh. Chính vì vậy, trong năm vừa qua, banca đã hỗ trợ dịch chuyển hoạt động phi tín dụng hiệu quả, rõ rệt qua từng tháng. Minh chứng là tỷ trọng khách hàng phi tín dụng trên tổng khách hàng tăng từ 35% trong 2023 lên 45% trong 2024.

Kết thúc năm 2024, đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được phát hành, MSB đã chuyển trên 6.000 quà tặng tới khách hàng thông qua các chương trình khuyến mại bảo hiểm nhân thọ. Các khách hàng đã tham gia bảo hiểm nhân thọ ngoài các ưu đãi từ Ngân hàng Bán lẻ và công ty bảo hiểm còn được hưởng các giải pháp chăm sóc sức khỏe từ các thương hiệu uy tín (Vinmec, Edoctor, CarePlus).

Ngoài ra, MSB đã phối hợp cùng đối tác bảo hiểm Prudential chi trả quyền lợi bảo hiểm cho 2.168 trường hợp khách hàng với tổng số tiền chi trả lên tới 31,6 tỷ đồng, ca chi trả lớn nhất lên đến 1,4 tỷ đồng. Con số này thể hiện những nỗ lực không ngừng của MSB và đối tác bảo hiểm để hiện thực hóa cam kết "lấy khách hàng là trọng tâm", tập trung mọi hoạt động hướng đến

việc phục vụ chu đáo, mang đến trải nghiệm vượt mong đợi và điểm tựa tài chính phù hợp cho khách hàng.

- Các giải pháp mới được thiết kế theo chiều phân khúc khách hàng:

► Phân khúc Khách hàng ưu tiên



Trong năm qua, mảng bán lẻ MSB đã đạt được một cột mốc quan trọng khi tăng trưởng danh mục khách hàng ưu tiên lên tới 30% so với năm 2023, tương ứng với hơn 19.000 khách hàng mới. Đây là thành quả phản ánh sự nỗ lực không ngừng trong việc phát triển mối quan hệ bền vững và tạo dựng lòng tin với khách hàng.

Ngoài ra, Ngân hàng Bán lẻ đã ra mắt trên thị trường hai gói giải pháp được thiết kế riêng biệt và tinh tế cho các nhóm khách hàng ưu tiên. Gói giải pháp “Thịnh vượng” dành cho các chủ doanh nghiệp không chỉ đáp ứng nhu cầu tài chính mà còn mang đến những đặc quyền vượt trội, từ hạn mức tín dụng cao đến các dịch vụ ngân hàng số và thẻ đen quyền lực, giúp khách hàng dễ dàng tối ưu hóa chi phí và tận hưởng cuộc sống. Trong khi đó, gói giải pháp “Tinh hoa” dành cho các lãnh đạo cấp cao được thiết kế đặc biệt, từ việc hỗ trợ tài chính cho ngôi nhà mơ ước đến các ưu đãi tối ưu chi phí giao dịch và tài khoản số đẹp, thể hiện sự tinh tế trong phục vụ và đồng hành cùng khách hàng trên hành trình kiến tạo tương lai.

Những nỗ lực này không chỉ khẳng định sự tiến bộ và phát triển bền vững của mạng bán lẻ MSB trong năm 2024 mà còn là nền tảng vững chắc để Ngân hàng tiếp tục tiến bước trong năm 2025 và xa hơn nữa.

► **Phân khúc Khách hàng thu nhập từ lương và thu nhập từ kinh doanh**



Ngân hàng Bán lẻ đã triển khai nhiều giải pháp mới nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu và yêu cầu của khách hàng thông qua các phân khúc. Cụ thể:

- Sản phẩm "MSB Family – Dưỡng tương lai, lời hạnh phúc" được thiết kế dành riêng cho nhóm đối tượng khách hàng đặc biệt – những người có vai trò quan trọng trong việc kết nối ngân hàng với gia đình. Sản phẩm này mang tới lợi ích hoàn tiền lên đến 30% cho các lĩnh vực nền tảng như sức khỏe, giáo dục và phát triển tinh thần, giúp khách hàng vun đắp một tương lai gia đình vững chắc.
- Sản phẩm Loa thông báo biến động số dư (Voice Box), phương án tối ưu dành riêng cho khách hàng thuộc phân khúc chủ hộ kinh doanh. Sản phẩm được chính thức triển khai từ tháng 9/2024 và nhận được nhiều sự quan tâm của khách hàng. Đây là một giải pháp tối ưu chi phí, tiết kiệm thời gian cho chủ kinh doanh. Ngoài ra, sản phẩm được tích hợp cùng với phần mềm quản lý doanh thu, giúp khách hàng quản lý các chuỗi cửa hàng mọi lúc mọi nơi, đồng thời kiểm soát doanh số của từng cửa hàng.

- Tháng 12/2024, MSB nâng cấp thêm tính năng thông báo biến động số dư bằng âm thanh qua app và web. Đây là tính năng dẫn đầu trên thị trường số, hỗ trợ khách hàng biến điện thoại thành công cụ quản lý tài chính dễ dàng.

Giải pháp được xây dựng với phân khúc rõ ràng, tập trung vào nhóm khách hàng có thu nhập từ lương và thu nhập từ kinh doanh, từ đó cung cấp những dịch vụ đặc thù phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Các sản phẩm được phát triển dựa trên hành trình khách hàng, nhằm đảm bảo trải nghiệm xuyên suốt và liên tục.

Đồng thời, Ngân hàng Bán lẻ tiếp tục chú trọng đến việc số hóa trong thiết kế giải pháp với mục tiêu tối giản hành trình trải nghiệm khách hàng, giảm chi phí vận hành và tạo ra sự khác biệt về sản phẩm dịch vụ, từ đó nâng cao lợi thế cạnh tranh. Các giải pháp cũng được nghiên cứu và triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thân thiện với môi trường, đồng thời hỗ trợ công tác xã hội, phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của Ngân hàng.

Ngoài kênh truyền thống, Ngân hàng Bán lẻ còn đẩy mạnh khả năng tiếp cận các tệp khách hàng mới thông qua các kênh số, kênh cộng tác viên...nhằm thúc đẩy chiến lược tài chính toàn diện, từ đó mang lại lợi ích cho một cộng đồng khách hàng rộng lớn và đa dạng.

5.1.2. Định hướng năm 2025

Năm 2024, mặc dù nền kinh tế đối diện với nhiều biến động khó lường cả về kinh tế và chính trị, nhưng mảng bán lẻ của MSB đã đạt được những kết quả khả quan và có sự tiến triển rõ rệt cả về chất và lượng, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong năm 2025.

Dựa trên định hướng vĩ mô của Chính phủ và dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 8% trong 2025, Ngân hàng Bán lẻ MSB đã chủ động phân tích các yếu tố biến động của thị trường, đánh giá các kịch bản kinh tế và xây dựng chiến lược nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững, đặc biệt chú trọng đến các yếu tố môi trường và xã hội trong hoạt động. Với việc tính toán nội lực và khả năng nắm bắt cơ hội của Ngân hàng, mảng bán lẻ MSB đã đưa ra kế hoạch 2025 đầy tham vọng với các chỉ tiêu quan trọng được đề ra, cụ thể:

Tổng thu thuần dự kiến tăng trưởng 25% so với năm 2024, nhờ vào việc đẩy mạnh phát triển các sản phẩm trọng tâm và mở rộng các dịch vụ, sản phẩm đa dạng.

Lợi nhuận cũng được kỳ vọng tăng trưởng 28%, đi kèm với chiến lược nâng cao tỷ trọng thu thuần từ lãi, phát triển khách hàng mới và thúc đẩy các sáng kiến bền vững.

Đối với tiền gửi không kỳ hạn, mục tiêu tăng 31%, đạt mức tăng trưởng tích cực so với năm trước, góp phần duy trì sự ổn định và nâng cao khả năng huy động vốn.

Ngân hàng Bán lẻ hướng đến cột mốc tăng trưởng 3 triệu khách hàng vào cuối năm 2025, không chỉ từ các sản phẩm huy động, sản phẩm sinh lời mà còn từ các dịch vụ cho vay và các sản phẩm số hóa khác. Tất cả các chỉ tiêu không chỉ giúp MSB củng cố vị thế tài chính mà còn thể hiện cam kết phát triển bền vững, gắn kết lợi ích kinh tế với trách nhiệm xã hội, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Ngân hàng Bán lẻ trong năm 2025 và những năm tiếp theo.

5.2. Hoạt động kinh doanh phục vụ khách hàng doanh nghiệp

Năm 2024, bối cảnh quốc tế và trong nước chưa thực sự phục hồi như kì vọng, các doanh nghiệp đối mặt với một năm đầy thách thức với việc tổng cầu suy giảm, thị trường tài chính diễn biến khó lường. Ngành ngân hàng cũng chịu tác động lớn và đòi hỏi chiến lược linh hoạt để thích ứng.

Trong bối cảnh đó, MSB thể hiện sự chủ động ứng biến, linh hoạt thích ứng với mục tiêu, không chỉ tăng trưởng kinh doanh mà còn đồng hành cùng khách hàng thích nghi với biến động. Với vai trò là ngành kinh tế trụ cột cũng như đơn vị đảm nhiệm trọng trách chính trong việc cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng Doanh nghiệp đã đóng góp những kết quả hết sức khả quan:



Dư nợ tín dụng
doanh nghiệp tăng
14% so với năm
2023

Huy động vốn
tăng 22% so với
năm 2023

Phát triển thêm gần
5.000 khách hàng
mới, đưa tổng số
khách hàng doanh
nghiệp của MSB lên
gần 100.000



5.2.1. Những sản phẩm, dịch vụ nổi bật của Ngân hàng Doanh nghiệp

a. Chuyển đổi số - động lực thúc đẩy việc chuyển dịch cách thức vận hành và kinh doanh giúp các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt trở nên phổ biến. ***MSB là một trong những tổ chức tín dụng tiên phong phát triển các sản phẩm số dành riêng cho khách hàng doanh nghiệp, nhằm nâng cao trải nghiệm của khách hàng và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu từ thị trường, tiêu biểu như:***

- **Giải pháp Tài khoản M-Smart:** Là gói tài khoản thanh toán dành cho khách hàng doanh nghiệp với tính năng thanh toán đa dạng cùng nhiều ưu đãi miễn/hoàn phí giao dịch, giúp doanh nghiệp tối ưu chi phí, tiết kiệm thời gian và nguồn lực.

M-Smart đã được MSB triển khai trong 03 năm 2021-2024 và được nâng cấp, làm mới qua từng năm đã đem lại trải nghiệm tích cực, giúp gia tăng tính gắn kết với Ngân hàng thông qua những lợi ích thiết thực cho hoạt động kinh doanh của khách hàng. Đặc biệt, trong năm

2024, giải pháp tích hợp thêm nhiều ưu đãi không chỉ đến từ Ngân hàng mà còn đến từ hệ sinh thái đối tác cộng hưởng là Zalo và Giaohangtietsiem giúp khách hàng số hóa hoạt động kinh doanh.

- **Giải pháp chuyển tiền quốc tế qua các đối tác trung gian thanh toán nước ngoài:**

Năm 2024, Ngân hàng Doanh nghiệp triển khai giải pháp đặc thù cho nhóm khách hàng tổ chức là các trung gian thanh toán trong nước và quốc tế, nhằm đẩy mạnh phát triển dịch vụ chuyển tiền thanh toán xuyên biên giới cho các giao dịch mua bán hàng hóa thương mại điện tử trực tuyến theo quy định hợp pháp tại Việt Nam.

Với xu thế thương mại điện tử xuyên biên giới phát triển mạnh mẽ, bùng nổ, các kênh thanh toán chuyển tiền quốc tế mới cũng được chấp nhận và cấp phép hoạt động tại nhiều quốc gia, vì vậy dịch vụ chuyển tiền quốc tế không còn là dịch vụ độc quyền của hệ thống ngân hàng. Do đó, năm 2024, Ngân hàng Doanh nghiệp đã tập trung triển khai giải pháp thanh toán xuyên biên giới cho các nhóm khách hàng đặc thù, là trung gian thanh toán trong và ngoài nước; đồng thời xây dựng đề án phát triển kênh thanh toán quốc tế mới để đáp ứng nhu cầu khách hàng và xu thế thị trường thương mại điện tử hiện nay.

- **Gói giải pháp tín chấp M-Power:** Doanh nghiệp SME có thể dễ dàng tiếp cận nguồn vốn mà không cần tài sản thế chấp với hạn mức lên đến 15 tỷ đồng, tối đa 45% doanh thu của doanh nghiệp. Toàn bộ quy trình vay vốn gói M-Power được triển khai hoàn toàn trên nền tảng trực tuyến, từ xây dựng phương án kinh doanh, nộp hồ sơ, theo dõi tình trạng xử lý và phê duyệt hồ sơ, giải ngân cho đến thanh toán TTR và bán ngoại tệ giúp quy trình vay vốn của doanh nghiệp diễn ra nhanh chóng, thuận tiện, tiết kiệm nguồn lực và chi phí. Thời gian phê duyệt hồ sơ chỉ trong 3 ngày, giúp doanh nghiệp được hỗ trợ nguồn vốn kịp thời để nắm bắt các cơ hội kinh doanh sẵn có;
- **Gói giải pháp tín dụng toàn diện M-Supreme:** Cung cấp tín dụng online toàn diện đến 200 tỷ đồng, tối đa 280% giá trị tài sản bảo đảm, kỳ hạn lên tới 7 năm. Với đa dạng hình thức tài trợ như vay ngắn hạn, vay thấu chi, bảo lãnh, thư tín dụng (LC), sản phẩm tài trợ... giải pháp M-Supreme đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh của tất cả các loại hình doanh nghiệp;
- **Gói giải pháp M-Flash:** Giải pháp tín chấp cấp ngay dành cho doanh nghiệp với điểm đột phá là nguồn tín dụng được cấp ngay cho doanh nghiệp, xử lý thông tin bằng hệ thống AI tự động cùng thời gian xử lý nhanh nhất chỉ trong 4 phút. Với hạn mức lên tới 5 tỷ đồng, gói vay mang đến nguồn vốn tức thời, đáp ứng nhu cầu thanh khoản ngắn hạn, giải phóng doanh nghiệp khỏi nỗi lo việc kinh doanh bị gián đoạn. Thủ tục đơn giản, nhanh chóng, khách hàng có thể tự thao tác, hoàn thiện hồ sơ trực tuyến.

- **Gói giải pháp M-Flash MISA:** Ngày 02/12/2024, MSB và Công ty Cổ phần MISA (MISA) đã chính thức tích hợp thành công giải pháp M-Flash trên nền tảng kết nối vay vốn MISA Lending giúp doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán MISA dễ dàng tiếp cận vốn vay tín chấp lên tới 5 tỷ đồng. Việc ra mắt giải pháp tài chính số mới được xem là bước tiến quan trọng tiếp theo trong hành trình hợp tác giữa MISA và MSB. Trong tương lai, hai bên kỳ vọng sẽ tiếp tục nghiên cứu mở rộng danh mục các lĩnh vực hợp tác để nâng cao sức mạnh cộng hưởng và gia tăng hơn nữa trải nghiệm cho khách hàng của hai bên;
- **Hoàn thiện hành trình tín dụng của Khách hàng doanh nghiệp:**
 - Giải ngân online: Chuyển đổi 90% khách hàng và 90% giao dịch giải ngân VNĐ lên kênh ngân hàng điện tử (Internet Banking), sử dụng chữ ký số, khách hàng không cần đến quầy, không cần hoàn chứng từ giấy. Tính năng cho phép khách hàng thực hiện nhiều mục đích: Giải ngân, mua bán ngoại tệ, thanh toán trong/ngoài nước, thanh toán LC và nhờ thu.
 - LC/Bảo lãnh online: Cho phép khách hàng làm đề nghị phát hành trên Internet Banking một cách đơn giản thuận tiện
 - Dịch vụ trả nợ trước hạn: Giúp khách hàng quản lý hiệu quả các chi phí vay



b. Với chiến lược “Khách hàng là trọng tâm”, trong nhiều năm qua, MSB không ngừng nỗ lực trong việc thấu hiểu để xây dựng, cung cấp các giải pháp tài chính đáp ứng tốt nhất nhu cầu và cùng khách hàng vượt qua khó khăn, phát triển bền vững.

MSB đã xây dựng và triển khai sản phẩm, chương trình kinh doanh dành riêng cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, chính sách riêng cho các khách hàng doanh nghiệp lớn, cùng với các gói giải pháp chuyên sâu cho các lĩnh vực.

- **Chương trình Tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ** (quy mô doanh thu từ 10 tỷ đồng tới 1.000 tỷ đồng) với cấu trúc tài trợ linh hoạt, cho phép tài trợ ngắn hạn không tài sản bảo đảm với giá trị tối đa lên tới 200 tỷ đồng; trong đó, cho vay tối đa 100 tỷ đồng và/hoặc tài trợ ngắn hạn lên tới 280% giá trị tài sản bảo đảm
- **Gói giải pháp Tín dụng thế chấp linh hoạt:** Hạn mức lên tới 30 tỷ đồng, phê duyệt nhanh chóng, thủ tục đơn giản, thời gian duy trì hạn mức tới 36 tháng, tỷ lệ tài trợ trên 110% giá trị bảo đảm của tài sản, giải ngân kịp thời
- **Giải pháp Tài trợ trung dài hạn:** Với tỷ lệ tài trợ lên tới 80% nhu cầu vốn cho hoạt động đầu tư, tham gia tài trợ sớm – từ những giai đoạn đầu đồng hành cùng khách hàng và xuyên suốt dự án, nhận thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, thời gian cho ân hạn tới 24 tháng, thời gian cho vay phù hợp với vòng đời và thời gian hoàn vốn của dự án
- **Giải pháp Tài trợ xuất khẩu:** MSB tài trợ vốn cho doanh nghiệp thực hiện đơn hàng xuất khẩu, giải ngân ngay từ thời điểm ký hợp đồng/đơn hàng hoặc nhận được LC (Letter of Credit – thư tín dụng) xuất khẩu. Tỷ lệ tài trợ tối đa lên tới 90% giá trị thanh toán còn lại của LC.
- **Giải pháp Tài trợ theo phương án đầu ra để khách hàng thực hiện kế hoạch kinh doanh** với tỷ lệ tài trợ tới 80% giá trị phương án đầu ra. Trong đó, MSB có thể tham gia tài trợ dựa trên các hợp đồng/đơn hàng đầu ra dự kiến hoặc ngay sau khi khách hàng nhận được thông báo trúng thầu
- **Gói pháp Tài trợ theo dòng tiền đầu ra:** Có thể cấp hạn mức không tài sản bảo đảm dựa trên dòng tiền được cam kết chuyển trực tiếp từ các đối tác đầu ra thường xuyên của khách hàng chuyển về MSB, thủ tục giải ngân nhanh chóng, thuận tiện
- **Gói giải pháp tín dụng xanh, phát triển bền vững:** Nhằm mang tới các cơ hội tiếp cận vốn thuận lợi với nhiều ưu đãi dành cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, thực hiện các công trình, dự án chuyển đổi xanh, bảo vệ môi trường, các doanh nghiệp phát triển bền vững, trong năm 2024, MSB đã triển khai gói tín dụng ưu đãi lãi suất có quy mô 3.000 tỷ đồng. Các khách hàng đạt tiêu chí theo danh mục phân loại

xanh của MSB và có các chứng chỉ quốc tế cho sản phẩm đạt chuẩn xanh sẽ được hỗ trợ lãi suất.

Bên cạnh đó, MSB cũng phát triển **Dịch vụ thu chi hộ dòng tiền cho KHDN** nhằm mang lại tiện ích tối đa dựa trên am hiểu thực tế kinh doanh, hỗ trợ khách hàng trong việc tối ưu dòng tiền, giảm thiểu vận hành. Thông qua giải pháp này, MSB đã tạo dựng được nhiều dấu mốc quan trọng trong việc hợp tác, kết nối, trở thành đối tác chính của nhiều doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực giao dịch hàng hóa, tài chính, được phẩm...

c. Cũng trong năm 2024, hòa nhịp với định hướng chung về mục tiêu phát triển bền vững, **MSB đã thiết lập lộ trình và điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp để giảm dần tỷ trọng và tiến tới loại khỏi danh mục tín dụng các lĩnh vực phát thải carbon cao, tập trung cung cấp tài chính cho các lĩnh vực và doanh nghiệp ít phát thải nhằm bảo vệ môi trường**. Ngân hàng Doanh nghiệp dành nguồn lực ưu tiên để hỗ trợ và thực hiện cho vay các khách hàng có áp dụng các tiêu chuẩn bền vững trong hoạt động kinh doanh, đóng góp tích cực vào việc thúc đẩy chiến lược tăng trưởng xanh của quốc gia; trong đó, trọng tâm là các lĩnh vực năng lượng, giao thông, cấp thoát nước, nông lâm thủy hải sản, dệt may có chứng chỉ xanh. Đến thời điểm 31/12/2024, tổng số tiền MSB đã giải ngân cho khách hàng theo Gói giải pháp tín dụng xanh trong năm 2024 là 977 tỷ VNĐ cho 19 khách hàng doanh nghiệp. Tuy nhiên, với tốc độ tăng tổng dư nợ tín dụng trên 18% cho cả ngân hàng, một vài khách hàng tất toán khoản vay trong năm nên tổng dư nợ cho lĩnh vực tín dụng xanh của MSB tại cuối năm 2024 chỉ chiếm gần 3% tổng dư nợ của ngân hàng, tương ứng 5.165 tỷ đồng.

5.2.2. Mục tiêu, định hướng năm 2025

Dư nợ tín dụng doanh nghiệp tăng 16,6% so với năm 2024

Tăng trưởng tệp khách hàng “xanh” và “bền vững”

Huy động vốn tăng 33,5% so với năm 2024, trong đó CASA tăng 39% so với năm 2024

Doanh thu thuần tăng 26,8% so với năm 2024

Năm 2025, MSB nói chung và Ngân hàng Doanh nghiệp nói riêng tiếp tục định hướng đưa số hóa trở thành động lực của tăng trưởng, gia tăng mạnh mẽ “chất số” trong việc phát triển sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Ngân hàng Doanh nghiệp sẽ tiếp tục nghiên cứu, thiết kế và nâng cấp các giải pháp tài chính để gia tăng trải nghiệm cho khách hàng, cụ thể như sau:

Số hóa hành trình sản phẩm cung cấp sản phẩm, dịch vụ khách hàng

- Đầu tư mạnh mẽ cho hạ tầng công nghệ, với nền tảng Ngân hàng tương tác (Digital Banking Platform) đến từ Backbase. Việc triển khai nền tảng mới sẽ giúp khách hàng có trải nghiệm tốt hơn, đồng nhất hơn và giúp MSB có thể triển khai thêm nhiều giải pháp đột phá
- Trở thành ngân hàng đầu tiên cung cấp giải pháp tín dụng số hóa hoàn toàn (End to end) cho khách hàng (tất cả các bước từ đăng ký khoản vay, ký kết hợp đồng, giải ngân khoản vay) đem lại trải nghiệm số hóa khác biệt và vượt trội
- Xây dựng và số hóa hành trình khách hàng với sản phẩm vay nhanh (quickloan) thể chấp; điều chỉnh và “làm mịn” hành trình khách hàng với hành trình tín chấp siêu tốc, tín dụng song hành và tín dụng toàn diện; cải thiện sự hài lòng của khách hàng tín dụng trên kênh số;
- Triển khai các hoạt động tiếp thị số (Digital Marketing) nhằm thu hút khách hàng mới, bán chéo (Cross Sales) và bán thêm sản phẩm giá trị cao hơn (Upsales) cho khách hàng hiện hữu;
- Triển khai các chiến dịch bán cho các sản phẩm tín dụng trên kênh số;
- Tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp số hóa quản lý dòng tiền, ứng dụng công nghệ trong việc thu chi hộ không dùng tiền mặt cho các khách hàng doanh nghiệp tại MSB;

Tiếp tục chiến lược kinh doanh theo ngành, lĩnh vực trọng tâm, phát triển các giải pháp chuyên biệt trên cơ sở am hiểu khách hàng

- Đối với khách hàng doanh nghiệp nói chung: Tập trung phát triển 2 sản phẩm trọng tâm đem lại lợi ích sinh lời cho khách hàng doanh nghiệp trên dòng tiền gửi không kỳ hạn (CASA) nhân rồi là: Sản phẩm Chứng chỉ tiền gửi (CCTG) và Tài khoản thanh toán (TKTT) đầu tư tự động.
 - Xây dựng cơ chế mua bán, chuyển nhượng tự động CCTG, đem lại lãi suất tốt trên dòng tiền nhàn rỗi.
 - Xây dựng tính năng TKTT đầu tư tự động trên Internet banking với quy trình mua bán chuyển nhượng CCTG

- Kèm theo chiến dịch tiếp thị nhằm truyền thông ưu điểm về chính sách sản phẩm khi ra mắt thị trường
- Tiếp tục cải tiến các chương trình tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, xây dựng các chính sách riêng biệt cho các khách hàng quy mô vừa, lớn với cấu trúc phù hợp theo phương thức kinh doanh và nhu cầu của khách hàng như tài trợ theo phương thức đầu ra hoặc dòng tiền từ đối tác mà không yêu cầu thêm tài sản thế chấp...
- Tiếp tục triển khai và cải tiến các giải pháp chuyên biệt cho các ngành/lĩnh vực: sản xuất phụ trợ; thương mại hàng tiêu dùng; xây lắp; dược và thiết bị y tế; logistic; thiết bị điện, viễn thông, công nghệ thông tin; gỗ; dệt may và nông, thủy hải sản.
- Tiếp tục phát triển theo định hướng phát triển bền vững của Ngân hàng, ưu tiên nguồn lực và chính sách ưu đãi để triển khai gói giải pháp tín dụng xanh; chính sách ưu tiên cho các dự án nhằm cải thiện môi trường và xã hội, phát triển bền vững, doanh nghiệp SME do phụ nữ làm chủ.
- Tiếp quản, triển khai các sáng kiến của Dự án Chuyển đổi bán hàng (Sale Transformation) và Mô hình phi tín dụng. Ngân hàng Doanh nghiệp đánh giá, khảo sát thực tế đơn vị kinh doanh về các sáng kiến: Kiến trúc bán hàng; Quản lý quan hệ khách hàng xuất sắc (Super RM); Mô hình phi tín dụng và Phễu bán hàng.

5.3. Hoạt động liên ngân hàng - Ngân hàng định chế tài chính

Ngân hàng Định chế Tài chính (FI) có chức năng quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng chuyên biệt với các định chế tài chính, tổ chức tài chính công, công ty quản lý Quỹ, công ty Bảo hiểm, công ty chứng khoán. Đồng thời, FI xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán và công cụ tài chính phái sinh, giao dịch trên thị trường liên ngân hàng, trái phiếu Chính phủ....

Với vai trò là đơn vị đại diện cho MSB, FI thiết lập, duy trì và củng cố quan hệ với các định chế tài chính trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng cũng như đóng vai trò tiên phong để MSB tiếp cận với những nguồn hỗ trợ về vốn, kỹ thuật theo chiến lược phát triển bền vững.

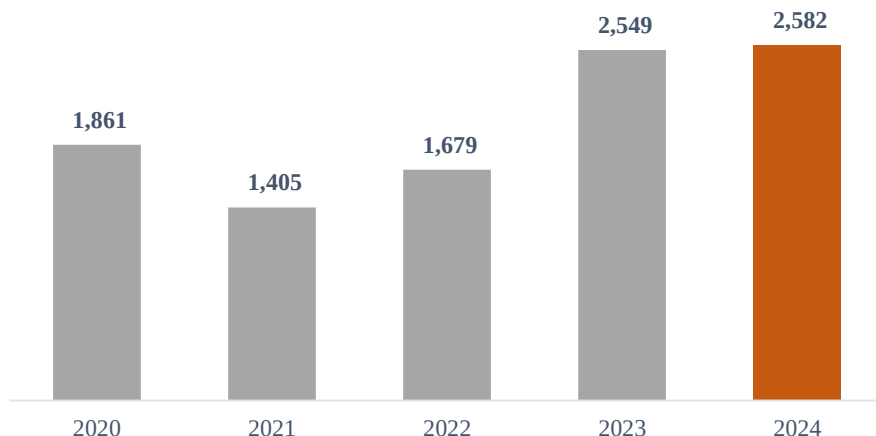
Năm 2024, hầu hết các mảng kinh doanh cốt lõi của FI vẫn đạt được kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh thị trường không thuận lợi. Sự ghi nhận từ các tổ chức trong nước và quốc tế thông qua chuỗi các giải thưởng uy tín một lần nữa khẳng định vị thế của FI nói riêng và MSB nói chung trên thị trường.



5.3.1. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và phái sinh

Năm 2024 ghi nhận nhiều biến động khó đoán định trên thị trường ngoại tệ quốc tế và Việt Nam, dẫn đến những khó khăn trong kinh doanh ở mảng nghiệp vụ này. Tuy nhiên, với vị thế là nhà tạo lập trên thị trường liên ngân hàng trong nhiều năm liên tiếp, MSB luôn duy trì doanh số ấn tượng, tiếp cận mạnh mẽ với hầu hết các đối tác tại thị trường Việt Nam cũng như nhiều đối tác uy tín khác trên thị trường quốc tế.

Từ kết quả này, MSB vinh dự được xướng tên tại hai giải thưởng uy tín là “Top 3 ngân hàng có doanh số giao dịch lớn nhất” và “Top 3 ngân hàng có hoạt động năng động nhất” trên nền tảng giao dịch điện tử do Sàn giao dịch Chứng khoán London Stock Exchange (LSEG) công bố.



Doanh thu giao dịch phái sinh của MSB giai đoạn 2020 – 2024 (ĐVT: triệu USD)

Trong năm 2024, MSB cũng đã xây dựng và triển khai thành công hệ thống giao dịch ngoại tệ tự động FX Dealing Platform nhằm mang đến trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng cũng như nâng cao hiệu quả và giảm thiểu tối đa rủi ro cho MSB.

Đối với hoạt động của thị trường tiền mặt (banknote), việc xây dựng thêm các công cụ báo cáo, quản lý trực tuyến, hoạt động quản lý tiền mặt đã tối ưu hiệu quả một cách rõ rệt các chi phí tồn quỹ và cung ứng tiền mặt cho toàn hệ thống cũng như cho thị trường liên ngân hàng.

Năm 2024, thị trường có xu hướng sụt giảm về quy mô so với năm 2023, nhưng MSB vẫn tạo được điểm nhấn khi triển khai cung cấp dịch vụ ngân quỹ cho nhóm các ngân hàng không sử dụng kho quỹ. Điều này tiếp tục ghi nhận những nỗ lực của MSB trong việc khẳng định vai trò là ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại tệ tiền mặt năng động trên thị trường Việt Nam.

Về hoạt động kinh doanh sản phẩm phái sinh, MSB là một trong những nhà tạo lập thị trường tích cực trong chào giá sản phẩm hoán đổi tiền tệ (swap), thể hiện qua việc lọt vào Top 3 những ngân hàng chào giá tốt nhất thị trường 3 năm liên tiếp do Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA) ghi nhận.

Cùng với mục tiêu lấy khách hàng là trọng tâm, luôn đem tới cho khách hàng những sản phẩm ưu việt nhất, ngoài hệ thống các sản phẩm phái sinh truyền thống như: sản phẩm mua bán kỳ hạn (Forward), sản phẩm hoán đổi ngoại tệ (swap), sản phẩm hoán đổi lãi suất một đồng tiền (IRS), sản phẩm hoán đổi lãi suất hai đồng tiền (CCS) với doanh số tăng trưởng năm 2024 gấp đôi so với năm 2023. Trong năm 2025, MSB hướng tới việc xây dựng và thúc đẩy thêm sản phẩm phái sinh

xanh (Green derivatives) cho nhóm khách hàng doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ ngân hàng xanh tại MSB nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững cho cả Ngân hàng và doanh nghiệp trong xu thế phát triển bền vững chung của nền kinh tế.

5.3.2. Hoạt động quản lý thanh khoản và kinh doanh tiền tệ

Năm 2024, thị trường tiền tệ liên ngân hàng trải qua nhiều biến động mạnh. Có thể nói rằng, tỷ giá USD/VND gia tăng chính là áp lực lớn nhất đối với chính sách tiền tệ quốc gia trong năm qua. Để cân đối giữa hai mục tiêu ổn định tỷ giá và lãi suất, Ngân hàng Nhà nước đã liên tục sử dụng các công cụ thị trường mở để điều phối, đưa thị trường trở lại trạng thái ổn định. Khi có sự điều chỉnh về chính sách, thị trường tiền tệ liên ngân hàng với độ nhạy lớn luôn đối mặt với những biến động, đặc biệt là sự tăng giảm đột ngột về lãi suất.



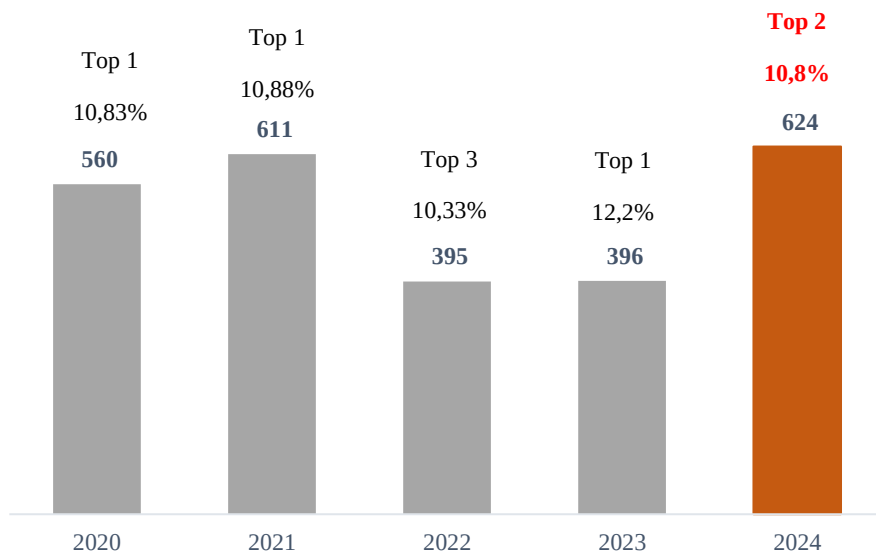
Trong bối cảnh được đánh giá là khó khăn đó, MSB đã nỗ lực kịp thời để đưa ra chiến lược đầu tư phù hợp, ứng biến linh hoạt với từng giai đoạn. Bên cạnh việc tận dụng cơ hội đem lại lợi nhuận, MSB cũng tập trung vào mục tiêu gia tăng doanh số giao dịch với các đối tác khác nhau, xây dựng hình ảnh một ngân hàng uy tín trên thị trường. Với những nỗ lực đó, hoạt động kinh doanh tiền tệ đã đạt được những kết quả tích cực. Quy mô giao dịch tiền tệ liên ngân hàng của MSB ước đạt 155% so với kế hoạch đề ra, ghi nhận tốc độ tăng trưởng 135% so với năm 2023. Lợi nhuận từ

hoạt động kinh doanh tiền tệ đạt được trong năm đã đóng góp không nhỏ vào tổng lợi nhuận trước thuế của ngân hàng. Nhờ đó, kinh doanh tiền tệ liên ngân hàng được đánh giá là một trong những hoạt động rất tích cực, năng động, góp phần vào việc củng cố vị thế và danh tiếng của MSB trên thị trường.

Trong năm 2024, MSB đã đẩy mạnh số hóa trong các báo cáo về quản trị thanh khoản, nâng cấp hệ thống báo cáo cân nguồn tích hợp hệ thống ngân hàng lõi mới. MSB tập trung vào việc cải thiện, nâng cao chất lượng và tỷ trọng tài sản thanh khoản cao nhằm đáp ứng tốt nhất các tình huống khó khăn về thanh khoản. Tiếp tục định hướng đa dạng hóa nguồn vốn nhằm tối ưu chi phí, hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động kinh doanh cũng như công tác quản trị thanh khoản của Ngân hàng. Nhờ đó các chỉ số thanh khoản luôn đáp ứng quy định về ngưỡng an toàn thanh khoản của Ngân hàng Nhà nước và tuân thủ các quy định nội bộ khắt khe về chênh lệch kỳ hạn.

5.3.3. Về hoạt động kinh doanh Trái phiếu Chính phủ (TPCP)

Trong năm qua, MSB đã tiếp tục khẳng định vị thế trên thị trường Trái phiếu Chính phủ (TPCP) khi là ngân hàng có doanh số giao dịch lớn thứ 2 thị trường, doanh số giao dịch đạt 624.000 tỷ đồng, chiếm thị phần 10,83%. Hoạt động kinh doanh TPCP không chỉ đóng góp tích cực vào hiệu quả kinh doanh tổng thể mà còn đảm bảo sự an toàn và bền vững cho danh mục đầu tư của Ngân hàng.



Thị phần và giá trị giao dịch trái phiếu Chính phủ (ĐVT: Nghìn tỷ đồng)

MSB chú trọng tối ưu hóa danh mục TPCP để vừa đáp ứng các yêu cầu thanh khoản, vừa đảm bảo lợi nhuận tối ưu trong bối cảnh thị trường biến động. Các giao dịch TPCP được thực hiện theo nguyên tắc minh bạch, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Ngân hàng Nhà nước và cơ quan quản lý, góp phần vào sự phát triển lành mạnh của thị trường tài chính Việt Nam.

Tiếp nối những giải thưởng đã đạt được trong nhiều năm qua, trong năm 2024, hoạt động kinh doanh TPCP của MSB tiếp tục được các cơ quan quản lý ghi nhận dựa trên những thành tích nổi bật, cụ thể như sau:

- Bằng khen của Bộ Tài chính:
 - "Nhà tạo lập thị trường tham gia thị trường thứ cấp tích cực nhất" (Đây cũng là năm thứ 15 liên tiếp MSB nhận được những ghi nhận, đánh giá cao từ Bộ Tài chính)
- Xếp hạng của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội:
 - Top 2 thành viên giao dịch trái phiếu (chiếm hơn 10% thị phần giao dịch toàn thị trường)
 - Top 2 thành viên giao dịch tự doanh
 - Top 2 thành viên giao dịch outright
 - Top 2 thành viên giao dịch repo
- Giải thưởng từ Hiệp hội Thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA):
 - Nhà tạo lập thị trường chào giá outright tốt nhất
 - Nhà tạo lập thị trường chào giá outright cho nhiều kỳ hạn nhất
 - Nhà tạo lập thị trường chào giá repo tốt nhất
 - Nhà tạo lập thị trường có doanh số repo cao thứ hai

5.3.4. Hoạt động phát hành và đầu tư giấy tờ có giá (GTCG) do tổ chức tín dụng phát hành

Hoạt động phát hành giấy tờ có giá (GTCG) trong năm 2024 của MSB đã tăng trưởng vượt bậc. Trong năm MSB đã triển khai thành công nhiều đợt phát hành chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu với các kỳ hạn đa dạng từ 1 đến 5 năm. Doanh số phát hành mới năm 2024 tăng hơn gấp đôi so với năm trước, giúp Ngân hàng cải thiện các hệ số an toàn hoạt động và huy động được nguồn vốn trung và dài hạn với chi phí tối ưu. Tính đến 31/12/2024, số dư phát hành GTCG của MSB tăng 2,36 lần so với cuối năm 2023; trong đó, khoảng 80% là Trái phiếu kỳ hạn từ 12 tháng đến 5 năm. Bên cạnh đó, hoạt động đầu tư, kinh doanh GTCG do các tổ chức tín dụng (TCTD) phát hành năm 2024 cũng phát triển mạnh mẽ. Tổng giá trị danh mục đầu tư GTCG TCTD cuối năm 2024 tăng gấp 1,7 lần so với cùng kỳ năm trước. Song song với hoạt động kinh doanh, MSB cũng tiếp tục tham gia vào việc hoàn thiện khung pháp lý của thị trường, hướng tới sự minh bạch và hiệu quả hơn. Đồng thời, là một trong những thành viên giao dịch đặc biệt trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đầu tiên của HNX, MSB tích cực tham gia giao dịch trên HNX, đóng góp vào sự phát triển chung của thị trường trái phiếu.

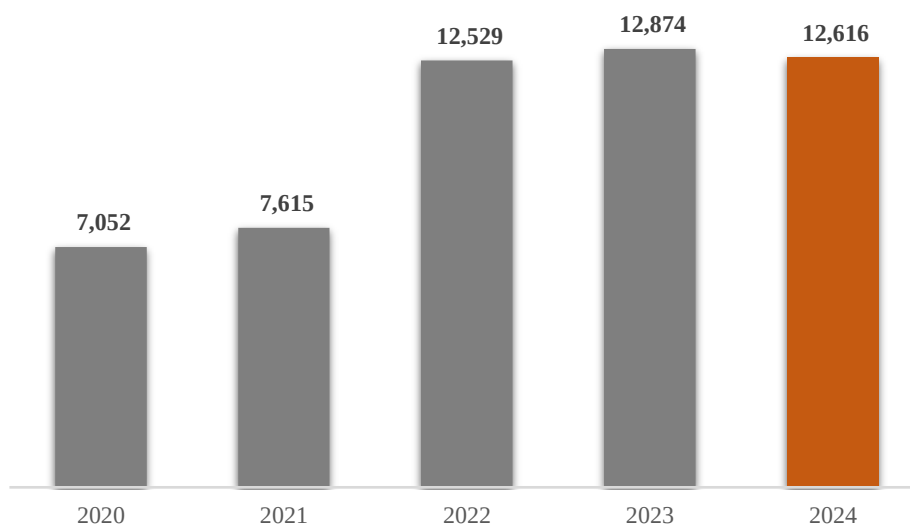
5.3.5. Tiên phong trong ứng dụng số hóa vào phát triển sản phẩm và dịch vụ Giấy tờ có giá

Trong năm 2024, MSB tiếp tục khẳng định vị thế của mình khi không ngừng cải thiện các sản phẩm hiện hữu như Dịch vụ Ngân hàng Lưu ký và Giám sát, Quản trị Quỹ, đồng thời ra mắt sản phẩm Chứng chỉ tiền gửi "Sinh lời linh hoạt". Sản phẩm này được phát triển trên nền tảng số hóa hiện đại, mang lại trải nghiệm tối ưu với sự tiện lợi, an toàn và hiệu quả cho khách hàng. Đây chính là minh chứng rõ nét cho sự nỗ lực của MSB trong việc ứng dụng công nghệ tiên tiến nhằm đáp ứng nhu cầu tài chính ngày càng đa dạng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Việc triển khai thành công các sản phẩm cùng chiến lược số hóa trong năm 2024 đã giúp MSB không chỉ gia tăng nguồn thu ổn định từ phí dịch vụ mà còn mở rộng đáng kể tệp khách hàng. Điều này mở ra cơ hội tăng trưởng vượt bậc thông qua các chiến lược tiếp cận đổi mới và bán chéo sản phẩm hiệu quả. Những thành tựu nổi bật này tái khẳng định cam kết của MSB trong việc nâng cao giá trị khách hàng, tiên phong dẫn đầu xu hướng số hóa và không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

5.3.6. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ thị trường 1

Năm 2024, trong bối cảnh ngành ngân hàng đối mặt với nhiều thách thức và sự cạnh tranh khốc liệt, hoạt động kinh doanh ngoại tệ với khách hàng của MSB tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển toàn diện. Trước áp lực từ thị trường, MSB đã tập trung triển khai hàng loạt giải pháp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ để duy trì thị phần cũng như đảm bảo tăng trưởng bền vững.



Doanh số giao dịch ngoại hối của MSB giai đoạn 2020 – 2024 (ĐVT: triệu USD)

Trọng tâm đầu tiên của MSB là việc phát triển các sản phẩm và giải pháp linh hoạt, phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Ngân hàng không chỉ tập trung vào các sản phẩm ngoại hối truyền thống mà còn đẩy mạnh triển khai các giải pháp tối ưu hóa chi phí và thời gian giao dịch, đặc biệt là cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và khách hàng có nhu cầu chuyển tiền quốc tế. MSB luôn nỗ lực đưa ra các sản phẩm được tùy chỉnh để đáp ứng từng nhóm khách hàng cụ thể, giúp họ quản lý hiệu quả rủi ro tỷ giá và tận dụng cơ hội kinh doanh.

Song song đó, MSB không ngừng đầu tư vào số hóa và cải tiến hệ thống giao dịch. Với nền tảng công nghệ hiện đại, khách hàng của MSB có thể thực hiện các giao dịch ngoại tệ một cách nhanh chóng, an toàn và thuận tiện thông qua các kênh trực tuyến như ứng dụng ngân hàng số và internet banking. Việc tích hợp công nghệ thông minh không chỉ tăng cường trải nghiệm người dùng mà còn giúp MSB cải thiện hiệu quả vận hành và giảm thiểu chi phí.

Một yếu tố then chốt khác trong chiến lược của MSB là xây dựng đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm và am hiểu sâu sắc nghiệp vụ. Các chương trình đào tạo liên tục được triển khai nhằm nâng cao năng lực tư vấn và phục vụ khách hàng. Nhờ đó, đội ngũ nhân viên của MSB có thể tư vấn chiến lược tài chính, quản trị rủi ro tỷ giá một cách hiệu quả và sát với nhu cầu thực tiễn của khách hàng.

Bên cạnh đó, MSB cũng chú trọng mở rộng mạng lưới thanh toán quốc tế và đa dạng hóa sản phẩm. Ngân hàng không chỉ tăng cường hợp tác với các tổ chức tài chính lớn trên thế giới mà còn tích cực phối hợp với các trung gian thanh toán để mở rộng mạng lưới đối tác, từ đó tiếp cận thêm nhiều nhóm khách hàng tiềm năng.

Nhờ các nỗ lực trên, MSB tiếp tục giữ vững vị thế trong lĩnh vực kinh doanh ngoại tệ, khẳng định uy tín với khách hàng nhờ vào chất lượng dịch vụ vượt trội, góp phần đưa Ngân hàng trở thành một trong những lựa chọn hàng đầu trong lĩnh vực này tại Việt Nam.

5.3.7. Hoạt động củng cố, mở rộng cơ sở khách hàng định chế tài chính



Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn và tỷ lệ an toàn luôn là mục tiêu hàng đầu của MSB trong quá trình hoạt động kinh doanh. Do đó, MSB luôn nhận được đánh giá cao về uy tín và tính hiệu quả từ các tổ chức trong và ngoài nước. Tính đến 31/12/2024, số lượng ngân hàng đại lý của MSB đã đạt gần 400 ngân hàng tại 55 nước trên thế giới và tổng hạn mức tài trợ thương mại được cấp lên tới hơn 2 tỷ Đô la Mỹ (quy đổi).

Với mạng lưới ngân hàng đại lý rộng và nguồn hạn mức dồi dào, MSB luôn đáp ứng một cách nhanh chóng và hiệu quả nhu cầu đa dạng của khách hàng trong các hoạt động thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại, mua bán ngoại tệ và các sản phẩm phái sinh....

Để duy trì và phát triển mạng lưới ngân hàng đại lý của mình, trong những năm qua, MSB luôn tích cực tham gia Hội nghị thường niên của Hiệp hội viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu (SWIFT). Đặc biệt, tại Hội nghị SIBOS diễn ra từ ngày 21-24/10/2024 tại Bắc Kinh (Trung Quốc), dưới sự chủ trì của Cục Quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước (Cục QLDTNH) – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) với tư cách Chủ tịch VIETSWIFT, MSB vinh dự là ngân hàng TMCP tư nhân duy nhất góp phần tham gia tổ chức thành công gian hàng triển lãm chung lấy tên là “STATE BANK OF VIETNAM” với slogan: “Green Credit - Green Growth - 'Net-Zero' Emissions Target by 2050” cùng với 3 ngân hàng TMCP quốc doanh (VCB, BIDV, Vietinbank). Đây là lần đầu tiên MSB có quầy hàng quảng bá và giới thiệu về Ngân hàng tại Hội nghị SIBOS. Vì vậy, Ngân hàng đã tận dụng tối đa cơ hội này để nâng cao nhận diện thương hiệu trong ngành tài chính, công nghệ cũng như tiếp cận các khách hàng tiềm năng. Bắc Kinh là một trung tâm kinh tế và tài chính lớn của khu vực, tại SIBOS 2024, MSB cũng đã có cơ hội gặp gỡ với lãnh đạo từ Hội sở chính của các ngân hàng lớn tại Trung Quốc như ICBC, China Construction Bank, China CITIC Bank... với mục đích khám phá và thâm nhập thị trường Trung Quốc - nơi đang có tốc độ phát triển vượt bậc về công nghệ tài chính. Bên cạnh đó, MSB cũng đã trao đổi với các đối tác và tiếp cận với rất nhiều các giải pháp đổi mới trong tài chính và công nghệ, như AI, blockchain, hay thanh toán xuyên biên giới nhằm phát triển sản phẩm - dịch vụ phù hợp với nhu cầu thị trường.

Bên cạnh đó, để đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững, MSB đã chủ động tiếp cận, trao đổi nhằm tìm kiếm các nguồn vốn trung dài hạn cũng như tận dụng các nguồn hỗ trợ kỹ thuật/đào tạo, hội thảo... để nâng cao năng lực của MSB trong lĩnh vực ESG và nhận được sự quan tâm, thiện chí hợp tác của nhiều ngân hàng toàn cầu (như Standard Chartered Bank, Commerz Bank, MUFG, ANZ, JPMC...) và các Định chế tài chính phát triển uy tín trên thế giới như World Bank (dự án VSUEE), ADB (hỗ trợ xây dựng hệ thống ESMS trong Tài trợ Thương mại), IFC, FMO, DEG, Norfund.... Các nguồn vốn này sẽ được sử dụng để hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs),

các doanh nghiệp do nữ giới làm chủ và các dự án xanh, các dự án thích ứng với biến đổi khí hậu..., góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội bền vững tại Việt Nam.

Đối với phân khúc khách hàng là các công ty bảo hiểm và các công ty chứng khoán, MSB tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường mức độ số hóa, nâng cấp và bổ sung các tính năng của bộ sản phẩm dịch vụ trọn gói bao gồm dịch vụ tài khoản tập trung và quản lý dòng tiền, dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế, dịch vụ thu chi hộ, giải pháp về tài khoản định danh. Các sản phẩm tiền gửi, giao dịch ngoại hối, giao dịch phái sinh lãi suất (IRS, AIRS) và phái sinh tỷ giá (CCS), cho vay, thấu chi, bảo lãnh, cam kết cấp tín dụng... được thực hiện với thủ tục đơn giản, thuận tiện, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng. Một số các sản phẩm truyền thống đã được bổ sung tính năng thực hiện giao dịch online để tiết kiệm thời gian cũng như chi phí cho khách hàng: chuyển tiền quốc tế, chuyển ngoại tệ trong nước giữa các tài khoản của khách hàng, phát hành bảo lãnh, mua bán ngoại tệ... Do đó, MSB đã được các công ty bảo hiểm và chứng khoán hàng đầu trong nước tin tưởng lựa chọn là ngân hàng phục vụ chính đồng thời là đối tác thúc đẩy kinh doanh trong chiến lược phát triển dài hạn.

Đối với phân khúc khách hàng là các tổ chức tài chính công, từ sự tin nhiệm của Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, MSB đã tham gia phục vụ các dự án ODA của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học Công nghệ... Các dự án đa dạng trong nhiều lĩnh vực như giao thông vận tải, y tế, giáo dục, nông nghiệp, môi trường... trên phạm vi cả nước có thể kể tới như dự án Phát triển đường cao tốc Bến Lức – Long Thành; dự án Giáo dục và đào tạo nhân lực phục vụ cải cách hệ thống y tế; dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu các thành phố Đồng Hới (Quảng Bình) và Hội An (Quảng Nam); dự án Tăng cường phát triển và lành mạnh khu vực ngân hàng Việt Nam... MSB cũng là một trong những ngân hàng TMCP đầu tiên hợp tác với Kho bạc Nhà nước để thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào quá trình thu, nộp ngân sách Nhà nước, thông qua việc triển khai dịch vụ thu ngân sách Nhà nước qua nhiều kênh và dịch vụ thanh toán song phương điện tử, giúp các khách hàng tổ chức và cá nhân thanh toán các khoản thuế, lệ phí nhanh chóng, chính xác chỉ trong vài phút. Bên cạnh đó, MSB đã hợp tác với nhiều bệnh viện, trường học lớn như Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, trường Đại học Y Hà Nội, Bệnh viện Bạch Mai là những bệnh viện hàng đầu Việt Nam... trong quá trình triển khai hiện đại hóa công tác thu nộp viện phí, học phí, hỗ trợ cho bệnh nhân, sinh viên, học sinh có nhiều lựa chọn về kênh thanh toán.

5.3.8. Hoạt động đại lý sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ



Trong 10 năm qua, tốc độ tăng trưởng bình quân chung của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ thường gấp đôi tốc độ tăng trưởng GDP, bảo hiểm phi nhân thọ luôn đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 10-15%.

Tuy nhiên suy thoái kinh tế đã khiến thị trường bảo hiểm phi nhân thọ suy giảm giai đoạn 2022-2023 và gặp nhiều thách thức trong năm 2024. Trong 6 tháng đầu năm, thị trường này ghi nhận sự hồi phục theo một số diễn biến tích cực của kinh tế vĩ mô. Bước sang nửa cuối năm, những hệ lụy từ bão Yagi và khó khăn của nền kinh tế đã ảnh hưởng đến hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ nói chung và hoạt động đại lý bảo hiểm phi nhân thọ tại MSB nói riêng.

Với nội bộ, năm 2024 là năm tập trung hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống các văn bản để đáp ứng các quy định của Luật tổ chức tín dụng đối với ngân hàng có triển khai hoạt động đại lý bảo hiểm phi nhân thọ. Việc xây dựng hệ thống công nghệ thông tin theo dõi báo cáo bảo hiểm phi nhân thọ giúp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong việc cung cấp thông tin về sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng, đồng thời là tiền đề để MSB thúc đẩy và triển khai hoạt động bảo hiểm số (digital bancassurance).

Doanh số phí bảo hiểm phi nhân thọ tại MSB năm 2024 ghi nhận tăng trưởng nhẹ so với năm 2023. Mặc dù doanh số phí bảo hiểm không tăng trưởng mạnh nhưng MSB vẫn thành công trong việc duy trì chính sách về bảo hiểm rủi ro tín dụng, trên cơ sở nhận được sự đồng thuận của khách hàng trong việc cùng đặt ưu tiên hàng đầu là bảo vệ rủi ro cho chính tài sản và các khoản nghĩa vụ nợ của khách hàng khi vay vốn tại MSB.

Với ảnh hưởng của cơn bão Yagi, nhiều khách hàng đang thế chấp tài sản tại MSB đã nhận được bồi thường từ các công ty bảo hiểm, bảo hiểm phi nhân thọ. Đây là yếu tố quan trọng giúp MSB

duy trì hệ số an toàn trong hoạt động cấp tín dụng, giảm tỷ lệ nợ xấu và tăng khả năng thu hồi nợ nhờ vào công tác quản lý và giải quyết bồi thường bảo hiểm nhanh chóng đối với các công ty bảo hiểm.

6. Quản trị rủi ro - Nền móng của “Giá trị bền vững – Tiến bước tương lai”



Trong năm 2024, Ngân hàng tiếp tục duy trì cam kết về việc thực hiện các chiến lược quản lý rủi ro hiệu quả, giúp bảo vệ nguồn vốn, tăng trưởng bền vững và đảm bảo sự ổn định trong hoạt động. Quản trị rủi ro là một trong những yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển dài hạn của MSB, góp phần duy trì uy tín và niềm tin với khách hàng, cổ đông và đối tác.

Ngân hàng liên tục cải thiện quy trình, chính sách, dữ liệu và hệ thống nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị.

Ngân hàng đã và đang triển khai các công nghệ tiên tiến để hỗ trợ công tác quản trị rủi ro. Các hệ thống quản lý rủi ro tự động hóa giúp nâng cao khả năng phân tích và dự báo các rủi ro tiềm ẩn, đồng thời hỗ trợ các phòng ban trong việc đưa ra các quyết định quản lý rủi ro kịp thời. Ngân hàng cũng tiếp tục nghiên cứu trí tuệ nhân tạo (AI) và học máy (Machine Learning) để cải thiện quy trình đánh giá và phân loại rủi ro.

Bên cạnh đó, ngân hàng tổ chức lập kế hoạch kinh doanh, tính toán các chỉ số dự kiến trên cấp độ danh mục (dư nợ theo xếp hạng dự kiến, tài sản có rủi ro - RWA dự kiến, chỉ số an toàn vốn - CAR dự kiến, tỷ lệ nợ xấu - NPL và trích lập dự phòng dự kiến...), bảo đảm việc phát triển kinh doanh luôn gắn liền với quản lý rủi ro và mục tiêu chiến lược toàn ngân hàng.

Đối với Rủi ro tín dụng

Ngân hàng liên tục chủ động cải thiện chính sách về Quản lý rủi ro tín dụng, phá bỏ các rào cản về quy trình vận hành để nâng cao hiệu quả của hoạt động cấp tín dụng nhưng vẫn đảm bảo tính độc lập, khách quan trong công tác thẩm định, phê duyệt. MSB chú trọng đến việc đánh giá và phân tích năng lực trả nợ của khách hàng, đồng thời nâng cao khả năng phân loại và giám sát các khoản vay. Ngân hàng cũng thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro tín dụng thông qua việc xây dựng các mô hình dự báo mất khả năng thanh toán của khách hàng và đảm bảo dự phòng rủi ro tín dụng hợp lý.

Trong năm 2024, dự án cho vay luồng phê duyệt thẳng (STP – Straight-through Processing) tiếp tục hoàn thiện các bước tự động hóa quá trình cho vay (dữ liệu đầu vào từ nguồn thông tin CIC, quy trình chấm điểm xếp hạng cho một số hành trình phê duyệt của khách hàng cá nhân và khách doanh nghiệp...) và hoàn thiện các luồng hành trình cho vay trực tuyến cho khách hàng. MSB đã ra mắt sản phẩm M-Flash, M-Flash MISA với số tiền cho vay không tài sản bảo đảm lên đến 5 tỷ, mang đến cho khách hàng doanh nghiệp trải nghiệm số hóa toàn bộ quy trình cho vay vốn với thời gian phê duyệt ngắn (4h thay cho vài ngày hoặc vài tuần như luồng cho vay truyền thống) và khách hàng cá nhân có thể được thực hiện cấp thẻ online trong vòng 3 phút tại MSB.

Nền tảng cho vay Digi-Lending được tích hợp thuận tiện với các hệ thống vệ tinh, các hệ thống trực tại MSB và đối tác thứ 3 giúp mở rộng nhanh chóng năng lực số hóa cho lĩnh vực tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng, thực hiện chuyển đổi số toàn diện và hợp nhất cho các hành trình tín dụng khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân.

Đối với công tác Quản lý rủi ro Môi trường xã hội (MTXH):

MSB xác định tăng trưởng xanh, phát triển bền vững là một xu thế tất yếu và không thể đảo ngược đối với nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng. Được xây dựng và bắt đầu triển khai từ năm 2023, đến nay sau gần hai năm vận hành, hệ thống quản lý rủi ro MTXH của MSB, các rủi ro liên quan đến MTXH đã được hạn chế, giảm thiểu đối với danh mục cấp tín dụng. Ngoài việc kiểm soát rủi ro, hạn chế cấp tín dụng đối với các ngành, doanh nghiệp có rủi ro về MTXH ở mức cao, MSB cũng đặt ra yêu cầu cần có cơ chế để cấp tín dụng đối với các lĩnh vực xanh, thân thiện với môi trường, phát thải ít carbon. Do đó, tháng 01/2024, MSB tiếp tục ban hành danh sách các lĩnh vực xanh trong hoạt động cấp tín dụng. Danh sách này là căn cứ để MSB định hướng các chương trình, sản phẩm tài chính xanh, tăng tỷ trọng tài sản xanh cho ngân hàng. Hệ thống quản lý rủi ro MTXH và danh sách các lĩnh vực xanh sẽ góp phần tạo nên nền tảng vững chắc để MSB thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, tiến bước tương lai.

Đối với công tác Quản lý rủi ro Thị trường và Thanh khoản

Bước sang năm 2024, với lợi thế nền tảng quản trị đã được thiết lập bền vững từ nhiều năm và đặc biệt được củng cố mạnh mẽ trong hai năm 2022-2023 khi thị trường trong nước và thế giới xảy ra nhiều biến động, Ban lãnh đạo MSB định hướng tiếp tục theo đuổi chiến lược tuân thủ toàn diện các tiêu chuẩn tiên tiến về quản trị rủi ro thị trường và thanh khoản do Ủy ban Basel ban hành và cập nhật, trong đó bao gồm tích hợp các quy định mở rộng trong khung quản lý rủi ro về quản lý rủi ro thanh khoản trong ngày (Intraday liquidity risk management) và bộ các công cụ giám sát rủi ro thanh khoản (Liquidity monitoring tools) vào trong quy trình khung quản lý rủi ro thanh khoản định kỳ; đồng thời thực hiện chuẩn hóa các tiêu chuẩn ghi nhận và phân tách danh mục sổ kinh doanh và danh mục sổ ngân hàng theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm đo lường và xác định vốn yêu cầu tương ứng cho rủi ro thị trường và rủi ro lãi suất ngân hàng phù hợp.

Bên cạnh đó, với những trải nghiệm được cập nhật từ các sự kiện rủi ro của thị trường trong nước và thế giới, từ năm 2022 đến nay, MSB đặc biệt chú trọng công tác quản trị rủi ro thị trường và thanh khoản trong mối tương quan chặt chẽ với các loại rủi ro khác như rủi ro tín dụng, rủi ro đối tác, rủi ro tập trung, rủi ro hoạt động, rủi ro danh tiếng và pháp lý. Điều này được thực hiện trên cơ sở đánh giá và xem trọng tác động cộng hưởng ngày càng mạnh mẽ việc lan truyền tin tức qua các kênh mạng xã hội và/hoặc sự dễ dàng trong gửi/rút tiền từ các kênh số hóa các dịch vụ tài khoản. Theo đó, ngân hàng đã chủ động phát triển các cơ sở lý luận và từng bước xây dựng mô hình lượng hóa nhằm dự báo cơ chế tác động của các rủi ro này đến rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản, làm cơ sở kiện toàn và làm giàu các giả định trong kịch bản và mô hình kiểm tra sức chịu đựng định kỳ; góp phần củng cố từ sớm và hiệu quả các kế hoạch dự phòng về vốn và thanh khoản ngay trong điều kiện kinh doanh bình thường.

Đối với Quản lý rủi ro Hoạt động và An ninh thông tin

MSB tiếp tục dẫn đầu thị trường trong việc đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về quản lý rủi ro hoạt động và an ninh thông tin hoàn toàn bằng nguồn lực nội bộ.

Trong năm 2024, MSB đã triển khai thành công dự án xác thực căn cước công dân chip, xác thực đa nhân tố, áp dụng công nghệ mới nhất chống tài khoản giả mạo, kết nối thành công hệ thống với C06 Bộ Công An, A05 Bộ Công An, SIMO Ngân hàng Nhà nước giúp phòng ngừa đáng kể rủi ro hoạt động chung và rủi ro gian lận. Bên cạnh đó, hệ thống ngân hàng lõi mới cũng giúp giảm thiểu tối đa các rủi ro về kiến trúc hệ thống, vận hành hệ thống và an toàn bảo mật. MSB chủ động phòng ngừa các rủi ro lớn gây ảnh hưởng tới hoạt động của ngân hàng và tích cực diễn tập ứng phó các kịch bản gián đoạn hệ thống trọng yếu, chống tấn công mạng, rà quét trên không gian mạng để

phát hiện và gỡ các website giả mạo, hỗ trợ khách hàng có nguy cơ mất an toàn thông tin. Ngân hàng cũng tích cực rà soát, xử lý các tài khoản và giao dịch có dấu hiệu bất thường, liên tục cải tiến các ứng dụng kênh số để tăng cường an toàn thông tin và chống gian lận.

Trong năm 2025, MSB sẽ triển khai dự án xác thực qua VneID, nâng cấp phần mềm quản lý rủi ro hoạt động, tự động hóa việc giám sát và cảnh báo giao dịch bất thường, chú trọng phòng ngừa gian lận tín dụng và phòng ngừa gián đoạn các hệ thống trọng yếu, chủ động diễn tập các kịch bản dự phòng đối với các tình huống xấu có thể xảy ra.

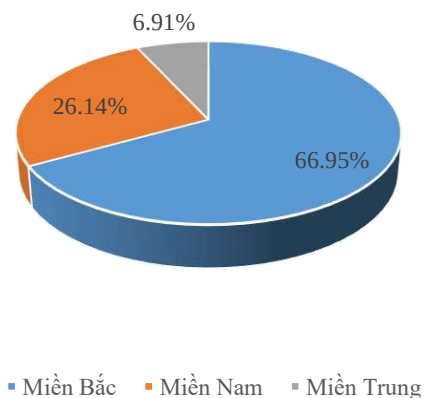
7. Tổ chức và nhân sự



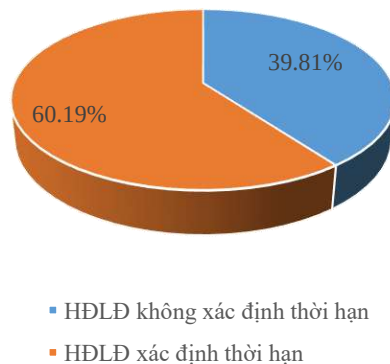
7.1. Thông tin về nhân sự và người lao động

Tổng số lượng cán bộ nhân viên bình quân năm 2024: **6.693**

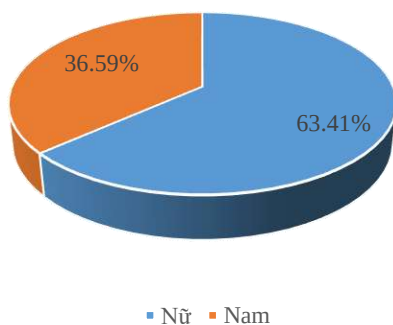
Cơ cấu lao động theo vùng miền



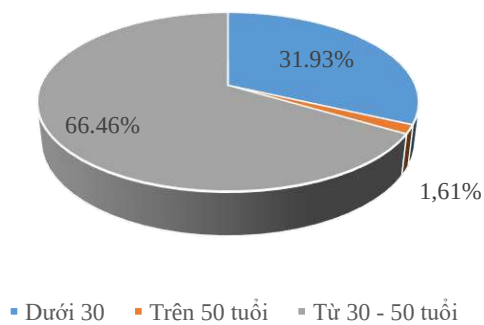
Cơ cấu lao động theo loại Hợp đồng lao động



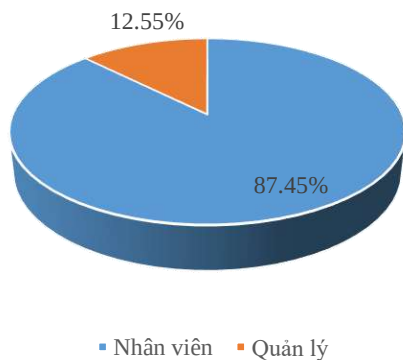
Cơ cấu lao động theo giới tính



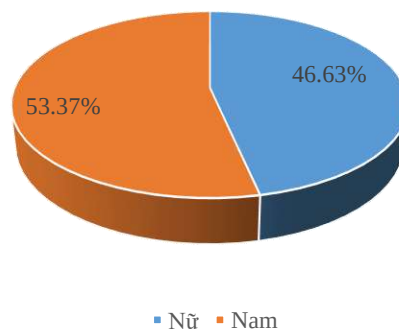
Cơ cấu lao động theo độ tuổi



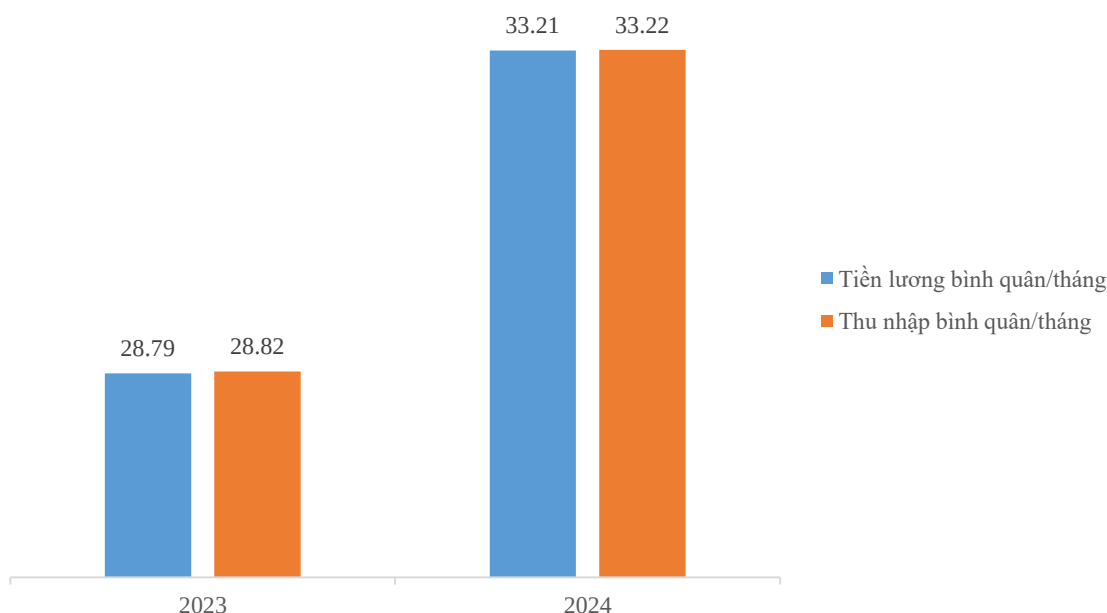
Cơ cấu lao động phân theo nhóm chức danh



Trong nhóm chức danh quản lý phân tách theo giới tính như sau:



Tỷ lệ phần trăm người lao động được đóng các loại bảo hiểm bắt buộc tính trên tổng số lao động thuộc diện phải đóng: 100%



Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên MSB năm 2023 – 2024 (ĐVT: triệu đồng)

7.2. Hoạt động quản trị nguồn nhân lực

7.2.1. Hoạt động phát triển thương hiệu Nhà tuyển dụng

Bảng so sánh những thay đổi trong hoạt động phát triển thương hiệu Nhà tuyển dụng năm 2023 và 2024

Tiêu chí	Năm 2023	Năm 2024	Sự thay đổi và Ý nghĩa
Giải thưởng	Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam (lần đầu tiên) - Hạng mục “Doanh nghiệp vừa”	Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam lần thứ 2 liên tiếp - Hạng mục “Doanh nghiệp lớn”	Khẳng định vị thế bền vững, xây dựng uy tín dài hạn
Chiến lược quảng bá	Tham gia ngày hội việc làm tại một số trường đại học, tập trung triển khai chương trình tuyển dụng cho nhóm Công nghệ	✓ Triển khai chương trình "RM Vision" (quan hệ khách hàng) và "Future Valuer" (định giá)	Chuyên sâu hóa chiến lược, tập trung vào nhóm ngành cụ thể và mở rộng hợp tác đào tạo

		✓ Ký kết hợp tác với Học viện Ngân hàng, ĐH Ngoại thương	
Công nghệ tuyển dụng	Sử dụng nền tảng tuyển dụng trực tuyến cơ bản trong vận hành và xử lý hồ sơ ứng viên	Nâng cấp nền tảng trực tuyến, tích hợp AI để sàng lọc hồ sơ, bóc tách trường thông tin quan trọng và gợi ý đánh giá năng lực	Tối ưu hóa quy trình, tiết kiệm thời gian, nâng cao độ chính xác
Trải nghiệm ứng viên	Quy trình tuyển dụng truyền thống, tập trung vào hiệu suất	✓ Cá nhân hóa trải nghiệm tại mọi điểm chạm ✓ Hỗ trợ tối đa từ ứng tuyển đến gia nhập ✓ Minh bạch, chuyên nghiệp, tương tác tích cực	Tạo dấu ấn riêng, thu hút ứng viên tiềm năng qua dịch vụ khác biệt
Thu hút nhân tài	Tập trung vào tuyển dụng chung, chưa có chính sách đặc thù cho từng lĩnh vực	✓ Định hướng rõ ràng cho nhóm ngành công nghệ, chuyển đổi số, quản trị rủi ro ✓ Đầu tư đào tạo nội bộ và phát triển lãnh đạo	Thu hút nhân sự chất lượng cao, xây dựng đội ngũ kế thừa có chuyên môn sâu
Kết quả	Tăng trưởng ứng viên ở mức trung bình - tăng 8% so 2022	Tỷ lệ ứng viên tăng 16% so với 2023	Khẳng định hiệu quả chiến lược, sẵn sàng cho mục tiêu phát triển bền vững



Năm 2024 đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ của MSB trong chiến lược thu hút và phát triển nguồn nhân lực. Ghi nhận những nỗ lực không ngừng trong việc kiến tạo môi trường làm việc lý tưởng, MSB tự hào được vinh danh thuộc “Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2024 - hạng mục Doanh nghiệp lớn” do Anphabe đánh giá. Đây là năm thứ hai liên tiếp MSB nhận được giải thưởng danh giá này. Nhận thức rõ vai trò then chốt của đội ngũ nhân sự trong việc hiện thực hóa các mục tiêu tăng trưởng, MSB tập trung vào việc:

1

Nâng tầm vị thế thương hiệu nhà tuyển dụng: MSB đẩy mạnh đến cộng đồng các hoạt động quảng bá hình ảnh, văn hóa doanh nghiệp năng động, sáng tạo và chú trọng phát triển con người. Bên cạnh việc tham gia các ngày hội việc làm tại các trường đại học lớn, MSB chủ động kết nối với thế hệ nhân sự tương lai thông qua các chương trình tuyển dụng chuyên biệt. Nổi bật là chương trình “RM Vision” dành cho nhóm ứng viên quan hệ khách hàng và chương trình “Future Valuer” hướng đến nhóm ứng viên định giá. Đồng thời, chương trình D-Innovation số 06 tiếp tục được triển khai nhằm tìm kiếm các ứng viên tài năng công nghệ, nhân tài số. Ngoài ra, MSB cũng trao đổi về thỏa thuận hợp tác với Học viện Ngân hàng và Đại học Ngoại thương Hà Nội, góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngân hàng.

Ứng dụng công nghệ trong tuyển dụng: Nền tảng tuyển dụng trực tuyến được nâng cấp, ứng dụng AI trong sàng lọc hồ sơ, đánh giá năng lực ứng viên giúp tối ưu hóa quy trình, tiếp cận ứng viên nhanh chóng và hiệu quả.

2

3

Cá nhân hóa trải nghiệm ứng viên: MSB chú trọng xây dựng quy trình tuyển dụng chuyên nghiệp, minh bạch và tạo trải nghiệm tích cực cho ứng viên ở từng điểm chạm. Ứng viên được hỗ trợ tối đa trong suốt quá trình ứng tuyển, phỏng vấn và gia nhập ngân hàng.

4

Thu hút nhân tài chất lượng cao: MSB tập trung vào thu hút nhân sự có năng lực chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ, chuyển đổi số, quản trị rủi ro... Các chương trình đào tạo nội bộ và phát triển lãnh đạo được đầu tư bài bản nhằm xây dựng đội ngũ kế thừa vững mạnh. Kết quả đạt được trong năm 2024 cho thấy chiến lược tuyển dụng hiệu quả của MSB là tỷ lệ ứng viên ứng tuyển tăng 16% so với năm 2023. MSB tự tin với đội ngũ nhân sự chất lượng cao, sẵn sàng thích ứng với sự thay đổi của thị trường và góp phần vào sự phát triển bền vững của ngân hàng.

7.2.2. Chính sách phúc lợi

Một trong 5 giá trị cốt lõi của MSB là giá trị “Nhân văn” với định hướng “Nhân viên hạnh phúc sẽ nỗ lực để làm khách hàng hài lòng”; theo đó, MSB hiểu rõ rằng người lao động là tài sản quý giá nhất của ngân hàng và là cốt lõi của sự phát triển bền vững.

MSB luôn chú trọng tạo môi trường làm việc an toàn, thuận lợi để người lao động an tâm công tác, nâng cao hiệu suất làm việc, đảm bảo chế độ đãi ngộ đa dạng hướng tới tối ưu lợi ích giữa MSB và người lao động.

Năm 2024, ngân hàng định vị chiến lược dài ngọ cạnh tranh với thị trường, đồng thời xây dựng chính sách đảm bảo công bằng nội bộ. Ngân hàng cam kết áp dụng các chính sách đặc biệt để thu hút và giữ chân nhân sự chủ chốt cũng như nhân sự tiềm năng, qua đó xây dựng nguồn nhân lực ổn định và chất lượng cao nhằm phục vụ mục tiêu chuyển đổi số và các kế hoạch kinh doanh chiến lược.

Ngân hàng luôn sẵn sàng cập nhật, đánh giá và điều chỉnh chính sách để thích ứng với các xu hướng nhân sự mới và giảm thiểu tác động từ các rủi ro thiên tai hoặc sự kiện bất ngờ. Tiêu biểu, ngân hàng đã triển khai chính sách khuyến khích cán bộ nhân viên (CBNV) sử dụng phương tiện công cộng nhằm bảo vệ môi trường, đồng thời hỗ trợ gia đình các CBNV bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bão Yagi. Những hành động này không chỉ thể hiện sự quan tâm mà còn khẳng định sự linh hoạt và trách nhiệm xã hội của ngân hàng.

Đặc biệt, trong năm 2024, ngân hàng đã hoàn thiện Quy định Quản lý hiệu quả công việc, một công cụ được nâng cấp từ quy trình đánh giá chất lượng công việc định kỳ. Quy định này không chỉ giúp đảm bảo tiến độ, chất lượng công việc và đạt được các mục tiêu đề ra, mà còn khuyến khích tinh thần trách nhiệm, sự sáng tạo và tính chủ động của mỗi cán bộ nhân viên. Việc áp dụng công cụ này kỳ vọng nâng cao năng suất lao động, đồng thời tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và định hướng phát triển bền vững cho toàn tổ chức.

Ngoài ra, MSB luôn đề cao mục tiêu bình đẳng giới trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực thông qua các chính sách quản trị nhân sự nói chung, như bình đẳng trong hoạt động tuyển dụng, gia tăng chế độ phúc lợi cho lao động động nữ dựa trên việc kết hợp quy định chung của nhà nước và những quyền lợi được MSB thiết kế riêng. Tiêu biểu như, ngân hàng cam kết và luôn đảm bảo việc làm đầy đủ cho số lao động nghỉ thai sản được trở lại vị trí cũ sau khi kết thúc thời gian nghỉ, chú trọng tạo môi trường làm việc thuận lợi và bố trí công việc phù hợp để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của lao động nữ, hỗ trợ linh hoạt và tạo điều kiện giúp nữ nhân viên có thể phát huy tối đa khả năng của mình trong công việc...

Nhìn chung, chiến lược và các chính sách nhân sự của ngân hàng trong năm 2024 được xây dựng, hoàn thiện và nâng tầm không chỉ để thu hút và giữ chân nhân tài mà còn thúc đẩy sự phát triển toàn diện, góp phần tạo nên một tổ chức vững mạnh, gắn kết và đáp ứng yêu cầu kinh doanh trong tương lai.

Chế độ tiêu chuẩn	MSB luôn tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động và thực hiện đầy đủ các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm tai nạn 24/24
Chính sách lương thưởng	Toàn bộ cán bộ nhân viên ngân hàng được chi trả thù lao theo Quy chế tiền lương, tiền thưởng và nhận được các phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể. Cấp quản lý cao nhất của MSB (Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát) được chi trả thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm
Bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe	MSB luôn ưu tiên bảo vệ sức khỏe cán bộ nhân viên và thực hiện triển khai các chính sách: ✓ Khám sức khỏe định kỳ với nhiều hạng mục phù hợp, thực hiện tầm soát bệnh lý theo nhu cầu của cán bộ nhân viên tại các bệnh viện uy tín, chất lượng với chi phí trung bình 1,5 triệu đồng/người ✓ Bảo hiểm sức khỏe: người lao động được thụ hưởng bảo hiểm sức khỏe toàn diện theo chương trình “MSB Care” với các chính sách và giá trị bảo hiểm gia tăng theo từng năm. Cụ thể, các chức danh lãnh đạo: giá trị bảo hiểm lên đến 1,5 tỷ đồng/người; các chức danh khác: mức bảo hiểm trung bình 300 triệu đồng/người ✓ Nghỉ dưỡng hàng năm tái tạo sức lao động ✓ Phòng y tế cho cán bộ nhân viên và phòng chức năng cho cán bộ nhân viên nữ đang trong thời kỳ nuôi con nhỏ
Phúc lợi/Đãi ngộ	Trợ cấp và khen thưởng: ✓ Hỗ trợ tiền ăn, đi lại/điện thoại/trang điểm ✓ Chi thưởng các ngày lễ Tết ✓ Chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật ✓ Thưởng dựa trên kết quả thực hiện công việc trong năm ✓ Hỗ trợ chi phí đi lại cho CBNV sử dụng phương tiện công cộng như xe buýt, tàu điện để di chuyển hằng ngày nhằm góp phần giảm thiểu ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường và tiết kiệm chi phí cá nhân Phúc lợi đời sống:

	✓ Hoạt động văn hóa - nghệ thuật - thể thao ✓ Quà tặng cho con nhân viên nhân dịp 01/06, Trung thu, đạt danh hiệu học sinh giỏi, ngày hội khai trường ✓ Ngoài ra, cán bộ nhân viên MSB sẽ được hưởng thêm các chế độ như nghỉ hưởng nguyên lương trong ngày sinh nhật và nghỉ phép thâm niên tăng 01 ngày so với Luật lao động Chế độ cho lao động nữ: ✓ Quà cho nhân viên nữ nhân dịp 08/03, 20/10 ✓ Trợ cấp thai sản ✓ Ngày nghỉ khám thai tăng thêm so với Luật lao động ✓ Chế độ nghỉ thai sản: MSB áp dụng chính sách nghỉ thai sản đối với người lao động (cả nam và nữ) tuân thủ quy định của pháp luật lao động và vận dụng chính sách khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm sức khỏe và các loại bảo hiểm gia tăng khác; đồng thời, người lao động vẫn được bình xét thi đua hằng năm, xét nâng lương định kỳ và được đánh giá hiệu quả làm việc làm cơ sở xét thưởng hiệu quả làm việc hàng năm và các chế độ phúc lợi có liên quan Chế độ hỗ trợ CBNV bị ảnh hưởng bởi thiên tai: Trước thiệt hại do ảnh hưởng của bão số 3 (Yagi) ở miền Bắc, ngân hàng đã triển khai các biện pháp hỗ trợ nhanh chóng và kịp thời nhằm chia sẻ khó khăn với cán bộ nhân viên (CBNV) và gia đình bị ảnh hưởng. Tùy theo mức độ thiệt hại của các CBNV, mức hỗ trợ dao động từ 2 triệu đến 10 triệu/CBNV
Các đãi ngộ/hỗ trợ/phúc lợi gia tăng gắn kết khác	✓ Giờ làm việc linh hoạt đối với cán bộ nhân viên làm việc tại Hội sở ✓ 03 lượt đi muộn/về sớm mỗi tháng với thời gian tối đa 4,5h/tháng và vẫn được trả lương để cán bộ nhân viên gắn kết cùng gia đình ✓ Chính sách vay ưu đãi cho cán bộ nhân viên ✓ Ngày nghỉ cho cán bộ nhân viên nam có vợ sinh con

7.2.3. Số hóa các hành trình dịch vụ nhân sự

Trong năm 2024, dự án “Số hóa hành trình dịch vụ nhân sự” nhằm nâng cao trải nghiệm cho cán bộ nhân viên tiếp tục được triển khai. Những hành trình dịch vụ nhân sự được số hóa có thể kể đến như: Hành trình xem xét tái ký hợp đồng lao động, Đánh giá sau thử việc, Đào tạo nghề, Lưu trữ hồ sơ nhân sự, Thanh lý hợp đồng lao động, Điều chuyển, Điều động, Bỏ nhiệm lại, Ký hợp đồng lao động số, Quy hoạch nhân sự.... đã nâng cao hiệu quả công việc, giúp giảm thiểu sai sót, đồng thời cho phép cán bộ nhân viên xử lý các tác vụ liên quan dễ dàng và nhanh chóng hơn.

7.3. Chương trình đào tạo

Trong năm 2024, MSB tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào các chương trình đào tạo phát triển năng lực nhằm nâng cao trình độ của đội ngũ nhân sự, đồng thời xây dựng thể hệ mới có tính kế thừa. Hoạt động đào tạo hướng tới bám sát với chiến lược chuyển đổi số của MSB, đặc biệt coi trọng cập nhật các xu hướng công nghệ hàng đầu hiện nay.

- Các chương trình tập trung nhằm nâng cao năng lực số với:
 - Dự án M.Digi Leaders do đối tác McKinsey tư vấn và triển khai. Kết quả: 25 lãnh đạo số đã được hoàn thiện năng lực sau chương trình; tổng cộng triển khai 39 lớp đào tạo dưới các hình thức học tập trung, học tập trung theo nhóm, lãnh đạo điều hành và chuyên gia chia sẻ, các phiên huấn luyện/hướng dẫn cho từng cá nhân theo lộ trình. Tổng số giờ đào tạo 1.391 giờ, trung bình mỗi cán bộ tham gia chương trình có 49,67 giờ học tập. Điểm đánh giá trung bình Dự án M.Digi Leader: 4,3/5.
 - Chương trình đào tạo “Chuyển đổi số tại MSB”; “Agile & Scrum”; “Data Analysis” đã được triển khai cho toàn bộ cán bộ MSB.
 - Các chương trình đào tạo về “Trí tuệ nhân tạo” – GenA.I (03 lớp), “Tư duy hệ thống” (05 lớp); “Innovation Forum” (05 lớp); “Data storytelling” (03 lớp) được triển khai cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý và nhân tài (Talentpool).



- Các chương trình đào tạo phát triển năng lực được triển khai mạnh mẽ với 44 khóa đào tạo và 02 dự án cho 1.200 lãnh đạo/cán bộ quản lý tham dự, cụ thể:

Nhóm đào tạo Phát triển năng lực	Nội dung tiêu biểu của 1 số khóa đào tạo
Lãnh đạo cấp cao: 01 dự án: Leading the way 04 khóa đào tạo: Lãnh đạo phục vụ (02 khóa), CEO Excellence Program 2024, MBA ✓ Số lượt tham dự khóa đào tạo: 130 ✓ Điểm đánh giá trung bình khóa đào tạo: 4,7/5	Leading The Way Xây dựng khung năng lực và lộ trình đào tạo cho lãnh đạo band 8 trở lên. Lãnh đạo phục vụ: ✓ Các ví dụ điển hình về “Lãnh đạo phục vụ” ✓ “Lãnh đạo phục vụ” và tầm quan trọng trong nền kinh tế dịch vụ ✓ Định nghĩa về “Lãnh đạo phục vụ” ✓ Mô hình “Lãnh đạo phục vụ” ✓ Lãnh đạo MSB cam kết hành động để trở thành tấm gương của “Lãnh đạo phục vụ” CEO Excellence Program 2024 Chương trình đào tạo cung cấp 1 trải nghiệm đặc biệt giúp thực hiện xuất sắc 6 nhiệm vụ chính của một CEO gồm: ✓ Xây dựng định hướng, chiến lược ✓ Kết nối với các thành viên Hội đồng Điều hành ✓ Kết nối với các cổ đông/các bên liên quan ✓ Tạo sự gắn kết xuyên suốt trong tổ chức ✓ Xây dựng đội ngũ hiệu suất cao ✓ Quản lý tính hiệu quả của cá nhân
Cán bộ lãnh đạo toàn hàng: 01 dự án gồm 13 khóa: M.Digi Leader 05 khóa đào tạo: Trí tuệ nhân tạo (Generative A.I), Lãnh đạo phục vụ - Thi đua liên minh (04 khóa) ✓ Số lượt học viên: 333 ✓ Điểm đánh giá trung bình khóa đào tạo: 4,6/5	Trí tuệ nhân tạo (Generative A.I) ✓ Hiểu về Generative A.I (GenA.I) và xu hướng ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành ngân hàng hiện đại. ✓ Phân tích các ứng dụng GenA.I thực tiễn dành cho ngành ngân hàng. ✓ Hướng dẫn thực hành sử dụng AI nâng cao hiệu quả công việc.

	✓ Tổng kết và kế hoạch hành động
Cán bộ quản lý và chuyên gia toàn hàng: 20 khóa ✓ Số lượt tham dự khóa đào tạo: 737 lượt ✓ Điểm đánh giá trung bình khóa đào tạo: 4,6/5	M.Manager: ✓ Tư duy hệ thống ✓ Innovation Forum ✓ Lập kế hoạch và quản trị thực thi ✓ Huấn luyện và kèm cặp nhân viên M.Expert: ✓ Kỹ năng huấn luyện kèm cặp Nâng cao năng lực trưởng nhóm ✓ Chân dung trưởng nhóm ✓ Kỹ năng làm việc nhóm
Cán bộ lãnh đạo & quản lý Khối và Ngân hàng chuyên doanh: 64 khóa ✓ Số lượt học viên: 1236 ✓ Điểm đánh giá trung bình khóa đào tạo: 4,6/5	✓ Chuỗi “RB ways” với các chủ đề dành cho các cán bộ band 5 trở lên tại Ngân hàng Bán lẻ Hội sở ✓ Cán bộ quản lý Ngân hàng Doanh nghiệp (EB Hub Head) quy hoạch ✓ Nâng cao kỹ năng lãnh đạo cho quản lý cấp trung Ngân hàng Doanh nghiệp: Nâng cao kỹ năng Huấn luyện và tạo động lực cho nhân viên ✓ Chuỗi chương trình đào tạo tư duy và cách thức làm việc: Agile, Scrum và Design thinking ✓ Chương trình Quản lý sản phẩm (Product Manager) dành cho nhân sự phát triển sản phẩm (Product Owner)
Talentpool: 02 khóa ✓ Số lượt tham dự khóa đào tạo: 51 lượt ✓ Điểm đánh giá trung bình khóa đào tạo: 4,5/5	✓ Trí tuệ nhân tạo (Generative A.I)



- Hình thức đào tạo và chất lượng của giảng viên nội bộ được đa dạng hóa và liên tục đẩy mạnh để phù hợp với các đối tượng học viên khác nhau (cơ bản/nâng cao, trực tuyến/trực tiếp). Điểm đánh giá các khóa đào tạo của giảng viên nội bộ đã tăng và đạt mức tương đương với giảng viên thuê ngoài là 4,67/5.
- Thời gian đào tạo trung bình năm: 136 giờ với cán bộ quản lý, 126,7 giờ với cán bộ nhân viên.

7.4. Định hướng năm 2025

Trong năm 2025, **MSB tập trung vào việc tinh gọn bộ máy ngân hàng giúp tối ưu hóa quy trình làm việc, tăng năng suất và tính chuyên môn hóa của cán bộ nhân viên**, từ đó tạo cơ hội rèn luyện và phát triển cho đội ngũ, nâng cao hiệu quả và tính minh bạch trong công việc. Cùng với đó, **MSB cũng tập trung triển khai hoạt động phân tích và đánh giá khoảng cách năng lực** giúp xác định những kỹ năng và năng lực cần thiết để phát triển đội ngũ nhân sự; từ đó xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và thăng tiến hợp lý, đảm bảo sự phát triển bền vững cho cả nhân viên và ngân hàng.

Ngoài định hướng chiến lược phát triển thông qua hoạt động tinh gọn bộ máy và lộ trình phát triển nghề nghiệp, **việc tiếp tục xây dựng hệ thống đãi ngộ cạnh tranh cũng là mục tiêu được ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh trong năm 2025**. Cụ thể, phát triển hệ thống đãi ngộ cạnh tranh sẽ được triển khai dựa trên cơ chế đánh giá hiệu quả làm việc rõ ràng, minh bạch. Các chỉ tiêu đánh giá sẽ liên kết chặt chẽ với hệ thống lương, thưởng và phúc lợi, đảm bảo công bằng và khuyến khích nhân viên nỗ lực, cống hiến. Điều này không chỉ giúp thu hút và giữ chân nhân tài mà còn tạo động lực để cải thiện hiệu quả công việc và xây dựng một môi trường làm việc tích cực, năng động.

Về thương hiệu tuyển dụng, MSB đặt mục tiêu đưa thương hiệu nhà tuyển dụng lên tầm cao mới trong năm 2025 với các kế hoạch cụ thể sau:

- **Xây dựng chiến lược truyền thông toàn diện:** Đẩy mạnh các chiến dịch truyền thông thương hiệu trên các nền tảng số, mạng xã hội và các kênh truyền thông truyền thống, tập trung vào việc lan tỏa giá trị cốt lõi và văn hóa doanh nghiệp của MSB.
- **Phát triển các chương trình tuyển dụng sáng tạo:** Tiếp tục triển khai các chương trình tuyển dụng thường niên, đồng thời ra mắt thêm các chương trình tuyển dụng chuyên biệt cho từng nhóm ngành nghề, đặc biệt là các lĩnh vực công nghệ và chuyển đổi số, nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự trong bối cảnh thị trường thay đổi nhanh chóng.
- **Mở rộng hợp tác với các tổ chức giáo dục:** Tiếp tục ký kết hợp tác với các trường đại học, học viện lớn trên cả nước, mở rộng phạm vi hợp tác quốc tế để tiếp cận nguồn nhân lực trẻ và tài năng trên toàn cầu.
- **Tăng cường trải nghiệm ứng viên:** Đầu tư vào các nền tảng công nghệ mới giúp cá nhân hóa trải nghiệm ứng viên, từ giai đoạn ứng tuyển đến gia nhập. MSB cũng sẽ triển khai các buổi chia sẻ, hội thảo trực tuyến và trực tiếp để kết nối ứng viên với đội ngũ lãnh đạo.
- **Duy trì các giải thưởng uy tín:** Đặt mục tiêu duy trì vị trí trong “Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam” và hướng tới các giải thưởng danh giá hơn nữa nhằm nâng cao uy tín thương hiệu nhà tuyển dụng của MSB.

- **Xây dựng cộng đồng nhân sự MSB:** Đẩy mạnh các hoạt động nội bộ, phát triển văn hóa doanh nghiệp dựa trên sự gắn kết, sáng tạo và đổi mới. MSB sẽ tổ chức các chương trình dành riêng cho nhân viên, khuyến khích họ trở thành đại sứ thương hiệu, lan tỏa hình ảnh tích cực của ngân hàng đến cộng đồng.

MSB kỳ vọng sẽ xây dựng thành công thương hiệu nhà tuyển dụng uy tín, thu hút và giữ chân được đội ngũ nhân sự chất lượng cao, góp phần vào sự phát triển bền vững của ngân hàng trong tương lai.

Về đào tạo, trong năm 2025, MSB sẽ:

- Tiếp tục tổ chức nhiều khóa học hữu ích cho cán bộ nhân viên nhằm nâng cao năng lực trong công việc chuyên môn cũng như công tác quản lý.
- Rà soát đảm bảo 100% các lãnh đạo quản lý được đào tạo đúng theo khung đào tạo đã được xây dựng tương ứng với band, hàm.

Chi tiết như sau:

Nhóm đào tạo Phát triển năng lực	Khóa đào tạo dự kiến
Lãnh đạo cấp cao (03 khóa)	✓ Dự án “Nâng cao năng lực cho lãnh đạo từ Band 8 trở lên” (Leading The Way) sẽ đi vào thực hiện dự kiến với: 3 diễn đàn lãnh đạo, 3 hội thảo chiến lược, 2 hội nghị/diễn đàn ở nước ngoài để làm việc với các tổ chức toàn cầu, thực hiện các dự án theo nhóm và cuối cùng là các phiên huấn luyện 1-1 ✓ Chương trình “Xây dựng hình ảnh và phong thái lãnh đạo” ✓ Xây dựng chiến lược ứng dụng AI trong tổ chức
Cán bộ lãnh đạo toàn hàng (band 7): 04 khóa	✓ Truyền cảm hứng để dẫn dắt sự thay đổi ✓ Tầm nhìn chiến lược ✓ Trí tuệ nhân tạo (Generative A.I) ✓ Tài chính cho phi tài chính (Finance for non Finance)
Cán bộ quản lý toàn hàng (band 5, band 6): 06 khóa	✓ Chân dung quản lý ✓ Lập kế hoạch và quản trị thực thi ✓ Kỹ năng giao việc tối ưu ✓ Tạo động lực và gắn kết đội ngũ ✓ Kỹ năng huấn luyện và kèm cặp ✓ Diễn đàn cải tiến (Innovation Forum)

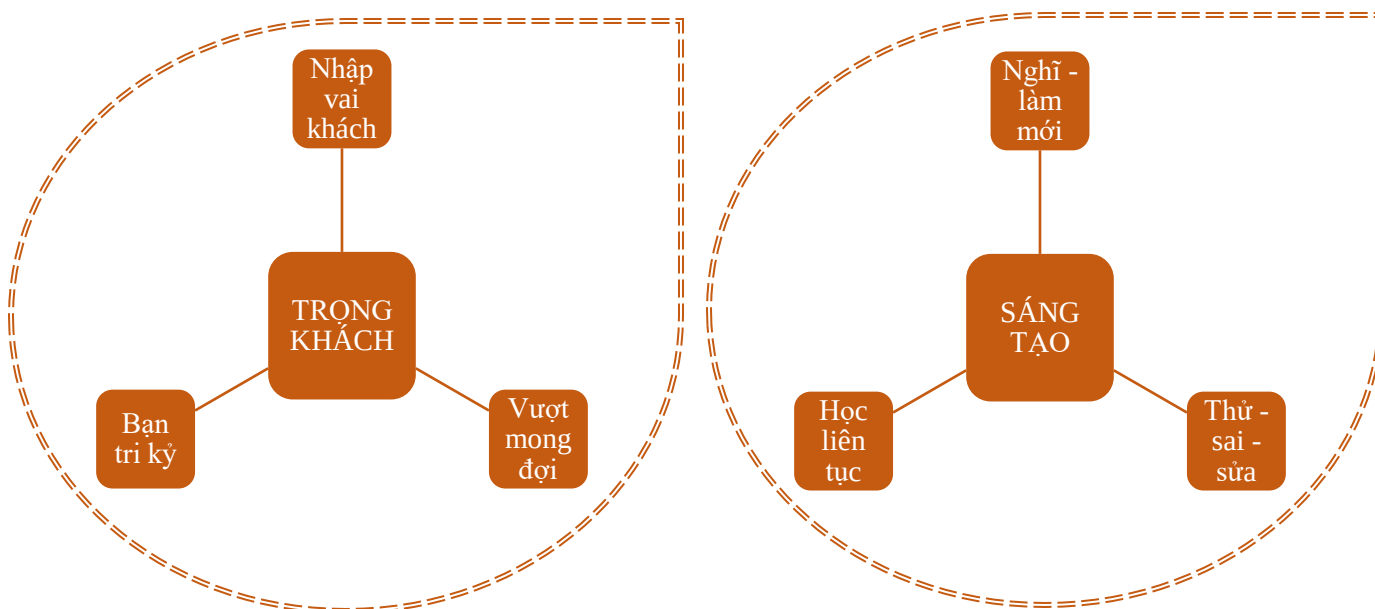
Cán bộ chuyên gia toàn hàng (band 5, band 6): 01 khóa	✓ Tư duy hệ thống ✓ Kỹ năng huấn luyện kèm cặp
Đào tạo e-Learning cho cán bộ quản lý và chuyên gia toàn hệ thống	✓ Tư duy thiết kế ✓ Quản trị sự thay đổi
Phát triển năng lực cán bộ quản lý theo từng Ngân hàng chuyên doanh/Khối/Đơn vị	<u>Ngân hàng Bán lẻ</u> ✓ Nâng cao năng lực tín dụng cho đội ngũ quản lý kinh doanh (BM). ✓ Xây dựng lộ trình tổng thể, triển khai đào tạo tập trung cho BM, xây dựng danh sách hạng mục công việc (checklist) giao Giám đốc Vùng huấn luyện BM, BM đào tạo cán bộ bán hàng. ✓ Triển khai đào tạo sản phẩm cho lực lượng bán bằng huấn luyện tại vùng. <u>Ngân hàng doanh nghiệp</u> ✓ Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý band 5 trở lên: Quản lý bán hàng; Lãnh đạo làm gương; Thúc đẩy và động viên đội ngũ <u>Khối Chuyển đổi số</u> ✓ Chương trình Quản lý sản phẩm (Product Manager) dành cho nhân sự phát triển sản phẩm (Product Owner) ✓ Chương trình NEO Leaders dành cho quản lý cấp trung (band 5-6) ✓ Train the trainer ✓ Tài trợ học/thi chứng chỉ quốc tế cho các vị trí quan trọng: Project manager, Scrum master, Tester <u>Khối Công nghệ và Khối Quản lý rủi ro</u> ✓ Xây dựng khung năng lực và khung đào tạo theo vị trí
Talentpool: 2 khóa	✓ Tài chính nhúng và Open Banking ✓ Innovation Forum

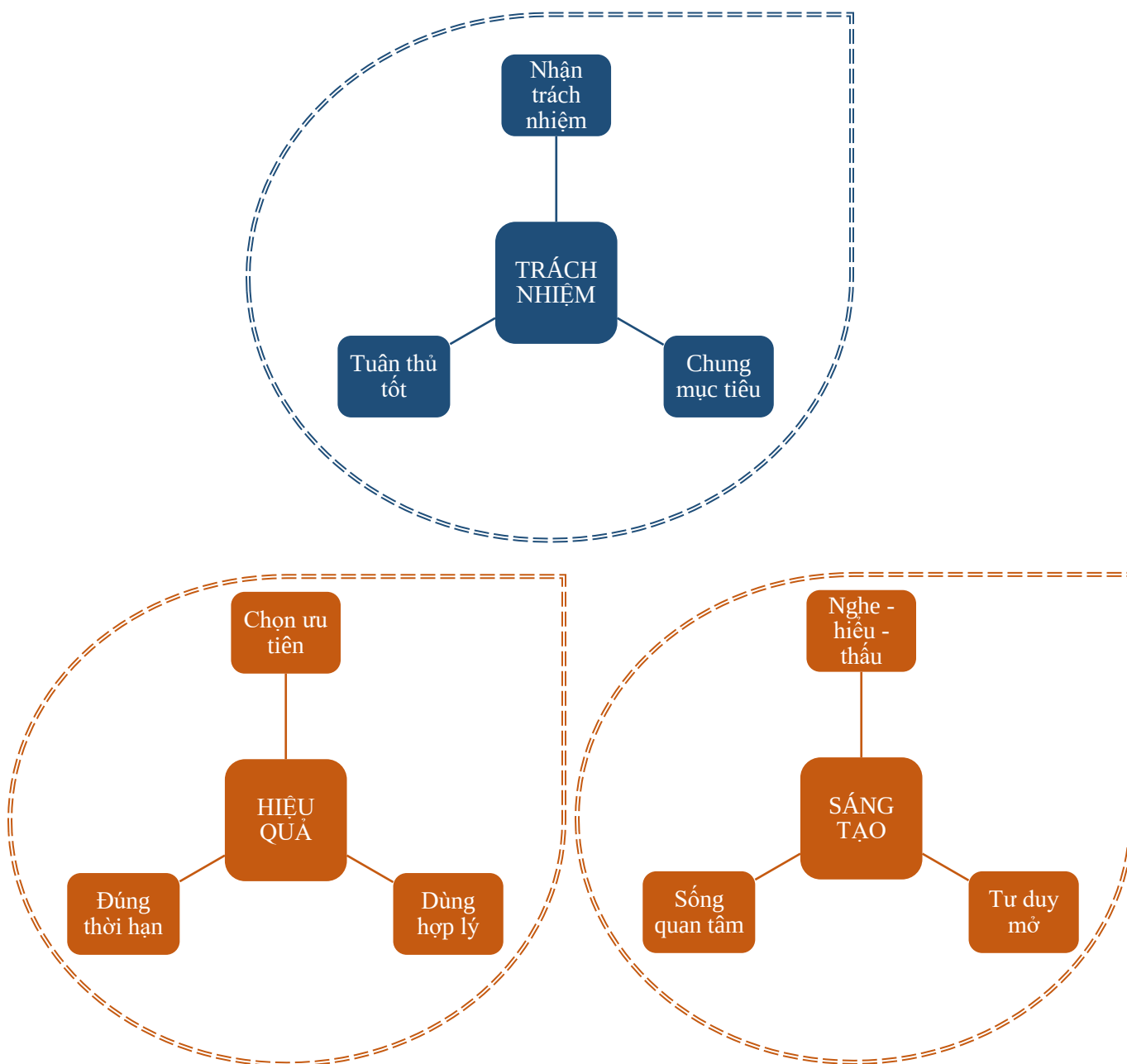
8. Hoạt động phát triển văn hóa

MSB hướng tới mục tiêu trở thành một doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ và bền vững nhằm thực hiện hiệu quả chiến lược kinh doanh giai đoạn 2024-2028. Để đạt được điều này, MSB tập trung vào việc phổ cập nền tảng văn hóa doanh nghiệp, chuyển dịch văn hóa từ định hướng “con người - kết quả” sang định hướng “con người - đổi mới” thông qua việc triển khai mạnh mẽ các hoạt động phát triển văn hóa trong nội bộ và lan tỏa giá trị ra cộng đồng.

Năm 2024 đánh dấu một năm chuyển đổi mạnh mẽ của MSB trong việc hưởng ứng phong trào phát triển bền vững song hành với nhiệm vụ phổ cập sâu rộng 5 giá trị cốt lõi “Trọng khách – Sáng tạo – Trách nhiệm – Hiệu quả – Nhân văn” và 15 chuẩn hành vi góp phần tạo ra nhiều tác động tích cực trong đời sống và công việc của cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống.

Các Chuẩn hành vi tương ứng với 5 Giá trị cốt lõi





Sau một năm triển khai, nền tảng văn hóa mới được hiện thực hóa một cách mạnh mẽ. Hàng loạt chương trình đào tạo phổ cập văn hóa diễn ra sôi nổi với tỉ lệ 99,56% cán bộ nhân viên tham gia và hoàn thành. Ban Văn hóa doanh nghiệp MSB không ngừng nâng cấp các hình thức phổ cập chuyên sâu hơn, bao gồm hội thảo văn hóa tại các chi nhánh lớn và các hội thảo dành cho lãnh đạo cấp trung, góp phần tăng cường tương tác gắn kết giữa lãnh đạo và nhân viên.

Năm 2024 cũng ghi nhận bước chuyển mình mạnh mẽ trong nhận thức về trách nhiệm thực thi văn hóa doanh nghiệp của toàn hệ thống MSB. Tất cả thành viên trong Hội đồng Điều hành đều đồng

hành và giữ vai trò tiên phong trong việc truyền thông lan tỏa, thúc đẩy phát triển các câu lạc bộ và các hoạt động cộng đồng, dẫn dắt các đơn vị tham gia vào chiến dịch thúc đẩy văn hóa. Đội ngũ gần 176 Đại sứ văn hóa cũng đã phủ rộng 100% các tỉnh thành trong hệ thống, góp phần tăng cường gắn kết văn hóa tại các đơn vị/khu vực, tích cực lan tỏa hình ảnh MSB trên địa bàn.

Hành trình chuyển dịch văn hóa từ “con người - kết quả” sang “con người - đổi mới” có nhiều dấu ấn đậm nét thông qua sự phát triển các phong trào câu lạc bộ và thi đua về văn hóa. Bản sắc MSB được hình thành rõ nét, phát triển sâu rộng trong đời sống của cán bộ nhân viên. Các câu lạc bộ M-Runs, M-Music, M-Happy trong năm 2024 phát triển mạnh mẽ vượt bậc, trở thành cầu nối gắn kết nhân viên, thúc đẩy lối sống nhân văn và xây dựng giá trị cho cộng đồng. Những con số ấn tượng như 99,52% cán bộ nhân viên tham gia các hoạt động chạy bộ do M-Runs tổ chức, M-Happy ghi nhận hơn 700 triệu đồng quyên góp vào quỹ từ thiện từ nhân sự nội bộ, 06 hoạt động thiện nguyện “Hạnh phúc trao em” được tổ chức thành công, 67% lãnh đạo tham gia trình diễn trên sân khấu các sự kiện lớn của M-Music... đã góp phần truyền cảm hứng cho toàn hệ thống.



Hoạt động Câu lạc bộ M-RUNS



Hoạt động Câu lạc bộ M-Music





===== Những hành trình của “Hạnh phúc trao em” =====

Cộng hưởng từ việc triển khai liên tục - toàn diện - hiệu quả, văn hóa MSB còn trở thành động lực thúc đẩy kinh doanh thông qua việc lồng ghép hàng loạt nhiệm vụ hỗ trợ doanh số trong chương trình thi đua văn hóa với thông điệp “Chung sức cùng tiền tuyến”. Chương trình không chỉ tạo nên những dấu ấn đậm nét về tinh thần hợp tác, gắn kết tập thể gần 6.700 cán bộ nhân viên mà còn tác động tới các chương trình thi đua bán hàng trên khắp cả nước.

Nhờ những nỗ lực không ngừng, mức độ trưởng thành văn hóa của MSB đã tăng từ 3/6 (năm 2023) lên 5/6 (tháng 9/2024) theo khảo sát của BlueC.

Tiếp tục hiện thực hóa chiến lược văn hóa 2023 - 2025 phục vụ chiến lược MSB 2024 - 2028, trong năm 2025, MSB tiếp tục những bước triển khai phổ cập văn hóa sắc nét và chuyên sâu hơn với trọng tâm là giá trị cốt lõi “Trọng khách”. Đồng thời, MSB cũng hướng đến kế hoạch hành động thúc đẩy chuyển dịch văn hóa một cách mạnh mẽ sang định hướng văn hóa con người – đổi mới thông qua xây dựng chân dung MSBers đậm bản sắc, cụ thể:

Tiếp tục phổ cập văn hóa MSB sắc nét hơn thông qua việc xây dựng các nội dung đào tạo chuyên sâu, ưu tiên tạo ra những chia sẻ, thảo luận cởi mở cùng việc đẩy mạnh ứng dụng những công cụ triển khai văn hóa sáng tạo, mới mẻ giúp dễ dàng đưa văn hóa vào sâu trong đời sống cán bộ nhân viên.

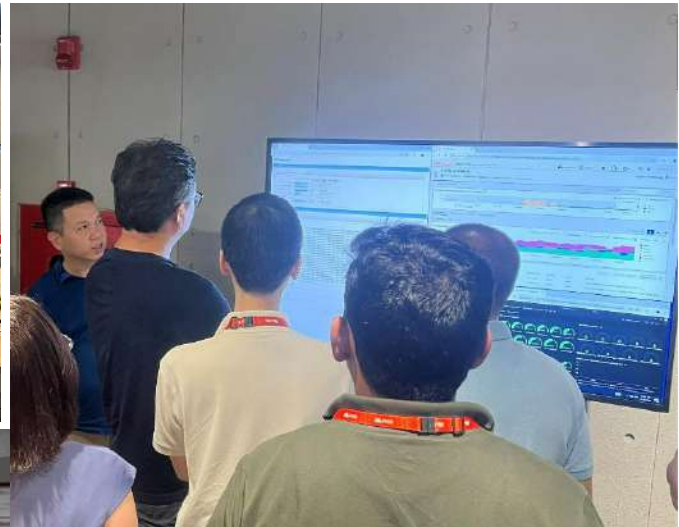
Lan tỏa chủ đề năm hướng tới thông điệp: “Trọng khách” và chuẩn hành vi “Vượt mong đợi” nhằm mục tiêu xây dựng bản sắc văn hóa MSB nêu cao tinh thần trọng khách – đặt khách hàng làm trọng tâm trong mọi suy nghĩ và hành động, từ nội bộ ra bên ngoài, hướng đến cung cấp cho khách hàng những dịch vụ vượt mong đợi nhằm góp phần xây dựng hình ảnh, uy tín MSB trên thị trường cũng như thúc đẩy hiệu quả kinh doanh.

Tiếp tục chuyển dịch văn hóa sang định hướng “Con người – Đổi mới” thông qua việc xây dựng rõ nét chân dung hình ảnh con người MSB phù hợp với chiến lược MSB, nhằm hướng dẫn toàn thể cán bộ nhân viên chuyển dịch hành vi theo mô hình năng lực cốt lõi, phát huy rõ nét 5 giá trị cốt lõi, đẩy mạnh giá trị cốt lõi “Nhân văn” và “Sáng tạo” trong tổng thể hoạt động, hướng đến xây dựng môi trường hạnh phúc cho người MSB và cộng đồng.

9. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

9.1. Các dự án công nghệ





Tiếp tục theo đuổi mục tiêu chiến lược của MSB, tầm nhìn 2024 – 2028 đã được thiết lập. Thời điểm ban đầu, MSB xác định các chỉ số tăng trưởng lợi nhuận, chỉ tiêu về chuyển đổi số qua việc dịch chuyển hợp kênh và tăng tỷ lệ khách hàng, số lượng sản phẩm/dịch vụ trên kênh số với định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm; song song đó, thúc đẩy các chuyển đổi nội bộ nhằm đảm bảo mục tiêu chiến lược đề ra. Cùng với sự hỗ trợ từ các đơn vị tư vấn hàng đầu thế giới như McKinsey, BCG, MSB đã và đang thực hiện khoảng 10 chương trình chuyển đổi lớn như: Hiện đại hóa hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking), Hành trình khách hàng (Customer Journey – CJ) theo sản phẩm - dịch vụ về CASA và cho vay (Lending), Kênh kỹ thuật số (Digital Channel - DC), Quản trị tiến trình kinh doanh (Business Process Management – BPM), Hạ tầng dữ liệu khách hàng/Công nghệ tiếp thị (Customer Data Platform - CDP/Marketing Technology – Martech), Kinh doanh số (Digital Sale), Quản trị rủi ro luồng phê duyệt thẳng (Straight-through Processing - Risk STP), Chuyển đổi dữ liệu doanh nghiệp (Enterprise Data Transformation - EDT), Chuyển đổi quầy

(Operation Transformation), Hệ sinh thái số và khách hàng thân thiết (Loyalty Program). Những dự án này nhằm chuyển đổi toàn diện nền tảng công nghệ hiện đại đáp ứng mục tiêu tăng trưởng chiến lược, đưa MSB trở lại nhóm ngân hàng dẫn đầu thị trường.

Đối với dự án nâng cấp Core Banking, MSB đã thực hiện vận hành thành công nền tảng ngân hàng lõi mới vào giữa năm 2024 và tiếp tục thực hiện tinh chỉnh, nâng cấp hệ thống giai đoạn 2. Đối với chương trình trọng tâm Digital Channel (DC) cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp, MSB đã chính thức khởi động dự án, hướng tới đáp ứng sứ mệnh chuyển đổi DC thành kênh kinh doanh đúng nghĩa, không đơn thuần chỉ là một sản phẩm số. Định hướng này được thực hiện qua các mục tiêu trụ cột gồm đa dạng tính năng, tăng trải nghiệm vượt trội và nâng cao hiệu suất, bảo mật trên kênh số. DC trong tương lai được kỳ vọng trở thành một ngân hàng số có khả năng thay thế kênh giao dịch truyền thống qua nền tảng hợp kênh.

Đối với dự án chuyển đổi hành trình khách hàng (bao gồm khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, áp dụng cho 2 mảng sản phẩm dịch vụ chiến lược là tiền gửi không kỳ hạn và cho vay), MSB đã tiến hành tinh gọn hành trình khách hàng từ tiếp cận tới đăng ký sản phẩm - dịch vụ thành công theo hướng tối ưu và đáp ứng Thông tư 50/2024/TT-NHNN quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành ngân hàng. Đồng thời, MSB cũng tuân thủ việc định danh căn cước công dân gắn chip theo Thông tư 17/2018/TT-NHNN và 18/2027/TT-NHNN; thực hiện “làm mịn” các hành trình đối các sản phẩm - dịch vụ cho vay.

Về dự án nâng cao năng lực tiếp thị số, dựa trên việc phát triển nền tảng toàn diện, tận dụng sức mạnh của dữ liệu 360 độ về hành vi khách hàng theo thời gian thực, MSB áp dụng công nghệ MarTech để tăng lưu lượng truy cập, cơ hội bán hàng và số lượng khách hàng thông qua các kênh kỹ thuật số; nâng cao trải nghiệm người dùng trên đa kênh dựa trên việc nhận phản hồi liên tục.

Bên cạnh đó, MSB đã và đang triển khai chương trình chuyển đổi dữ liệu doanh nghiệp nhằm chuyển đổi mạnh mẽ nền tảng dữ liệu tập trung; tăng cường năng lực quản trị dữ liệu, năng lực phân tích dữ liệu và cải thiện văn hóa dữ liệu.

Cùng với sự gia tăng mạnh mẽ của hàm lượng số hóa trong sản phẩm dịch vụ, chương trình quản trị rủi ro trên luồng phê duyệt thẳng đã và đang hỗ trợ các hành trình chuyển đổi số trong việc ra quyết định nhanh, chính xác dựa trên các mô hình đo lường rủi ro, chính sách quản lý rủi ro. Nói cách khác, hệ thống hỗ trợ ngân hàng ra quyết định dựa trên mô hình và dữ liệu. Trong năm 2024, MSB đã hoàn thành các cấu phần chính trong hành trình chuyển đổi số cho luồng khởi phát vay qua chương trình số hóa hành trình sau phê duyệt (BPM).

Hiện thực hóa chiến lược chuyển đổi số tổng thể, MSB hướng tới:



Từ định hướng trên, MSB đang từng bước hoàn thiện dự án chuyển đổi bán hàng thông qua việc hoàn thiện một nền tảng duy nhất cho lực lượng tuyến đầu (Frontline) bao gồm Ngân hàng Bán lẻ, Ngân hàng Doanh nghiệp và các mô hình đại lý phân phối sản phẩm - dịch vụ của MSB nhằm hỗ trợ lực lượng bán hàng có thể thực hiện tất cả các tác vụ hàng ngày một cách dễ dàng.

Bên cạnh các chuyển đổi lớn, trọng tâm, MSB tiếp tục thực hiện các chuyển đổi vừa và nhỏ cho 2 mảng nghiệp vụ kinh doanh và nền tảng công nghệ. Đối với mảng nghiệp vụ kinh doanh, MSB thực hiện tích hợp thành công liên kết thẻ Visa, MasterCard với Apple Pay và Google Pay; đẩy mạnh nâng cấp nền tảng giải pháp thanh toán thông qua hệ sinh thái đối tác. Đối với nghiệp vụ khối hỗ trợ, MSB tiếp tục thực hiện chuyển đổi nền tảng ERP, nền tảng kết nối di động (Mobile Connect) và Lowcode đối với các dịch vụ phục vụ nội bộ.

Đối với chuyển đổi nền tảng công nghệ, MSB đã và đang hoàn thành khoảng 10 nền tảng công nghệ lõi bao gồm ứng dụng M-Connect, máy rút tiền thế hệ mới (new ATM), Single API Platform; Kafka; ECM, định danh điện tử (e-KYC); IAM; Lowcode và RPA.

Ngoài ra, trong năm 2024, MSB đầu tư và triển khai nâng cấp các năng lực cần thiết cho an toàn và bảo mật thông tin cũng như củng cố năng lực hạ tầng công nghệ theo định hướng lai giữa công nghệ đám mây (Cloud) và lưu trữ dữ liệu tại chỗ (On-premises); tiếp tục cải thiện, nâng cấp mô hình quản trị công nghệ phát triển phần mềm và công cụ lao động hiện đại.

Năm 2025, Khối Công nghệ hướng tới các mục tiêu trọng điểm:

Hoàn thành nâng cấp ngân hàng lõi giai đoạn 2 và tiếp tục hỗ trợ các đơn vị nghiệp vụ khi có vấn đề phát sinh, đảm bảo ổn định giao dịch và hoạt động của MSB.

Đẩy mạnh và triển khai theo lộ trình các chương trình chuyển đổi chiến lược và các dự án chuyển đổi vừa và nhỏ để phục vụ mục tiêu kinh doanh giai đoạn 2024-2028.

Hoàn thiện và xây dựng nền tảng dữ liệu lớn với việc cho phép khai thác và phân tích thông minh, phục vụ ra quyết định cho vay và hỗ trợ kinh doanh số.

Đầu tư nghiên cứu và áp dụng, mở rộng từng bước cho việc đưa trí tuệ nhân tạo (AI)/máy học (ML) vào chuyển đổi số, tự động hóa; hình thành nền tảng AI/ML hoàn chỉnh.

9.2. Các dự án số hóa

Tiếp nối chiến lược số hóa ngân hàng, năm 2024, MSB đã triển khai nhiều dự án lớn và đã đem lại những kết quả bước đầu khả quan:

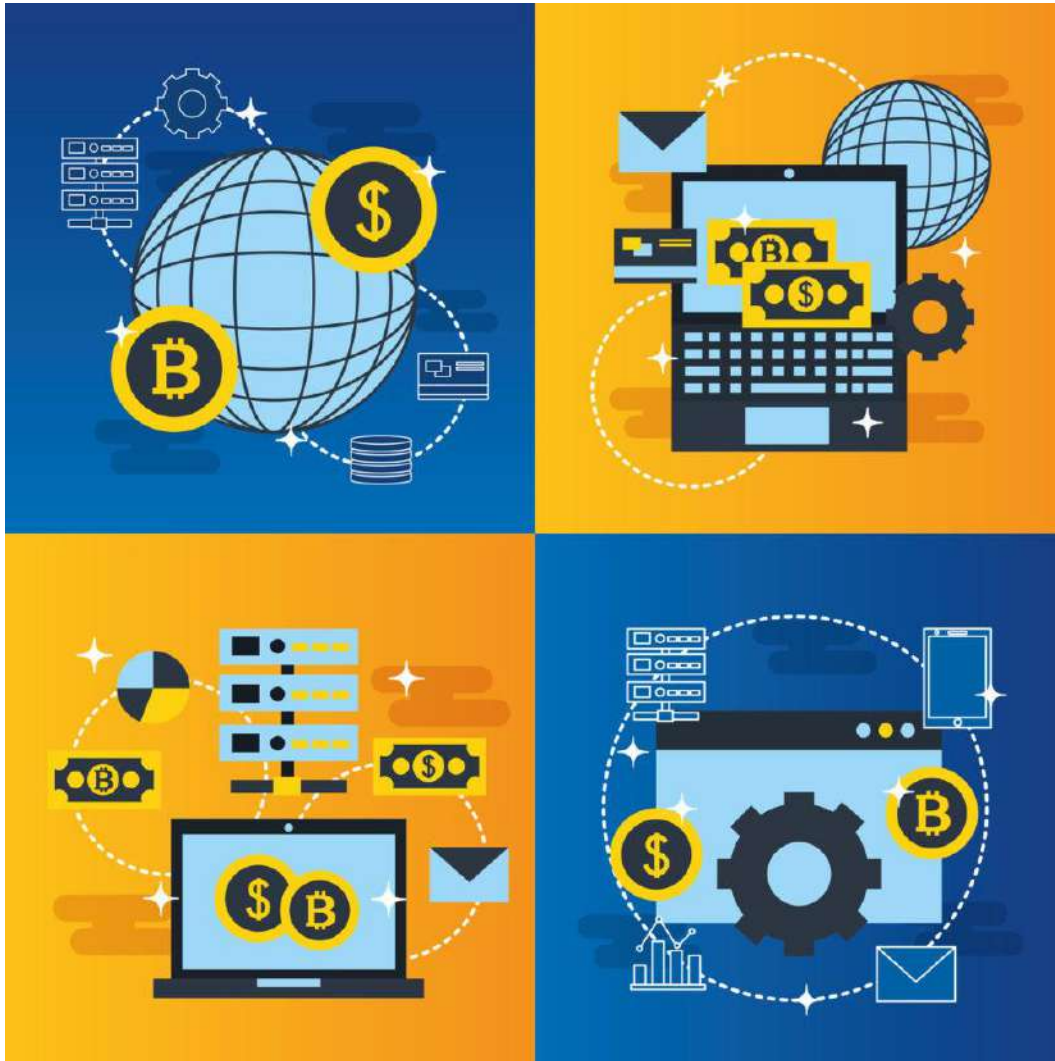
9.2.1. Dự án Nhà máy số (Digital Factory)

Với mục tiêu số hóa trọn vẹn hành trình nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, ứng dụng phân tích nâng cao cho việc ra quyết định để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và giảm thiểu rủi ro, thúc đẩy văn hóa số, năm 2024, dự án đã số hóa các hành trình:



- Hành trình thẻ tín dụng (Khách hàng cá nhân) từ đăng ký đến giải ngân, phát hành thẻ cho khách hàng mới
- Hành trình tín dụng khách hàng phân khúc kinh doanh (Chủ kinh doanh - BO, Tiểu thương - SBO, Doanh nghiệp siêu nhỏ - SSE) từ bước sàng lọc khách hàng đăng ký vay đến phê duyệt dành cho khách hàng mới và khách hàng hiện hữu
- Hành trình phê duyệt trước tái cấp thấu chi, hạn mức kinh doanh. Khách hàng có thể nhận thông tin và đăng ký nhanh chóng qua kênh số
- Hành trình vay thế chấp đã được số hóa quy trình từ đăng ký đến phê duyệt vay cho 100% sản phẩm
- Hoàn tất phát triển và triển khai hành trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng phương tiện điện tử tuân thủ quy định Ngân hàng Nhà nước
- Hoàn tất phát triển và triển khai hành trình thu thập và cập nhật dữ liệu sinh trắc học nhằm tăng cường an toàn, bảo mật khi giao dịch trực tuyến trên ứng dụng MSB mBank
- Ra mắt sản phẩm mới với tính năng sinh lời không ngừng; ra mắt tài khoản số đẹp với kho số đẹp đa dạng và may đo phù hợp cho từng khách hàng

9.2.2. Dự án Hiện đại hóa hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking):



Thay thế các hệ thống ngân hàng lõi Silverlake bằng bộ giải pháp mới T24 Transact. Hệ thống ngân hàng lõi mới với nhiều tính năng ưu việt sẽ giúp gia tăng tính bảo mật, tăng tốc độ xử lý và tính chính xác của hệ thống, nâng cao trải nghiệm khách hàng. Trong năm 2024, MSB đã nâng cấp thành công hệ thống Core Banking mới, chính thức sử dụng hệ thống Core T24 tại tất cả các Chi nhánh, Phòng Giao dịch và các đơn vị nghiệp vụ liên quan trên toàn ngân hàng từ ngày 02/05/2024. Nối tiếp đó, hệ thống Core tiếp tục được “làm mịn” và phát triển các luồng tích hợp mới theo yêu cầu kinh doanh. Ngoài ra, dự án cũng triển khai tiếp phân hệ T24 Data Lifecycle Management để tự động quản trị dữ liệu lịch sử và dữ liệu đã đóng tại hạ tầng riêng có chi phí thấp, dành tài nguyên cho các dữ liệu mới, thường xuyên phát sinh giao dịch, với lợi ích mang lại là tối ưu việc sử dụng tài nguyên và tăng tốc độ xử lý giao dịch của hệ thống T24.

9.2.3. Dự án Nền tảng ngân hàng số (Digital Channel):



Phát triển nền tảng kênh số ổn định, đảm bảo khả năng mở rộng và độ tin cậy cao; xây dựng nền tảng mới cho Ngân hàng Bán lẻ, Ngân hàng Doanh nghiệp và các ứng dụng số; đồng nhất trải nghiệm khách hàng trên các hành trình, các kênh.

Trong năm 2024, dự án đã giúp tăng sự hài lòng của khách hàng trên các nền tảng mobile banking và internet banking lên trên mức 70% với khách hàng cá nhân và 90% với khách hàng doanh nghiệp. Nối tiếp những thành công đó, trong năm 2025, dự án kỳ vọng sẽ có những đột phá trong việc thành công đưa ứng dụng mobile banking mới ra thị trường, chuyển dịch khách hàng từ nền tảng cũ lên nền tảng mới hiện đại và thuận ích với khách hàng hơn.

9.2.4. Dự án Magnet & Digital Marketing:



Xây dựng hạ tầng toàn diện, tận dụng sức mạnh của dữ liệu thời gian thực (Real-time) và 360 độ về khách hàng, đồng thời áp dụng các công nghệ tiếp thị để thu hút, gắn kết và giữ chân người dùng thông qua những trải nghiệm sáng tạo và cá nhân hóa.

Trong năm 2024, dự án đã hoàn thành việc mua sắm 3 nền tảng Dữ liệu khách hàng (CDP), Quản lý chiến dịch (CMP) và Quản lý trải nghiệm khách hàng (CXM), cũng như thực hiện các chương trình Digital Marketing giúp thu hút gần 200.000 khách hàng cá nhân mới, vượt kế hoạch đã đề ra. Dự kiến trong năm 2025, Magnet & Digital Marketing sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động và triển khai 110 chiến dịch tiếp thị số nhằm thu hút dự kiến hơn 400.000 khách hàng mới, tăng gấp đôi so với năm 2024.

9.2.5. Dự án Số hóa hành trình phê duyệt tín dụng – BPM Risk Program:



Phát triển một nền tảng số hóa duy nhất (Digi-lending) cho toàn bộ các hành trình tín dụng từ vay tới quản lý tài sản đảm bảo và các quy trình vận hành. Nền tảng được tích hợp thuận tiện với các hệ thống vệ tinh và các hệ thống trực tại MSB giúp mở rộng nhanh chóng năng lực số hóa cho lĩnh vực tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng, thực hiện chuyển đổi số toàn diện và hợp nhất cho các hành trình vay của toàn bộ khách hàng MSB.

Năm 2024, dự án đã đạt được một số kết quả khả quan:

- Số hóa 100% hành trình tín dụng bán lẻ. Tỷ lệ chuyển dịch hồ sơ từ các hệ thống phê duyệt cũ lên hệ thống phê duyệt mới Digi-Lending đạt 100%
- Số hóa 49 văn bản tương đương với 801 mã sản phẩm tín dụng
- Triển khai hệ thống Digi-lending trên phạm vi toàn Ngân hàng Bán lẻ từ ngày 02/5/2024, giúp năng suất lao động tăng 14%, thời gian phê duyệt trung bình giảm 16,3%, năng suất lao động tăng 12% so với trước đây
- Mức độ hài lòng của người dùng Digi-Lending đạt 90% trong 02 quý liên tiếp từ khi triển khai diện rộng
- Tích hợp thành công Digi-Lending với hơn 15 hệ thống vệ tinh tại MSB

Dự kiến trong năm 2025, dự án sẽ liên tục cải tiến với các tính năng vượt trội hơn giúp gia tăng trải nghiệm của khách hàng, từng bước phát triển năng lực lõi, hướng tới khai thác triệt để thế mạnh nền tảng Digi-lending.

9.2.6. Dự án Chuyển đổi vận hành (Operations Transformation):



Operations Transformation

MSB

TRIỂN KHAI TOÀN HÀNG
01 | 06 | 24

CSD

CUSTOMER SERVICE DESK

Customer Servicedesk (CSD)
Hệ thống xử lý phản ánh khách hàng tập trung của MSB
Một nền tảng - Đa kết nối - Mọi đầu kênh

<https://csd.msb.com.vn>

Hướng tới các mục tiêu dài hạn là hoàn thiện mô hình dịch vụ hỗ trợ, hoàn chỉnh hợp kênh, đa kênh, trong đó trọng tâm là kênh số và kênh tự động, tập trung số hóa và tự động hóa các hoạt động dịch vụ và vận hành phi tín dụng để tăng năng suất lao động và tăng hiệu quả vận hành.

Trong năm qua, dự án đã hỗ trợ khách hàng dễ dàng tiếp cận và gửi yêu cầu thông qua kênh số bao gồm website, mobile app, zalo, facebook.

Với nội bộ, dự án đã giúp số hóa 100% quy trình tiếp nhận, xử lý và phản hồi các yêu cầu tra soát, hỗ trợ, khiếu nại; xây dựng luồng hỗ trợ tư vấn khách hàng cá nhân dành cho tổng đài viên trên hệ thống vận hành của Trung tâm Chăm sóc khách hàng (Contact Center), giúp Tổng đài viên có thể

mau chóng bắt nhịp công việc với chất lượng được đảm bảo. Đây là tiền đề để chuyển sang mô hình vận hành với nhân sự linh hoạt, tối ưu, đặc biệt trong các giai đoạn cao điểm.

Năm 2025, dự án sẽ tiếp tục số hóa các quy trình tiếp nhận, xử lý và phản hồi các yêu cầu tra soát, hỗ trợ khiếu nại nâng cao để đạt mục tiêu chiến lược; dẫn dắt việc chuyển đổi và nâng cấp toàn bộ dịch vụ chuyển tiền 24/7 và thanh toán VietQR của MSB lên tiêu chuẩn kỹ thuật 2.0 của NAPAS.

9.2.7. Dự án Chuyển đổi dữ liệu doanh nghiệp (Enterprise Data Transformation):



Hướng đến các mục tiêu dài hạn như xây dựng nền tảng dữ liệu tập trung, tăng cường năng lực quản trị và phân tích dữ liệu, nâng cao năng lực phân tích dữ liệu.

Dự án Chuyển đổi dữ liệu doanh nghiệp đã thí điểm năng lực cung cấp các am hiểu về khách hàng dựa trên công nghệ về dữ liệu lớn với việc tích hợp và phát triển các luồng dữ liệu theo lô và thời gian thực (Real time) trên nền tảng lõi của ngân hàng, chuẩn bị sẵn sàng cho việc triển khai nền tảng dữ liệu tập trung vào năm 2025. Về mặt quản trị dữ liệu, dự án đã triển khai năng lực quản lý siêu dữ liệu tập trung (Metadata), hoàn thành Metadict – Hệ thống quản trị siêu dữ liệu tập trung. Trong năm tới, dự án sẽ tiếp tục hoàn thành việc triển khai nền tảng dữ liệu tập trung, đồng thời triển khai nền tảng công nghệ mới giúp quản lý tập trung siêu dữ liệu, bao gồm từ điển dữ liệu của các hệ thống/ứng dụng trọng yếu và danh mục thuật ngữ nghiệp vụ thống nhất toàn ngân hàng.

9.2.8. Dự án Quản trị rủi ro luồng phê duyệt thẳng (Risk STP – Straight-through Processing):



Thiết kế quy trình, chính sách, tích hợp và số hóa các quy trình trên mô hình rủi ro và phê duyệt rủi ro, phát triển môi trường thời gian thực; xây dựng và nâng cấp mô hình quản trị rủi ro và các luồng công việc tiêu chuẩn.

- Tự động hóa sàng lọc các khách hàng quan tâm, phê duyệt trước cho các dự án số hóa.
- Hệ thống tự động xếp hạng tín dụng 100% không cần con người, giảm thời gian thực hiện từ 30 – 45 phút xuống còn 3 phút.

- Tự động hóa các báo cáo danh mục tín dụng, nhận diện cảnh báo sớm và các rủi ro tiềm ẩn.

Dự án đã giúp giảm 90% sự tham gia của con người vào việc vận hành hàng tháng kể từ thời điểm chính thức áp dụng luồng tự động. Vận hành 100% online, việc phê duyệt cấp thẻ cho khách hàng cá nhân được xử lý siêu tốc trong vòng 10 phút. Đặc biệt, chỉ trong vòng 18 ngày từ 10/12/2024-28/12/2024, dự án đã cán mốc cấp trên 1.000 thẻ siêu tốc cho khách hàng. Bên cạnh đó, dự án đã triển khai thêm năng lực thẩm định và phê duyệt tự động cho khách hàng doanh nghiệp trong vòng 4h, giúp tăng tỷ lệ khách hàng mới và bán chéo sang các sản phẩm tín dụng toàn diện của doanh nghiệp.

Dự kiến năm 2025, dự án sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống mô hình chấm điểm xếp hạng của khách hàng cá nhân và nâng cấp luồng sản phẩm khách hàng doanh nghiệp lên nền tảng mới.

9.2.9. Dự án Hạ tầng bán hàng số (Digital Sale Platform): Phát triển một nền tảng duy nhất cho lực lượng bán hàng tích hợp thuận tiện với các nền tảng số khác của ngân hàng và đối tác, từ đó giúp nâng cao hiệu suất bán hàng, phát triển năng lực đội ngũ bán và mở rộng nhanh chóng kênh bán cho MSB.

2024 đánh dấu một năm dự án hoàn thành và vượt tiến độ so với kỳ vọng. Trong đó, mức độ sử dụng nền tảng bán hàng số hàng ngày là trên 95%. Mức độ hài lòng của người dùng tăng dần qua các quý, kết quả quý 4 đạt trên 95%. Đây là nền tảng giúp 100% cán bộ quản lý của MSB kiểm soát hoạt động bán hàng hàng ngày, với tỷ lệ cán bộ bán hàng hoàn thành chỉ tiêu phiếu bán hàng đạt trên 90%.

Trong thời gian tới, dự án sẽ triển khai các nhóm nghiên cứu công nghệ mới nhằm ứng dụng cho hoạt động bán hàng, đặc biệt là ứng dụng AI vào các dịch vụ hỗ trợ cán bộ bán hàng.

9.2.10. Dự án số hóa hành trình sau phê duyệt (BPM Ops Program): Số hóa hoạt động vận hành tín dụng của MSB theo cách thức tiên tiến hàng đầu trên thị trường hiện nay và mang lại trải nghiệm tốt cho khách hàng; xây dựng nền tảng vận hành sau phê duyệt để đảm bảo các quy trình nghiệp vụ có thể thực hiện, đồng thời tăng khả năng mở rộng các tính năng, quy trình; thực hiện mở rộng các sản phẩm/nghiệp vụ trên kênh số của khách hàng và giảm điểm chạm của lực lượng bán hàng; phát triển cải tiến quy trình trong luồng vận hành và tiến đến tự động hóa từng phần/toàn phần.

Dự án đã hoàn thành số hóa quy trình tài sản đảm bảo, đồng thời tích hợp các nghiệp vụ lên hệ thống, giúp tăng tỉ lệ sử dụng nội bộ trên các luồng số hóa mới đạt trên 95%.

Dự án đặt mục tiêu trong năm 2025 sẽ hoàn thành tích hợp hệ thống lõi ngân hàng với các nghiệp vụ còn lại, bao gồm 17 loại tài sản đảm bảo và 17 luồng nghiệp vụ tài trợ thương mại.

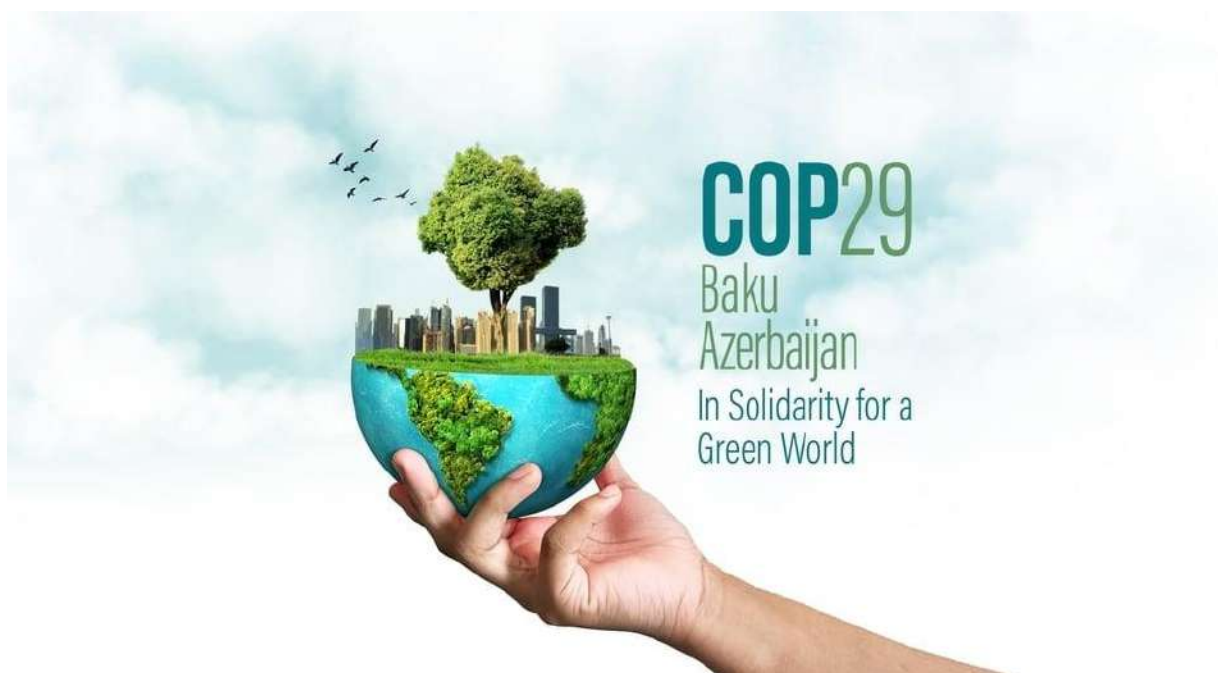
9.2.11. Dự án Hệ sinh thái số và khách hàng thân thiết (Loyalty Program): Hiện thực hóa chiến lược chuyển đổi số tổng thể cho MSB nhằm tăng tính gắn kết với khách hàng, giảm tỷ lệ rời bỏ, gia tăng giá trị khách hàng trọn đời; tăng cường bán chéo sản phẩm của MSB và hệ sinh thái đối tác chiến lược/bên ngoài; tăng cường thấu hiểu khách hàng nhờ thu thập và phân tích dữ liệu khách hàng thân thiết; tăng cường việc giới thiệu khách hàng mới và tạo nguồn khách hàng chất lượng cho ngân hàng, đồng thời hướng tới giảm chi phí thu hút khách hàng mới nhờ những khách hàng trung thành.

Dự án bắt đầu triển khai từ tháng 08/2024 và đã hoàn thành các hạng mục về quy hoạch chính sách và phát triển nền tảng hệ thống. Trong năm 2025, dự án sẽ chính thức ra mắt chương trình khách hàng thân thiết cho toàn bộ khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.

Ngoài các dự án đã khởi động từ năm 2024 và trước đó, MSB sẽ chính thức khởi động dự án số hóa hành trình định giá và quản lý tài sản bảo đảm (Asset 360) trong thời gian tới. Dự án hướng tới phát triển một nền tảng số hóa các nghiệp vụ định giá và tích hợp với các hệ thống khác để đồng bộ, cung cấp dữ liệu và các tính năng tài sản bảo đảm xuyên suốt hành trình cấp tín dụng tại MSB. Dự án sẽ thống nhất và quản lý toàn bộ danh mục, dữ liệu tài sản bảo đảm toàn hàng hướng đến mục tiêu quản trị xuyên suốt, đồng thời xây dựng nền tảng và số hóa các luồng định giá và nâng cao năng lực quản lý chất lượng định giá, giúp gia tăng trải nghiệm của khách hàng và người dùng nội bộ.

10. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của MSB

Năm 2024, các hiện tượng thời tiết cực đoan như lũ lụt, hạn hán và bão đã gia tăng, tác động tới khoảng 20 triệu người. Các thảm họa khí hậu đã gây thiệt hại hơn 229 tỷ đô la Mỹ và 2.000 người thiệt mạng. Trong đó, đứng đầu danh sách là bão Milton và Helener tại Mỹ với thiệt hại lên tới 115 tỷ đô la Mỹ và 320 người thiệt mạng. Tại Việt Nam, bão Yagi (bão số 3) vào tháng 9/2024 cũng tàn phá nghiêm trọng với tổng thiệt hại về kinh tế ước tính khoảng 40.000 tỷ đồng; làm 353 người thiệt mạng và mất tích, 1.900 người bị thương, và gây ảnh hưởng nặng nề đến cơ sở hạ tầng, nông nghiệp và đời sống người dân.



Trong bối cảnh diễn biến phức tạp của khí hậu, các cuộc hội thảo và hội nghị quốc tế đã diễn ra, nhấn mạnh sự cần thiết phải hành động ngay lập tức để giảm thiểu phát thải khí nhà kính, với mục tiêu giảm 50% vào năm 2030. Hội nghị COP29, diễn ra tại Baku, Azerbaijan đã đạt được một số kết luận quan trọng. Các quốc gia phát triển cam kết cung cấp ít nhất 300 tỷ USD mỗi năm cho các quốc gia đang phát triển vào năm 2035 để hỗ trợ hoạt động giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Hội nghị cũng đạt được đồng thuận về việc xây dựng thị trường carbon, bao gồm giao dịch giữa các quốc gia và cơ chế tín chỉ carbon, qua đó thúc đẩy việc thực hiện các cam kết giảm phát thải toàn cầu. Một sáng kiến quan trọng khác là việc thành lập Baku Global Climate Transparency Platform (BTP - Nền tảng minh bạch khí hậu toàn cầu Baku), nhằm tăng cường tính minh bạch và chia sẻ thông tin về tiến trình thực hiện các mục tiêu khí hậu. Ngoài ra, một chương trình hỗ trợ các Kế hoạch thích ứng quốc gia (NAP) cho các quốc gia kém phát triển cũng được thông qua, nhằm giúp tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu. Trước bối cảnh toàn cầu cần triển khai nhanh hơn và cấp thiết hơn các biện pháp thúc đẩy quá trình chống biến đổi khí hậu, Việt Nam – một trong những quốc gia được đánh giá là đang và sẽ chịu tác động tiêu cực lớn từ biến đổi khí hậu – cũng có những chương trình và kế hoạch quốc gia nhằm song hành với các xu thế quốc tế. Chính phủ Việt Nam, thông qua các Bộ ngành, đã đưa ra kế hoạch, lộ trình cho các ngành công nghiệp, các tổ chức kinh tế có tác động lớn tới môi trường... và các lĩnh vực được chú trọng đầu tư để giảm thiểu tác động tiêu cực này. Ngành ngân hàng được chú trọng khi gián tiếp tác động tới biến đổi khí hậu thông qua kênh lưu chuyển vốn. Các ngân hàng đều rất tích cực đồng hành với Chính phủ Việt Nam và tự đưa ra các phương thức thực hiện đồng thời báo cáo kết quả

hoạt động tới Ngân hàng Nhà nước trong các biện pháp/kế hoạch hỗ trợ chuyển đổi xanh, hướng tới phát triển bền vững.

MSB cam kết đồng hành cùng Chính phủ Việt Nam trong tiến trình ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng tới mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Ngân hàng tập trung thúc đẩy tăng trưởng bằng cách nắm bắt các cơ hội mới và nhanh chóng thích ứng với các đột biến trái chiều của tình hình kinh tế, sự biến đổi của khí hậu và cách chuyển đổi hành vi của người tiêu dùng. Khi kiên định với sứ mệnh tạo ra giá trị bền vững cho các bên liên quan, cân đối các mục tiêu phát triển kinh tế và môi trường - xã hội, MSB tự tin cam kết sự nhất quán về tầm nhìn, sứ mệnh trong chiến lược kinh doanh được tích hợp các tiêu chí phát triển bền vững.

Năm 2024, MSB đã có sự thay đổi trong công cuộc phát triển bền vững của mình, bắt đầu bằng việc bổ nhiệm ông Võ Tấn Long – thành viên Hội đồng Quản trị là Chủ tịch mới của Ủy ban Phát triển bền vững (UBPTBV). Ông Võ Tấn Long cùng ông Nguyễn Hoàng Linh – thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc MSB, Phó Chủ tịch UBPTBV và các thành viên khác đã có nhiều quyết định quan trọng trong năm 2024 hướng tới giảm thiểu phát thải khí nhà kính, hỗ trợ tích cực chuyển đổi xanh..., tiêu biểu như:

- Ban hành danh mục phân loại xanh (Green taxonomy) vào tháng 2/2024.
- Phát hành gói tín dụng xanh trị giá 3.000 tỷ đồng dành cho khách hàng doanh nghiệp vào tháng 2/2024.
- Ký kết với S&P Global thỏa thuận hỗ trợ, tư vấn kiểm kê khí nhà kính vào tháng 11/2024
- Trở thành thành viên đầu tiên của Việt Nam trong Liên minh Ngân hàng xanh do IFC và Tổ chức tiền tệ Hongkong (Hongkong Monetary Authority) thành lập
- Đàm phán với PwC về việc ký kết hợp đồng tư vấn tích hợp các yếu tố phát triển bền vững vào chiến lược kinh doanh, lộ trình thực thi các sáng kiến phát triển bền vững của MSB
- Đàm phán hợp đồng với IFC về hỗ trợ tư vấn xây dựng khung tài chính bền vững

Những hoạt động phát triển bền vững tại MSB, tuy mới chỉ là những bước đầu của một chặng đường dài, nhưng cũng đã được ghi nhận và đánh giá cao bởi các tổ chức độc lập, cụ thể là một số giải thưởng ngân hàng được nhận trong năm như sau:

 Logo © 2024	
Ngân hàng thực thi ESG tốt nhất Việt Nam 2024 <i>do Tạp chí Euromoney bình chọn</i>	TOP 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2024 - Khối Doanh nghiệp lớn <i>theo bảng xếp hạng của Amphabe</i>

Tiếp tục nâng cao tiêu chuẩn minh bạch trong báo cáo, MSB lần thứ 3 phát hành Báo cáo Phát triển bền vững năm 2024, thể hiện cam kết của ngân hàng trong việc thúc đẩy nâng tầm hoạt động quản trị, mang lại giá trị tích cực cho nền kinh tế, khách hàng, cổ đông nhưng luôn cân nhắc tới các tác động tới môi trường và xã hội. Báo cáo phát triển bền vững độc lập của MSB không chỉ phản ánh các hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong năm qua mà còn làm rõ các tác động về kinh tế, môi trường và xã hội mà ngân hàng tạo ra, đồng thời đóng góp vào sự phát triển cộng đồng. Báo cáo phát triển bền vững của MSB được lập thường niên và theo niên độ kế toán, bắt đầu từ ngày 1/1/2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024, công bố dựa trên cơ sở tham chiếu theo Tiêu chuẩn Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI - Global Reporting Initiative), được phát hành bởi Global Sustainability Standards Board (GSSB) vào năm 2016 và điều chỉnh năm 2021. Báo cáo cũng tham chiếu đến 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc (17 Sustainable Development Goals) để thể hiện các đóng góp trình triển bền vững năm 2024 của MSB.

Phần 10 trong Báo cáo thường niên năm 2024 của MSB trích lược từ Báo cáo phát triển bền vững độc lập của ngân hàng. Để có thêm thông tin chi tiết về các kết quả phát triển bền vững của MSB, vui lòng tham khảo Báo cáo phát triển bền vững năm 2024 của MSB (báo cáo độc lập).

Thông tin liên hệ:

Các ý kiến đóng góp hoặc những câu hỏi liên quan về vấn đề Phát triển bền vững xin vui lòng gửi qua địa chỉ:

Phòng Quản lý Quan hệ nhà đầu tư

Email: ir@msb.com.vn

SĐT: (024) 3771 8989

Địa chỉ: Tầng 29, tòa nhà ROX, 54A Nguyễn Chí Thanh, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội.

10.1. Định hướng phát triển bền vững của MSB

Trên cơ sở các cam kết nhất quán về phát triển bền vững với các bên liên quan, Ban lãnh đạo ngân hàng luôn quan tâm và thúc đẩy thực thi các sáng kiến nhằm hướng tới:

1

Thay đổi cấu trúc tài sản của ngân hàng: gia tăng tỷ trọng nguồn vốn huy động và tín dụng theo tiêu chí “xanh” và tiêu chí “phát triển bền vững”

2

Phát triển sản phẩm và nắm bắt cơ hội kinh doanh mới nhằm chiếm lĩnh thị trường, tiên phong trong cung cấp sản phẩm “xanh”, dịch vụ tài chính “xanh”, sản phẩm hỗ trợ “chuyển đổi xanh”

3

Xây dựng nguồn lực và mô hình tổ chức chuẩn quốc tế trong quản trị rủi ro, đặc biệt là các rủi ro liên quan biến đổi khí hậu

4

Phổ cập dịch vụ ngân hàng, số hóa các sản phẩm, giải pháp nhằm hiện thực hóa mục tiêu tài chính toàn diện

5

Tối ưu ba nền tảng “số hóa”, “quản trị rủi ro” và “con người - văn hóa” nhằm đảm bảo cân đối các mục tiêu kinh tế - môi trường - xã hội - quản trị

6

Hướng tới phát thải ròng carbon bằng 0 theo định hướng của Chính phủ Việt Nam vào năm 2050

MSB hiểu rằng định hướng phát triển bền vững sẽ ảnh hưởng tới cấu trúc ngân hàng trên mọi phương diện và do đó, các chính sách/giải pháp để hiện thực hóa chiến lược hoạt động cần được áp dụng một cách có kế hoạch, nhất quán, có lộ trình và cải thiện liên tục. Quá trình này sẽ giúp MSB nâng cao hình ảnh là ngân hàng chuyên nghiệp, uy tín, đủ năng lực hỗ trợ khách hàng một cách toàn diện, phù hợp với bối cảnh trong nước và các yêu cầu càng cao của thị trường quốc tế. MSB sẽ nỗ lực để các hoạt động ngân hàng đóng góp tích cực và mạnh mẽ vào sự phát triển bền

vững của cộng đồng, kiến tạo giá trị cho tương lai, hướng đến một cuộc sống tốt đẹp và thịnh vượng hơn; từ đó gìn giữ một thế giới xanh tươi hơn cho thế hệ sau. Đây cũng là sứ mệnh mà MSB đã cam kết đồng hành, hỗ trợ Chính phủ trong thực hiện các cam kết quốc tế về ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

10.2. Quản trị Ngân hàng



Tại MSB, chúng tôi xác định yếu tố "G" (Quản trị Công ty) trong ESG là quan trọng nhất và đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo ngân hàng luôn hoạt động minh bạch, tuân thủ và có trách nhiệm. Điều này không chỉ quyết định đến sự phát triển bền vững của MSB mà còn ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh và uy tín của chúng tôi trong bối cảnh môi trường kinh doanh ngày càng

đổi mới, hội nhập. Để hiện thực hóa các cam kết của MSB về phát triển bền vững, chúng tôi hiểu rằng bản thân ngân hàng cần phải có một nền tảng G hiệu quả, khoa học. G không chỉ là yếu tố độc lập mà còn là cầu nối giữa các yếu tố môi trường (E) và xã hội (S). Chiến lược quản trị hiệu quả sẽ hỗ trợ ngân hàng thực hiện cam kết bảo vệ môi trường và gia tăng các giá trị cho cộng đồng. MSB luôn đảm bảo tuân thủ các quy định về quản trị công ty theo pháp luật Việt Nam, đồng thời chủ động áp dụng các thông lệ tốt về “G” trên thế giới và trong khu vực nhằm tăng cường hiệu quả quản trị cho toàn hệ thống. Ngân hàng cũng chú trọng công tác truyền thông, đào tạo để nâng cao nhận thức của các cán bộ quản lý và cán bộ nhân viên về các thông lệ quản trị công ty tốt nhất. Cơ cấu Quản trị - Điều hành của MSB luôn đảm bảo đa dạng về giới tính và trình độ chuyên môn, các thành viên Hội đồng Quản trị và Hội đồng Điều hành đều có bề dày kinh nghiệm công tác và quản lý trong các lĩnh vực tài chính - ngân hàng, quản trị rủi ro và công nghệ. Ngoài ra, MSB luôn nỗ lực thấu hiểu và tiếp nhận ý kiến từ các cổ đông và các bên liên quan. Công tác báo cáo được chú trọng và liên tục nâng cấp về mức độ tuân thủ, chuẩn mực minh bạch. Trong đối thoại với các bên liên quan, toàn bộ cán bộ nhân viên ngân hàng, mọi cấp bậc, đặc biệt cấp lãnh đạo đều chủ động trao đổi và giải đáp mọi thắc mắc thỏa đáng, kịp thời và tận tâm nhất thông qua các kênh giao tiếp hiệu quả, bao gồm các buổi họp trực tuyến, hội thảo và các sự kiện giao lưu... Điều này giúp tăng cường sự gắn kết giữa ngân hàng và các bên liên quan, đồng thời thể hiện cam kết của MSB đối với trách nhiệm giải trình.

10.3. Quản trị rủi ro môi trường - xã hội



Tại MSB, quản trị rủi ro là một trong ba nền tảng chiến lược và được đầu tư, chú trọng. Ngân hàng xác định quản lý rủi ro là thành phần cơ bản trong mọi quy trình kinh doanh, được phối hợp ở mọi cấp độ, liên tục được nâng cấp nhằm hướng tới kiểm soát nội bộ hiệu quả. Với khẩu vị rủi ro tương đối chặt chẽ, các quy trình quản lý rủi ro được cụ thể hóa và tích hợp vào mọi hoạt động kinh doanh.

MSB áp dụng quy định quản trị rủi ro môi trường - xã hội cho toàn bộ các khoản vay được ngân hàng đánh giá, phê duyệt kể từ 1/6/2023. Hệ thống này được ngân hàng xây dựng, cập nhật và nâng cấp liên tục với sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế có kinh nghiệm.

Trong năm 2024, MSB đã tiến hành đánh giá rủi ro môi trường - xã hội cho:

- 84.619 khoản vay trên tổng số 134.487 hồ sơ vay (bao gồm khoản vay ngắn, trung và dài hạn); trong đó có 145 khoản vay trung - dài hạn liên quan tới 37 dự án hoặc các khoản vay chạm ngưỡng giới hạn về giá trị và thời hạn đã được Bộ phận Quản lý rủi ro môi trường và xã hội của Ngân hàng thực hiện Báo cáo soát xét về môi trường – xã hội (ESDD) đầy đủ. Tổng dư nợ đối với 145 khoản vay này đạt 31.415 tỷ đồng, trong đó có hơn 601 tỷ đồng thuộc danh mục tín dụng xanh.
- Dư nợ lũy kế: 207.056 tỷ đồng.

Phương pháp quản lý rủi ro môi trường - xã hội tại MSB



Xác định rủi ro

- ✓ Nghiên cứu và đánh giá bối cảnh bền vững.
- ✓ Xác định các rủi ro ESG tiềm ẩn



Đánh giá rủi ro

- ✓ Đánh giá, phân tích và xem xét mức độ trọng yếu của các rủi ro ESG



Quản lý rủi ro

- ✓ Xác định chiến lược, mục tiêu và hướng dẫn quản lý rủi ro
- ✓ Thiết lập các giới hạn rủi ro, quy trình, quy định và xây dựng hệ thống quản lý rủi ro phù hợp.



Giám sát và báo cáo

- ✓ Liên tục theo dõi, báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm theo yêu cầu của từng loại rủi ro.
- ✓ Đưa ra cảnh báo sớm và các biện pháp ứng phó phù hợp



Tuyến phòng thủ đầu tiên

*Các đơn vị kinh doanh
và hỗ trợ*

Trách nhiệm

- ✓ Xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh (cho vay, tài trợ thương mại...) và các quy trình vận hành khác; bảo vệ lợi ích của đơn vị thông qua việc tự đánh giá rủi ro và kiểm soát tính hiệu quả của từng đơn vị.



Tuyến phòng thủ thứ hai

*Khối Quản lý rủi ro,
Khối Tư vấn pháp lý và
tuân thủ*

Trách nhiệm

- ✓ Độc lập đánh giá và kiểm soát (kiểm tra và cân đối) tính hiệu quả của hệ thống ở tuyến phòng thủ thứ nhất; quản lý rủi ro chính thông qua việc thiết lập khẩu vị rủi ro/chính sách cho vay, xây dựng quy trình/hướng dẫn tín dụng và cho vay, theo dõi, cảnh báo sớm, quản trị danh mục...; giám sát các chương trình kiểm soát nội bộ, tuân thủ...



Tuyến phòng thủ thứ ba

Kiểm toán nội bộ

Trách nhiệm

- ✓ Đánh giá độc lập và khách quan 2 tuyến phòng thủ trước và các rủi ro có thể xảy ra.

10.4. Gắn kết các bên liên quan

Năm 2024, MSB đã thực hiện chặt chẽ việc gắn kết với các bên liên quan trong công cuộc phát triển bền vững.

Khách hàng

- Với 1 triệu khách hàng mới trong năm 2024, tệp khách hàng hơn 6 triệu bao gồm cá nhân và tổ chức của MSB đều khá hài lòng với các dịch vụ, sản phẩm và quy trình phê duyệt sản phẩm của ngân hàng. Điều này thể hiện qua 20.784 lượt tương tác trên 333 bài khách hàng khen ngợi cán bộ nhân viên MSB trên Facebook, 2.843 lời khen qua điện thoại và email.
- Theo yêu cầu hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ, MSB triển khai các chương trình giảm lãi suất cho vay, cơ cấu nợ theo các văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý và đồng hành sát sao với khách hàng. Tổng cho vay khách hàng năm 2024 của MSB đạt 176.493 tỷ đồng, phân bổ cho tệp khách hàng cá nhân và SME gần 70%, tăng 10% so với năm 2023.

- Đầu tư nguồn lực, giải pháp công nghệ thông tin đảm bảo an ninh, an toàn cho hệ thống và tài sản khách hàng. Năm 2024, tổng chi cho các dự án số hóa, công nghệ thông tin theo tiến độ là 665,4 tỷ đồng.
- Với các quy trình số hóa được ngân hàng triển khai cùng các đối tác quốc tế giàu kinh nghiệm như BCG, McKinsey, MSB đã số hóa nhiều hành trình khách hàng, rút ngắn thời gian và thủ tục để người dùng có trải nghiệm tốt hơn khi sử dụng sản phẩm.
- MSB đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển, đưa ra các sản phẩm - dịch vụ và giải pháp ưu việt, cá nhân hóa, hợp xu thế và đáp ứng nhu cầu của các tệp khách hàng. Các sản phẩm được đánh giá cao và thu hút khách hàng đã đem đến một số giải thưởng uy tín cho MSB như “Top Value Banking Award” hay “Sản phẩm dành cho gia đình xuất sắc” vinh danh thẻ MSB Mastercard Family do Mastercard công bố...

Cơ quan quản lý Nhà nước

- MSB tuân thủ các quy định luật, các chỉ số an toàn hoạt động đáp ứng tốt yêu cầu áp dụng với tổ chức tín dụng, công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết.
- Hỗ trợ và cung cấp thông tin đầy đủ, nhanh chóng trong các công tác báo cáo, đề án nghiên cứu, dự thảo văn bản chính sách, thanh tra định kỳ/theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.
- Thực hiện đúng các chính sách của cơ quan quản lý trong từng thời kỳ để đạt mục tiêu kinh tế, xã hội (giảm lãi suất, tăng trưởng tín dụng trong giới hạn được cấp, hỗ trợ khách hàng cơ cấu/phân loại nợ, hỗ trợ tăng trưởng “xanh” ...)
- Tham gia đóng góp ý kiến cho các văn bản pháp luật, các kế hoạch mang tính quốc gia, vĩ mô.

Cổ đông, Nhà đầu tư

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên vào tháng 4/2024. Số lượng cổ đông của MSB tăng hơn 25%, từ 34.015 cuối năm 2023 lên 42.605 cổ đông tại 31/12/2024.
- Hợp nhà đầu tư, cổ đông theo yêu cầu và thường kỳ công bố kết quả kinh doanh quý, giải đáp thắc mắc đồng thời cung cấp thông tin về chiến lược, kế hoạch của từng giai đoạn trong năm.
- Tham dự các hội thảo nhà đầu tư nước ngoài do các công ty chứng khoán, ngân hàng nước ngoài tổ chức, gặp mặt nhà đầu tư theo yêu cầu.
- Thông báo, công bố thông tin kịp thời tới nhà đầu tư, cổ đông qua website của MSB (mục Nhà đầu tư) và thông qua các Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

- Cử nhân sự phụ trách công việc liên quan đến cổ đông để hỗ trợ kịp thời các yêu cầu.

Người lao động

- Tổ chức các buổi trao đổi trực tuyến giữa người lao động và Ban Điều hành.
- Hỗ trợ cán bộ nhân viên bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3 (bão Yagi).
- Tổ chức các hoạt động xây dựng đội ngũ (team building) định kỳ để gắn kết cán bộ nhân viên.
- Tổ chức các khóa học nâng cao năng lực, định hướng phát triển nghề nghiệp.
- Xây dựng chính sách phúc lợi đa dạng và lộ trình nghề nghiệp rõ ràng, nâng cao trải nghiệm nhân sự trên môi trường số thông qua hệ thống HRIS... Đây là cơ sở để MSB được vinh danh nằm trong “Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam”.
- Sử dụng hệ thống điện thoại nội bộ kết nối toàn bộ cán bộ nhân viên; thúc đẩy các hoạt động văn hóa, câu lạc bộ, sự kiện, chăm sóc sức khỏe, tinh thần...
- Áp dụng các chương trình, sáng kiến định hướng lối sống xanh, cân bằng công việc và cuộc sống.

Đối tác

- MSB thực hiện đầy đủ các cam kết với các đối tác, nhà cung cấp. Các quy trình rà soát thông tin khách hàng/đối tác (KYC) được ngân hàng thực hiện minh bạch, đầy đủ, chính xác. Các thỏa thuận, hợp đồng đang dần được chuẩn hóa theo định hướng phát triển bền vững.
- Ngân hàng tích cực trao đổi thông tin, minh bạch trong công bố thông tin, chia sẻ các xu thế trong nước và quốc tế, các khó khăn hiện tại và rủi ro tương lai, đồng hành cùng xử lý các vấn đề phát sinh nhằm đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên; tính toán đầy đủ các rủi ro khi triển khai các công việc hiện tại và dự tính các nhu cầu tương lai, hướng tới cân bằng lợi ích cho 2 bên.
- Tính đến cuối năm 2024, MSB đã chi gần 2.472 tỷ đồng cho việc thuê ngoài các nhà cung cấp để phục vụ cho các hoạt động ngân hàng. Trong đó, hơn 60% được chi tiêu cho các nhà cung cấp trong nước. Ngân hàng cũng có quan hệ đối tác với trên 600 tổ chức tài chính quốc tế trong các nghiệp vụ liên ngân hàng.

Cộng đồng

- Chung tay góp gần 15 tỷ đồng cho các chương trình thiện nguyện với chuỗi hoạt động như xây dựng trường học, tài trợ nhà tình nghĩa, tổ chức trung thu cho trẻ em nghèo, chia sẻ khó khăn do thiên tai, bão lũ Yagi...

Truyền thông

- Các thông tin về sản phẩm, dịch vụ được công bố đầy đủ trên website của ngân hàng và tại các chi nhánh, phòng giao dịch theo luật định.
- Các thông tin về hoạt động kinh doanh, kế hoạch dự án lớn của ngân hàng, tin tức về kết quả kinh doanh, họp Đại hội đồng cổ đông... đều được đăng tải đầy đủ trên các kênh thông tin đại chúng.
- Số lượng tin bài từ nguồn phát hành chủ động là khoảng trên 2.250 tin, tổng số lượng tin bài về MSB trên thị trường là 23.921 tin (Theo Báo cáo của Màn hình Cộng năm 2024). Trên kênh mạng xã hội, MSB có gần 441.656 lượt thảo luận, chỉ số cảm xúc 0,56/1 (Theo số liệu của Younet Media)

10.5. Đánh giá hoạt động của MSB theo 3 lĩnh vực Kinh tế - Môi trường - Xã hội

Thành tựu đạt được năm 2024	Mục tiêu PTBV (Sustainable Development Goals – SDGs)
Kinh tế	
Tạo ra giá trị kinh tế ✓ Doanh thu thuần từ hoạt động (TOI): 14.218 tỷ đồng ✓ Lợi nhuận trước thuế: 6.904 tỷ đồng ✓ Lợi nhuận sau thuế: 5.519 tỷ đồng ✓ Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối: 1.056 tỷ đồng	  
Phân bổ giá trị kinh tế ✓ Tỷ lệ chia cổ tức: 30% ✓ Tỷ suất sinh lời ROE: 15,97% ✓ Chi phí vận hành: 5.230 tỷ đồng ✓ Lương và phúc lợi nhân viên: 2.902 tỷ đồng	
Tác động kinh tế gián tiếp ✓ Nộp 1.784 tỷ đồng vào Ngân sách Nhà nước ✓ Tài trợ 4.879 tỷ đồng cho các hoạt động vì phát triển cộng đồng ✓ Tạo việc làm cho 6.678 lao động	

Thành tựu đạt được năm 2024	Mục tiêu PTBV (Sustainable Development Goals – SDGs)
Tài chính bền vững ✓ Tổng dư nợ tín dụng: 176.493 tỷ đồng, trong đó cho lĩnh vực tín dụng xanh là 5.165 tỷ đồng cho 131 khách hàng	 
Môi trường	
Tuân thủ pháp luật về môi trường ✓ Không vi phạm pháp luật về chất thải, nước thải ✓ Không phát sinh sự cố hay vụ việc tranh chấp về môi trường	 
Quản lý phát thải ✓ Lượng điện tiêu thụ: 9.361.613 kWh/năm ✓ Lượng nước tiêu thụ: 150.106 m³/năm ✓ Tổng lượng chất thải rắn: 126,8 tấn/năm	
Sử dụng hiệu quả tài nguyên ✓ Tiết kiệm 34,8 tấn giấy in so với năm 2023. ✓ Hoàn thành các hành trình trải nghiệm khách hàng, nhân sự số	
Phát thải CO₂²: ✓ Tổng lượng phát thải CO ₂ (phạm vi 1, 2): 10,927 tấn CO ₂ e/năm ✓ Lượng phát thải CO ₂ phạm vi 1 ³ : 4,756 tấn CO ₂ e/năm ✓ Lượng phát thải CO ₂ phạm vi 2 ⁴ : 6,171 tấn CO ₂ e/năm	
Xã hội	
✓ Lương thưởng và phúc lợi: ▸ 100% nhân viên thỏa mãn về lương thưởng và phúc lợi ▸ Mức lương trung bình đối với CBNV nữ là: 23,5 triệu đồng/tháng ▸ Mức lương trung bình đối với CBNV nam là: 29 triệu đồng/tháng ▸ Hơn 15 tỷ đồng được sử dụng cho các hoạt động hỗ trợ cộng đồng của MSB trong năm 2024	

² Phát thải CO₂: được tính toán bởi tư vấn S&P Global, chi tiết vui lòng xem tại báo cáo Phát triển bền vững 2024.

³ Phạm vi 1: Phát thải trực tiếp - là các phát thải từ các nguồn tại cơ sở thuộc sở hữu hoặc kiểm soát bởi công ty, bao gồm: nhiên liệu chạy máy phát điện, nhiên liệu xe công ty, rò rỉ khí gas điều hòa.

⁴ Phạm vi 2: Phát thải gián tiếp - là các phát thải từ nguồn phát điện mua bên ngoài được tiêu dùng tại cơ sở sản xuất thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của công ty: từ thiết bị sử dụng điện.

Thành tựu đạt được năm 2024	Mục tiêu PTBV (Sustainable Development Goals – SDGs)
Đối với hoạt động bảo hiểm, MSB đã chuyển trên 6.000 quà tặng tới khách hàng thông qua các chương trình khuyến mại bảo hiểm nhân thọ, khách hàng được hưởng các giải pháp chăm sóc sức khỏe từ các thương hiệu uy tín. MSB phối hợp với Prudential chi trả quyền lợi bảo hiểm cho 2.168 khách hàng với tổng tiền chi trả lên tới 31,6 tỷ đồng	    
✓ Đào tạo và phát triển: 44 khóa đào tạo tương ứng 2 dự án cho 1.200 cán bộ lãnh đạo/quản lý tham dự 136 giờ đào tạo trung bình cho cấp quản lý 126,7 giờ đào tạo trung bình cho cấp nhân viên - Nội dung các khóa đào tạo được đổi mới tập trung vào nâng cao năng lực số, trí tuệ nhân tạo bên cạnh các khóa đào tạo hàng năm của ngân hàng về nghiệp vụ, bảo mật thông tin, phòng chống rửa tiền,... chi tiết xem tại mục 7.3.	
✓ Đa dạng, bình đẳng 46,63% tỷ lệ nữ trong cấp quản lý 63,41% tỷ lệ nhân viên nữ 66,46% nhân viên trong độ tuổi từ 30 – 50, gần 32% nhân viên trong độ tuổi dưới 30.	
✓ Quan hệ lao động: 100% nhân viên tham gia vào thỏa ước lao động tập thể	

Chính sách tiết kiệm năng lượng và quản lý chất thải

Tuy hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, nhưng MSB cam kết chung tay đóng góp cho hành trình xây dựng một tương lai bền vững, gìn giữ và tạo tác động tích cực đến trái đất, đảm bảo môi trường sống cho thế hệ tương lai.

MSB đang dần có các biện pháp tiết kiệm năng lượng và quản lý chất thải hiệu quả hơn:

		Năng lượng (điện năng và các loại năng lượng từ nhiên liệu hóa thạch)	Chất thải rắn thông thường	Nước thải	Khí thải	Chất thải nguy hại
Biện pháp quản lý áp dụng	Tiết kiệm	✓ Điện năng: ▸ Kiểm soát nhiệt độ của hệ thống điều hòa phù hợp với thời tiết. ▸ Thiết kế không gian làm việc sử dụng tối ưu ánh sáng tự nhiên. ▸ Kiểm soát việc sử dụng thiết bị điện cho phù hợp với nhu cầu sử dụng và ngắt các thiết bị khi không cần thiết. ▸ Cài đặt giờ mở - tắt nhằm tối ưu hệ thống poster hình ảnh truyền thông - quảng cáo trong khu vực văn phòng và bảng hiệu tại các chi nhánh. ▸ Lựa chọn thiết bị có công suất phù hợp quy mô	✓ Tiết kiệm giấy, khuyến khích trao đổi công việc qua email, số hoá quy trình ✓ Định mức sử dụng văn phòng phẩm; sử dụng giấy in văn phòng sản xuất từ nguyên liệu được chứng nhận quản lý rừng bền vững (chứng nhận FSC) ✓ Hạn chế sử dụng đồ nhựa 1 lần, túi nilon	✓ Tiết kiệm nước tại khu vệ sinh (truyền thông nội bộ, dán thông báo)	✓ Áp dụng định mức tiêu hao nhiên liệu cho các phương tiện vận chuyển; sử dụng các phương tiện đạt tiêu chuẩn về khí thải ✓ Chỉ sử dụng máy phát điện trong trường hợp có sự cố hoặc cần thiết ✓ Hệ thống điều hoà theo công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng. Hệ thống điều hoà	✓ Thay thế đèn huỳnh quang bằng đèn LED tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường

		và có nhân tiết kiệm năng lượng. ▸ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị. ▸ Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho CBNV trong việc sử dụng tiết kiệm điện. ✓ Năng lượng từ nhiên liệu hóa thạch khác (chủ yếu là xăng, dầu phục vụ xe công vụ): ▸ Thực hiện quản lý định mức năng lượng, đánh giá hiệu quả hoạt động nhằm tối ưu hóa hiệu suất sử dụng. ▸ Đối với các loại máy móc sử dụng nhiên liệu, MSB định kỳ bảo dưỡng để đảm bảo hiệu suất hoạt động. ▸ Đồng thời, khuyến khích CBNV có kế hoạch sử			được tắt sau giờ làm việc, chỉ duy trì tại các khu vực cần thiết	
--	--	---	--	--	---	--

		dụng xe công vụ hợp lý, lựa chọn phương tiện di chuyển phù hợp với nhu cầu, tăng cường các hoạt động trực tuyến để giảm bớt nhu cầu đi công tác và tiêu thụ xăng dầu.				
	Tuần hoàn/Tái sử dụng		✓ Các dạng tài sản lớn như bàn ghế, tủ, máy tính khi hỏng hóc được thanh lý theo quy trình, không thải bỏ cùng các chất thải khác ✓ In giấy 2 mặt ✓ Tái sử dụng các bao bì, hộp chứa ✓ Dừng sử dụng chai nước nhựa trong các cuộc họp, khi tiếp	Không áp dụng	Không áp dụng	✓ Khuyến khích bơm mực thêm cho các máy in, máy photocopy thay vì thay mới để hạn chế phát thải ra môi trường

			khách hàng, đối tác			
	Thải bỏ và xử lý		✓ Chất thải rắn thải bỏ được phân loại tại nguồn, có nhân viên vệ sinh thu gom hàng ngày ✓ Chất thải sau thu gom được chuyển giao cho đơn vị thuê ngoài có năng lực để xử lý theo quy định pháp luật	✓ Có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo quy chuẩn môi trường	✓ Định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các phương tiện, thiết bị để tối ưu hiệu suất ✓ Áp dụng công nghệ lọc khí thải đạt quy chuẩn môi trường đối với máy phát điện	✓ Phân loại tại nguồn, thu gom và lưu trữ theo quy định ✓ Chất thải sau thu gom được chuyển giao cho đơn vị thuê ngoài có năng lực để xử lý theo quy định pháp luật

11. Hoạt động xã hội

Trong suốt chặng đường xây dựng và phát triển, MSB luôn tích cực thể hiện trách nhiệm với cộng đồng thông qua các chương trình an sinh xã hội, hướng tới xây dựng nét đẹp văn hóa doanh nghiệp, đồng thời phát huy truyền thống "lá lành đùm lá rách", thúc đẩy xã hội phát triển bền vững. Giữ vai trò, vị thế là tổ chức trong ngành "xương sống" của nền kinh tế, MSB cam kết nêu cao tinh thần tương thân tương ái, đồng hành cùng người dân đúng như tôn chỉ hoạt động.

Từ định hướng đó, trong năm 2024, MSB đã thực hiện nhiều chương trình thiện nguyện, hướng tới sẽ chia những khó khăn cùng đồng bào khắp mọi miền tổ quốc.

Tiêu biểu, ngày 10/9, chia sẻ với những tổn thất của người dân các tỉnh miền Bắc sau cơn bão Yagi, MSB đã ủng hộ 1 tỷ đồng hỗ trợ đồng bào bị thiệt hại do cơn bão số 3 gây ra.

Ngày 05/10, Ngân hàng trao tặng 10 tỷ đồng nhằm chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên cả nước theo lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ. Cũng trong thời gian này, MSB ủng hộ 60 triệu đồng tài trợ xây nhà cho người nghèo tại tỉnh Khánh Hòa. Hoạt động này là món quà mang ý nghĩa nhân văn và sự sẻ chia mà MSB muốn gửi gắm tới địa phương, nhằm động viên tinh thần người dân an tâm sinh kế, có thêm động lực vươn lên.



Bên cạnh đó, MSB cũng tập trung vào lĩnh vực tài trợ giáo dục, góp phần kiến tạo cho thế hệ tương lai một môi trường học tập chất lượng và điều kiện phát triển tốt hơn.

Theo đó, ngân hàng ủng hộ hơn 2,4 tỷ đồng để xây dựng dãy nhà 4 phòng học cho học sinh điểm trường Púng Bón, thuộc Trường Phổ thông dân tộc nội trú Tiểu học Hữu Khuông, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Cùng với các lớp học mới, MSB cũng trao tặng trường 1 giếng khoan nhằm cung cấp nguồn nước sinh hoạt tiện lợi, bạt dù che mưa nắng cho thầy trò nhà trường trong các hoạt động sinh hoạt chung và 20 suất quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tiếp thêm động lực giúp các em vượt khó, giữ vững niềm tin trên hành trình khám phá tri thức.



Hồi tháng 9/2024, MSB cùng Ủy ban nhân dân, Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tổ chức lễ khánh thành và khai giảng năm học mới tại Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Huy Giáp - công trình được xây dựng từ nguồn tài trợ 2 tỷ đồng của ngân hàng. Những hoạt động này nhằm tạo môi trường học tập an toàn, khang trang, hiệu quả cho các em học sinh nuôi dưỡng ước mơ chinh phục con chữ, đồng thời góp phần thúc đẩy sự đổi mới trong công tác giáo dục tại địa phương.



Năm 2024 cũng đánh dấu một năm hoạt động ý nghĩa của câu lạc bộ M-Happy. M-Happy được thành lập với sứ mệnh nâng cao trải nghiệm nhân sự, đồng thời lan tỏa giá trị nhân văn tới cộng đồng. Hướng tới hành động “Sống quan tâm”, MSB đã nhận được sự chung tay đóng góp của hơn 6.000 cán bộ nhân viên dành cho chương trình “Hạnh phúc trao em”. Hành trình thiện nguyện này trong năm 2024 đã đi qua 11 điểm trường trên đất nước, đặc biệt là tại các tỉnh vùng cao như Lai Châu, Lào Cai hay các vùng sâu vùng xa như Quảng Trị, Thừa Thiên Huế... với hàng trăm suất học bổng được trao đi, cùng nhiều cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng học tập... Sự sẻ chia này nhằm tiếp thêm động lực cho học sinh cùng giáo viên, nhân viên nhà trường vượt khó, giữ vững niềm tin để tiếp tục hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập, giảng dạy và công tác.



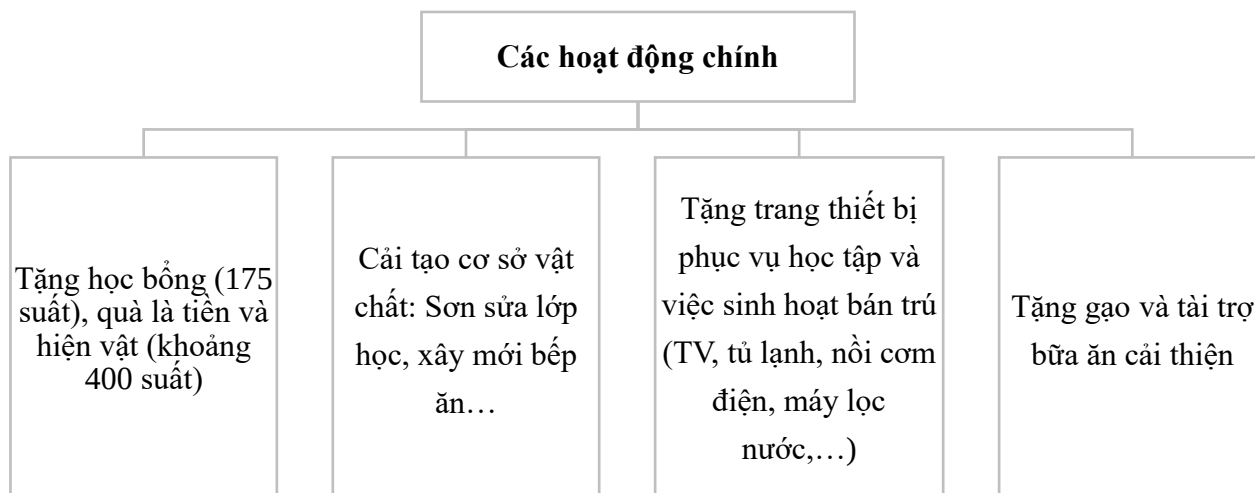


Hành trình của Câu lạc bộ M-Happy trong hoạt động thiện nguyện

Tổng số tiền tài trợ: Hơn 1,3 tỷ đồng

11 điểm trường

1. Tiểu học La Văn Cầu - Ấp Thạnh Đông, Xã Thạnh Tân, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
2. Tiểu học Hồ Thị Kỷ A - Ấp Xóm Sờ, Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình, Tỉnh Cà Mau.
3. Điểm trường Thôn Chai - Thôn Chai, Xã Tà Long, Huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị.
4. Tiểu học và THCS Kim Đồng - Xã Thượng Nhật, Huyện Nam Đông, Tỉnh Thừa Thiên Huế.
5. PTDL Hermann Gmeiner Gò Vấp - 697 Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP.HCM.
6. Mầm non Noong Quang - Xã Khoen On, Huyện Than Uyên, Tỉnh Lai Châu.
7. Trung học cơ sở xã Ta Gia - Xã Ta Gia, Huyện Than Uyên, Tỉnh Lai Châu.
8. Điểm trường Púng Bón, thuộc Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học Hữu Khuông - Xã Hữu Khuông, Huyện Tương Dương, Tỉnh Nghệ An.
9. Tiểu học Đông Sơn - Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ.
10. Tiểu học Động Lâm - Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ.
11. Điểm trường mầm Tả Thàng, thôn Páo Máo Phìn, xã Tả Thàng, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.



12. Hoạt động của công ty con



TNEX Finance - Hành trình kiến tạo giá trị và dẫn đầu đổi mới trong lĩnh vực tài chính

Trong hành trình xây dựng và phát triển, TNEX Finance vinh dự là đối tác đáng tin cậy của những thương hiệu hàng đầu như VNPT, Datanest, Zalo, Ant, Shopee và VNPost... Ngoài ra trong năm 2024, TNEX Finance tiên phong khai thác công nghệ tài chính (Fintech), ra mắt sản phẩm vay TBoss – giải pháp tài chính dành riêng cho các nhà bán hàng trên sàn thương mại điện tử. Sản phẩm này không chỉ hỗ trợ chủ cửa hàng vượt qua thách thức tài chính mà còn trang bị những cơ hội phát triển trong một thị trường thương mại điện tử cạnh tranh khốc liệt.



Đây là cột mốc đánh dấu hành trình phát triển bền vững, khẳng định tầm nhìn trở thành tổ chức tài chính hàng đầu, đột phá về sản phẩm và công nghệ, đồng hành thúc đẩy sự thịnh vượng toàn diện cho cộng đồng.

Tiên phong ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính

Không chỉ dừng lại ở việc cung cấp dịch vụ tài chính truyền thống, với ứng dụng công nghệ fintech tiên tiến, TNEX Finance giúp khách hàng tiếp cận vốn vay dễ dàng hơn, xóa bỏ các rào cản phê duyệt phức tạp thường thấy tại các ngân hàng truyền thống.

Giải pháp tài chính đột phá, lấy khách hàng làm trọng tâm

Là đơn vị tiên phong trong chuyển đổi số, TNEX Finance phát triển các giải pháp vay tiêu dùng tiện lợi, bảo mật và tối ưu trải nghiệm khách hàng. Các điểm nổi bật bao gồm:

- **Trải nghiệm khách hàng tối ưu:** Quy trình vay minh bạch, đơn giản, thông tin lãi suất rõ ràng.
- **Công nghệ tiên tiến:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và máy học (Machine Learning) để cá nhân hóa sản phẩm vay, tối ưu hóa lợi ích.
- **Bảo mật hàng đầu:** Sử dụng xác thực hai yếu tố (2FA), mã hóa dữ liệu để bảo vệ tài sản và thông tin khách hàng.

Ưu điểm vượt trội trên thị trường

TNEX Finance mang đến những lợi thế cạnh tranh độc đáo, bao gồm:

- **Tốc độ xử lý vượt trội:** Quy trình phê duyệt tự động, hoàn tất chỉ trong vài phút.
- **Khả năng tiếp cận đa dạng:** Phục vụ nhóm khách hàng chưa có lịch sử tín dụng hoặc thu nhập không ổn định, đặc biệt là sinh viên và người mới đi làm.

Tiếp sức thế hệ trẻ, định hướng tương lai

- TNEX Finance cam kết mang lại giá trị vượt trội và đặt thế hệ trẻ làm trọng tâm trong mọi hành động. Với tầm nhìn dài hạn, TNEX Finance tin rằng mỗi khách hàng đều xứng đáng được tiếp cận những cơ hội tốt nhất để khai phá tiềm năng và hiện thực hóa giấc mơ tài chính.
- TNEX Finance không chỉ là một công ty tài chính – mà còn là đối tác đáng tin cậy, bạn đồng hành trên hành trình tạo nên sự thịnh vượng toàn diện cho cộng đồng và xã hội.

Không ngừng mở rộng, khẳng định vị thế

Năm 2024 đánh dấu bước tiến mạnh mẽ của TNEX Finance khi mở rộng mạng lưới giới thiệu dịch vụ (POS) phục vụ gần 11.700 khách hàng địa phương. Ngoài ra TNEX Finance còn cho ra mắt các sản phẩm vay mới mẻ, đa dạng: Vay tiêu dùng siêu nhanh, vay tiêu dùng thông thường, vay hạn mức "Tiêu trước trả sau" và sản phẩm vay dành cho nhà bán hàng trên sàn thương mại điện tử. Kết thúc năm 2024, với 500 tỷ vốn điều lệ, TNEX Finance ghi nhận sự tăng trưởng về quy mô theo các chỉ số như:

- Tổng tài sản đạt 3.807 tỷ đồng
- Tổng dư nợ cho vay đạt 1.174 tỷ đồng
- Kết quả kinh doanh cũng ghi nhận sự cải thiện với tổng doanh thu thuần đạt 358,8 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế đạt khoảng 5 tỷ đồng.

D. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2025

1. Môi trường kinh doanh – Cơ hội và thách thức

Triển vọng kinh tế Thế giới và Việt Nam năm 2025

Bước sang năm 2025, một kỷ nguyên mới đang đến với những động lực phát triển bất phá – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Chính phủ đang hiện thực hóa khát vọng vươn mình với những quyết định chưa từng có tiền lệ. Năm 2025 được kỳ vọng là năm tăng trưởng đột phá đối với nền kinh tế Việt Nam với nhiều thuận lợi và cơ hội. Bộ máy chính trị cao nhất được kiện toàn, tiến trình tinh giản bộ máy Chính phủ được thực hiện trong quý 1/2025 và những nút thắt thể chế được tháo gỡ sẽ tạo đà cho nền kinh tế bất phá mạnh mẽ. Nền kinh tế kỳ vọng tăng trưởng cao với mục tiêu 8% trong năm 2025. Theo đó, giải ngân đầu tư công được thúc đẩy quyết liệt; sản xuất công nghiệp và xuất khẩu dự báo tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao. Việt Nam có thể là một trong những quốc gia hưởng lợi thể khi thương chiến Mỹ - Trung xảy ra. Đặc biệt, quan hệ ngoại giao uyển chuyển và linh hoạt của Việt Nam trong thời gian qua tiếp tục phát huy hiệu quả, mở ra triển vọng trở thành quốc gia hàng đầu về sản xuất chip, công nghệ AI... Bên cạnh đó, môi trường lãi suất quốc tế thấp hơn khi Fed hạ lãi suất sẽ giúp hóa giải áp lực trên mặt trận tỷ giá và lãi suất trong nước. Tuy nhiên, lo ngại bao trùm đó là viễn cảnh tổng thống Trump nhiệm kỳ 2 với những chính sách về việc tăng thuế thương mại, giảm thuế doanh nghiệp tại Mỹ, hạn chế người nhập cư, duy trì vị thế của đồng USD, khuyến khích hoạt động tiền số, tăng cường giám sát thao túng tiền tệ... sẽ khiến cho lạm phát tại Mỹ và toàn cầu tăng trở lại. Theo đó, lộ trình giảm lãi suất của Fed cũng sẽ khó nhanh và mạnh như kỳ vọng trước đây. Trái lại, lộ trình giảm lãi suất của ECB và những quốc gia khác cần tiếp tục đẩy mạnh khi bối cảnh kinh tế và chính trị diễn biến phức tạp, nguy cơ khủng hoảng cao. Ngoài ra, rủi ro địa chính trị với các điểm nóng tại Nga – Ukraine, Trung Đông, Đài Loan... dự báo tiếp tục dai dẳng và luôn có khả năng trở nên cao trào gây biến động giá cả hàng hóa, gián đoạn chuỗi cung ứng và cản trở đà tăng trưởng của kinh tế toàn cầu. Trong khi đó, tình hình biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... tiếp tục là những hiểm họa khó lường. Đây là những thách thức lớn đối với kinh tế Việt Nam nói chung và đối với hoạt động ngân hàng nói riêng.



Thế chế chính sách và môi trường kinh doanh đang được ráo riết hoàn thiện và đồng bộ

Đầu tư về cơ sở hạ tầng và công nghệ cao đang được định hướng và tập trung thúc đẩy mạnh mẽ.



Rủi ro biến đổi khí hậu, địa chính trị, chiến tranh thương mại, chiến tranh tiền tệ, ... luôn thường trực

2. Chiến lược phát triển

Giai đoạn 2024 – 2028, MSB kiên định với tầm nhìn “Trở thành ngân hàng ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ”. Tầm nhìn này được xây dựng dựa trên 4 trụ cột và 3 nền tảng chiến lược cốt lõi.

4 trụ cột

1

Định vị giá trị khách hàng khác biệt: Tập trung vào phân khúc mục tiêu cụ thể, cung cấp các giải pháp tổng thể và tư vấn chi tiết giúp khách hàng đạt được mong muốn.

2

Mạng lưới phân phối đa kênh, tối ưu hóa: Tập trung phát triển theo chiều sâu, lựa chọn địa bàn trọng tâm để tập trung hóa nguồn lực nhằm khai thác hiệu quả và tối đa tiềm năng thị trường. Ngân hàng đang từng bước chuyển dịch sang kênh số để gia tăng thu hút và trải nghiệm khách hàng.

3

Lực lượng bán hàng hiệu quả, ổn định: Kết hợp nâng cao chất lượng đội ngũ bán và ứng dụng hệ thống, công cụ, số hóa.

4

Mở rộng quan hệ đối tác và hệ sinh thái: Hợp tác với các đối tác, xây dựng hệ sinh thái nhằm mang tới cho khách hàng chuỗi sản phẩm - dịch vụ và ưu đãi vượt trội, tối ưu, đồng thời nâng cao tính liên kết, tiềm năng phát triển cho MSB và đối tác.

3 nền tảng

1

Số hóa, tinh gọn từ a-z và phân tích nâng cao: Tinh gọn hệ thống chính sách, văn bản, quy trình; tự động hóa soạn thảo văn bản; quản trị dữ liệu xuyên suốt, ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong việc ra quyết định; triển khai số hóa theo mô hình “Agile” và “Agile@scale” (*).

2

Quản lý rủi ro: Tiên phong chuẩn hóa theo Basel III; xây dựng và phát triển hệ thống ra quyết định tin cậy với mô hình chấm điểm phù hợp; quản trị rủi ro chủ động.

3

Tổ chức, con người và văn hóa: môi trường làm việc thấu hiểu khách hàng, sáng tạo và có chuyên nghiệp cao; nuôi dưỡng, gắn bó và khen thưởng nhân tài; văn hóa tôn trọng, minh bạch và hiệu quả; thúc đẩy sự tin tưởng và thành tích.

(*) Agile: Là phương thức triển khai nhằm nhanh chóng thích ứng và phản hồi với thay đổi, trong đó việc nghiên cứu – thử nghiệm - ứng dụng sẽ được tiến hành song song và liên tục.

Agile@scale: Việc triển khai Agile trên quy mô lớn.

Cũng trong giai đoạn này, MSB định hướng:

- Lĩnh vực phát triển chính: Dựa vào việc phân tích tiềm năng nội lực cùng với các đánh giá, dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô, MSB xác định bán lẻ là mảng trọng tâm trong chiến lược. Bên cạnh đó, mảng doanh nghiệp vừa & nhỏ (SMEs) cũng sẽ là cỗ máy chủ đạo đem lại lợi nhuận và tăng trưởng cho ngân hàng với doanh thu và số lượng khách hàng lớn.
- Với mục tiêu tăng trưởng bền vững: MSB định hướng sẽ phát triển, mở rộng thị phần và nâng cao vị thế thương hiệu, số hóa và đổi mới mô hình kinh doanh, tối ưu hóa danh mục sản phẩm và nâng cao trải nghiệm khách hàng
 - **Phát triển mạnh mẽ phân khúc khách hàng cá nhân** với trọng tâm là nhóm khách hàng trẻ (Gen Z, Millennials) có nhu cầu cao về các dịch vụ tài chính số.
 - **Mở rộng kênh phân phối:** Kết hợp giữa kênh truyền thống (chi nhánh, phòng giao dịch) với kênh số (ngân hàng số, mobile banking).
 - **Tăng cường chiến dịch truyền thông số:** Tiếp thị đa kênh, tập trung vào trải nghiệm khách hàng trên các nền tảng số.
 - **Hợp tác với các đối tác chiến lược:** Kết hợp với fintech, các công ty bảo hiểm, thương mại điện tử để mở rộng hệ sinh thái tài chính.
 - **Tập trung phát triển nền tảng ngân hàng số** với các tính năng như mở tài khoản online, định danh điện tử (eKYC), giao dịch hoàn toàn không giấy tờ.
 - **Hỗ trợ khách hàng đa kênh:** Tích hợp chatbot AI, tổng đài thông minh, hỗ trợ khách hàng 24/7 qua nền tảng số.
 - **Tăng cường an ninh mạng:** Đảm bảo an toàn dữ liệu và bảo mật giao dịch trực tuyến; ứng dụng AI và dữ liệu để đánh giá tín dụng, phát hiện gian lận và cảnh báo nợ xấu.
- Ngoài ra, MSB còn định hướng tập trung cho các hoạt động hỗ trợ kinh doanh hướng đến trải nghiệm dịch vụ xuất sắc cho khách hàng như:
 - Chú trọng đầu tư phát triển hệ thống công nghệ số, phân tích dữ liệu lớn để thấu hiểu nhu cầu khách hàng
 - Phát triển hệ sinh thái số giúp tích hợp giải pháp thanh toán đa dạng cộng hưởng thêm nhiều lợi ích cho khách hàng
 - Số hóa trải nghiệm khách hàng áp dụng công nghệ sinh trắc học đảm bảo tính bảo mật và thuận tiện tối đa cho khách hàng
 - Tự động hóa quy trình và ứng dụng công nghệ AI nhằm nâng cao tốc độ xử lý giao dịch cho khách hàng

- Phát triển đội ngũ nhân sự, tăng cường đào tạo, phát triển kỹ năng, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm phục vụ trải nghiệm khách hàng tốt hơn.
- Đầu tư vào việc nâng cao trải nghiệm khách hàng với mô hình chi nhánh, phòng giao dịch mới hiện đại hướng tới sự thân thiện và thuận tiện nhất cho khách hàng khi đến giao dịch.

Mục tiêu chiến lược đến năm 2028: Kênh số là động lực chính cho tăng trưởng

- Lợi nhuận: 1 tỷ USD
- Tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân: 25%
- Thu hút khách hàng mới qua kênh số: khách hàng cá nhân đạt 60% và khách hàng doanh nghiệp đạt 40%
- Doanh thu từ kênh số của khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp: 70%
- Tỷ lệ thu nhập từ phí (NFI): 30%
- Chi phí hoạt động trên thu nhập (CIR): 30%
- Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) trên tổng huy động: 40%
- Tỷ lệ số hóa các quy trình nội bộ: 70%
- Tỷ lệ thu nhập từ phí: 30%
- Chi phí hoạt động trên doanh thu: 28%

3. Các mục tiêu tài chính

Với động lực đến từ kết quả kinh doanh khả quan của năm 2024, Ngân hàng đã cân nhắc các yếu tố khó đoán định của bối cảnh trong nước và quốc tế, khả năng hồi phục của từng ngành nghề, trên cơ sở đó đưa ra kế hoạch kinh doanh hợp nhất như dưới đây. Các mục tiêu tài chính này sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên dự tính diễn ra vào tháng 4/2025:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	So sánh KH2025/TH2024
1	Tổng tài sản	320.148	350.000	109%
2	Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn	175.823	202.000	115%
3	Dư nợ tín dụng (bao gồm dư nợ cho vay TCKT và cá nhân, đầu tư trái phiếu DN) (*)	177.394	212.000	120%
4	Nợ xấu hợp nhất (nhóm 3-5)	1.9%	<3%	-

5	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	6.904	8.000	116%
6	Vốn điều lệ	26.000	31.200	120%
7	Tỷ lệ chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận để lại tích lũy đến 31/12/2024 và sau khi trích lập các quỹ theo quy định luật (% theo mệnh giá) ^(**)	30% ^{(*)5}	20% ^{(**)6}	67%

⁵ Phụ thuộc hạn mức tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng Nhà nước.

⁶ Theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt, Ngân hàng đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 30% từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2023 sau khi trích các quỹ theo quy định luật, việc chia cổ tức này đã được thực hiện trong năm 2024 và làm tăng vốn điều lệ MSB lên 26.000 tỷ đồng.

Với lợi nhuận dự tính được tạo ra trong năm 2024 cùng với lợi nhuận để lại, Hội đồng quản trị sẽ trình ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận có thể dùng để chi trả cổ tức với tỷ lệ 20% bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 31.200 tỷ đồng, thời điểm thực hiện trong năm 2025 tùy theo diễn biến tình hình thị trường và hoạt động kinh doanh của MSB.

E. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Ngân hàng

Năm 2024, dù đối mặt với nhiều biến động, Hội đồng Quản trị đánh giá cao sự nỗ lực không ngừng nghỉ của của toàn thể cán bộ nhân viên dưới sự điều hành sát sao, linh hoạt của Tổng Giám đốc và Hội đồng Điều hành, để MSB đạt được các kết quả kinh doanh khá khả quan, hoàn thành cơ bản 1 số mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó, cụ thể như sau:

- Tổng tài sản đạt trên 320.000 tỷ đồng tăng gần 20% so với năm 2023.
- Tổng thu nhập thuần từ hoạt động đạt 14.218 tỷ đồng, tăng gần 16% so với 2023.
- Giá trị vốn hóa tại 31/12/2024 đạt 30.290 tỷ đồng, tăng 16,5% so với cuối năm 2023.

Với mục tiêu đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, mở rộng quy mô, hướng tới tăng trưởng bền vững, đảm bảo các yêu cầu quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn cao nhất và tạo vị thế cạnh tranh trong và ngoài nước, năm 2024, MSB đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 20.000 tỷ đồng lên 26.000 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.

Cùng với đó, nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh, phát triển sản phẩm, mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ, MSB đã thực hiện ký kết các biên bản thỏa thuận hợp tác toàn diện với nhiều đối tác chiến lược như: Công ty cổ phần Nhất Phương (FinFan), Công ty cổ phần PropertyGuru Việt Nam (PGVN), Công ty cổ phần MISA, Công ty cổ phần Công trung gian thanh toán Ngân Lượng.

Bên cạnh kết quả kinh doanh tích cực, Hội đồng Quản trị cũng ghi nhận những nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên MSB trên hành trình phát triển sản phẩm dịch vụ, lan tỏa văn hóa doanh nghiệp MSB, nâng tầm thương hiệu bằng chuỗi giải thưởng vô cùng danh giá bao gồm: Giải Ba tại Security Bootcamp 2024 - Sự kiện cộng đồng chuyên gia An toàn thông tin & Bảo mật tại Việt Nam; 02 giải thưởng từ Tổ chức thẻ quốc tế Mastercard là “Top Value Banking Award” – tôn vinh top ngân hàng giá trị nhất thị trường và “Thẻ MSB Mastercard Family – sản phẩm dành cho gia đình xuất sắc”; Giải Khuyến khích tại Hội thi “Ngân hàng xanh cho cuộc sống xanh – Green Bank for Green Life” năm 2024 do Công đoàn Ngân hàng Việt Nam tổ chức. Ngoài ra, MSB vinh dự lọt Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2024; 02 năm liên tiếp thuộc Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam. Đáng chú ý, tháng 12/2024, MSB vinh dự nhận Bằng khen của Bộ Tài chính, vinh danh các tổ chức đã có đóng góp xuất sắc vào sự phát triển 15 năm thị trường Trái phiếu Chính phủ.

Trên hành trình hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững, trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, MSB đã khẳng định vị thế là một trong những ngân hàng tiên phong tại Việt Nam trong việc xây dựng và triển khai các sản phẩm - dịch vụ, chương trình, sáng kiến... liên quan trực tiếp tới vấn đề này. MSB khẳng định vị thế là một ngân hàng có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội khi kiên định với sứ mệnh tạo ra những giá trị tốt nhất cho khách hàng, cổ đông và xã hội,

đồng thời đảm bảo các bên liên quan nhận được sự hỗ trợ toàn diện để hiện thực hóa các mục tiêu tăng trưởng bền vững.

2. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng Điều hành

Trước những biến động khó lường của thị trường tài chính trong năm 2024, Tổng Giám đốc và các thành viên Hội đồng Điều hành MSB đã có nỗ lực lớn trong công tác quản trị và điều hành MSB theo đúng nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Tháng 07/2024, Luật Các Tổ chức tín dụng 2024 bắt đầu có hiệu lực với nhiều thay đổi theo hướng chặt chẽ và minh bạch hơn, Hội đồng Điều hành đã rất chủ động, sáng tạo và kịp thời ứng biến trong công tác điều hành, song song đó vẫn đảm bảo tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Hội đồng Quản trị cùng tham gia các phiên họp định kỳ của Hội đồng Điều hành để nghe báo cáo, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của MSB. Qua các phiên họp này, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị được rà soát về tiến độ thực hiện, xử lý kịp thời các vướng mắc trong quá trình triển khai, đảm bảo đạt kết quả tốt nhất. Ngoài ra, Hội đồng Điều hành cũng liên tục cập nhật thông tin kinh tế, chính trị thế giới, các yếu tố ảnh hưởng biến động thị trường và yêu cầu các Khối/Phòng/Ban báo cáo tình hình hoạt động thường xuyên, từ đó, kịp thời đưa ra các định hướng, chiến lược hành động trong giai đoạn tiếp theo, hướng tới hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã đặt ra.

Nửa cuối năm 2024, trong bối cảnh ngành ngân hàng có nhiều thách thức, khó khăn, với yêu cầu thắt chặt từ các cơ quan quản lý Nhà nước, song song với việc hỗ trợ, tạo điều kiện cho khách hàng khắc phục hậu quả của cơn bão số 3 (tháng 9/2024), Tổng Giám đốc và Hội đồng Điều hành đã chủ động nghiên cứu và triển khai các định hướng chiến lược kinh doanh mới nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu toàn ngành do Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước đặt ra. Hội đồng Điều hành cũng đã triển khai áp dụng nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, ứng dụng chuyển đổi số theo xu hướng, song song đó là tôn chỉ đề cao các yếu tố phát triển bền vững, mang lại giá trị cho cộng đồng, nâng cao hiệu quả hoạt động của MSB, nỗ lực hoàn thành tốt nhất trong khả năng các mục tiêu kế hoạch năm 2024 được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Trong giai đoạn tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, Hội đồng Quản trị đã triển khai chỉ đạo, thực hiện thành công các chỉ tiêu được giao phó từ Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	So sánh TH2024/KH2024
1	Tổng tài sản	280.000	320.148	114%
2	Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn	178.900	175.823	98,3%
3	Dư nợ tín dụng (bao gồm dư nợ cho vay TCKT và cá nhân, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp)	178.200	177.394	99,5%
4	Nợ xấu hợp nhất (nhóm 3-5)	<3%	1,9%	Đạt kế hoạch
5	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	6.800	6.904	101,5%
6	Thù lao, chi phí HĐQT và BKS	24,5	16,89	68,9%
7	Vốn điều lệ	26.000	26.000	100%
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức/chia cổ phiếu thưởng (%/mệnh giá) từ nguồn lợi nhuận	30%	30%	100%

Song hành với các chỉ tiêu tài chính, Hội đồng Quản trị còn tập trung:

- Công tác quản trị luôn hướng đến mục tiêu phát triển bền vững: Với cam kết đồng hành cùng Chính phủ Việt Nam trong tiến trình giảm phát thải ròng carbon về mức 0 vào năm 2050, công tác quản trị, điều hành hệ thống của MSB luôn dựa trên nguyên tắc quản trị tuân thủ và đáp ứng cao hơn các tiêu chí theo quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời, MSB luôn cân nhắc hài hòa giữa mục tiêu phát triển và trách nhiệm với xã hội, môi trường. Bằng việc không ngừng học hỏi và áp dụng các thông lệ quản trị quốc tế tốt nhất, MSB đã hoàn thành bước đầu xây dựng một khung quản trị phát triển bền vững bao gồm hệ thống các điều lệ, quy chế, quy định và văn bản pháp quy áp dụng trong nội bộ, nhằm mang đến môi trường làm việc công bằng, giàu cơ hội phát triển cho tất cả nhân sự, bất kể giới tính, xuất phát điểm hay vị trí chức vụ. Trong thời gian tới, MSB sẽ đặc biệt hướng mọi hoạt động thường nhật tới tiêu chí bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu; chú trọng hỗ trợ các tệp khách hàng chuyển đổi xanh, cân nhắc các rủi ro môi trường - xã hội trong hoạt động kinh doanh, tiến tới giảm phát thải và tăng trưởng bền vững, sẵn sàng trở thành đối

tác tin cậy cùng các doanh nghiệp vươn mình trong xu thế “xanh” theo định hướng của Chính phủ.

- Ủy ban Phát triển bền vững cần tiếp tục phát huy năng lực và trách nhiệm của mình trong việc xây dựng chiến lược, tiến trình phát triển bền vững; phối hợp với các Ủy ban và đơn vị liên quan để tích hợp các chiến lược phát triển bền vững với kế hoạch kinh doanh trung và dài hạn của Ngân hàng.
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị công nghệ, chuyển đổi số: Chuyển đổi nền tảng công nghệ tiên tiến phù hợp với chiến lược kinh doanh tổng thể của ngân hàng nhằm tăng sự linh hoạt, kịp thời đáp ứng nhu cầu thay đổi trong kinh doanh, tạo động lực thúc đẩy năng lực của đơn vị bán hàng, chuyển dịch cách thức vận hành và kinh doanh theo hướng số hóa. Cùng với đó, một số hoạt động khác cũng được đẩy mạnh như xây dựng khung quản trị dữ liệu toàn hàng, chuẩn hóa siêu dữ liệu và nâng cao, xây dựng nền tảng dữ liệu tập trung toàn hàng đồng thời phát triển, vận hành tự động các báo cáo phân tích phục vụ kinh doanh.
- Chú trọng hoạt động quản lý và đa dạng hóa nguồn vốn, đảm bảo an toàn cho hoạt động của Ngân hàng, cũng như có nguồn vốn ổn định cho việc tăng trưởng đầu tư và cho vay; phát triển tín dụng trên nguyên tắc cẩn trọng, đảm bảo chất lượng và an toàn, giảm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng, tăng thu nhập từ thu hồi các khoản nợ đã xử lý rủi ro; tối ưu hóa chi phí hoạt động thông qua việc tinh gọn và số hóa các quy trình, sản phẩm từ khách hàng đến các quy trình, dịch vụ nội bộ.
- Phát triển khách hàng theo định hướng chiến lược chung đã được thiết lập, trong đó, tập trung nguồn lực để tăng trưởng tối đa đối với mảng danh mục lõi là khách hàng cá nhân (KHCCN) và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs). Bên cạnh đó, nghiên cứu, phát triển các mô hình hỗ trợ khách hàng tối đa trên cơ sở tập trung vào 05 trọng tâm chính gồm: thấu hiểu khách hàng, khai thác chuỗi và hệ sinh thái, nâng cao hiệu suất bán hàng, tinh gọn và số hóa, ứng dụng Big Data và phân tích nâng cao.
- Tiếp tục áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế Basel III, IFRS, hoàn thiện chiến lược quản trị rủi ro số, cải thiện hiệu quả kiểm soát rủi ro, đồng thời củng cố chất lượng tài sản, tăng cường hệ thống bảo mật, an toàn an ninh nhằm bảo vệ ngân hàng khỏi những rủi ro tiềm ẩn; từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) theo chuẩn quốc tế để hướng tới mục tiêu tăng trưởng ổn định, xanh và bền vững.

F. QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

1. Tổng quan về quản trị ngân hàng

Với sứ mệnh “Vì một cuộc sống thuận ích hơn”, gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững, Hội đồng Quản trị luôn chú trọng công tác quản trị, mục tiêu xây dựng hệ thống quản trị chuyên nghiệp, hiệu quả, tuân thủ pháp luật. MSB luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật đối với một tổ chức tín dụng và các quy định về quản trị doanh nghiệp; đồng thời, chủ động tiếp thu các thông lệ quản trị tiên bộ trên thế giới với mục tiêu thúc đẩy, cải thiện thực tiễn quản trị, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý và toàn thể cán bộ nhân viên về tuân thủ pháp luật và tiêu chuẩn quản trị nội bộ. MSB định hướng trở thành ngân hàng có tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp vượt trên mức tuân thủ, đáp ứng cao hơn các tiêu chí theo quy định của pháp luật hiện hành, áp dụng các thông lệ quản trị quốc tế tốt nhất với mục tiêu phát triển bền vững.

Với cam kết đồng hành cùng Chính phủ Việt Nam trong tiến trình giảm phát thải ròng carbon về mức 0 vào năm 2050, công tác quản trị, vận hành hệ thống của MSB luôn dựa trên nguyên tắc quản trị cao nhất là luôn đặt lợi ích của cổ đông và khách hàng lên hàng đầu; đồng thời cân nhắc hài hòa giữa mục tiêu phát triển và trách nhiệm với xã hội, môi trường đảm bảo sự lành mạnh, chuyên nghiệp và tăng trưởng bền vững của một tổ chức tín dụng.

2. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

2.1. Điểm nhấn trong năm 2024 của cổ phiếu MSB:



- Vốn hóa ngân hàng tăng trưởng 16,5% trong năm 2024, từ mức 26.000 tỷ lên 30.290 tỷ đồng, cao hơn mức tăng trưởng của VN-Index (12,11% trong năm 2024). MSB xếp thứ 37 về vốn hóa trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và trong top 10 cổ phiếu ngành ngân hàng có tăng trưởng giá trị tốt nhất năm 2024.

- Ngân hàng hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 20.000 tỷ đồng lên 26.000 tỷ đồng thông qua trả cổ tức tỷ lệ 30% bằng cổ phiếu, và là một trong những tổ chức tín dụng trả cổ tức cho cổ đông cao nhất ngành ngân hàng.
- Số lượng cổ đông tăng từ 34.015 cuối năm 2023 lên 42.605 cổ đông tại 31/12/2024, tăng hơn 25%. Trong đó, tăng trưởng của số lượng cổ đông cá nhân là hơn 8.500 cổ đông, thể hiện độ phủ của cổ phiếu tới nhà đầu tư ngày càng lớn.
- Giá đóng cửa (điều chỉnh) cao nhất năm của cổ phiếu MSB là mức 13.200 đồng/cổ phiếu tại ngày 17/10/2024.
- Khối lượng giao dịch bình quân mỗi phiên của năm 2024 đạt 9.146.962 cổ phiếu, tăng trưởng 29% so với mức 7.094.209 cổ phiếu/phiên của năm 2023.
- Là cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trong bối cảnh nhà đầu tư nước ngoài bán ròng với thị trường chung (khoảng 90.000 tỷ đồng trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh trong năm 2024)

2.2. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư trong năm 2024:



Kể từ khi niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (23/12/2020), MSB luôn tập trung đầu tư nguồn lực và nâng cao các tiêu chuẩn về quản trị doanh nghiệp, tuân thủ theo nguyên tắc minh bạch trong công bố thông tin, mọi hoạt động đều hướng về lợi ích của

cổ đông và các bên liên quan. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư liên tục được đổi mới và chuẩn hóa theo thông lệ tốt nhất, đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công ty niêm yết, công ty đại chúng lớn đồng thời tối ưu hóa các giá trị cho nhà đầu tư, cổ đông của ngân hàng.

- MSB luôn đảm bảo tính minh bạch trong công bố thông tin: Ngân hàng thực hiện công bố thông tin theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính cùng các quy chế, quy định và văn bản luật liên quan đến cổ phiếu, trái phiếu và luật chuyên ngành áp dụng với tổ chức tín dụng. Trong năm 2024, quy chế công bố thông tin và hướng dẫn quy trình công bố thông tin nội bộ của ngân hàng được cập nhật theo các văn bản luật sửa đổi, bổ sung. Với các dự án số hóa trong quy trình nội bộ, những cam kết theo chuẩn quốc tế về tiêu chí môi trường - xã hội - quản trị, phát triển bền vững mà MSB thực thi, ngân hàng luôn đồng hành và hỗ trợ cổ đông, nhà đầu tư trong việc tiếp cận thông tin một cách hiệu quả, kịp thời, tạo điều kiện tốt cho các bên liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định, góp phần gia tăng uy tín và vị thế của ngân hàng. Mọi thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu đều được MSB công bố qua cổng thông tin điện tử với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, các báo tài chính/thời sự trực tuyến, phương tiện truyền thông đại chúng, thông cáo báo chí và trang thông tin điện tử của ngân hàng (<https://www.msb.com.vn/>).
- Bộ phận Quản lý quan hệ nhà đầu tư phối kết hợp với bộ phận Quản lý cổ đông (Văn phòng Hội đồng Quản trị) của MSB đóng vai trò cầu nối hiệu quả, cởi mở giữa ngân hàng và cổ đông. Trong năm 2024, MSB đã tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên vào tháng 4. Các quyền lợi của cổ đông như biểu quyết, đóng góp ý kiến hay các thắc mắc liên quan hoạt động của ngân hàng đều được Hội đồng Quản trị, Hội đồng Điều hành giải đáp thấu đáo, đảm bảo nguyên tắc minh bạch, đối xử công bằng, bình đẳng. Các công việc được Đại hội đồng cổ đông giao phó đều được báo cáo kết quả thực thi với thông tin chi tiết. Hoạt động trong năm liền trước được tổng kết, nhận xét, giải trình. Kế hoạch hoạt động được trình bày và lấy ý kiến từ cổ đông tham dự. Đồng thời, nhằm đẩy mạnh tương tác với nhà đầu tư, cổ đông trong thời đại số hóa, MSB cũng tổ chức đều đặn các buổi họp trực tuyến kết hợp trực tiếp với tài liệu họp song ngữ, hướng tới các bên tham dự là nhà đầu tư, cổ đông, chuyên gia phân tích từ các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, các nhà đầu tư chuyên nghiệp, giới báo chí...Hàng quý, ngân hàng đều đặn công bố kết quả kinh doanh và giải đáp các thắc mắc của các bên về hoạt động kinh doanh, chiến lược, định hướng, các sự kiện vĩ mô và vi mô ảnh hưởng tới hoạt động ngân hàng. Ngoài ra, các cuộc họp theo yêu cầu hay Hội nghị nhà đầu tư do các tổ chức tài chính hàng đầu tổ chức như SSI, Citigroup... cũng là kênh tiếp cận, gia tăng tiếp xúc, đối thoại giữa các cấp điều hành cao

nhất của MSB với giới đầu tư trong và ngoài nước. Kết quả của những nỗ lực trong hoạt động quan hệ nhà đầu tư là năm 2024, MSB đã gia tăng số lượng cổ đông lên đến hơn 42.600 cổ đông. Đặc biệt, số lượng cổ đông là các Quỹ đầu tư trong và ngoài nước có sự tăng trưởng đáng kể. Đây cũng là động lực cho ngân hàng tập trung đẩy mạnh và làm tốt hơn hoạt động tiếp xúc nhà đầu tư trong năm 2025, hướng theo các tiêu chuẩn phát triển bền vững trong hoạt động quản trị ngân hàng, đặc biệt là các cam kết về lợi ích và quyền lợi cổ đông.

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, MSB đã tăng vốn điều lệ lên 26.000 tỷ đồng thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 30% trong năm 2024. Các thủ tục với cơ quan quản lý nhằm được cấp phép tăng vốn điều lệ, các thông tin liên quan đợt tăng vốn và các thủ tục liên quan sau khi hoàn thành tăng vốn đều được MSB công bố đúng thời hạn trên trang thông tin điện tử của ngân hàng (mục Nhà đầu tư) và qua các kênh thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, đảm bảo tuân thủ và minh bạch thông tin. Kể từ khi niêm yết, MSB trả cổ tức cho cổ đông khá đều đặn và là một trong những tổ chức tín dụng có mức chi trả cổ tức cao nhất trong các ngân hàng.
- Nhằm chuẩn hóa quản trị nội bộ, bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư cũng là đơn vị đầu mối đóng góp chính trong quá trình xây dựng Báo cáo phát triển bền vững theo chuẩn GRI của MSB trong hai năm gần đây. Tích hợp các yếu tố phát triển bền vững vào mọi hoạt động của ngân hàng là một trong những chiến lược đường dài của MSB hiện đang được tích cực đẩy mạnh.

2.3. Định hướng hoạt động quan hệ nhà đầu tư năm 2025:

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo các tiêu chí về môi trường - xã hội - quản trị được cân nhắc đầy đủ trong định hướng hoạt động của ngân hàng, hoạt động quan hệ nhà đầu tư sẽ tiếp tục được chú trọng và củng cố. Nâng cao hiệu quả trong truyền thông, mở rộng quy mô và kênh tiếp cận giới đầu tư, minh bạch trong công bố thông tin, đảm bảo chất lượng dữ liệu, số hóa quy trình, ứng dụng thông lệ tốt nhất là các mục tiêu hướng tới của hoạt động quan hệ nhà đầu tư.

3. Giới thiệu Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Hội đồng Điều hành

3.1. Hội đồng Quản trị

3.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị MSB bao gồm 7 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập, 06/07 thành viên không điều hành. Cơ cấu thành phần Hội đồng Quản trị đảm bảo đa dạng về giới tính và trình độ chuyên môn, các thành viên đều có bề dày kinh nghiệm công tác và quản lý trong các lĩnh vực tài chính - ngân hàng, quản trị rủi ro và công nghệ. Đại hội đồng cổ đông năm 2024 cũng đã bầu

bổ sung ông Võ Tấn Long vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị, miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Thiên Hương – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.



Ông TRẦN ANH TUẤN

Thạc sĩ - Đại học Griggs

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông tham gia quản trị và điều hành MSB từ năm 2007 với các chức danh: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc. Từ tháng 02/2012 đến nay, ông là Chủ tịch Hội đồng Quản trị MSB.



Ông TRẦN XUÂN QUẢNG

Thạc sĩ - Đại học chuyên ngành Nam California

Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị

Ông gia nhập MSB từ năm 1993 và đảm nhiệm các vị trí như: Giám đốc Sở Giao dịch, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khách hàng doanh nghiệp & Khách hàng cá nhân, Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý Chiến lược. Tháng 4/2016, ông được bầu giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị MSB. Từ tháng 04/2023 đến nay, ông đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị MSB.



Ông NGUYỄN HOÀNG AN

Cử nhân – Học viện Ngân hàng

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông gia nhập MSB từ năm 1991 và đảm nhiệm các vị trí như: Trưởng phòng Tín dụng, Giám đốc Chi nhánh Thanh Xuân, Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, Phó Tổng Giám đốc MSB. Từ tháng 05/2018 đến nay, ông là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị MSB.



Bà NGUYỄN THỊ THIÊN HƯƠNG

Thạc sĩ – Đại học Hawaii, Manoa

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ 1/1/2024 – 23/4/2024)

Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng. Từ năm 1995 tới năm 2016, bà làm việc tại Techcombank và nắm giữ nhiều chức vụ khác nhau như: Trưởng phòng Dự án và Đầu tư chứng khoán, Trưởng phòng Tín dụng, Phó Tổng Giám đốc và thành viên thường trực Ủy ban Kiểm toán rủi ro. Từ tháng 05/2018 đến tháng 4/2024, bà là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị MSB.



• **Ông NGUYỄN HOÀNG LINH**

Thạc sĩ – Đại học Bách khoa Hà Nội

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Linh có hơn 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các ngân hàng tại Việt Nam như: thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc PVcomBank, Tổng Giám đốc Western Bank, Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng Việt Á,... Tại MSB, ông đã trải qua hơn 20 năm công tác và được tin tưởng giao phó nhiều trọng trách như: Giám đốc MSB Hồ Chí Minh, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khôi Chiến lược, Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ. Từ tháng 03/2020, ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc MSB. Từ tháng 09/2020, ông được bầu là thành viên Hội đồng Quản trị MSB.



- **Bà LÊ THỊ LIÊN**

Tiến sĩ – Đại học California Miramar

Thành viên Hội đồng Quản trị

Từ năm 2007 tới năm 2012, bà là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, kiêm đại diện vốn của VNPT tại Ngân hàng và Trưởng Ban Đầu tư và Quản lý vốn, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Từ năm 2012 tới năm 2017, bà nắm giữ các vị trí như Trưởng Ban Đầu tư và Quản lý vốn, Phó Trưởng Ban Tài chính - Chiến lược thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Từ tháng 05/2018 đến tháng 4/2022, bà là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập MSB. Từ tháng 04/2022 đến nay, bà là thành viên Hội đồng Quản trị MSB.



- **Ông VÕ TẤN LONG**

Tiến sĩ - Trường Đại học Kỹ thuật Điện Saint Petersburg

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông đã đảm nhiệm các vị trí nhân sự chủ chốt tại các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế như: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tư Vấn PricewaterhouseCoopers (PwC); Giám đốc Chuyển đổi số Công ty TNHH PwC Việt Nam; Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Công nghệ số, Giám đốc Khối Công nghệ thông tin VPBank; Tổng Giám đốc Công ty TNHH IBM Việt Nam. Ông gia nhập MSB từ cuối năm 2023 và đảm nhiệm vai trò Chủ tịch Ủy ban Công nghệ. Từ tháng 04/2024 đến nay, ông được bầu giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị MSB. Đồng thời, ông Long cũng là Chủ tịch Ủy ban Phát triển bền vững.



• Ông TẠ NGỌC ĐA

Cử nhân – Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Ông gia nhập MSB từ năm 2010 và đảm nhiệm các vị trí như Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm Xử lý tín dụng tập trung Hồ Chí Minh; Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành. Từ tháng 04/2022 đến nay, ông là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập MSB.

3.1.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu(*) ⁷	Chức danh quản lý thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	21.901.262	0,84%	Không
2	Ông Trần Xuân Quảng	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	322.186	0,01%	Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn ROX Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Family Mart Việt Nam Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần ROX Key Holdings
3	Ông Nguyễn Hoàng An	Phó Chủ tịch HĐQT	440.278	0,02%	Không
4	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên HĐQT kiêm	492.128	0,02%	Không

⁷ Tính trên tổng vốn điều lệ là 26.000 tỷ đồng.

		Tổng Giám đốc			
5	Bà Lê Thị Liên	Thành viên HĐQT	828.049	0,03%	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần ROX Asset
6	Ông Võ Tấn Long	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 23/4/2024)	0	0%	Không
7	Ông Tạ Ngọc Đa	Thành viên độc lập HĐQT	156.917	0,01%	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Công nghệ thông tin Giải pháp thông minh Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Công nghệ thông tin Hệ thống thông minh Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần ROX Living
8	Bà Nguyễn Thị Thiên Hương	Phó Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 23/4/2024)	92.274 (Số liệu tại thời điểm 23/04/2024)	0,005% (Số liệu tại thời điểm 23/04/2024, tính trên tổng Vốn điều lệ 20.000 tỷ đồng)	Không

3.1.3. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Ủy ban Quản lý rủi ro

Thành phần	Chức vụ
Ông Trần Xuân Quảng - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	Chủ tịch
Ông Tạ Ngọc Đa - Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên biểu quyết
Bà Lê Thị Liên - Thành viên HĐQT	Thành viên biểu quyết
Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	Thành viên biểu quyết
Ông Đỗ Thành Công	Thành viên biểu quyết
Ông Hà Duyên Tiến	Thành viên biểu quyết
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Giám đốc Khối Quản lý Tài chính	Thành viên không biểu quyết

Ủy ban Chiến lược

Thành phần	Chức vụ
Ông Trần Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Quảng - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	PCT thường trực
Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	Phó Chủ tịch
Ông Võ Tấn Long - Thành viên HĐQT	Phó Chủ tịch
Bà Đinh Thị Tố Uyên - Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc Khối Chiến lược	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Đức - Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro	Thành viên

Ủy ban Nhân sự

Thành phần	Chức vụ
Ông Trần Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Bích Huyền	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Trần Xuân Quảng - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	Thành viên
Bà Lê Thị Liên - Thành viên HĐQT	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Cương - Giám đốc Nhân sự	Thành viên

Ủy ban Công nghệ:

Thành phần	Chức vụ
Ông Võ Tấn Long - Thành viên HĐQT	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Quảng - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	Thành viên
Ông Tạ Ngọc Đa - Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	Thành viên
Ông Nguyễn Phi Hùng – Phó Tổng Giám đốc	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Khánh - Giám đốc Khối Công nghệ	Thành viên
Bà Đinh Thị Tố Uyên - Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc Khối Chiến lược	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Giám đốc Khối Quản lý tài chính	Thành viên
Ông Lê Minh Loan - Chuyên gia An ninh mạng	Thành viên
Tổng Giám đốc Ngân hàng chuyên doanh và Giám đốc Khối/Ban	Thành viên

Hội đồng Xử lý rủi ro:

Thành phần	Chức vụ
Bà Lê Thị Liên - Thành viên HĐQT	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Đức - Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	Thành viên biểu quyết

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Giám đốc Khối Quản lý Tài chính	Thành viên biểu quyết
Ông Đỗ Thành Công	Thành viên biểu quyết
Ông Hà Duyên Tiến	Thành viên biểu quyết
Tổng Giám đốc Ngân hàng chuyên doanh hoặc Giám đốc Khối/Ban	Thành viên không biểu quyết
Giám đốc Quản lý Rủi ro tín dụng Ngân hàng chuyên doanh, Khối Quản lý Rủi ro	Thành viên không biểu quyết

Ủy ban Phát triển bền vững:

Thành phần	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Thiên Hương – Phó Chủ tịch HĐQT (đến ngày 23/04/2024)	Chủ tịch
Ông Võ Tấn Long - Thành viên HĐQT (từ ngày 23/04/2024)	
Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Hương Loan - Phó Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế tài chính	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Giám đốc Khối Quản lý Tài chính	Thành viên
Bà Đinh Thị Tố Uyên - Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc Khối Chiến lược	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Đức - Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	Thành viên
Tổng Giám đốc Ngân hàng chuyên doanh hoặc Giám đốc Khối/Ban trực tiếp quản lý khách hàng	Thành viên

3.1.4. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị MSB đã tổ chức 07 cuộc họp với sự tham dự của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc. Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị còn tổ chức các buổi làm việc chuyên đề để trao đổi, định hướng và thống nhất chỉ đạo đối với các nội dung quan trọng trong hệ thống MSB; 269 lần lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. Các cuộc họp, lấy ý kiến trên đều được tổ chức theo đúng trình tự, thủ tục và đảm bảo thành phần dự họp, biểu quyết theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Để kiện toàn bộ máy quản trị cấp cao, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 đã bầu ông Võ Tấn Long làm thành viên Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị cũng bổ nhiệm ông Trần Xuân Quảng giữ chức vụ Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị và thông qua nội dung phân công công việc cho các thành viên Hội đồng Quản trị phù hợp với từng lĩnh vực chuyên môn. Tình hình tham gia các cuộc họp Hội đồng Quản trị trong năm 2024 của các thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
------------	------------------------	---------------------------------	--------------------------	--------------------------------

1	Ông Trần Anh Tuấn	07	100%	
2	Ông Trần Xuân Quảng	07	100%	
3	Ông Nguyễn Hoàng An	07	100%	
4	Ông Nguyễn Hoàng Linh	07	100%	
5	Bà Lê Thị Liên	07	100%	
6	Ông Võ Tấn Long	05	100%	Bổ nhiệm ngày 23/04/2024
7	Ông Tạ Ngọc Đa	07	100%	
8	Bà Nguyễn Thị Thiên Hương	02	100%	Miễn nhiệm ngày 23/04/2024

3.1.5. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị:

Năm 2024, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị đã hoàn thành vai trò, nhiệm vụ của mình trong việc cùng với các thành viên Hội đồng Quản trị chỉ đạo, giám sát và đôn đốc hoạt động của các đơn vị trực thuộc, Tổng Giám đốc và Hội đồng Điều hành. Với sự tham gia trực tiếp vào hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro (bắt buộc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng 2024) và Ủy ban Công nghệ (theo phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị), thành viên độc lập Hội đồng Quản trị đã đưa ra các ý kiến góp ý, trao đổi và quyết định các vấn đề liên quan đến chính sách rủi ro và công nghệ của toàn hàng, góp phần ổn định hoạt động của MSB. thành viên độc lập Hội đồng Quản trị cũng thực hiện nghiêm túc, có trách nhiệm việc báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình và đánh giá của thành viên độc lập đối với các hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên (theo quy định của Luật Chứng khoán).

3.1.6. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Theo phân công ủy quyền, các Ủy ban giúp việc cho Hội đồng Quản trị đã giải quyết các công việc trong năm 2024 cụ thể như sau:

- **Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR)**

Năm 2024, UBQLRR đã tổ chức 09 phiên họp, thông qua 10 đề xuất xin ý kiến qua email, bám sát chức năng/nhiệm vụ được Hội đồng Quản trị phân giao. Tại các phiên họp, Ủy ban tập trung thảo luận các báo cáo/chuyên đề, đồng thời xem xét các đề xuất để tham mưu, khuyến nghị cho Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, cụ thể:

- Thông qua 12 báo cáo danh mục rủi ro định kỳ và 03 báo cáo theo dõi tuân thủ
- Thảo luận 18 chuyên đề/báo cáo về quản lý rủi ro, trong đó các chuyên đề/báo cáo xoay quanh mô hình kinh doanh và vận hành quản trị rủi ro: Cải thiện ý thức, thúc đẩy văn hóa quản lý rủi ro của tuyến 1; rà soát và cập nhật danh mục ngành/lĩnh vực trọng tâm của khách hàng doanh nghiệp lớn; chuyên đề Quản lý rủi ro đối với công ty con; Báo cáo chất

lượng danh mục khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng cá nhân; trao đổi cơ chế thành viên giám sát tại các Hội đồng phê duyệt tín dụng; Báo cáo Chuyên đề thu hồi nợ...

- Tham mưu và khuyến nghị cho Hội đồng Quản trị 14 đề xuất phê duyệt và ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị: Quy chế Khung Quản lý rủi ro tín dụng, các mô hình xếp hạng tín dụng, thẩm quyền phê duyệt, các Quy chế quản lý rủi ro thành phần...
- Xem xét và khuyến nghị đối với Tổng Giám đốc 10 đề xuất phê duyệt sửa đổi chính sách/chương trình/sản phẩm thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc: Quy định cấp tín dụng các Ngân hàng chuyên doanh, chương trình/giải pháp của các phân khúc có nội dung vượt Quy định cấp tín dụng và Quy định về Tài sản bảo đảm, các cơ chế ngoại lệ phục vụ nhu cầu thúc đẩy kinh doanh.
- Đưa ra 07 chỉ đạo hành động về mô hình kinh doanh và mô hình vận hành quản lý rủi ro, quản trị danh mục nợ và chính sách thu hồi nợ...

Trong năm, Ủy ban cũng đã thống nhất phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của Ủy ban, tham gia tham mưu chuyên sâu, định hướng, tư vấn chuyên trách theo từng lĩnh vực nhằm phát huy hơn nữa vai trò của UBQLRR được Hội đồng Quản trị giao phó.

- **Ủy ban Chiến lược (UBCL):**

Trong năm 2024, UBCL đã thực hiện 03 phiên họp trực tiếp, trình bày 06 báo cáo trọng tâm với các nội dung cụ thể như sau:

- Đánh giá cơ chế hoạt động của UBCL: UBCL đã thống nhất các nội dung chính thảo luận năm tập trung vào 3 lĩnh vực gồm: Chiến lược kinh doanh; hiệu quả thực thi chiến lược, hiệu quả triển khai các dự án chuyển đổi/dự án chiến lược và việc điều chỉnh Quy chế hoạt động của UBCL để phù hợp với tình hình hoạt động.
- Báo cáo Chuyển đổi số ngành ngân hàng: Đem tới góc nhìn toàn cảnh về chuyển đổi số toàn ngành Ngân hàng tại thị trường Việt Nam bao gồm các cơ hội, tiềm năng và thách thức của quá trình số hóa; đồng thời, đánh giá mức độ chuyển đổi số của MSB và các ngân hàng khác để đề ra định hướng chuyển đổi số phù hợp.
- Cập nhật các sáng kiến chuyển đổi số: Đánh giá tác động của các chương trình chuyển đổi số đang thực hiện tới kết quả kinh doanh của MSB và đề ra mục tiêu phát triển mới cho năm 2024.
- Báo cáo về việc thực thi chiến lược và các chỉ số chiến lược trọng yếu MSB: Định kỳ theo dõi các chỉ tiêu chiến lược trọng yếu để đánh giá việc thực thi chiến lược của các đơn vị nghiệp vụ, từ đó kịp thời xác định các khó khăn và đề xuất giải pháp xử lý kịp thời.

- Báo cáo tiến độ và kết quả các chương trình chuyển đổi: Đánh giá tất cả các chương trình chiến lược thông qua 1 bảng thông tin (dashboard) tổng thể, thể hiện các mục tiêu và kết quả (OKRs) quan trọng nhằm quản trị hiệu quả.
- Báo cáo kế hoạch và giải pháp tăng trưởng tín dụng bán lẻ, kế hoạch và giải pháp tăng trưởng khách hàng của Ngân hàng Bán lẻ và Ngân hàng Doanh nghiệp. Trong bối cảnh các chỉ số trong mô hình đo lường và đánh giá hiệu quả hoạt động (BSC) về tín dụng đang có dấu hiệu chậm lại, Ngân hàng Bán lẻ và Ngân hàng Doanh nghiệp đã báo cáo UBCL các giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng trong thời gian tới.
- Ngoài ra, UBCL cũng được cập nhật qua email định kỳ các chỉ số chiến lược trọng yếu BSC và cập nhật kết quả các chương trình chuyển đổi số thông qua bộ OKRs.
- Với vai trò tham mưu, khuyến nghị cho Hội đồng Quản trị về định hướng chiến lược, các hành động cần thực hiện để thực thi chiến lược thành công, UBCL đã chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ thực hiện theo dõi sát sao các chương trình chuyển đổi toàn hàng, hướng dẫn các phương thức cải tiến mô hình hoạt động nhằm đáp ứng sự biến đổi nhanh của khách hàng, thị trường và nền kinh tế.

- **Ủy ban Nhân sự (UBNS):**

Năm 2024, UBNS đã thụ lý giải quyết hơn 100 hồ sơ và tham mưu cho Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong các vấn đề liên quan đến cơ cấu bộ máy tổ chức của Ngân hàng, hệ thống chức danh cấp bậc, chế độ chính sách cho người lao động, bố trí nhân sự nhằm phù hợp với bối cảnh kinh doanh và tối ưu nguồn lực cho tổ chức. Đồng thời, UBNS đã tổ chức đều đặn các phiên họp định kỳ để thảo luận và thống nhất các vấn đề quan trọng như định vị chiến lược nhân sự toàn hàng giai đoạn 2024 – 2027, định vị chiến lược chi trả lương, xem xét chính sách quy hoạch, luân chuyển cho cán bộ quản lý cấp cao, cập nhật tiến độ triển khai các dự án trọng điểm... Bên cạnh đó, Ủy ban cũng thực hiện các thủ tục nhân sự liên quan đến các vị trí cán bộ quản lý và chức danh luật định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các nội dung công việc khác do Chủ tịch Hội đồng Quản trị giao phó.

- **Ủy ban Công nghệ (UBCN):**

Trong năm 2024, Ủy ban Công nghệ đã tổ chức 04 buổi họp định kỳ:

- Phiên họp Quý I/2024 với các nội dung chính bao gồm: Kết quả thực hiện kết luận buổi họp Quý IV 2023; cập nhật các thay đổi về năng lực theo Khung kiến trúc doanh nghiệp (EA); Báo cáo về Chỉ số sức khỏe công nghệ (Technology health metrics); Báo cáo về Chỉ số chuyển đổi công nghệ chính (Technology Transformation metrics); Chuyên đề về An toàn thông tin (Ransomware); cập nhật tiến độ dự án và danh mục; Báo cáo việc sử dụng ngân sách đầu tư công nghệ năm 2024 theo phê duyệt.

- Song song các phiên họp chính, UBCN cũng đã tổ chức 05 buổi Báo cáo chuyên đề để giải quyết các vấn đề một cách kịp thời và hiệu quả: Báo cáo dự án Ngân hàng lõi về kế hoạch chính thức đi vào hoạt động (golive); Báo cáo chuyên đề về AI/ML; Báo cáo chuyên đề về Mô hình hoạt động đám mây (Cloud Operation model) và Mức độ trưởng thành đám mây (Cloud maturity); Chuyên đề về Cập nhật tình hình năng lực kinh doanh (Business capability landscape update); Báo cáo về kết quả Đội ngũ chuyển đổi Agile (Agile COE) tại Khối Nhà máy số.
- Phiên họp Quý II/2024 với các nội dung chính bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện kết luận phiên họp Quý I/2024; Báo cáo cập nhật thay đổi năng lực theo Khung kiến trúc doanh nghiệp; Báo cáo về Chỉ số sức khỏe công nghệ và Chuyển đổi công nghệ chính; Báo cáo Cập nhật tiến độ thực hiện Nghị quyết đầu tư công nghệ 2024; Báo cáo tiến độ dự án và danh mục dự án đầu tư công nghệ.
- Song song các phiên họp chính sau Quý II/2024, UBCN đã tổ chức 02 cuộc họp theo hướng chuyên đề để báo cáo UBCN về dự án chuyển đổi Core Banking và cải tiến chỉ số Tốc độ cung cấp công nghệ thông tin (IT Delivery Speed).
- Phiên họp Quý III/2024 đã báo cáo các nội dung: Cập nhật tiến độ thực hiện các hành động được dồn tích từ QI/2024; Báo cáo Chỉ số sức khỏe công nghệ và Chỉ số chuyển đổi công nghệ; cập nhật thay đổi liên quan tới Khung kiến trúc doanh nghiệp cùng các rủi ro liên quan về công nghệ và kinh doanh; Báo cáo tiến độ dự án thực hiện toàn hàng và theo danh mục (Portfolio).
- Song song các phiên họp chính sau Quý III/2024, UBCN cũng tổ chức cuộc họp về báo cáo chuyên đề Kế hoạch đầu tư ngân sách công nghệ năm 2025 và chuyên đề về chỉ số Nhân sự (Employee capability fulfillment gap và Employee Satisfaction).
- Kế hoạch dự kiến phiên họp Quý IV/2024 sẽ diễn ra tại tuần đầu tháng 1/2025 với các hạng mục sau: Báo cáo tiến độ thực hiện ngân sách năm 2024, kế hoạch đầu tư mới và chuyển tiếp theo danh mục năm 2025; các nội dung báo cáo khác tương tự như quý trước với những cải tiến nhỏ theo nhận diện và góp ý.
- **Ủy ban Phát triển bền vững (UBPTBV):**

Kết thúc năm 2024, một năm với xu thế phát triển bền vững hiện diện khá mạnh mẽ không chỉ trên thị trường tài chính quốc tế mà cả ngành ngân hàng của Việt Nam, MSB cũng tập trung nguồn lực cho nghiên cứu, hợp tác với các đối tác kinh nghiệm nhằm thúc đẩy và triển khai các sáng kiến trong hoạt động kinh doanh, vận hành hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững trong ngắn và trung hạn. Các hoạt động nổi bật của UBPTBV năm 2024 bao gồm:

- Tổ chức 4 cuộc họp trong 4 quý với sự tham dự tối thiểu của 5/6 thành viên Ủy ban mỗi cuộc họp cùng các thành viên Hội đồng Điều hành, lãnh đạo các Khối/Phòng/Ban.

- Cập nhật đến các thành viên Ủy ban và Ban Lãnh đạo ngân hàng về xu thế phát triển bền vững ở quy mô quốc tế, trong nước và các sự kiện nổi bật/chính sách kinh tế có ảnh hưởng tới tiến trình hiện thực hóa mục tiêu phát thải ròng carbon bằng 0.
- Điều phối các hoạt động phát triển bền vững trong từng quý, tổ chức lấy ý kiến các thành viên Ủy ban cho các mục tiêu ngắn hạn tại các quý tiếp theo nhằm đạt được kết quả tốt nhất.
- UBPTBV đã triển khai các kế hoạch hành động nổi bật như: Kế hoạch xây dựng Chiến lược phát triển bền vững, xây dựng hệ thống tính toán phát thải carbon của hoạt động ngân hàng, cập nhật các chính sách quản trị rủi ro môi trường - xã hội, huy động nguồn vốn “xanh” và nguồn vốn có tiêu chí phát triển bền vững từ đối tác quốc tế, trở thành thành viên của Liên minh Ngân hàng Xanh (do IFC và Cơ quan Tiền tệ Hồng Kong thành lập), xây dựng và thử nghiệm các sản phẩm tín dụng xanh, cải thiện và gia tăng cam kết về tiêu chí môi trường - xã hội của MSB với các bên liên quan, đào tạo các thói quen sống xanh cho toàn hàng...

Hoạt động của UBPTBV được đánh giá cao bởi các đối tác cho vay quốc tế, đối tác kinh doanh nước ngoài, đối tác tư vấn và khách hàng của ngân hàng. Các kế hoạch hành động và định hướng cho năm 2025 và trung hạn được UBPTBV dự thảo và tính toán kỹ để triển khai trong thời gian tới, đảm bảo hiệu quả, kinh tế, đem lại giá trị cho các bên liên quan và hướng tới mục tiêu quốc gia mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

3.1.7. Đào tạo về quản trị Ngân hàng cho các thành viên Hội đồng Quản trị:

Năm 2024, với mục tiêu đưa hoạt động đào tạo đồng hành với triển khai chiến lược của MSB trong giai đoạn mới, đặc biệt là chiến lược chuyển đổi số, hoạt động đào tạo của MSB hướng đến việc lan tỏa các kiến thức, kỹ năng và phương pháp làm việc phù hợp với mức độ trưởng thành về chuyển đổi số. Nổi bật là chương trình M.Digi Leaders với sự đồng hành của đối tác tư vấn nước ngoài uy tín nhằm phát triển năng lực số dành cho những lãnh đạo số được lựa chọn. Cùng với đó, nội dung “Đổi mới sáng tạo” đã được chính học viên của chương trình giảng dạy lại cho đội ngũ quản lý cấp dưới, nhằm chuyển giao tri thức trong hệ thống. Các nội dung cập nhật về xu hướng số trên thị trường như “Trí tuệ nhân tạo tạo sinh” cũng nhanh chóng được đưa vào lộ trình đào tạo cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao của Ngân hàng, bao gồm toàn bộ các thành viên Hội đồng Quản trị.

Đặc biệt, đây là năm mà tinh thần “Lãnh đạo phục vụ” được coi là cốt lõi trong hoạt động quản lý điều hành tại MSB. Theo đó, toàn bộ thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Điều hành, cùng các lãnh đạo cấp cao khác của MSB đã cùng nhau trải qua chuỗi hành trình đào tạo về chủ đề này. Hành trình đánh dấu bằng sự kiện nằm trong khuôn khổ chiến dịch thi đua văn hóa doanh nghiệp

của MSB. Lần đầu tiên, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trở thành giảng viên, cùng chia sẻ về nội dung “Lãnh đạo phục vụ” cho đội ngũ quản lý các cấp. Đây được coi là hoạt động vô cùng đáng nhớ trong chuỗi hành trình phát triển của MSB và đang tiếp tục được lan tỏa mạnh mẽ trong môi trường làm việc.

Ngoài các khóa đào tạo nội bộ Ngân hàng, các thành viên Hội đồng Quản trị MSB cũng không ngừng nâng cao năng lực quản trị, lãnh đạo qua các khóa đào tạo quốc tế. Tháng 09/2024, ông Trần Xuân Quảng – Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị MSB đã tham gia Chương trình đào tạo CEO Excellence 2024 do Trung tâm Phát triển Năng lực lãnh đạo thuộc Công ty tư vấn quản trị toàn cầu McKinsey&Company tổ chức tại Thành phố Rome, Italia. Chương trình đào tạo với nội dung đổi mới, sáng tạo, tăng cường năng lực trí tuệ, kiểm soát cảm xúc, giúp các nhà lãnh đạo phát huy tối đa năng lực quản trị, điều hành doanh nghiệp thành công trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp.

Trên hành trình Chuyển đổi số, các thành viên Hội đồng Quản trị cũng không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo của mình trong kỷ nguyên số hóa. Đầu năm 2025, Hội đồng Quản trị MSB đã xây dựng một lộ trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản trị, điều hành dành riêng cho lãnh đạo cấp cao của ngân hàng, trong đó có năng lực quản trị số, khám phá các góc nhìn mới về chiến lược quản trị ứng dụng công nghệ AI để nâng cao hiệu quả công việc. Bên cạnh đó, theo kế hoạch năm 2025, Hội đồng Quản trị MSB sẽ cử thành viên độc lập Hội đồng Quản trị tham gia Hội nghị cấp cao các Thành viên Hội đồng Quản trị 2025 được tổ chức bởi Hội Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị Doanh nghiệp Việt Nam (VNIDA), dự kiến tổ chức vào tháng 10/2025. Hội nghị thường niên này hứa hẹn sẽ mang đến những cơ hội tuyệt vời để kết nối các lãnh đạo doanh nghiệp, các chuyên gia hàng đầu trong và ngoài nước, đưa ra những góc nhìn mới về chiến lược cũng như tính sáng tạo, giúp tổ chức vượt qua những thách thức của nền kinh tế và hướng đến thành công bền vững.

3.2. Ban Kiểm soát

3.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát



Bà PHẠM THỊ THÀNH

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Thành từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh Hà Tây (cũ); Phó Vụ trưởng Vụ Tổng kiểm soát Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam; Ủy viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban Kiểm soát Ngân hàng Chính sách xã hội. Bà gia nhập Ban Kiểm soát MSB từ tháng 4/2009 với vai trò thành viên Ban Kiểm soát. Từ tháng 9/2009 đến nay, bà giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát MSB.



Bà CHU THỊ ĐÀM

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Chu Thị Đàm có 28 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng. Bà gia nhập MSB từ tháng 9/2008 và từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ. Từ tháng 2/2012 đến nay, bà giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát MSB.



Bà LÊ THANH HÀ

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Lê Thanh Hà gia nhập MSB từ năm 1991 và đảm nhiệm vị trí lãnh đạo tại các bộ phận như Kế toán, Dịch vụ khách hàng, Quản lý vốn, Đầu tư và Kinh doanh ngoại tệ - Khối Thị trường tài chính, Ngân hàng Định chế tài chính. Từ tháng 2/2012 đến nay, bà giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát MSB.

3.2.2. Danh sách tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác của Ban Kiểm soát

- Danh sách tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết**

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết (CP)	Tỷ lệ sở hữu
01	Phạm Thị Thành	Nữ	Trưởng Ban	305.830	0,010%
02	Chu Thị Đàm	Nữ	Thành viên chuyên trách	184.548	0,007%
03	Lê Thanh Hà	Nữ	Thành viên chuyên trách	310.225	0,010%

- Danh sách tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác**

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức vụ	Mã chứng khoán khác	Số lượng cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết (CP)	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Chu Thị Đàm	Nữ	Thành viên chuyên trách	MBB	5.750	0,000094%
				ACB	15.000	0,000335%
				TCB	15.000	0,000212%
				TPB	3.400	0,000128%
				VIB	6.000	0,000201%
				VND	6.250	0,000410%
				VPB	8.400	0,000105%
2	Bà Lê Thanh Hà	Nữ	Thành viên chuyên trách	MBB	3.729	0,000052%
				TN1	1.170	0,0023%
				VIE	2.000	0,039%

3.2.3. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện 05 cuộc họp. Nội dung chủ đạo của các cuộc họp là cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh của MSB, các nghị quyết trọng yếu mà Hội đồng Quản trị ban hành, các chỉ đạo, quy định của Ngân hàng Nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức tín

dụng nói chung và đối với riêng MSB...; từ đó thống nhất các công việc cần chú trọng trong quá trình giám sát hoạt động kinh doanh, chỉ đạo công tác kiểm toán nội bộ bám sát các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước; giám sát từ xa và kiểm toán trực tiếp đối với những hoạt động kinh doanh trọng yếu của Ngân hàng; báo cáo Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc đối với một số hoạt động còn tiềm ẩn rủi ro để có giải pháp chấn chỉnh và nâng cao chất lượng, đảm bảo MSB hoạt động an toàn, hiệu quả, tuân thủ quy định của pháp luật.

Các cuộc họp đều đạt được sự đồng thuận, thống nhất của tất cả các thành viên Ban Kiểm soát, là tiền đề để Ban Kiểm soát hoàn thành tốt công việc theo quy định góp phần vào sự phát triển ổn định, bền vững của Ngân hàng.

3.3. Hội đồng Điều hành

3.3.1. Thành viên Hội đồng Điều hành

Ông NGUYỄN HOÀNG LINH

Thạc sĩ - Đại học Bách khoa Hà Nội

Tổng Giám đốc MSB, Thành viên Hội đồng Quản trị



Ông Nguyễn Hoàng Linh có hơn 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các ngân hàng tại Việt Nam như: Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc PVcomBank; Tổng Giám đốc Western Bank; Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng Việt Á,... Tại MSB, ông đã trải qua hơn 20 năm công tác và được tin tưởng giao phó nhiều trọng trách như: Giám đốc MSB Hồ Chí Minh, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Chiến lược, Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ. Từ tháng 03/2020, ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc MSB. Từ tháng 09/2020, ông được bầu là thành viên Hội đồng Quản trị MSB. Từ ngày 01/3/2023, ông Nguyễn Hoàng Linh phụ trách trực tiếp dự án “Nhà máy số” và các hoạt động chuyển đổi số của ngân hàng.



Ông NGUYỄN PHI HÙNG

Thạc sĩ – Viện Công nghệ Châu Á

Phó Tổng Giám đốc MSB

Với hơn 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, ông Nguyễn Phi Hùng đã từng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cao cấp tại các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước như Ngân hàng Citibank Hà Nội, Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu, Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex...

Ông có hơn 7 năm công tác tại MSB với vai trò Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Khối Vận hành. Từ ngày 30/10/2023, ông Nguyễn Phi Hùng được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MSB.



Ông NGUYỄN THẾ MINH

Thạc sĩ - Đại học ESCP và Paris Dauphine

Phó Tổng Giám đốc MSB, Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp

Ông Nguyễn Thế Minh có 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại các ngân hàng uy tín như: Giám đốc Khối MME, Giám đốc miền Bắc - HSBC Việt Nam; Giám đốc cao cấp Khối Doanh nghiệp & Các dự án tài chính - Calyon Việt Nam... Từ tháng 4/2015, ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MSB kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp lớn. Tháng 01/2019, ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MSB kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp.



Bà NGUYỄN HƯƠNG LOAN

Thạc sĩ - Đại học Sorbonne Paris 1

Phó Tổng Giám đốc MSB, Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế tài chính

Bà Nguyễn Hương Loan gia nhập MSB kể từ năm 2009 trên cương vị là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn. Trước đó, bà Loan đã từng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cao cấp tại các tổ chức tín dụng như Techcombank, PGBank. Hiện tại, bà Loan giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MSB kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế tài chính. Bà được giao phụ trách toàn bộ hoạt động kinh doanh với các định chế tài chính của MSB, bao gồm việc quản lý quan hệ, cung cấp các sản phẩm - dịch vụ dành cho các khách hàng định chế tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các tổ chức tài chính công.



Bà ĐINH THỊ TỔ UYÊN

Phó Tổng Giám đốc MSB, Giám đốc Khối Chiến lược

Bà Đinh Thị Tổ Uyên đã có 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực marketing & truyền thông, từng nắm giữ các vị trí cao cấp tại các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước như: Giám đốc Marketing & Thương hiệu Techcombank; Giám đốc Marketing & Phát triển kinh doanh British Petroleum; Trưởng phòng Marketing Shell Gas Việt Nam... Từ tháng 5/2015, bà gia nhập MSB và giữ chức vụ Giám đốc Khối Marketing & Truyền thông. Từ tháng 02/2020, bà được luân chuyển và bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối Chiến lược. Từ tháng 4/2022, bà giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc MSB kiêm Giám đốc Khối Chiến lược.



Bà NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

**Thạc sĩ - Đại học Khoa học Ứng dụng và Nghệ thuật Tây Bắc
Thụy Sĩ**

Phó Tổng Giám đốc MSB, Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh đã có 23 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, trong đó có 17 năm công tác tại MSB và đảm nhận nhiều vị trí quản lý khác nhau như: Giám đốc Trung tâm Kênh bán hàng và phân phối; Giám đốc Trung tâm Quản lý phát triển kinh doanh; Giám đốc Vùng 1, Phụ trách Phòng Huy động vốn thuộc MSB. Bên cạnh đó, bà Hạnh từng đảm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển kinh doanh – Khối Bán lẻ VietinBank. Từ tháng 01/2020, bà Hạnh được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ. Từ tháng 12/2020 đến nay, bà giữ chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ. Từ tháng 4/2022, bà đảm nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc MSB kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ.



Ông BUI ĐỨC QUANG

Tổng Giám đốc Ngân hàng Quản lý tín dụng

Ông Bùi Đức Quang có hơn 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật, trong đó có 09 năm công tác trong ngành ngân hàng. Trước đó, ông từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Xử lý nợ khách hàng cá nhân – Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB); Giám đốc Tổ tụng, Thành viên Hội đồng cố vấn – Tập đoàn TNG. Tại MSB, ông từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Quản lý tổ tụng và Mua bán nợ, Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản lý tín dụng, Chủ tịch công ty MSB AMC và đảm nhiệm vị trí Quyền Giám đốc Khối Quản lý tín dụng từ tháng 1/2020. Từ tháng 7/2020, ông Quang được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Ngân hàng Quản lý tín dụng.

Bà LÊ CẨM THÚY

Thạc sĩ - Học viện phát triển quản lý Singapore

Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro (1/1/2024 – 14/4/2024)



Bà Lê Cẩm Thúy đã có hơn 16 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, trong đó có hơn 12 năm công tác tại MSB và được tin nhiệm đảm nhận nhiều vị trí quản lý quan trọng như: Phó Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, Giám đốc Quản lý phân tích công cụ và mô hình rủi ro tại MSB và Giám đốc Ban Quản lý rủi ro tại SHB. Với kinh nghiệm và sự am hiểu hệ thống quản lý rủi ro của MSB, bà Thúy được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối Quản lý rủi ro từ tháng 3/2022.

Ông NGUYỄN TIẾN ĐỨC

Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro (từ 15/4/2024)



Ông Nguyễn Tiến Đức gia nhập MSB từ năm 2007 và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý khác nhau tại MSB như: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp, Giám đốc Trung tâm Kênh bán hàng phân phối Ngân hàng Doanh nghiệp, Giám đốc Quản lý rủi ro tín dụng, Giám đốc Trung tâm Quản lý rủi ro tín dụng miền Bắc... Với sự am hiểu về công tác quản lý rủi ro tín dụng và kinh nghiệm điều hành trực tiếp đơn vị kinh doanh, ông Đức đã được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối Quản lý rủi ro kể từ tháng 04/2024.

Bà NGUYỄN HÀ THANH

Thạc sĩ - Viện Công nghệ Châu Á

Giám đốc Khối Vận hành



Bà Nguyễn Hà Thanh đã có 29 năm kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức tài chính ngân hàng uy tín tại Việt Nam và đảm nhiệm những chức vụ quan trọng như: Phó Giám đốc Khối Vận hành, Techcombank; Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Vận hành, Công ty chứng khoán Morgan Stanley Gateway MSGS; Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Vận hành, Công ty chứng khoán quốc tế Hoàng Gia IRS; Giám đốc Dịch vụ Quản lý rủi ro tín dụng, Ngân

hàng Citibank...Từ cuối tháng 12/2020, bà gia nhập MSB và giữ chức vụ Giám đốc Khối Vận hành.

Bà LẠI THANH MAI

Giám đốc Khối Tư vấn Pháp lý và Tuân thủ



Bà Mai đã có 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn pháp luật - tuân thủ trong hoạt động ngân hàng. Bà gia nhập MSB từ năm 1997, từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại MSB như: Trưởng phòng Pháp chế, Trưởng Ban thư ký Hội đồng Quản trị, Giám đốc Khối Pháp chế và Giám sát tuân thủ. Từ tháng 01/2019, bà được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối Tư vấn pháp lý và Tuân thủ.

Ông NGUYỄN QUỐC KHÁNH

Tiến sĩ - Đại học Western Sydney

Giám đốc Khối Công nghệ



Ông Khánh đã có 25 năm công tác trong lĩnh vực công nghệ thông tin, với gần 16 năm đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp cao như: Phó Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin - Vietcombank, Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Khối Công nghệ thông tin PVcomBank, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Công nghệ thông tin - Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC), Phó Trưởng ban phụ trách Công nghệ thông tin – Ban Trù bị Ngân hàng Dầu khí, Giám đốc kỹ thuật - Công ty FPT Software...Đặc biệt, ông Khánh đã từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Công nghệ tại MSB từ tháng 05/2009 đến tháng 10/2013 với nhiều đóng góp quan trọng. Từ tháng 4/2020, ông chính thức quay trở lại và đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Công nghệ tại MSB.

Ông NGUYỄN NGỌC CƯƠNG

Thạc sĩ - Đại học Kinh tế quốc dân

Giám đốc Nhân sự



Ông Nguyễn Ngọc Cương gia nhập MSB từ năm 2007 và từng đảm nhiệm các vị trí quản lý từ năm 2009 đến năm 2012 như: Giám đốc Quản lý nghiệp vụ nhân sự, Trưởng phòng Chiến lược phát triển nhân tài, Phó phòng Tiền lương và Phúc lợi. Từ năm 2012, ông công tác tại Công ty cổ phần Quản trị Nguồn nhân lực M-Talent với vị trí như Giám đốc Trung tâm Chiến lược nhân sự và được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc công ty M-Talent từ năm 2015. Từ tháng 01/2020, ông được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Nhân sự MSB.

Bà NGUYỄN THỊ THU HẰNG

Giám đốc Khối Quản lý Tài chính



Bà Nguyễn Thị Thu Hằng đã có 24 năm công tác tại MSB và từng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp cao trong công tác quản lý tài chính của Ngân hàng như: Phó Giám đốc Khối Quản lý tài chính; đồng thời kiêm nhiệm các vị trí như Giám đốc Trung tâm Quản trị tài chính, Trưởng phòng Tài chính, Trưởng phòng Kế hoạch ngân sách. Với kinh nghiệm và sự am hiểu hệ thống tài chính của MSB, từ tháng 4/2020, bà Hằng được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối Quản lý tài chính.

Ông DƯƠNG NGỌC DŨNG

Thạc sĩ - Đại học Ngoại thương Hà Nội

Giám đốc Khối Marketing và Truyền thông



Ông Dương Ngọc Dũng đã có hơn 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực marketing - truyền thông và thương hiệu. Ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng tại các ngân hàng, tổ chức tài chính uy tín tại Việt Nam như: Giám đốc Marketing và Truyền thông - Ngân hàng Hong Leong Việt Nam, Giám đốc Marketing và Truyền thông Ngân hàng Quốc tế (VIB), Giám đốc PR và Marketing - Ngân hàng Bản Việt và Công ty Chứng khoán Bản Việt, Giám đốc Marketing và Phát triển kinh doanh - Công ty cổ phần Sao

Bắc Đầu. Từ tháng 2/2020, ông gia nhập MSB và giữ chức vụ Giám đốc Khối Marketing và Truyền thông.

Ông NGUYỄN VIỆT SƠN

Thạc sĩ - Đại học California Miramar

Giám đốc Khối Khách hàng chiến lược



Ông Nguyễn Việt Sơn đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng đảm nhiệm vai trò cán bộ quản lý tại các tổ chức tín dụng khác nhau như: Phó Trưởng phòng Tín dụng - Đầu tư, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam; Giám đốc Chi nhánh Hải Dương, Giám đốc Vùng 1 Khách hàng Doanh nghiệp, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc, Ngân hàng TNHH Sài Gòn - Hà Nội Lào. Từ tháng 12/2022, ông chính thức quay trở lại và đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Khách hàng chiến lược MSB.

Bà NGUYỄN THU TRANG

Giám đốc Khối Văn phòng & Dịch vụ nội bộ



Bà Nguyễn Thu Trang có hơn 17 năm công tác tại MSB và trải qua nhiều vị trí lãnh đạo cao cấp như Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban Nhân sự, Giám đốc Nhân sự, Chánh Văn phòng, Phó Trưởng ban Trợ lý Tổng Giám đốc. Từ tháng 6/2023, bà được luân chuyển và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Văn phòng và Dịch vụ nội bộ MSB. Bên cạnh đó, bà Trang đã từng đảm nhiệm các vai trò khác nhau tại tập đoàn đa ngành TNG Holdings Việt Nam: Giám đốc Nhân sự TNG Holdings Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ TNS Holdings; Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Quản trị Nguồn nhân lực TNTalent.



Bà PHÙNG THÙY NHUNG

Kế toán trưởng

Bà Phùng Thùy Nhung gia nhập MSB kể từ năm 2011 và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý khác nhau thuộc Khối Quản lý tài chính như: Giám đốc Quản lý hiệu suất Ngân hàng Định chế Tài chính; Giám đốc Quản lý hiệu suất Ngân hàng Doanh nghiệp lớn; Giám đốc Quản lý tài chính và Kế hoạch, Giám đốc Trung tâm Quản trị kế toán.

Kể từ tháng 02/2021 đến nay, bà đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng MSB kiêm Giám đốc Trung tâm quản trị kế toán. Bà được giao quản lý và điều hành việc xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện chính sách, chuẩn mực kế toán toàn hệ thống đảm bảo tuân thủ quy định của MSB và pháp luật.

3.3.2. Thông tin thay đổi nhân sự Hội đồng Điều hành năm 2024

Ngày 14/4/2024, MSB miễn nhiệm bà Lê Cẩm Thúy thôi giữ vị trí Giám đốc Khối Quản lý rủi ro. Ngân hàng thực hiện luân chuyển và bổ nhiệm bà Thúy nắm chức vụ mới là Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ nhằm kiện toàn bộ máy lãnh đạo đồng thời mang tới động lực mới cho sự phát triển của Ngân hàng chuyên doanh.

Ông Nguyễn Tiến Đức được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro, thay thế cho bà Lê Cẩm Thúy từ ngày 15/4/2024. Việc đề bạt này hướng tới nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị rủi ro thông qua các cải tiến mới.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Điều hành và Ban Kiểm soát

4.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Lương, thưởng, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc thực hiện theo Quy chế tiền lương của MSB và Nghị quyết phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Chi tiết về các khoản lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc được liệt kê tại *Thuyết minh số 43. Giao dịch với các bên liên quan* thuộc Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2024 đính kèm trong Báo cáo thường niên này.

4.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Chi tiết về giao dịch cổ phiếu của người nội bộ được liệt kê tại Phụ lục 7 - Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu MSB, thuộc [Báo cáo quản trị công ty năm 2024^{\(*\)}](#)⁸ của MSB.

4.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Chi tiết về Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ được liệt kê tại Phụ lục 03 - Giao dịch giữa MSB với người có liên quan của MSB, hoặc giữa MSB với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, thuộc Báo cáo quản trị công ty năm 2024 của MSB.

4.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

MSB luôn chú trọng thực hiện các quy định về quản trị công ty nghiêm túc và đầy đủ theo quy định của pháp luật và hướng tới các chuẩn mực quản trị quốc tế, gắn liền với nguyên tắc phát triển bền vững:

- Công tác quản trị của MSB luôn dựa trên nguyên tắc quản trị tuân thủ và đáp ứng cao hơn các tiêu chí theo quy định của pháp luật hiện hành. Cụ thể, MSB luôn chấp hành nghiêm túc các nguyên tắc trong công bố thông tin đầy đủ, chính xác, minh bạch và trong công tác lập/nộp báo cáo chính xác, đúng hạn theo quy định tới các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Trong nội bộ ngân hàng, bằng việc không ngừng học hỏi và áp dụng các thông lệ quản trị quốc tế tốt nhất với mục tiêu phát triển bền vững, MSB đã bước đầu hoàn thành việc xây dựng một khung quản trị phát triển bền vững bao gồm hệ thống các điều lệ, quy chế, quy định và văn bản pháp quy áp dụng trong nội bộ, nhằm mang đến môi trường làm việc công bằng, giàu cơ hội phát triển cho tất cả nhân sự, bất kể giới tính, xuất phát điểm hay vị trí chức vụ. Đây cũng là nền tảng để giảm tỷ lệ biến động nhân sự tại Ngân hàng.
- Đồng thời, công tác quản trị của MSB luôn cân nhắc hài hòa giữa mục tiêu phát triển và trách nhiệm đối với xã hội, môi trường. MSB đặc biệt hướng mọi hoạt động thường nhật tới tiêu chí bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu; chú trọng hỗ trợ mọi tập khách hàng tiến tới tài chính toàn diện và bền vững, sẵn sàng trở thành đối tác tin cậy cùng các doanh nghiệp trong nước và trên thế giới vươn mình trong “xu thế xanh”.
- Nhằm mục tiêu xây dựng chiến lược và tiến trình phát triển bền vững tích hợp với kế hoạch kinh doanh trung và dài hạn của Ngân hàng, trong năm 2024, MSB đã triển khai các kế hoạch hành động nổi bật như: Kế hoạch xây dựng Chiến lược phát triển bền vững; xây dựng hệ thống tính toán phát thải carbon của hoạt động ngân hàng; cập nhật các chính sách quản trị rủi ro môi trường - xã hội; huy động “nguồn vốn xanh” và nguồn vốn có tiêu chí phát triển bền vững từ đối tác quốc tế; trở thành thành viên của Liên minh Ngân hàng Xanh

⁸ <https://www.msb.com.vn/vi/nha-dau-tu/bao-cao-quan-tri.html>

(do IFC và Cơ quan Tiền tệ Hồng Kong thành lập); xây dựng và thử nghiệm các sản phẩm tín dụng xanh; ký các cam kết về tiêu chí môi trường - xã hội - quản trị của MSB với các bên liên quan; đào tạo các thói quen “sống xanh” cho toàn hàng...

Luật Các tổ chức tín dụng 2024 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/07/2024 hoàn thiện quy định về nâng cao yêu cầu quản trị, điều hành, minh bạch thông tin của người có liên quan, tạo hành lang pháp lý quan trọng giúp hệ thống các tổ chức tín dụng hoạt động ổn định, minh bạch và tiệm cận với chuẩn mực quốc tế, bảo đảm sự an toàn, lành mạnh và phát triển bền vững của ngành ngân hàng. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Hội đồng Điều hành MSB đã chỉ đạo công tác triển khai áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng 2024 trên toàn hàng, trong đó chú trọng đến việc rà soát và xây dựng văn bản nội bộ cũng như hoàn thiện các công cụ, hệ thống hỗ trợ việc tuân thủ quy định mới về quản trị. Bên cạnh đó, MSB luôn tuân thủ các quy định áp dụng đối với công ty niêm yết theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Đánh giá chung về việc thực hiện các quy định quản trị công ty của MSB

- MSB đảm bảo quyền của cổ đông: Các cổ đông được đối xử công bằng, bình đẳng, được tạo điều kiện tốt nhất để thực hiện quyền của mình theo quy định, bao gồm quyền được dự họp Đại hội đồng cổ đông, phát biểu ý kiến, tiếp cận thông tin, tiếp cận và giải thích thông tin liên quan. Năm 2024, các cổ đông MSB đã được nhận cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 30%.
- MSB thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các Báo cáo quản trị, công bố thông tin minh bạch theo quy định.
- MSB tăng cường trách nhiệm, trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong hoạt động quản trị doanh nghiệp thể hiện qua Điều lệ, Quy chế quản trị công ty cũng như việc tham gia vào các hoạt động quản trị của MSB trong suốt năm 2024.

Định hướng năm 2025, MSB tiếp tục đảm bảo hoạt động quản trị theo đúng quy định pháp luật, đồng thời có kế hoạch từng bước tiếp cận với thông lệ quản trị tốt nhất trong khu vực và trên thế giới như Thẻ điểm quản trị công ty khu vực Asean, Nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất. Với tư cách là một tổ chức tín dụng và công ty niêm yết, MSB đang nghiên cứu xây dựng lộ trình để đáp ứng tuân thủ đồng thời các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Luật Chứng khoán, đảm bảo hài hòa, đáp ứng được cao nhất lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư, cũng như thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm với xã hội, cộng đồng.

G. HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Tính đến 31/12/2024, mạng lưới hoạt động của MSB trải rộng 51 tỉnh thành trên toàn quốc, bao gồm 1 Hội sở chính và 260 Chi nhánh, Phòng giao dịch, 281 ATM và 7 máy STM.

1	An Giang
2	Bà Rịa Vũng Tàu
3	Bạc Liêu
4	Bắc Giang
5	Bắc Ninh
6	Bến Tre
7	Bình Dương
8	Bình Định
9	Bình Phước
10	Bình Thuận
11	Cà Mau
12	Cần Thơ
13	Đà Nẵng
14	Đắk Lắk
15	Đồng Nai
16	Đồng Tháp
17	Gia Lai
18	Hà Nam
19	Hà Nội
20	Hà Tĩnh
21	Hải Dương
22	Hải Phòng
23	Hậu Giang

27	Kiên Giang
28	Kontum
29	Lạng Sơn
30	Lào Cai
31	Lâm Đồng
32	Long An
33	Nam Định
34	Ninh Bình
35	Ninh Thuận
36	Nghệ An
37	Phú Thọ
38	Phú Yên
39	Quảng Bình
40	Quảng Nam
41	Quảng Ngãi
42	Quảng Ninh
43	Tây Ninh
44	Thái Bình
45	Thái Nguyên
46	Thanh Hóa
47	Tiền Giang
48	TP, Hồ Chí Minh
49	Trà Vinh

24	Huế
25	Hưng Yên
26	Khánh Hòa

50	Vĩnh Long
51	Vĩnh Phúc

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Hội đồng Điều hành	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 72

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vào ngày 08 tháng 06 năm 1991 theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0001/NH-GP do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam (được gọi tắt là "NHNN") cấp và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp và được sửa đổi gần nhất theo Quyết định số 2238/QĐ-NHNN ngày 08 tháng 10 năm 2024. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200124891 của Ngân hàng được điều chỉnh nhiều lần với điều chỉnh lần thứ 26 vào ngày 13 tháng 01 năm 2023.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Trụ sở và mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, sáu mươi hai (62) chi nhánh, một trăm chín mươi tám (198) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, sáu mươi hai (62) chi nhánh, hai trăm lẻ một (201) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Quảng	Phó chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 23/04/2024)
	Thành viên (Giữ chức đến ngày 22/04/2024)
Bà Nguyễn Thị Thiên Hương	Phó chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 23/04/2024)
Ông Nguyễn Hoàng An	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên
Bà Lê Thị Liên	Thành viên
Ông Võ Tấn Long	Thành viên (Bầu ngày 23/04/2024)
Ông Tạ Ngọc Đa	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Phạm Thị Thành	Trưởng ban
Bà Chu Thị Đàm	Thành viên
Bà Lê Thanh Hà	Thành viên

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Điều hành của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phi Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hương Loan	Phó Tổng Giám đốc – Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế Tài chính
Ông Nguyễn Thế Minh	Phó Tổng Giám đốc – Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp (Miễn nhiệm ngày 11/01/2025)
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc – Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ
Bà Đinh Thị Tố Uyên	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Khối Chiến lược (Miễn nhiệm ngày 11/01/2025)
Ông Hoàng Việt Phương	Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp (Bổ nhiệm ngày 11/01/2025)
Ông Vũ Ngọc Bằng Lai	Giám đốc Khối Chiến lược và đổi mới sáng tạo (Bổ nhiệm ngày 06/02/2025)
Ông Bùi Đức Quang	Tổng Giám đốc Ngân hàng Quản lý tín dụng
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Giám đốc Khối Quản lý Tài chính
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Khối Công nghệ
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Giám đốc Nhân sự
Bà Lại Thanh Mai	Giám đốc Khối Tư vấn Pháp lý và Tuân thủ (Miễn nhiệm ngày 11/01/2025)
Bà Đinh Thị Kim Anh	Giám đốc Khối Tư vấn Pháp lý và Tuân thủ (Bổ nhiệm ngày 11/01/2025)
Ông Dương Ngọc Dũng	Giám đốc Truyền thông và Marketing (Miễn nhiệm ngày 11/01/2025)
Bà Nguyễn Hà Thanh	Giám đốc Khối Vận hành
Ông Nguyễn Tiến Đức	Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro (Bổ nhiệm ngày 15/04/2024)
Bà Lê Cẩm Thúy	Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro (Miễn nhiệm ngày 15/04/2024)
Ông Nguyễn Việt Sơn	Giám đốc Khối Khách hàng chiến lược (Miễn nhiệm ngày 11/01/2025)
Bà Nguyễn Thu Trang	Giám đốc Khối Văn phòng và Dịch vụ nội bộ (Miễn nhiệm ngày 11/01/2025)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Hoàng Linh, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con ("Ngân hàng") tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hội đồng Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Hội đồng Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Hội đồng Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Điều hành cam kết rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Hội đồng Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Điều hành:



Ông Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Số tham chiếu: 12801180/66982110-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam ("Ngân hàng") và công ty con được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025 và được trình bày từ trang 06 đến trang 72, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Hội đồng Điều hành Ngân hàng

Hội đồng Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Điều hành Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày bày tỏ báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1



Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	1.203.088	939.629
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	6	5.494.784	4.589.199
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	7	60.936.150	61.149.694
Tiền gửi tại các TCTD khác		54.249.986	51.384.709
Cho vay các TCTD khác		6.686.164	9.764.985
Cho vay khách hàng		173.467.381	146.782.639
Cho vay khách hàng	9	176.493.451	149.145.386
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(3.026.070)	(2.362.747)
Chứng khoán đầu tư	11	65.569.856	37.880.373
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		65.604.781	37.897.490
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(34.925)	(17.117)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	12.030	10.036
Đầu tư dài hạn khác		17.049	10.036
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(5.019)	-
Tài sản cố định		432.744	402.736
Tài sản cố định hữu hình	13	232.437	202.533
Nguyên giá		746.188	661.129
Khấu hao lũy kế		(513.751)	(458.596)
Tài sản cố định vô hình	14	200.307	200.203
Nguyên giá		666.076	630.943
Hao mòn lũy kế		(465.769)	(430.740)
Tài sản Có khác	15	13.032.056	15.251.532
Các khoản phải thu	15.1	7.481.076	8.480.027
Các khoản lãi, phí phải thu	15.2	4.897.832	5.065.400
Tài sản Có khác	15.4	710.611	1.749.755
- Trong đó: Lợi thế thương mại	16	5.142	15.124
Dự phòng rủi ro tài sản Có khác	15.5	(57.463)	(43.650)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		320.148.089	267.005.838

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	17	9.203.519	1.012.533
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		9.203.519	1.012.533
Tiền gửi và vay các TCTD khác	18	92.189.465	85.553.514
Tiền gửi của các TCTD khác		59.769.136	54.484.312
Vay các TCTD khác		32.420.329	31.069.202
Tiền gửi của khách hàng	19	154.612.451	132.350.131
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	8	730.128	263.356
Phát hành giấy tờ có giá	20	21.210.596	8.991.415
Các khoản nợ khác		5.384.373	7.536.677
Các khoản lãi, phí phải trả	21.1	2.831.095	3.813.157
Các khoản phải trả và công nợ khác	21.2	2.553.278	3.723.520
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		283.330.532	235.707.626
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn của TCTD		26.034.068	20.034.068
- Vốn điều lệ		26.000.000	20.000.000
- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		608	608
- Thặng dư vốn cổ phần		33.460	33.460
Quý của TCTD		3.288.026	2.589.959
Lợi nhuận chưa phân phối		7.495.463	8.674.185
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	23	36.817.557	31.298.212
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		320.148.089	267.005.838

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
1. Bảo lãnh vay vốn	39	183.030	31.980
2. Cam kết giao dịch hối đoái	39	479.800.332	343.840.786
2.1 Cam kết mua ngoại tệ		11.749.712	11.263.221
2.2 Cam kết bán ngoại tệ		11.751.127	11.255.288
2.3 Cam kết giao dịch hoán đổi		456.299.493	321.322.277
3. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	39	3.135.897	7.555.360
4. Bảo lãnh khác	39	24.893.161	21.686.263
5. Các cam kết khác	39	20.300.893	11.326.397
6. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	40	1.544.919	2.089.139
7. Nợ khó đòi đã xử lý	41	15.539.126	15.649.464
8. Tài sản và chứng từ khác	42	94.502.930	83.676.862

Người lập:

Bà Nguyễn Bảo Ngọc
Giám đốc Báo cáo tài chính

Người kiểm soát:

Bà Đỗ Thị Tuyết Nhung
Người phụ trách Kế toán

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2024 triệu đồng</i>	<i>Năm 2023 triệu đồng</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	18.681.257	18.951.085
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(8.438.193)	(9.762.570)
Thu nhập lãi thuần		10.243.064	9.188.515
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		1.834.793	2.017.973
Chi phí hoạt động dịch vụ		(480.738)	(420.948)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	26	1.354.055	1.597.025
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	1.055.874	1.072.237
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	28	(478)	(12.705)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	273.491	511.812
Thu nhập từ hoạt động khác		1.869.859	610.169
Chi phí cho hoạt động khác		(577.625)	(709.697)
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	30	1.292.234	(99.528)
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	31	-	1.631
Chi phí hoạt động	32	(5.229.935)	(4.812.331)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		8.988.305	7.446.656
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	33	(2.084.463)	(1.616.746)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		6.903.842	5.829.910
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	34	(1.384.465)	(1.185.646)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		-	(50)
Tổng chi phí thuế TNDN		(1.384.465)	(1.185.696)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		5.519.377	4.644.214
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	35	2.123	1.786

Người lập:



Bà Nguyễn Bảo Ngọc
Giám đốc Báo cáo tài chính

Người kiểm soát:



Bà Đỗ Thị Tuyết Nhung
Người phụ trách Kế toán

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2024 triệu đồng</i>	<i>Năm 2023 triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		18.910.323	16.726.536
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(9.420.255)	(8.202.883)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		1.292.558	1.564.653
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		1.346.695	1.551.505
Chi phí khác		(977.759)	(962.895)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		1.341.826	169.516
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(4.362.140)	(3.819.039)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	34	(1.224.944)	(1.396.341)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		6.906.304	5.631.052
Những thay đổi về tài sản hoạt động		(51.345.762)	(31.720.103)
Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác		3.078.821	114.974
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(27.707.292)	(6.903.477)
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	446.344
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(27.348.305)	(28.504.837)
Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn, phải thu khác		(1.407.413)	(738.829)
Giảm khác về tài sản hoạt động		2.038.427	3.865.722
Những thay đổi về công nợ hoạt động		48.588.650	48.074.233
Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		8.190.986	(2.027)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD khác		6.635.952	35.179.354
Tăng tiền gửi của khách hàng		22.262.320	15.229.350
Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		12.219.181	(2.608.098)
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		466.772	263.356
(Giảm)/Tăng khác về công nợ hoạt động		(1.186.529)	12.298
Chi từ các quỹ của TCTD		(32)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.149.192	21.985.182

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

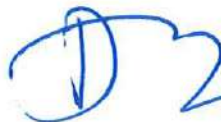
	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2024 triệu đồng</i>	<i>Năm 2023 triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(149.963)	(120.062)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		42.107	503
Tiền chi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		(1)	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		-	1.631
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(7.014)	-
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(114.871)	(117.928)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.034.321	21.867.254
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		56.913.537	35.046.283
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm 36		60.947.858	56.913.537

Người lập:



Bà Nguyễn Bảo Ngọc
Giám đốc Báo cáo tài chính

Người kiểm soát:



Bà Đỗ Thị Tuyết Nhung
Người phụ trách Kế toán

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng hoạt động theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0001/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (được gọi tắt là "NHNN") cấp ngày 08 tháng 06 năm 1991 có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp và được sửa đổi gần nhất theo Quyết định số 2238/QĐ-NHNN ngày 08 tháng 10 năm 2024. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200124891 của Ngân hàng được điều chỉnh nhiều lần với điều chỉnh lần thứ 26 vào ngày 13 tháng 01 năm 2023.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 26.000.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 20.000.000 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, sáu mươi hai (62) chi nhánh, một trăm chín mươi tám (198) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, sáu mươi hai (62) chi nhánh, hai trăm lẻ một (201) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước).

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có một (01) công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của Ngân hàng
1	Công ty Tài chính TNHH MTV TNEX ("TNEX FINANCE")	Số 0301516782 cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010 và thay đổi lần thứ 8 ngày 01 tháng 02 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp	Hoạt động dịch vụ tài chính khác	100%

Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 6.678 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 6.308 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng là đồng Việt Nam ("VND"). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng"). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con.

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Tuyên bố tuân thủ**

Hội đồng Điều hành Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 03 năm 2014, Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 08 năm 2017, Thông tư số 16/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 02 năm 2018 về chế độ tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất này cũng như việc sử dụng báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng là các khoản mục không có số dư.

3.3 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Hội đồng Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và báo cáo tài chính của công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa Ngân hàng mẹ và công ty con, giữa các công ty có cùng Ngân hàng mẹ, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Ngân hàng và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, ngoại trừ các thay đổi do quy định của các văn bản pháp luật mới như sau:

Luật Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ("Luật TCTD") và Thông tư số 21/2024/TT-NHNN quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh liên quan đến thư tín dụng ("Thông tư 21") có hiệu lực ngày 1 tháng 7 năm 2024.

Theo quy định của Luật TCTD và Thông tư 21, nghiệp vụ thư tín dụng được xác định là một hình thức cấp tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành, xác nhận, thương lượng thanh toán và hoàn trả thư tín dụng. Theo quy định chuyển tiếp của Luật các Tổ chức tín dụng và Thông tư 21: "Các hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, giao dịch khác liên quan đến nghiệp vụ thư tín dụng được ký kết, thỏa thuận trước ngày Thông tư 21 có hiệu lực thi hành, ngân hàng và khách hàng được tiếp tục thực hiện, theo dõi cho đến hết thời hạn hiệu lực và nghĩa vụ của các bên liên quan đã hoàn thành. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, giao dịch khác chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn phù hợp với quy định của Thông tư 21". Ngân hàng đã thực hiện ghi nhận kế toán phù hợp với điều khoản chuyển tiếp này.

Thông tư số 31/2024/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 31") có hiệu lực ngày 1 tháng 7 năm 2024.

Thông tư 31 thay thế các nội dung liên quan đến phân loại nợ tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ("Thông tư 11") về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Các thay đổi chính của Thông tư 31 ảnh hưởng đến việc ước tính dự phòng như sau: bổ sung nguyên tắc phân loại nợ đối với khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ thư tín dụng, nghiệp vụ mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng và một số nghiệp vụ khác.

Nghị định số 86/2024/NĐ-CP quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu, phải thoái ("Nghị định 86") ban hành và có hiệu lực ngày 11 tháng 7 năm 2024.

Nghị định 86 thay thế các nội dung liên quan đến trích lập dự phòng rủi ro tại Thông tư 11.

Ngân hàng áp dụng phi hồi tố các quy định của Luật TCTD 32/2024/QH15, Thông tư 31, Nghị định 86 và Thông tư 21 kể từ ngày các văn bản này có hiệu lực.

Thông tư số 06/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2023/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn có hiệu lực từ ngày 18 tháng 06 năm 2024.

Sửa đổi khoản 2 Điều 4 như sau: Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. Sửa đổi khoản 8 Điều 4 như sau: Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng theo quy định tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Thông tư số 53/2024/TT-NHNN quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3 ("Thông tư 53") có hiệu lực ngày 4 tháng 12 năm 2024.

Thông tư 53 áp dụng cho TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3 tại 26 tỉnh, thành phố. Khách hàng được xem xét cơ cấu nợ nếu có dư nợ gốc phát sinh trước ngày 07 tháng 09 năm 2024, với nghĩa vụ trả nợ từ 07 tháng 09 năm 2024 đến 31 tháng 12 năm 2025 và được đánh giá có khả năng trả nợ sau khi được cơ cấu. Thời gian thực hiện cơ cấu kéo dài đến 31 tháng 12 năm 2025, với thời hạn trả nợ tối đa đến 31 tháng 12 năm 2027. Ngân hàng thực hiện xem xét quyết định cơ cấu, phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, theo dõi lãi phải thu đối với khoản nợ được cơ cấu theo đúng quy định tại Thông tư 53 và theo Quyết định số 1510/QĐ-TTg về việc phân loại tài sản có, mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với khoản nợ của khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại bão số 3 có hiệu lực ngày 4 tháng 12 năm 2024.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi, chứng khoán có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác

Các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác được thực hiện theo quy định tại Thông tư 31.

Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD nêu trên được thực hiện theo Nghị định 86. Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán tại tổ chức tín dụng trong nước và chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại *Thuyết minh số 4.5*.

Theo Nghị định 86, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác.

4.4 Các khoản cho vay khách hàng và các khoản nợ mua

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một dòng riêng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay không quá 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay trên 1 năm và không quá 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản cho vay khách hàng và các khoản nợ mua (tiếp theo)

Các khoản nợ mua được trình bày theo giá gốc được xác định bằng giá mua của khoản nợ.

Việc phân loại nợ được thực hiện theo Thông tư 31 và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Nghị định 86 như trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*.

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản nợ

Phân loại nợ

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác (trừ tiền gửi thanh toán), mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, các khoản nợ mua, nghiệp vụ phát hành thư tín dụng trả chậm và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ") được phân loại theo Điều 10 của Thông tư 31.

Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn đến 90 ngày trừ khoản nợ quy định tại điểm (b) của Nhóm 1; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày ngân hàng ký văn bản thu hồi khoản nợ (sau đây gọi là ngày có quyết định thu hồi): ► Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ► Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ► Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc (f) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	20%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản nợ (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể (tiếp theo)

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (f) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (h) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản; hoặc (i) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	100%

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, ngoại trừ trường hợp Ngân hàng cho vay hợp vốn bằng nguồn vốn ủy thác của bên thứ 3 mà bên thứ 3 cam kết chịu trách nhiệm xử lý khi rủi ro xảy ra, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng.

Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản nợ (tiếp theo)***Dự phòng cụ thể (tiếp theo)*

Ngân hàng đồng thời áp dụng các quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản vay đáp ứng yêu cầu của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ("Thông tư 01") do NHNN ban hành ngày 13 tháng 03 năm 2020, Thông tư số 03/2021-TT-NHNN ("Thông tư 03") ngày 02 tháng 04 năm 2021, Thông tư số 04/2021/TT-NHNN ("Thông tư 04") ngày 05 tháng 04 năm 2021, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ("Thông tư 14") ngày 07 tháng 09 năm 2021 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 01 do NHNN ban hành quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 và Thông tư số 06/2024/TT-NHNN ("Thông tư 06") ngày 18 tháng 06 năm 2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ("Thông tư 02") do NHNN ban hành quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại và không tiếp tục được Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo các quy định hiện hành, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ theo Thông tư 31 và trích lập dự phòng rủi ro theo Nghị định 86.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, Ngân hàng căn cứ quy định của NHNN về trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động của TCTD, để trích lập dự phòng rủi ro đối với toàn bộ dư nợ, cam kết ngoại bảng của khách hàng, bao gồm cả số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 03.

Các thông tư quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 yêu cầu Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi được thực hiện phân loại theo hai loại nợ như sau: (1) phân loại nợ giữ nguyên như trước khi thực hiện cơ cấu, miễn giảm lãi; (2) phân loại nợ theo quy định của NHNN về phân loại nợ trong hoạt động của TCTD. Trong trường hợp chênh lệch số tiền dự phòng cần phải trích theo loại nợ (2) so với loại nợ (1) là dương, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể bổ sung như sau:

Dự phòng bổ sung	Thời hạn
Tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022
100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Từ ngày 24 tháng 04 năm 2023, Ngân hàng đã áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng và đáp ứng yêu cầu của Thông tư 02 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 06 do NHNN ban hành quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản nợ (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể (tiếp theo)

Theo đó, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ đối với các khoản nợ áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như sau:

Thời điểm phát sinh khoản nợ	Tình trạng khoản nợ	Khoảng thời gian phát sinh nghĩa vụ trả nợ	Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ
Trước 24/04/2023	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 24/04/2023 đến 31/12/2024	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng đã áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và được giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản nợ đáp ứng các điều kiện của Thông tư 53 nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3. Theo đó, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ đối với các khoản nợ áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như sau:

Thời điểm phát sinh khoản nợ	Tình trạng khoản nợ	Khoảng thời gian phát sinh nghĩa vụ trả nợ	Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ
Trước 07/09/2024	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 07/09/2024 đến 31/12/2025	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo công thức sau: $C = A - B$

Trong đó:

- C: Dự phòng cụ thể trích phải trích bổ sung;
- A: Dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 31 (không áp dụng quy định giữ nguyên nhóm nợ);
- B: Tổng dự phòng cụ thể phải trích đối với phần dư nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo quy định và dự phòng cụ thể phải trích đối với phần dư nợ còn lại của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 31.

Dự phòng cụ thể phải trích bổ sung (C) được Ngân hàng thực hiện trích bổ sung khi lập báo cáo tài chính đảm bảo việc trích lập tối thiểu theo quy định như sau:

- Đến thời điểm 31/12/2023: Tối thiểu 50% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến thời điểm 31/12/2024: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại và không tiếp tục được Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo các quy định hiện hành, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ theo Thông tư 31 và trích lập dự phòng rủi ro theo Nghị định 86.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản nợ (tiếp theo)

Dự phòng chung

Theo Nghị định 86, dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 31 tháng 12 của các khoản nợ từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 trừ các trường hợp sau:

- ▶ Tiền gửi tại các TCTD trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và các khoản tiền tại các TCTD nước ngoài;
 - ▶ Khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá đối với các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam;
 - ▶ Khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước;
- Khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Xử lý rủi ro tín dụng

Theo Nghị định 86, các khoản cho vay khách hàng có thể được xử lý bằng nguồn dự phòng khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

4.6 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán vốn được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tại thời điểm cuối năm tài chính, chứng khoán kinh doanh sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường được xác định theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 ("Thông tư 48") được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1, Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 ("Thông tư 24"). Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "*Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh*".

Đối với chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết ("chứng khoán chưa niêm yết") thì Ngân hàng xác định mức trích dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm báo cáo tài chính năm của Ngân hàng, dự phòng cho từng khoản đầu tư được tính theo công thức sau:

Mức trích dự phòng cho mỗi khoản đầu tư	=	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Ngân hàng tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng	x	$\left[\begin{array}{l} \text{Vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng} \\ - \end{array} \right]$	$\left[\begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng} \end{array} \right]$
---	---	---	---	---	---

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thực nhận. Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.7 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán**

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán gồm chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Hội đồng Điều hành.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: số tiền lãi dồn tích trước mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Tại thời điểm cuối năm, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Các chứng khoán (trừ trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết và trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương) được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường được xác định theo quy định tại Điều 5, Thông tư 48 và Thông tư 24. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "*Lãi/(Lỗ) thuần mua bán chứng khoán đầu tư*".

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được tiến hành phân loại theo Thông tư 31 và trích lập dự phòng rủi ro theo Nghị định 86 như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*.

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

12489
HÀNG
AI CỔ
G H
T N
A - T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

4.9 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng có tối đa 11% quyền biểu quyết và chứng khoán của các đơn vị này không được niêm yết trên thị trường khoán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo quy định tại Điều 5, Thông tư 48.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tăng hoặc giảm dự phòng đầu tư dài hạn được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí hoạt động" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.11 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
Máy móc thiết bị	3 – 20 năm
Phương tiện vận tải	6 – 30 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 – 25 năm
Phần mềm máy vi tính	3 – 20 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 – 8 năm

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

4.12 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được đầy đủ tiền bán nợ được phân loại nợ và trích lập dự phòng theo thuyết minh số 4.5 và chi phí dự phòng hạch toán vào “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng”, chi phí dự phòng phát sinh của các khoản phải thu khác được hạch toán vào “Chi phí hoạt động” trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư 48 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

4.13 Chi phí trả trước và chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.14 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục “Chi phí hoạt động” trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn thuê tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

4.16 *Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước*

Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước được phản ánh theo giá gốc.

4.17 *Tiền gửi của các TCTD khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá*

Các khoản tiền gửi của các TCTD khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được công bố và trình bày theo sổ dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm sổ dư gốc của trái phiếu. Ngân hàng thực hiện phân bổ dần các chi phí này vào "*Chi phí lãi và các chi phí tương tự*" theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của giấy tờ có giá.

4.18 *Các công cụ phái sinh*

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên "*Vốn chủ sở hữu*" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi đến hạn hoặc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các hợp đồng hoán đổi

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước được tính trên số tiền gốc danh nghĩa hoặc các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền danh nghĩa, trong cùng một khoảng thời gian. Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên "*Vốn chủ sở hữu*" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi đến hạn hoặc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Các công cụ phái sinh (tiếp theo)

Các hợp đồng hoán đổi (tiếp theo)

Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

4.19 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (*Thuyết minh số 49*). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" thuộc "*Vốn chủ sở hữu*" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

4.20 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.21 Vốn và các quỹ

4.21.1 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

4.21.2 Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

4.21.3 Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21.4 Các quỹ dự trữ

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau khi có quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc chủ sở hữu tương ứng.

- (i) Các quỹ dự trữ của Ngân hàng: Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:
 - ▶ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 10% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;
 - ▶ Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế;
 - ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông;
 - ▶ Các quỹ dự trữ khác: trích theo quy định hiện hành và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.
- (ii) Các quỹ dự trữ của công ty con
 - ▶ Công ty Tài chính TNHH MTV TNEX ("TNEX FINANCE"): Theo Luật các tổ chức tín dụng và Nghị định số 93/2017/NĐ-CP, TNEX FINANCE phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc trước khi phân phối lợi nhuận tương tự như Ngân hàng.

4.22 Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng

Ngân hàng thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, nghiệp vụ thư tín dụng (trừ trường hợp quy định tại điểm n, khoản 1 Điều 1 Thông tư 31), chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng theo chính sách phân loại áp dụng đối với các khoản nợ như được trình bày tại *Thuyết minh* số 4.5. Theo Nghị định 86, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng cho các cam kết ngoại bảng.

4.23 Ghi nhận thu nhập và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản nợ phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 theo Thông tư 31 và các khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 do áp dụng Thông tư 01, Thông tư 02, Thông tư 03, Thông tư 04, Thông tư 14, Thông tư 06 và Thông tư 53 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Ngân hàng thực thu.

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ và chi phí hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp.

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.23 Ghi nhận thu nhập và chi phí (tiếp theo)

Thu nhập từ hoạt động đầu tư (tiếp theo)

Cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của Ngân hàng được thiết lập.

Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thường và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và không được ghi nhận là một khoản thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Thu nhập/chi phí từ mua bán nợ

Thu nhập từ mua bán nợ được xác định bằng chênh lệch giữa giá bán của khoản nợ mua bán và giá trị ghi sổ của khoản nợ.

Giá trị ghi sổ của khoản nợ mua/bán bao gồm giá trị ghi sổ của khoản gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính liên quan (nếu có) của các khoản nợ được ghi nhận nội bảng hoặc đã xuất ngoại bảng tại ngày mua/bán nợ; hoặc giá trị ghi sổ tại thời điểm xử lý rủi ro; giá trị ghi sổ của khoản nợ đã xử lý rủi ro từ trước tại ngày mua/bán nợ.

Giá mua/bán nợ là khoản tiền bên mua nợ phải trả cho bên bán nợ theo hợp đồng mua/bán nợ.

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.25 Lợi ích của nhân viên

4.25.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.25.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc. Theo đó, thời gian làm việc tại Ngân hàng để tính hưởng trợ cấp thôi việc là tổng thời gian làm việc thực tế tại Ngân hàng trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc.

4.25.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

4.26 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Ngân hàng nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Ngân hàng và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Ngân hàng là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh.

4.28 Lãi trên cổ phiếu

Ngân hàng trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Nếu cổ phiếu phát hành trong năm chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, Ngân hàng sẽ thực hiện điều chỉnh số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong các năm được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất dẫn đến điều chỉnh tương ứng của chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu.

4.29 Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cân trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cân trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>
Tiền mặt bằng VND	874.429	734.824
Tiền mặt bằng ngoại tệ	326.950	203.287
Vàng	1.709	1.518
	1.203.088	939.629

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (“NHNN”)

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>
Tiền gửi tại NHNN		
- Bằng VND	4.666.137	3.277.068
- Bằng ngoại tệ	828.647	1.312.131
	5.494.784	4.589.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (“NHNN”) (tiếp theo)

Tiền gửi tại NHNN bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Mức dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

- ▶ Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 12 tháng và tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên có tỷ lệ dự trữ tương ứng là 3,00% và 1,00%;
- ▶ Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn dưới 12 tháng và tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên có tỷ lệ dự trữ tương ứng là 8,00% và 6,00%.

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (“TCTD”) KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Tiền gửi tại các TCTD khác	54.249.986	51.384.709
Tiền gửi không kỳ hạn	14.735.986	13.813.935
- Bằng VND	13.640.176	12.674.755
- Bằng ngoại tệ	1.095.810	1.139.180
Tiền gửi có kỳ hạn	39.514.000	37.570.774
- Bằng VND	39.260.000	29.200.000
- Bằng ngoại tệ	254.000	8.370.774
Cho vay các TCTD khác	6.686.164	9.764.985
Bằng VND	6.556.772	9.374.123
Bằng ngoại tệ	129.392	390.862
	60.936.150	61.149.694

Trong đó, số dư tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá 3 tháng tại 31 tháng 12 năm 2024 là 39.514.000 triệu đồng.

Mức lãi suất tiền gửi và cho vay các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	3,05 - 5,90	2,05 - 4,50
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4,50	4,50 - 5,40
Cho vay bằng VND	4,60 - 7,00	3,70 - 10,40
Cho vay bằng ngoại tệ	4,60 - 6,26	4,27 - 7,35

Chi tiết chất lượng dư nợ tiền gửi và cho vay các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	46.200.164	47.335.759
	46.200.164	47.335.759

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN/CÔNG NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

	<i>Tổng giá trị hợp đồng (*) triệu đồng</i>	<i>Tổng giá trị ghi sổ (**)</i>	<i>Tài sản triệu đồng</i>	<i>Nợ phải trả triệu đồng</i>	<i>Giá trị thuần triệu đồng</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Công cụ tài chính phái sinh					
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	67.839.697	-		(67.298)	(67.298)
Giao dịch hoán đổi	222.988.861	-		(662.830)	(662.830)
	290.828.558	-		(730.128)	(730.128)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Công cụ tài chính phái sinh					
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	62.703.812	-		(43.307)	(43.307)
Giao dịch hoán đổi	158.208.872	-		(220.049)	(220.049)
	220.912.684	-		(263.356)	(263.356)

(*) Tổng giá trị hợp đồng được quy đổi theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng.

(**) Tổng giá trị ghi sổ là giá trị thuần được quy đổi theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo tài chính.

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	176.199.338	148.789.541
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	250.770	355.845
Các khoản trả thay khách hàng	43.343	-
	176.493.451	149.145.386

Mức lãi suất cho vay vào thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm</i>
Cho vay thương mại bằng VND	2,50 - 12,00	3,00 - 12,50
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	2,90 - 5,70	3,00 - 6,20

9.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	169.618.674	142.221.856
Nợ cần chú ý	2.153.536	2.642.701
Nợ dưới tiêu chuẩn	773.190	1.032.207
Nợ nghi ngờ	1.004.586	1.441.280
Nợ có khả năng mất vốn	2.943.465	1.807.342
	176.493.451	149.145.386

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

9.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay gốc

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Nợ ngắn hạn	66.114.974	67.725.380
Nợ trung hạn	59.731.581	43.819.385
Nợ dài hạn	50.646.896	37.600.621
	176.493.451	149.145.386

9.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Doanh nghiệp nhà nước	1.274.101	0,72	3.605.975	2,42
Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước	1.457.710	0,83	756.626	0,51
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	47.240.196	26,77	39.938.570	26,78
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	1.416.543	0,80	1.852.456	1,24
Công ty cổ phần khác	78.889.804	44,70	61.423.469	41,18
Doanh nghiệp tư nhân	2.039	0,00	3.777	0,00
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	47.946	0,03	253.713	0,17
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	18.195	0,01	22.442	0,02
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	209	0,00	398	0,00
Cá nhân	46.144.588	26,14	41.286.931	27,68
Khác	2.120	0,00	1.029	0,00
	176.493.451	100,00	149.145.386	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

9.4 Phân tích dư nợ cho vay theo một số ngành kinh tế của khách hàng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	629.627	0,36	2.346.262	1,57
Khai khoáng	1.176.661	0,67	332.646	0,22
Chế biến thủy hải sản	1.355.092	0,77	1.427.864	0,96
Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống, thức ăn chăn nuôi	2.295.490	1,30	1.609.573	1,08
Dệt may, sản xuất da dày, sản xuất trang phục	1.445.539	0,82	1.613.649	1,08
Khai thác và sơ chế gỗ, chế biến gỗ, sản xuất sản phẩm từ gỗ và lâm sản khác	1.910.169	1,08	1.310.563	0,88
Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy và in ấn	407.433	0,23	1.357.596	0,91
Sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu; cao su, nhựa, phân bón, hóa chất	2.797.289	1,58	2.123.551	1,42
Sản xuất vật liệu xây dựng (trừ thép, Inox, sơn, matit và các chất tương tự)	3.202.064	1,81	1.537.847	1,03
Sản xuất thép thành phẩm	1.813.945	1,03	295.669	0,20
Sản xuất phôi thép	4.789	0,00	17.276	0,01
Sản xuất Inox và luyện kim khác	84.256	0,05	49.198	0,03
Cơ khí, lắp ráp, chế tạo máy móc, ô tô, xe máy	3.913.479	2,22	1.366.705	0,92
Sản xuất điện tử, thiết bị điện, máy vi tính quang học, thiết bị viễn thông	7.270.865	4,12	2.711.575	1,82
Đóng tàu, thuyền	521	0,00	3.382	0,00
Sản xuất thiết bị văn phòng, đồ gia dụng, thiết bị y tế, giáo dục, thể dục thể thao	167.999	0,10	41.335	0,03
Sản xuất và phân phối điện, năng lượng, cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	5.083.131	2,88	8.346.872	5,60
Xây dựng	15.786.992	8,94	13.105.715	8,79
Thương mại hàng công nghiệp nhẹ và hàng tiêu dùng	19.990.140	11,33	16.285.336	10,92
Kinh doanh phân bón, hóa chất, các sản phẩm hóa chất khác, thuốc, hóa dược, dược liệu, thiết bị y tế	1.662.526	0,94	1.086.396	0,73
Thương mại xăng, dầu, gas, khí đốt	1.737.040	0,98	4.645.331	3,11
Kinh doanh sắt thép, xi măng, vật liệu xây dựng tổng hợp khác	13.463.100	7,63	7.426.527	4,98
Thương mại hàng công nghiệp nặng khác	3.817.147	2,16	2.978.469	2,00
Kinh doanh vận tải bộ và đường sông	4.370.573	2,48	3.519.426	2,36
Kinh doanh vận tải biển	1.652.285	0,94	683.712	0,46
Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, ăn uống, vui chơi giải trí	448.558	0,25	188.876	0,13
Kinh doanh bất động sản và cơ sở hạ tầng	17.153.000	9,72	13.163.399	8,83
Kinh doanh dịch vụ bưu chính viễn thông	327.385	0,19	1.108.097	0,74
Dịch vụ công nghệ, khoa học công nghệ, dịch vụ hành chính, hỗ trợ, giáo dục y tế, thông tin và truyền thông khác	7.984.989	4,52	4.087.884	2,74
Kinh doanh kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ	445.206	0,25	91.464	0,06
Hoạt động tài chính và chứng khoán	5.669.152	3,21	7.281.125	4,88
Ngành khác	2.282.421	1,30	5.715.135	3,83
Cá nhân	46.144.588	26,14	41.286.931	27,68
	176.493.451	100,00	149.145.386	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Dự phòng chung	1.301.625	1.105.035
Dự phòng cụ thể	1.724.445	1.257.712
	3.026.070	2.362.747

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm 2024 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư đầu năm	1.105.035	1.257.712	2.362.747
Trích lập trong năm	196.590	1.874.292	2.070.882
Xử lý rủi ro trong năm	-	(1.407.413)	(1.407.413)
Dự phòng giảm khác	-	(240)	(240)
Dự phòng tăng khác	-	94	94
Số dư cuối năm	1.301.625	1.724.445	3.026.070

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm 2023 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư đầu năm	898.256	532.665	1.430.921
Trích lập trong năm	206.779	1.437.329	1.644.108
Xử lý rủi ro trong năm	-	(709.288)	(709.288)
Dự phòng giảm khác	-	(3.185)	(3.185)
Dự phòng tăng khác	-	191	191
Số dư cuối năm	1.105.035	1.257.712	2.362.747

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

11.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Chứng khoán nợ	65.604.781	37.897.490
Chứng khoán Chính phủ	42.993.384	22.572.105
Chứng khoán nợ của các TCTD khác trong nước	21.711.012	13.800.000
Chứng khoán nợ của các TCKT trong nước	900.385	1.525.385
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(34.925)	(17.117)
Dự phòng chung	(6.540)	(11.440)
Dự phòng cụ thể	(28.385)	(5.677)
	65.569.856	37.880.373

- ▶ Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm, được hưởng lãi suất từ 2,10%/năm đến 8,80%/năm.
- ▶ Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành có kỳ hạn từ 1 năm đến 10 năm, được hưởng lãi suất từ 3,90%/năm đến 8,60%/năm.
- ▶ Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành có kỳ hạn từ 5 năm đến 10 năm, được hưởng lãi suất từ 8,90%/năm đến 11,00%/năm.

11.2 Thay đổi dự phòng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng chứng khoán đầu tư trong năm 2024 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Tổng triệu đồng
Số dư đầu năm	11.440	5.677	17.117
Trích lập/(Hoàn nhập) trong năm	(4.900)	22.708	17.808
Số dư cuối năm	6.540	28.385	34.925

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng chứng khoán đầu tư trong năm 2023 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Tổng triệu đồng
Số dư đầu năm	19.345	-	19.345
Trích lập/(Hoàn nhập) trong năm	(7.905)	5.677	(2.228)
Số dư cuối năm	11.440	5.677	17.117

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

11.3 Phân tích chất lượng chứng khoán nợ được phân loại là tài sản chịu rủi ro tín dụng theo Thông tư 31

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	21.207.012	14.921.000
Nợ cần chú ý	376.000	376.000
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	28.385
Nợ có khả năng mất vốn	28.385	-
	21.611.397	15.325.385

12. GÓP VỐN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế	17.049	10.036
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(5.019)	-
	12.030	10.036

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Máy móc, thiết bị triệu đồng	Phương tiện vận tải triệu đồng	Thiết bị dụng cụ quản lý triệu đồng	TSCĐ hữu hình khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	28.589	454.358	91.171	81.419	5.592	661.129
Mua trong năm	-	79.855	-	17.683	-	97.538
Thanh lý trong năm	(4.209)	(2.233)	(1.150)	(4.887)	-	(12.479)
Số dư cuối năm	24.380	531.980	90.021	94.215	5.592	746.188
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	13.941	294.749	77.469	71.354	1.083	458.596
Khấu hao trong năm	525	51.719	2.736	9.956	1.092	66.028
Thanh lý trong năm	(2.603)	(2.233)	(1.150)	(4.887)	-	(10.873)
Số dư cuối năm	11.863	344.235	79.055	76.423	2.175	513.751
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	14.648	159.609	13.702	10.065	4.509	202.533
Số dư cuối năm	12.517	187.745	10.966	17.792	3.417	232.437

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 324.855 triệu đồng (31 tháng 12 năm 2023: 311.425 triệu đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất triệu đồng</i>	<i>Phần mềm máy vi tính triệu đồng</i>	<i>TSCĐ vô hình khác triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	52.233	556.624	22.086	630.943
Tăng trong năm	34.374	18.051	-	52.425
Thanh lý trong năm	(17.292)	-	-	(17.292)
Số dư cuối năm	69.315	574.675	22.086	666.076
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	418.187	12.553	430.740
Hao mòn trong năm	909	31.283	2.837	35.029
Số dư cuối năm	909	449.470	15.390	465.769
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	52.233	138.437	9.533	200.203
Số dư cuối năm	68.406	125.205	6.696	200.307

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 243.025 triệu đồng (31 tháng 12 năm 2023: 164.409 triệu đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC

15.1 Các khoản phải thu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Các khoản phải thu nội bộ	77.120	76.338
Các khoản phải thu bên ngoài	7.132.010	8.232.333
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	271.946	171.356
	7.481.076	8.480.027

15.1.1 Các khoản phải thu nội bộ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ	68.024	70.099
Tham ô, thiếu mất tiền, tài sản chờ xử lý	1.944	2.571
Các khoản tạm ứng và phải thu khác	7.152	3.668
	77.120	76.338

15.1.2 Các khoản phải thu bên ngoài

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Phải thu có tính chất tín dụng	5.785.959	4.001.159
Phải thu từ các hoạt động tài trợ thương mại	25.971	2.657.177
Các khoản tạm ứng và phải thu khác	1.222.015	1.349.650
Tạm ứng cho các hoạt động xử lý tài sản xiết nợ	69.669	174.454
Phải thu Ngân sách Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	25.381	45.438
Các khoản thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	3.015	4.455
	7.132.010	8.232.333

15.1.3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Các khoản tạm ứng mua sắm tài sản cố định	157.195	86.778
Các khoản sửa chữa tài sản cố định	114.751	84.578
	271.946	171.356

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

15.2 Các khoản lãi, phí phải thu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Lãi phải thu từ tiền gửi	27.384	25.898
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	1.208.103	971.532
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	3.272.745	3.598.525
Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phái sinh	282.803	424.144
Phí phải thu khác	106.797	45.301
	4.897.832	5.065.400

15.3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Số dư đầu năm	-	50
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(50)
Số dư cuối năm	-	-

15.4 Tài sản Có khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Vật liệu và công cụ	43.405	29.496
Chi phí trả trước chờ phân bổ khác	603.334	589.639
Tài sản xiết nợ chờ xử lý	58.730	1.115.496
Lợi thế thương mại	5.142	15.124
	710.611	1.749.755

15.5 Dự phòng rủi ro các tài sản có nội bằng khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Dự phòng phải thu có tính chất tín dụng	13.581	-
- Dự phòng chung	13.581	-
Dự phòng rủi ro khác	43.882	43.650
	57.463	43.650

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

15.5 Dự phòng rủi ro các tài sản có nội bằng khác (tiếp theo)

Thay đổi dự phòng cho số dư phải thu các hoạt động tài trợ thương mại trong năm 2024 như sau:

	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Tổng triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	-	-	-
Trích lập trong năm	13.581	-	13.581
Số dư cuối năm	13.581	-	13.581

Thay đổi dự phòng rủi ro khác trong năm như sau:

	<i>Năm 2024 triệu đồng</i>	<i>Năm 2023 triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	43.650	40.068
Hoàn nhập trong năm	(8)	(70)
Xử lý rủi ro trong năm	-	(29.541)
Tăng khác	240	33.193
Số dư cuối năm	43.882	43.650

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<i>Năm 2024 triệu đồng</i>	<i>Năm 2023 triệu đồng</i>
Tổng giá trị lợi thế thương mại ("LTTM")	99.823	99.823
Thời gian phân bổ (năm)	10	10
Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu năm	84.699	74.717
Giá trị LTTM chưa phân bổ đầu năm	15.124	25.106
LTTM phân bổ trong năm	(9.982)	(9.982)
Giá trị LTTM phân bổ trong năm	(9.982)	(9.982)
Tổng giá trị LTTM chưa phân bổ cuối năm	5.142	15.124

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC (“NHNN”)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Vay NHNN	9.202.986	1.011.561
Vay theo hồ sơ tín dụng	999.972	999.972
Vay chiết khấu các giấy tờ có giá	8.194.415	-
Vay thực hiện Dự án hiện đại hóa Ngân hàng và Hệ thống thanh toán	8.599	11.589
Tiền gửi của KBNN	533	972
Tiền gửi bằng VND	533	972
	9.203.519	1.012.533

18. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Tiền gửi các TCTD khác	59.769.136	54.484.312
Tiền gửi không kỳ hạn	14.141.416	13.292.684
- Bằng VND	13.832.612	12.936.882
- Bằng ngoại tệ	308.804	355.802
Tiền gửi có kỳ hạn	45.627.720	41.191.628
- Bằng VND	43.438.205	40.881.510
- Bằng ngoại tệ	2.189.515	310.118
Vay các TCTD khác	32.420.329	31.069.202
Bằng VND	24.467.402	11.880.021
Bằng ngoại tệ	7.952.927	19.189.181
	92.189.465	85.553.514

Mức lãi suất tiền gửi và tiền vay các TCTD khác vào thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng VND	2,80 - 5,80	2,00 - 4,50
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng ngoại tệ	4,40 - 4,60	5,00 - 5,10
Tiền vay các TCTD khác bằng VND	4,15 - 4,79	2,00 - 4,99
Tiền vay các TCTD, tổ chức tài chính khác bằng ngoại tệ	4,47 - 5,30	5,13 - 6,53

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

19.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	38.536.725	33.317.559
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	34.990.350	29.490.769
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.546.375	3.826.790
Tiền gửi có kỳ hạn	113.765.922	97.229.772
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	111.380.422	95.434.641
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.385.500	1.795.131
Tiền gửi vốn chuyên dùng	739.362	361.807
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	313.266	307.283
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	426.096	54.524
Tiền gửi ký quỹ	1.570.442	1.440.993
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	1.500.875	1.376.826
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	69.567	64.167
	154.612.451	132.350.131

Mức lãi suất tiền gửi của khách hàng niêm yết vào thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,00 - 0,50	0,00 - 0,05
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,50 - 6,50	0,50 - 5,20
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00

19.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	75.407.762	48,77	56.762.543	42,89
Tiền gửi của cá nhân	79.204.689	51,23	75.587.588	57,11
	154.612.451	100,00	132.350.131	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ (“GTCTG”)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Chứng chỉ tiền gửi	4.410.596	2.091.415
Trái phiếu thường	16.800.000	6.900.000
	21.210.596	8.991.415

Chi tiết kỳ hạn của các GTCTG phát hành theo mệnh giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	Trái phiếu thường triệu đồng	Chứng chỉ tiền gửi triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Dưới 12 tháng (Dưới 366 ngày)			
- Bằng VND	-	2.950.000	2.950.000
Từ 12 tháng đến 5 năm (Từ 366 - 1826 ngày)			
- Bằng VND	15.800.000	1.460.596	17.260.596
Từ 5 năm trở lên (Từ 1826 ngày trở lên)			
- Bằng VND	1.000.000	-	1.000.000
Số dư cuối năm	16.800.000	4.410.596	21.210.596

21. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

21.1 Các khoản lãi, phí phải trả

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Lãi phải trả cho tiền gửi	1.994.144	2.767.659
Lãi phải trả cho các giấy tờ có giá	407.159	276.163
Lãi phải trả cho tiền vay	157.260	326.168
Lãi phải trả cho công cụ tài chính phái sinh	272.532	443.167
	2.831.095	3.813.157

21.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ	1.011.977	1.357.884
Các khoản phải trả bên ngoài	1.514.351	2.337.402
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26.950	28.234
	2.553.278	3.723.520

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC (tiếp theo)

21.2 Các khoản phải trả và công nợ khác (tiếp theo)

21.2.1 Các khoản phải trả nội bộ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	685.275	828.508
Cổ tức phải trả	6.408	6.409
Thừa quỹ, tài sản thừa chờ xử lý	1.259	1.628
Tạm treo lãi của tài sản gán nợ	3.730	13.261
Các khoản phải trả khác	315.305	508.078
	1.011.977	1.357.884

21.2.2 Các khoản phải trả bên ngoài

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Tiền giữ hộ và chờ thanh toán	30.885	51.775
Thuế phải nộp cho ngân sách nhà nước	805.440	670.804
Chuyển tiền phải trả	251.194	185.572
Tiền thu từ việc bán nợ, tài sản bảo đảm nợ hoặc khai thác tài sản bảo đảm nợ	15.956	275.326
Các khoản phải trả khác	410.876	1.153.925
	1.514.351	2.337.402

22. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (“NSNN”)

Đơn vị: triệu đồng

	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Phải thu NSNN	(4.455)	1.481	(41)	(3.015)
Thuế TNDN	(4.455)	1.481	(41)	(3.015)
Phải trả NSNN	670.804	1.918.947	(1.784.311)	805.440
Thuế GTGT	11.858	137.859	(137.863)	11.854
Thuế TNDN	607.130	1.382.984	(1.224.903)	765.211
Các loại thuế khác	51.816	395.576	(419.017)	28.375
Các khoản phải nộp khác	-	2.528	(2.528)	-
	666.349	1.920.428	(1.784.352)	802.425

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

B05/TCCTD-HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN VÀ CÁC QUỸ

23.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Đơn vị: triệu đồng								
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	19.857.500	33.460	3.397	1.344.767	547.872	608	4.866.394	26.653.998
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	4.644.214	4.644.214
Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động	142.500	-	-	-	-	-	(142.500)	-
Trích lập quỹ	-	-	-	462.615	231.308	-	(693.923)	-
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	20.000.000	33.460	3.397	1.807.382	779.180	608	8.674.185	31.298.212
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	5.519.377	5.519.377
Trích lập quỹ	-	-	-	465.399	232.700	-	(698.099)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	(32)	-	-	-	(32)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	6.000.000	-	-	-	-	-	(6.000.000)	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	26.000.000	33.460	3.397	2.272.749	1.011.880	608	7.495.463	36.817.557

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN VÀ CÁC QUỸ (tiếp theo)

23.2 Vốn cổ phần

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.600.000.000	2.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.600.000.000	2.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.600.000.000	2.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.600.000.000	2.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.600.000.000	2.000.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

Danh sách cổ đông lớn sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của Ngân hàng như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Số cổ phiếu phổ thông	%	Số cổ phiếu phổ thông	%
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	157.254.977	6,05	120.965.367	6,05

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam hoạt động theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 955/QĐ-TTg ngày 24 tháng 06 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên số 0100684378 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 08 năm 2010.

24. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	739.544	749.702
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	13.156.939	15.112.528
Thu nhập lãi chứng khoán đầu tư	2.401.874	1.970.187
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	301.758	283.123
Thu khác từ hoạt động tín dụng	2.081.142	835.545
	18.681.257	18.951.085

25. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Trả lãi tiền gửi	5.749.485	7.608.989
Trả lãi tiền vay	1.962.713	1.457.534
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	690.506	644.767
Chi phí hoạt động tín dụng khác	35.489	51.280
	8.438.193	9.762.570

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	<i>Năm 2024</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Năm 2023</i> <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.834.793	2.017.973
Thu từ dịch vụ thanh toán	778.930	919.218
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	2.152	1.955
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	121.131	443.318
Thu từ dịch vụ khác	932.580	653.482
Chi phí hoạt động dịch vụ	(480.738)	(420.948)
Chi về dịch vụ thanh toán	(243.612)	(224.734)
Chi về hoạt động ngân quỹ	(7.959)	(9.091)
Chi từ dịch vụ khác	(229.167)	(187.123)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.354.055	1.597.025

27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	<i>Năm 2024</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Năm 2023</i> <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	6.788.126	6.160.214
Thu về kinh doanh ngoại tệ giao ngay và vàng	1.925.669	1.201.639
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	4.862.457	4.958.575
Chi phí về hoạt động kinh doanh ngoại hối	(5.732.252)	(5.087.977)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay và vàng	(217.687)	(171.232)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(5.514.565)	(4.916.745)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.055.874	1.072.237

28. LỖ THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	<i>Năm 2024</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Năm 2023</i> <i>triệu đồng</i>
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(478)	(30.317)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	-	17.612
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(478)	(12.705)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	<i>Năm 2024</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Năm 2023</i> <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	468.389	821.095
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(177.090)	(311.511)
(Trích lập)/Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(17.808)	2.228
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	273.491	511.812

30. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm 2024</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Năm 2023</i> <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động khác	1.869.859	610.169
Thu nhập từ nợ đã xử lý rủi ro	1.341.826	169.516
Thu nhập từ chuyển nhượng thanh lý tài sản	23.206	469
Thu từ nghiệp vụ mua bán nợ	307	177
Thu nhập khác	504.520	440.007
Chi phí cho hoạt động khác	(577.625)	(709.697)
Chi về nghiệp vụ mua bán nợ	(8)	-
Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	(52)	(64)
Chi phí khác	(577.565)	(709.633)
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	1.292.234	(99.528)

31. THU NHẬP GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	<i>Năm 2024</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Năm 2023</i> <i>triệu đồng</i>
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, đầu tư mua cổ phần	-	1.631
	-	1.631

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	92.586	87.993
Chi phí cho nhân viên	2.901.850	2.838.027
Chi lương và phụ cấp	2.523.672	2.498.722
Các khoản chi đóng góp theo lương	228.952	215.854
Chi trợ cấp	59.741	59.186
Các khoản chi khác	89.485	64.265
Chi về tài sản	803.478	639.932
Khấu hao tài sản cố định	101.057	100.262
Bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	138.192	116.921
Thuê tài sản	514.184	374.173
Mua sắm công cụ lao động	42.943	37.186
Chi bảo hiểm tài sản	7.102	11.390
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.317.058	1.150.713
Công tác phí	82.903	65.405
Chi thuê chuyên gia, tư vấn	180.452	139.080
Chi hoạt động quản lý công vụ khác	1.053.703	946.228
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	109.952	95.736
Trích lập/(Hoàn nhập) chi phí dự phòng (không tính chi phí dự phòng rủi ro tín dụng nội và ngoại bảng; chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán)	5.011	(70)
	5.229.935	4.812.331

33. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	Năm 2024 triệu đồng	Năm 2023 triệu đồng
Trích lập dự phòng cho vay khách hàng	2.070.882	1.644.108
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng tài sản có khác có rủi ro tín dụng	13.581	(27.362)
	2.084.463	1.616.746

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN") HIỆN HÀNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được ước tính như sau:

	<i>Năm 2024</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Năm 2023</i> <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế	6.903.842	5.829.910
Các khoản điều chỉnh		
- Chi phí không được khấu trừ thuế	7.226	4.793
- Thu nhập không chịu thuế	(31)	(1.631)
- Biến động các chênh lệch tạm thời	(126.987)	(36.420)
- Điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế (Lợi thế thương mại, thanh lý tài sản)	9.982	9.730
Thu nhập tính thuế	6.794.032	5.806.382
Trong đó:		
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	6.794.032	5.806.382
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.358.806	1.161.277
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.358.806	1.161.277
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	25.659	24.369
Chi phí thuế TNDN trong năm	1.384.465	1.185.646
Thuế TNDN đã nộp các năm trước	-	(7.165)
Thuế TNDN phải nộp trong năm	1.384.465	1.178.481
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	602.675	820.535
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.224.944)	(1.396.341)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	762.196	602.675
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	50

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm hiện hành được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng.

	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (triệu đồng)	5.519.377	4.644.214
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm (cổ phiếu)	2.600.000.000	2.600.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.123	1.786

Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành và lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 được điều chỉnh cho mục đích so sánh do trong năm 2024 Ngân hàng tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối với tỷ lệ 30%.

36. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất sau đây:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	1.203.088	939.629
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5.494.784	4.589.199
Tiền gửi tại các TCTD khác không kỳ hạn	14.735.986	13.813.935
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá 3 tháng	39.514.000	37.570.774
	60.947.858	56.913.537

37. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ THẾ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

37.1 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Bất động sản	209.077.832	141.598.463
Động sản	17.799.754	10.667.281
Giấy tờ có giá	65.194.457	56.394.481
Tài sản khác	223.282.461	268.115.355
	515.354.504	476.775.580

37.2 Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng
Giấy tờ có giá	35.140.683	11.737.000
	35.140.683	11.737.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	<i>Năm 2024 triệu đồng</i>	<i>Năm 2023 triệu đồng</i>
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	6.693	6.731
II. Thu nhập của cán bộ công nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	2.667.187	2.325.588
2. Tổng thu nhập	2.668.472	2.327.667
3. Tiền lương bình quân/tháng	33,21	28,79
4. Thu nhập bình quân/tháng	33,22	28,82

39. CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>
Bảo lãnh vay vốn	183.030	31.980
Cam kết giao dịch hối đoái	479.800.332	343.840.786
Cam kết mua ngoại tệ	11.749.712	11.263.221
Cam kết bán ngoại tệ	11.751.127	11.255.288
Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	456.299.493	321.322.277
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	3.135.897	7.555.360
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	3.545.336	7.865.215
- Trừ: Tiền ký quỹ	(409.439)	(309.855)
Bảo lãnh khác	24.893.161	21.686.263
Cam kết bảo lãnh thanh toán	4.330.878	3.343.207
Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	5.784.610	5.332.633
Cam kết bảo lãnh dự thầu	1.512.805	913.928
Cam kết bảo lãnh khác	14.248.401	12.934.764
- Trừ: Tiền ký quỹ	(983.533)	(838.269)
Các cam kết khác	20.300.893	11.326.397

40. LÃI CHO VAY VÀ PHÍ PHẢI THU CHƯA THU ĐƯỢC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>
Lãi cho vay chưa thu được	1.516.069	1.445.389
Lãi chứng khoán chưa thu được	28.791	643.691
Phí phải thu chưa thu được	59	59
	1.544.919	2.089.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	5.022.894	5.615.707
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	10.484.253	10.001.777
Các khoản nợ khác đã xử lý	31.979	31.980
	15.539.126	15.649.464

42. TÀI SẢN VÀ CHỨNG TỪ KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>
Tài sản khác giữ hộ	16.648.260	17.789.628
Tài sản thuê ngoài	-	4.892
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	77.854.670	65.882.342
	94.502.930	83.676.862

43. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - có vốn góp vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản lý của Ngân hàng hoặc công ty mẹ của nó;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); và
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

43. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Phải thu/(Phải trả) triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Phải thu/(Phải trả) triệu đồng
Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam ("VNPT") – Cổ đông lớn		
Tiền gửi không kỳ hạn	(6.607)	(3.638)
Tiền gửi có kỳ hạn	-	(1.555.000)
Các khoản lãi phải trả	-	(21.864)
CTCP Tập đoàn ROX – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền gửi không kỳ hạn	(8.515)	(3.588)
Tiền gửi có kỳ hạn	(760)	-
Phải trả lãi tiền gửi	(2)	-
Tiền vay	35	48
CTCP FamilyMart Việt Nam – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền gửi không kỳ hạn	(705)	(381)
Tiền vay	17	13
CTCP ROX Key Holdings – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền gửi không kỳ hạn	(12.738)	(20.735)
Tiền gửi có kỳ hạn	-	(203.000)
Các khoản lãi phải trả	-	(42)
CTCP ROX Asset – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền gửi không kỳ hạn	(449)	(336)
Tiền vay	-	9
CTCP ROX Living – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền gửi không kỳ hạn	(437)	(2.086)
Tiền vay	5	15
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này		
Tiền gửi không kỳ hạn	(60.977)	(549.608)
Tiền gửi có kỳ hạn	(13.085)	(87.950)
Tiền vay	273.116	202.192
Các khoản lãi và phí phải thu	2.010	1.311
Các khoản lãi phải trả và các khoản chờ thanh toán khác	(645)	(4.672)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

43. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	<i>Năm 2024</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Năm 2023</i> <i>triệu đồng</i>
Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam ("VNPT") – Cổ đông lớn		
Chi phí lãi tiền gửi	(73.698)	(164.886)
Gửi tiền có kỳ hạn tại MSB	-	1.714.560
Rút tiền gửi có kỳ hạn tại MSB	1.555.000	2.609.560
CTCP Tập đoàn ROX – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	(14)	(6)
Thu nhập từ phí dịch vụ	8	38
Thu nhập lãi tiền vay	20	1
Gửi tiền có kỳ hạn tại MSB	760	-
CTCP FamilyMart Việt Nam – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	(2)	(1)
CTCP ROX Key Holdings – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	(36)	(47)
Thu nhập lãi tiền vay	2	-
Thu nhập từ phí dịch vụ và thu nhập khác	54	-
Rút tiền gửi có kỳ hạn tại MSB	203.000	-
Gửi tiền có kỳ hạn tại MSB	-	203.000
CTCP ROX Asset – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	(1)	(3)
CTCP ROX Living – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	(3)	-
Thu nhập từ phí dịch vụ	2	-
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này		
Thù lao của Hội đồng quản trị	(11.395)	(12.454)
Ông Trần Anh Tuấn	-	-
Ông Trần Xuân Quảng	(2.838)	(2.827)
Bà Nguyễn Thị Thiên Hương	(806)	(3.230)
Ông Nguyễn Hoàng An	(2.952)	(2.936)
Bà Lê Thị Liên	(1.879)	(1.869)
Ông Võ Tấn Long	(1.328)	-
Ông Tạ Ngọc Đa	(1.592)	(1.592)
Thù lao của Ban kiểm soát	(5.496)	(5.071)
Lương của Tổng Giám đốc	(11.532)	(11.404)
Thu nhập lãi tiền vay	22.274	19.262
Chi phí lãi tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi	(19.469)	(39.211)
Thu nhập từ phí dịch vụ	364	252

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. BÁO CÁO BỘ PHẬN

44.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh năm 2024 như sau:

	<i>Tài chính ngân hàng triệu đồng</i>	<i>Khác dịch/số dư nội bộ triệu đồng</i>	<i>Loại trừ giao Loại trừ giao triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
I. Doanh thu	47.694.851	-	(18.052.427)	29.642.424
1. Doanh thu lãi	36.733.616	-	(18.052.359)	18.681.257
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	1.834.861	-	(68)	1.834.793
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	9.126.374	-	-	9.126.374
II. Chi phí	(38.696.570)	-	18.042.445	(20.654.125)
1. Chi phí lãi	(26.490.552)	-	18.052.359	(8.438.193)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(101.057)	-	-	(101.057)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(12.104.961)	-	(9.914)	(12.114.875)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	8.998.281	-	(9.982)	8.988.299
Chi phí dự phòng rủi ro	(2.084.463)	-	-	(2.084.463)
Kết quả kinh doanh bộ phận	6.913.818	-	(9.982)	6.903.836

Tài sản và công nợ theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	<i>Tài chính ngân hàng triệu đồng</i>	<i>Khác dịch/số dư nội bộ triệu đồng</i>	<i>Loại trừ giao Loại trừ giao triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
III. Tài sản	323.795.539	-	(3.647.450)	320.148.089
1. Tiền mặt	1.203.088	-	-	1.203.088
2. Tài sản cố định	432.744	-	-	432.744
3. Tài sản khác	322.159.707	-	(3.647.450)	318.512.257
IV. Nợ phải trả	286.286.048	-	(2.955.516)	283.330.532
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	1.514.352	-	-	1.514.352
2. Nợ phải trả nội bộ	1.011.977	-	-	1.011.977
3. Nợ phải trả khác	283.759.719	-	(2.955.516)	280.804.203

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

44.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý

	<i>Miền Bắc triệu đồng</i>	<i>Miền Trung triệu đồng</i>	<i>Miền Nam triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
I. Kết quả kinh doanh bộ phận				
1. Tổng doanh thu	22.624.864	925.406	6.092.154	29.642.424
2. Tổng chi phí hoạt động	18.984.935	672.345	3.081.302	22.738.582
Tổng lợi nhuận trước thuế	3.639.929	253.061	3.010.852	6.903.842
II. Tài sản	255.551.362	9.809.116	54.787.611	320.148.089
III. Nợ phải trả	220.722.150	9.679.589	52.928.793	283.330.532

45. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	<i>Tổng dư nợ cho vay (cho vay khách hàng và các TCTD khác) triệu đồng</i>	<i>Tổng tiền gửi huy động (tiền gửi của khách hàng và tiền gửi của các TCTD khác) triệu đồng</i>	<i>Các cam kết tín dụng triệu đồng</i>	<i>Công cụ tài chính phái sinh (Tổng giá trị hợp đồng) triệu đồng</i>	<i>Kinh doanh và đầu tư chứng khoán triệu đồng</i>
Trong nước	183.179.615	213.910.058	28.212.088	290.828.558	65.604.781
Nước ngoài	-	471.529	-	-	-
Tổng	183.179.615	214.381.587	28.212.088	290.828.558	65.604.781

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

46. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”)

Ngân hàng định hướng trở thành một tổ chức tài chính đa năng. Do vậy, Ngân hàng cung cấp đa dạng các loại hình sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng nhằm hướng tới mục tiêu trên, đồng thời đảm bảo lợi nhuận kỳ vọng. Việc tham gia các công cụ tài chính, bao gồm huy động vốn từ khách hàng (bằng sản phẩm tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá) và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp Ngân hàng đạt mục tiêu lợi nhuận nhưng cũng phát sinh rủi ro cần phải được quản lý chặt chẽ. Rủi ro được quản lý thông qua áp dụng hạn mức nhằm kiểm soát chủ động rủi ro, đồng thời thực hiện các biện pháp/công cụ phòng ngừa để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu báo cáo tình hình tài chính của Ngân hàng có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Trong quá trình QLRR tín dụng, Ngân hàng đã ban hành đầy đủ và sử dụng có hiệu quả các văn bản về QLRR tín dụng, trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro ở mức độ hợp lý, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại NHNN và các tổ chức tín dụng khác và đặc biệt các giấy tờ có giá thanh khoản cao. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc QLRR cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung. Theo đó, toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của Ngân hàng đều do Hội sở chính thực hiện, cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

46.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng đã duy trì một chính sách QLRR tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- thiết lập một môi trường QLRR tín dụng phù hợp;
- hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh;
- duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và
- đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

46. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)

46.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Ngân hàng tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời, việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của Ngân hàng có sự tham gia của Hội đồng Tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất.

Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản bằng với giá trị ghi sổ (không bao gồm dự phòng) của nhóm tài sản đó trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất được trình bày như sau:

	<i>Chưa bị giảm giá Triệu đồng</i>	<i>Bị giảm giá nhưng không có dự phòng Triệu đồng</i>	<i>Bị giảm giá và có dự phòng Triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng Triệu đồng</i>
Tiền gửi có kỳ hạn tại và cho vay các TCTD khác	46.200.164	-	-	46.200.164
Cho vay khách hàng	169.618.675	1.825.195	5.049.581	176.493.451
Chứng khoán nợ do các TCTD, TCKT trong nước phát hành	21.207.012	376.000	28.385	21.611.397
Tài sản có rủi ro tín dụng khác	1.810.771	4.001.159	-	5.811.930
Tổng cộng	238.836.622	6.202.354	5.077.966	250.116.942

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

46. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)

46.2 Rủi ro thị trường

46.2.1 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với vốn kinh tế, thu nhập, giá trị tài sản, nợ phải trả và cam kết ngoại bảng của Ngân hàng phát sinh do:

- ▶ Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ định lại lãi suất;
- ▶ Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn;
- ▶ Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau;
- ▶ Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Ngân hàng duy trì chính sách quản lý rủi ro lãi suất đảm bảo các nguyên tắc sau:

- ▶ Tuân thủ các quy định của NHNN và Ngân hàng về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với công tác quản lý rủi ro lãi suất.
- ▶ Định kỳ đo lường; Giám sát và kiểm soát chặt chẽ đối với rủi ro lãi suất tiềm tàng trong các nghiệp vụ kinh doanh trọng yếu của Ngân hàng (bao gồm tài sản; nợ phải trả và các cam kết ngoại bảng); Từ đó triển khai đầy đủ các biện pháp cân đối cơ cấu tài sản; nợ phải trả và/hoặc các biện pháp phòng ngừa nhằm giảm thiểu rủi ro cho Ngân hàng trước các biến động bất lợi của lãi suất thị trường;
- ▶ Thiết lập tối thiểu các hạn mức quản lý rủi ro lãi suất về trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất; độ nhạy; thay đổi thu nhập lãi thuần và thay đổi giá trị kinh tế vốn chủ sở hữu dựa trên kết quả kiểm tra sức chịu đựng trong kịch bản hoạt động bình thường và kịch bản có diễn biến bất lợi.

Nguyên tắc phân loại và đo lường trạng thái rủi ro lãi suất thông qua Bảng trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất của các khoản mục Tài sản; Nợ phải trả và các cam kết ngoại bảng nằm trong và ngoài báo cáo tình hình tài chính đáp ứng các nội dung sau:

- ▶ Các khoản mục nhạy cảm với lãi suất là các khoản mục có thu nhập/chi phí/giá thay đổi khi lãi suất thay đổi;
- ▶ Các khoản mục không nhạy cảm lãi suất là các khoản mục không chịu lãi suất (bao gồm nhưng không giới hạn: tiền mặt, vàng bạc đá quý, tiền gửi NHNN, chứng khoán kinh doanh, phụ trội, chiết khấu, các khoản lãi, phí phải thu, đầu tư dài hạn, tài sản cố định, chứng khoán đầu tư (chứng khoán vốn), tài sản khác, nợ khác không chịu lãi suất) và phần quá hạn của các khoản mục tài sản;
- ▶ Chỉ tiêu Quá hạn của các khoản mục tài sản là các dòng tiền đã quá hạn và/hoặc được phân loại nợ vào Nhóm 2 theo CIC trở lên;
- ▶ Các khoản mục nhạy cảm lãi suất được phân bổ vào các khoảng thời gian trên báo cáo dựa vào kỳ định lại lãi suất thực tế của từng giao dịch phát sinh trong khoản mục;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

46. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)

46.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

46.2.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

- ▶ Kỳ định lại giá lãi suất thực tế là khoảng thời gian (số ngày) tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán cho tới ngày định lại lãi suất (là ngày Ngân hàng và/hoặc khách hàng/đối tác có quyền xác định/thỏa thuận lại mức lãi suất trong hợp đồng) hoặc ngày thanh toán/ngày đáo hạn/ngày đến hạn từng phần của các hợp đồng tài sản và nợ phải trả, tùy ngày nào đến trước. Cụ thể như sau:
 - Các khoản mục nhạy cảm lãi suất nhưng không xác định được kỳ hạn cụ thể và/hoặc có ngày điều chỉnh lại lãi suất là bất cứ thời điểm nào kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nghiệp vụ tiền gửi/nhận gửi không kỳ hạn của TCTD, tổ chức kinh tế và cá nhân; Thấu chi; Thẻ tín dụng, sẽ được ghi nhận vào kỳ định lại lãi suất gần nhất trên báo cáo (đến 1 tháng);
 - Các khoản mục nhạy cảm lãi suất còn lại có lãi suất thả nổi định kỳ: kỳ định lại lãi suất thực tế được tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán cho tới ngày định lại lãi suất hoặc ngày thanh toán/ngày đáo hạn/ngày đến hạn từng phần theo hợp đồng tùy thời điểm nào đến trước;
 - Các khoản mục nhạy cảm lãi suất còn lại có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: kỳ định lãi suất thực tế được tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán cho tới ngày thanh toán/ngày đáo hạn/ngày đến hạn từng phần theo hợp đồng.

Lãi suất thực tế cho các khoản cho vay khách hàng và tiền gửi khách hàng theo loại tiền tệ được trình bày lần lượt tại *Thuyết minh số 9* và *Thuyết minh số 19*.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

B05/TCTD-HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

46. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)

46.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

46.2.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

46.2.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

	Quá hạn	Không chịu lãi	Thời hạn định lại lãi suất					Đơn vị: triệu đồng		
			Đến 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm		Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản										
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	1.203.088	-	-	-	-	-	-	1.203.088	
Tiền gửi tại NHNN	-	5.494.784	-	-	-	-	-	-	5.494.784	
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	269.747	50.431.017	7.891.063	1.808.736	535.587	-	-	60.936.150	
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	6.874.777	-	56.982.169	48.294.111	30.353.710	14.972.305	1.370.590	176.493.451		
Chứng khoán đầu tư (*)	404.385	4.543.585	-	996.000	5.200.000	13.710.000	6.153.490	65.604.781		
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	17.049	-	-	-	-	-	-	17.049	
Tài sản cố định	-	432.744	-	-	-	-	-	-	432.744	
Tài sản Có khác (*)	41.489	10.605.778	6.037	1.793.591	3.600	26.372	130.172	482.480	13.089.519	
Tổng tài sản	7.320.651	22.566.775	107.419.223	58.974.765	37.366.046	29.244.264	23.929.451	36.450.391	323.271.566	
Nợ phải trả										
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	8.203.547	-	-	999.972	-	-	9.203.519	
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	81.181.990	8.471.808	2.318.667	217.000	-	-	92.189.465	
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	62.068	6.227.932	(3.046.489)	(1.152.184)	(1.361.199)	-	730.128	
Tiền gửi của khách hàng	-	-	60.574.132	25.504.219	38.154.127	25.815.862	4.564.099	12	154.612.451	
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	91.096	-	3.950.000	-	17.169.500	-	21.210.596	
Các khoản nợ khác (*)	-	5.379.453	1.606	3.313	1	-	-	-	5.384.373	
Tổng nợ phải trả	-	5.379.453	150.114.439	40.207.272	41.376.306	25.880.650	20.372.400	12	283.330.532	
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	7.320.651	17.187.322	(42.695.216)	18.767.493	(4.010.260)	3.363.614	3.557.051	36.450.379	39.941.034	
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (ròng)	-	-	1.829.638	13.659.104	(1.694.563)	(832.476)	2.738.000	(11.999.500)	3.700.203	
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội, ngoại bảng	7.320.651	17.187.322	(40.865.578)	32.426.597	(5.704.823)	2.531.138	6.295.051	24.450.879	43.641.237	

(*) không bao gồm dự phòng rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

46. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)

46.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

46.2.2 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ những biến động về tỷ giá (rủi ro ngoại hối).

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam (“VND”). Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng là VND. Cấu trúc tài sản – nợ phải trả của Ngân hàng bao gồm các loại ngoại tệ khác nhau như USD, EUR, JPY,... là nguyên nhân dẫn đến Rủi ro ngoại hối.

Ngân hàng duy trì chính sách quản lý rủi ro ngoại hối đảm bảo các nguyên tắc sau:

- ▶ Tuân thủ các quy định của NHNN và Ngân hàng về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với quản lý rủi ro ngoại hối;
- ▶ Định kỳ hàng ngày thực hiện đo lường; giám sát và kiểm soát chặt chẽ đối với rủi ro ngoại hối trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các hạn mức đã được thiết lập (phù hợp quy định của NHNN) về trạng thái ngoại tệ; lãi/lỗ tiềm ẩn; mức độ tập trung theo loại tiền tệ dựa trên kết quả kiểm tra sức chịu đựng trong kịch bản hoạt động bình thường và kịch bản có diễn biến bất lợi.

	<i>EUR quy đổi triệu đồng</i>	<i>USD quy đổi triệu đồng</i>	<i>Ngoại tệ khác quy đổi triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	13.144	275.433	40.082	328.659
Tiền gửi tại NHNN	1.130	827.517	-	828.647
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	69.278	1.193.107	216.817	1.479.202
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	61.105	319.649	-	380.754
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	10.239	9.107.456	805	9.118.500
Tài sản Có khác (*)	164	152.066	4.791	157.021
Tổng tài sản	155.060	11.875.228	262.495	12.292.783
Nợ phải trả				
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	8.599	-	8.599
Tiền gửi và vay các TCTD khác	26.587	10.390.566	34.093	10.451.246
Tiền gửi của khách hàng	106.992	6.191.385	129.161	6.427.538
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	673.141	673.141
Các khoản nợ khác (*)	10.554	535.437	66.068	612.059
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	144.133	17.125.987	902.463	18.172.583
Trạng thái tiền tệ nội bảng	10.927	(5.250.759)	(639.968)	(5.879.800)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	532	1.604.318	704.381	2.309.231
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	11.459	(3.646.441)	64.413	(3.570.569)

(*) không bao gồm dự phòng rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

46. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)

46.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do Ngân hàng không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Ngân hàng đã duy trì một chính sách QLRR thanh khoản đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Tuân thủ các quy định của NHNN và Ngân hàng về hệ thống kiểm soát nội bộ trong công tác quản lý rủi ro thanh khoản. Nổi bật với cơ cấu tổ chức 3 tuyến phòng thủ; trong đó tuyến 1 được song hành quản lý bởi 02 chức năng: Quản lý bảng cân đối (BSM) và Quản lý thanh khoản hàng ngày (ALM);
- Luôn duy trì danh mục tài sản có tính thanh khoản cao, quản lý theo giá trị thị trường và khả năng chuyển đổi thành tiền để đảm bảo nhu cầu thanh khoản trong điều kiện hoạt động bình thường và thị trường có khó khăn về thanh khoản;
- Quản lý, theo dõi thanh khoản trong ngày; xác định các nguồn vốn và khả năng huy động nguồn vốn này nhằm đáp ứng nhu cầu chi trả trong ngày; dự báo các tình huống làm thay đổi bất thường thanh khoản trong ngày và triển khai các biện pháp xử lý kịp thời, hiệu quả;
- Luôn chú trọng việc đa dạng hóa nguồn thanh khoản, đảm bảo khả năng tiếp cận thị trường hiệu quả và hiểu rõ mối tương quan của rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và các rủi ro trọng yếu khác tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng;
- Thiết lập các hạn mức quản lý rủi ro thanh khoản phù hợp với quy định của NHNN và ban hành kế hoạch dự phòng thanh khoản (CFP) dựa trên kết quả kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản trong kịch bản hoạt động bình thường và kịch bản có diễn biến bất lợi;
- Sử dụng giá vốn nội bộ và cấu phần định giá thanh khoản (Liquidity Premium) trong cơ chế định giá vốn nội bộ (FTP) một cách linh hoạt để điều tiết thanh khoản và cơ cấu kỳ hạn từng thời kỳ.

Nguyên tắc thực hiện phân loại và đo lường trạng thái rủi ro thanh khoản thông qua Bảng thời gian đáo hạn của các khoản mục Tài sản, Nợ phải trả được ghi nhận trên Báo cáo tình hình tài chính như sau:

- Thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến các ngày thanh toán/ngày đáo hạn từng phần theo quy định trong hợp đồng;
- Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích khoảng thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả:
 - ✓ Tiền gửi tại NHNN bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc được coi là loại tài sản có khả năng thanh toán ngay trong vòng 1 tháng;
 - ✓ Thời gian đến hạn của chứng khoán được tính dựa trên mục đích đầu tư:
 - Đối với chứng khoán kinh doanh; chứng khoán sẵn sàng để bán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán trong nước: được coi là loại chứng khoán có tính thanh khoản cao và có thể thanh toán ngay trong vòng 1 tháng;
 - Đối với các loại chứng khoán còn lại được phân bổ dựa vào ngày đáo hạn theo hợp đồng của từng loại chứng khoán;
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư tài sản cố định, góp vốn mua cổ phần được phân bổ vào kỳ hạn do tính chất sử dụng và/hoặc ổn định lâu dài của các tài sản này;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

46. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)

46.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay/đi vay các TCTD và các khoản tiền gửi/cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày thanh toán/ngày đáo hạn/ngày đáo hạn từng phần của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn. Trong thực tế, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn của khách hàng có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản cho vay khách hàng từ mua nợ được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng vay theo quy định;
- ▶ Thời gian đến hạn của các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ và phái sinh được xác định theo ngày thanh toán/ngày đến hạn theo hợp đồng của giao dịch trên cơ sở bù trừ giữa dòng tiền vào và dòng tiền ra;
- ▶ Thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả khác được xếp loại căn cứ vào đặc điểm nghiệp vụ và/hoặc ngày thanh toán dự kiến;
- ▶ Với các tài sản, nợ phải trả không xác định được ngày thanh toán/ngày đến hạn dự kiến, ngân hàng thực hiện xác định thời gian đến hạn theo nguyên tắc thận trọng. Theo đó thời gian đến hạn được phân bổ ở kỳ hạn dài hợp lý (tối thiểu trên 1 năm) đối với dòng tiền vào và kỳ hạn ngắn hợp lý (tối đa dưới 3 tháng) đối với dòng tiền ra.

Phân loại tài sản và công nợ theo thời hạn gốc quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành như sau:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

B05/TCTD-HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

46. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)

46.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn		Trong hạn				Tổng cộng	
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng		Từ 3 đến 12 tháng		Từ 1 đến 5 năm
				Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng			
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	1.203.088	-	-	-	1.203.088	
Tiền gửi tại NHNN	-	-	5.494.784	-	-	-	5.494.784	
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	50.431.021	7.941.310	2.356.247	207.572	60.936.150	
Cho vay khách hàng và mua nợ(*)	4.721.242	2.153.535	9.937.247	23.606.160	45.939.510	57.206.737	176.493.451	
Chứng khoán đầu tư (*)	28.385	376.000	-	5.106.605	16.699.010	6.797.460	65.604.781	
Góp vốn đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	17.049	
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	432.744	
Tài sản Có khác (*)	40.055	1.434	349.113	2.575.200	1.361.501	1.555.856	432.744	
Tổng tài sản	4.789.682	2.530.969	67.415.253	39.229.275	66.356.268	65.767.625	323.271.566	
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	8.203.547	-	999.972	-	9.203.519	
Tiền gửi của và vay các TCTD khác	-	-	80.413.003	7.801.468	2.648.550	1.326.444	92.189.465	
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	20.827	94.123	532.793	82.385	730.128	
Tiền gửi của khách hàng	-	-	60.105.504	25.680.904	64.162.145	4.663.776	154.612.451	
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	91.096	-	3.950.000	17.169.500	21.210.596	
Các khoản nợ khác (*)	-	-	2.150.982	867.310	1.617.342	746.648	5.384.373	
Tổng nợ phải trả	-	-	150.984.959	34.443.805	73.910.802	23.988.753	283.330.532	
Mức chênh thanh khoản ròng	4.789.682	2.530.969	(83.569.706)	4.785.470	(7.554.534)	41.778.872	39.941.034	

(*) không bao gồm dự phòng rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

47. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày sau đây trên báo cáo tài chính hợp nhất chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản tiền gửi tại các TCTD khác, các khoản cho vay khách hàng và các TCTD khác, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất thành một trong các loại sau:

► **Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ**

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ.

► **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

► **Các khoản cho vay và phải thu**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường ngoại trừ:

- Các khoản mà Ngân hàng có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì để kinh doanh và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Ngân hàng xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ;
- Các khoản được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

47. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

► ***Tài sản sẵn sàng để bán***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác, phát hành giấy tờ có giá và các khoản phải trả tài chính khác và các khoản phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

► ***Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi lỗ***

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ.

► ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ***

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi lỗ sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Ngân hàng xác định giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất nếu và chỉ nếu, Ngân hàng có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

47. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Giá trị ghi sổ					Giá trị hợp lý triệu đồng
	Ghi nhận giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ triệu đồng	Giữ đến ngày đáo hạn triệu đồng	Cho vay và phải thu triệu đồng	Sẵn sàng để bán triệu đồng	Tài sản và nợ khác ghi nhận theo giá trị phân bổ triệu đồng	
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	1.203.088	-	-	-	-	1.203.088
Tiền gửi tại NHNN	-	-	5.494.784	-	-	5.494.784
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	60.936.150	-	-	60.936.150
Cho vay khách hàng	-	-	176.493.451	-	-	176.493.451
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	65.604.781	-	65.604.781
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	17.049	-	17.049
Tài sản tài chính khác	-	-	12.167.819	-	-	12.167.819
	1.203.088	-	255.092.204	65.621.830	-	321.917.122
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	9.203.519	9.203.519
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	92.189.465	92.189.465
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	154.612.451	154.612.451
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	730.128	-	-	-	-	730.128
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	21.210.596	21.210.596
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	3.866.709	3.866.709
	730.128	-	-	-	281.082.740	281.812.868

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không thể xác định được do các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

48. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Ngân hàng và công ty con và kết quả hoạt động của Ngân hàng và công ty con cần phải thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

49. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀ VÀNG SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
USD	25.400	24.228
EUR	26.578	26.930
GBP	32.534	30.940
CHF	28.305	28.833
JPY	161	172
SGD	18.747	18.399
CAD	17.950	18.380
AUD	15.876	16.630

Người lập:



Bà Nguyễn Bảo Ngọc
Giám đốc Báo cáo tài chính

Người kiểm soát:



Bà Đỗ Thị Tuyết Nhung
Người phụ trách Kế toán

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025